

SƠN TÙNG

Búp sen xanh

TỦ SÁCH VÀNG

TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI

Mục lục

Đôi Nét Về Tác Giả
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 1
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 2
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 3
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 4
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 5
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 6
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 7
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 8
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 9
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 10
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 11
Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 12
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 1
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 2
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 3
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 4
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 5
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 6
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 7
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 8
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 9
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 10
Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 11
Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 1
Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 2
Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 3
Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 4
Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 5
Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 6
Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 7

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Đôi Nét Về Tác Giả

Nhà văn, nhà cách mạng Sơn Tùng: "Năm 1941, ở tuổi 16, tràn đầy nhiệt huyết, Sơn Tùng đeo ba lô hoà vào dòng chảy của cơn lốc cách mạng. Ban đầu ông hoạt động trong phong trào thanh niên, sinh viên thủ đô. Sau khi Hà Nội giải phóng, Sơn Tùng vào học tại trường Đại học nhân dân và sau đó trở thành cán bộ tuyên truyền của Đảng. Năm 1961 ông về viết cho báo Nông nghiệp và từ cuối năm 1962 là phóng viên của báo Tiền phong. Năm 1967 ông được điều vào Nam thành lập và phụ trách tờ Thanh niên giải phóng. Năm 1971 ông bị thương nặng và rời chiến trường miền Nam mang trên mình 14 vết thương, 3 mảnh đạn còn găm trong sọ não. Nửa người bên phải hầu như bị liệt, thần kinh chéo bị tổn thương nặng, mắt bên phải bị mờ. Ông được đưa sang Trung Quốc chữa bệnh và được vào viện điều dưỡng 3 năm liền. Sau đó ông xin về nhà và … luyện khí công. Với nghị lực phi thường, ông khổ luyện từ 2h sáng tới 8h tối, sức khoẻ ông dần dần bình phục. Trí nhớ cũng hồi phục dần. Khi tay phải duỗi ra được, chân tập tễnh bước thấp bước cao, Sơn Tùng đã lao vào công việc. Điều đầu tiên mà ông làm là truy tìm cho được tác giả của lá Quốc kỳ mà trong những năm tháng ở chiến trường miền Nam ông đã dày công tìm kiếm. Hàng chục chuyến đi, hàng ngàn giờ lao tâm khổ tứ, cuối cùng ông đã tìm ra được cho chúng ta tác giả Quốc kỳ: Nguyễn Hữu Tiến".

“ Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhị vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hoi tanh mùi bùn”.

Loài hoa sen tinh khiết ví như tâm hồn Bác vậy luôn giản dị đến vô cùng “ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ” quả đúng là như vậy Bác sinh ra trong thời loạn lạc nước mất nhà tan nhưng Bác không chịu đứng nhìn thực dân Pháp đày đoạ dân ta làm càn ở trên nước Nam này được và rồi Bác đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước tìm lối thoát mới cho dân tộc. Và có lẽ một băn khoan lớn nhất của độc giả là sự xuất hiện hình tượng người con gái Sài Gòn có tên là Út Huệ ở gần cuối sách. Với những tình tiết hấp dẫn như vậy sao chúng ta không một lần thử đọc và cảm nhận tác phẩm này.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 1

Cơn dông mùa hạ dấy lên ở phía nam. Mây đen từng khối ùn ùn như nấm từ dưới chân trời đùn lên. Thoáng chốc, các ngọn núi của dãy Dăng Màn (1), Thiên Nhẫn … đã ngập chìm vào mây đen đục. Mảng nắng hẹp dần. Cảnh sắc hai bờ sông Lam đã ngả màu sẫm. Những bóng mây trôi qua các cánh đồng chiêm đang mùa thu hoạch, loang lổ, mảng sáng, mảng tối, ô xanh, ô vàng, nhìn về xa xa như một tấm da báo trải rộng hút tầm mắt.

Từ trong khối mây đen dày đặc, thỉnh thoảng quắc lên một roi chớp xanh lè, ngoằn ngoèo rạch sáng vào da trời chì. Tiếp sau roi chớp là tiếng trời gầm …

Bên gốc cây đa đầu làng Chùa (2) có mấy con bò đứng ngủ, mồm nhai uể oải, những cục bọt trắng xốp đọng hai bên mép. Những con ruồi bò bay nhớn nhác tránh né mỗi lần con bò quất mạnh cái đuôi vào hai bên hông. Một tốp người đi làm đồng về ngồi nghỉ chân bên gốc đa đang gạ ông Xẩm hát cho nghe một bài mới. Ông Xẩm ngước đôi mắt mù lòa về phía có tiếng sấm xa xa, hai cánh mũi phập phồng đón nhận mùi hoa sen từ đầm làng đưa tới. Ông nhíu đôi lông mày đen, hỏi những người đang ngồi bên cạnh:

– Trời sôi bụng hay … hay là tiếng súng của cụ Đình (3) ở trên rừng lại kéo về nữa đó, bà con?

Qua nhiều giọng cười giòn, ông Xẩm gật gật đầu nghe, vẻ đắc ý với câu nói đáp lại lời ông hỏi:

– Tiếng sấm của cơn dông chiều đó ông ạ. Trời dạo này loạn dông chứ có cơn mưa nào đâu! Còn cái công việc "bình Tây" của các quan Nghè, quan Cử thì … vận nước Nam mình hỏng mất rồi! Vua Hàm Nghi đã bại trận, Tây dương (4) đày vua đi biệt xứ. Ôi! Có còn chi nữa mà mong với đợi, hở ông?

Một cụ già, tay vót hom giỏ, từ nãy vẫn ngồi im lặng nghe mọi người trò chuyện. Bỗng cụ cắm lưỡi mác xuống đất, tựa hai bàn tay lên cán, mắt chớp chớp, nói:

– Răng lại nhủ là " có còn chi nữa mà mong với đợi"? Nước có lúc suy lúc thịnh, nhưng có khi mô hết được những bậc hiền tài lo việc giữ nước, việc cứu nước. Cây cổ thụ ni bị gãy thì rồi sẽ có cây khác mọc lên. Rừng không bao giờ hết cây, dân không khi mô hết người tài cao chí lớn mô.

Mọi người nhìn cụ già vẻ hợp lý. Ông Xẩm đưa ống tay áo lên lau hai hố mắt. Ông vẫn mấp máy cánh mũi về phía ngọn gió:

– Dịp ni sen nở nhiều. Ngồi ở chỗ mô cũng được ngửi hương sen.

– Ông ơi – một cô bé gái gọi – cháu biếu ông mấy cái gương sen luộc, ông ăn cho mát ruột ạ.

Ông Xẩm cầm trong tay những cái gương sen đã luộc chín nhũn như tấm mền ong, giọng cảm động, hỏi:

– Cháu là con nhà ai mà thảo ăn rứa?

Cô bé chỉ mỉm cười. Mấy người ngồi cạnh ông già mù nói to:

– Con gái anh nho Sắc đó, ông ạ.

Ông Xầm nở nụ cười trên cung môi héo hắt, nói:

– Ngỡ đứa mô chứ cháu Thanh, con gái đầu lòng của anh chị nho Sắc, cháu ngoại thầy tú Hoàng (5) thì … thì tôi mô có lạ lẫm chi! Để rồi tôi hát cho bà con ở đây và cháu Thanh cùng nghe nhớ.

Bé Thanh lại đưa ông Xẩm cái bầu nước:

– Ông uống ngụm nước mát rồi hẵng hát, ông ạ.

– Cảm ơn lòng thảo của cháu. Ông không khát. Chứ cháu đem nước ra đồng cho ai rứa?

– Dạ … cho mệ cháu ạ.

– Ờ. Vậy ra mệ cháu vẫn chưa ở cữ, còn đi làm đồng xa được. Chứ … cháu thích được bồng em gái hay bồng em trai, nói cho ông biết để ông hát mừng cháu nào?

– Cháu thích mệ cháu sinh em trai nữa ạ.

Ông già mù gật đầu, mỉm cười, tay lần mò lên dây đàn. Mọi người ngồi quanh gốc đa đã xúm xít bên ông Xẩm. Mấy con bò vẫn lim dim mắt ngủ, bọt mép tụ tan, tan tụ. Tiếng đàn bầu réo rắt bay lên theo lời ca của ông Xẩm:

Trời có thấu chăng trời!

Nước Nam cơ khổ nhiều đời đắng cay

Vì chưng Tây thổ sang đây,

Nó vào Gia Định, ở rày Đồng Nai.

Dần dà ra Lục tỉnh, Đàng ngoài,

Các quan tâu đánh, vua ngài không cho.

Bởi vì vua Tự Đức không biết đường lo,

Nó vào nó chiếm mất cả thành đô kinh kỳ …

Bé Thanh chưa hiểu thấu ý nghĩa lời ca, nhưng hai mắt của bé lim dim, bé lắng nghe tiếng đàn ông Xẩm. Những người ngồi cạnh bé Thanh, mặt luôn luôn biến đổi theo từng lời ca của ông Xẩm.

Trời ơi có thấu lúc này,

Khắp nơi khổ cực rạc rài tấm thân.

Một nước làm năm bảy nước ăn,

Để cho quan Tây bắt phu, bắt thuế trong dân nặng nề.

Các quan ta tức giận nhiều bề,

Lập binh tiến đánh Tây thì cho tan

Để mà khôi phục nước Nam …

Đang lúc mọi người đắm vào tiếng đàn não ruột, lời ca xé lòng của ông Xẩm thì một bà tựa tay trên lưng bò, chỉ tay về phía đầm sen, gọi:

– Cháu Thanh ơi! Mệ cháu … Mệ cháu … có chuyện chi … người ta đang dìu mệ cháu về nhà kia kìa!

Bé Thanh với cái tuổi lên bảy, dáng mảng khảnh, rời khỏi gốc đa, tay cầm cái bầu nước, chạy hối hả về những người đang dìu mẹ mình. Chạy đến với mẹ nhưng trong đầu bé Thanh vẫn còn vọng theo những lời ca của ông Xẩm:

"… Lập binh tiến đánh Tây thì cho tan … Để mà khôi phục nước Nam … kẻo dân tình cơ khổ gian nan nhiều bề …"

Dưới bóng tre đầu làng, bà đồ (vợ ông đồ Hoàng Xuân Đường, bà ngoại của bé Thanh) cùng mấy người đứng tuổi cũng đang chạy ra phía đầm sen. Gió đồng lùa những dải lưng, dải yếm của họ bay phấp phới về phía sau …

Về tới đầu sân, cơn đau chuyển sinh lại thốn thoáy, mệt quá chị nho Sắc phải ngồi thụp xuống bên gốc cây thị. Chim chiều về tổ đang ríu rít trên ngọn cây. Bà đồ chốc chốc lại mắng yêu con gái:

– Tham công tiếc việc cho lắm … Đã biểu ở nhà, gần kỳ sinh nở rồi … đừng có đi mần đồng xa nữa …

Bà giục cô An, em gái của chị nho Sắc:

– An, con vô quạt than lên … Mau …

Bà lại giục bé Thanh:

– … Cháu đi sang bên nhà với ông. Giữ cả em Khiêm ở bên đó. Tối ni tụi bay ăn cơm, ngủ ở bên nhà bà cả nhớ.

Bé Thanh bước qua dãy chè mạn hảo ngăn đôi sân nhà mình với sân của ông bà ngoại. Thanh vừa nghe tiềng mẹ rên, vừa nghe rõ tiếng ông ngoại ho khúc khắc và tiếng của bố thay ông ngoại đang giảng bài cho học trò:

“ … Các trò hãy lắng nghe giảng rồi hãy chép bài sau … Khổng Tử viết: Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. Nghĩa là: Từ ông vua cho đến kẻ thường dân, ai nấy đều phải lấy việc sửa mình làm gốc …”

Từ bên hè nhà chị nho Sắc, tiếng cô An nói khỏa lấp cả tiếng khóc chào đời của đứa trẻ khiến anh nho Sắc ngừng giảng bài trong giây lát.

– Ồ ồ … chị nho lại sinh con trai … sinh con trai nữa rồi. Mặt mày sáng láng, khôi ngô lắm.

Bà đồ quát: “ Cái con bé, có im cái miệng quở độc cháu đi không!” Bà giục rối rít: “ Đưa cái thanh nứa … mau lên … cắt rốn cho cháu. Rồi. Xong rồi … Đưa cái quần cũ của cha mi đây …trên dây phơi ấy. Tao giặt kỹ rồi. Ủ cháu vô quần ông cho có khước … có hơi ấm ông, nó sẽ được sáng dạ, học giỏi hơn ông, hơn cha cho mà coi …”

Bà còn dặn chị nho Sắc: “ Con nhớ là hằng ngày phải chăm lau sạch đĩa đèn rồi hãy đổ dầu thắp. Các cụ thường dạy: Sinh con dạ sáng làu làu, nhớ mẹ ngày trước chăm lau đĩa đèn”.

Tiếng rên của chị nho im bặt. Tiếng khóc oa oa của đứa bé vẫn chưa dứt hẳn. Và cái ngôn ngữ đầu tiên của đứa bé đã hòa âm trong tiếng gà gọi con lên ổ, tiếng bò gọi bê vào chuồng, tiếng chim kêu ríu rít trên mái nhà, tiếng lá reo, tiếng đồng xa vọng về …

Hương sen từ ngoài đầm bay theo gió pha lẫn mùi bồ kết cháy từ nồi than trong buồng chị nho Sắc tỏa ra ngào ngạt.

o0o

Làng Chùa nhòa trong khói sương lam. Đám học trò của cha con ông đồ đã lũ lượt ra về từ lâu. Chúng đi theo lối cổng lớn, không đi tắt qua sân của chị nho Sắc như mọi ngày. Đầu ngõ nhà chị nho đã treo một cành xương rồng gai (6).

Cái cánh cổng chống làm bằng khung tre kết cành rào, hình chữ nhật, đã được sập xuống, cài chặt. Khu vườn nhà ông đồ cũng như mọi nhà khác ở làng Chùa đều đã trở nên một cõi riêng biệt, kín bưng. Giữa cảnh vắng lạnh này nổi lên tiếng ếch nhái kêu gào trời làm mưa cứ ra rả không mệt mỏi. Vô số đốm sáng lập lòe xanh ảo của bầy đom đóm bay chập chà chập chờn trong tối mênh mông.

Ông đồ ngồi xếp bằng trên phản gụ, tựa khuỷu tay xuống mặt cái gối cốt bông bọc vải điều gấp cao ba thớt. Anh nho Sắc ngồi đối diện với ông nhạc, vẻ thoải mái. Bé Khiêm ngủ say, nằm sát bên đùi ông, chân duỗi dài sang gần chỗ bố ngồi, ngọn đèn dầu lạc đậu trên mép đĩa tỏa sáng khắp gian nhà. Những con thiêu thân sa vào đĩa dầu vẫy đôi cánh mỏng yếu ớt, chới với …Bên cạnh cây đèn, cái đỉnh trầm thư thả nhả ra những sợi khói thơm mảnh như chỉ. Hương sen ngoài đầm đưa vào nhè nhẹ.

Anh nho Sắc cầm cái nậm chuyên rượu vào chén cho bố vợ. Ông đồ uống một hơi cạn ly rượu:

– Mừng cho nhà ta, mừng cho cả họ Nguyễn làng Sen …

Ông đồ đứng lên, dáng cung kính, thắp năm nén hương, vái năm vái trước bàn thờ gia tiên. Ông đứng nghiêm trang trước làn hương khói. Anh nho Sắc cũng đứng chắp tay thành kính ở phía sau ông. Từ phía đầm sen tiếng chim cuốc khắc khoải: Quốc …Quốc!

Hai cha con ông đồ trở lại chỗ ngồi. Ông đồ dằn từng tiếng: “Dạ …thính … tử …quy … thốn … tâm … can…” (đêm nghe chim tử quy nhói tim gan). Anh nho Sắc nhận thấy ở người bố vợ, người thầy học của mình từ ngày lâm bệnh, tâm trạng có nhiều trăn trở, nhiều hoài cảm. Anh muốn đứa con trai thứ của mình được ông đặt tên cho. Anh nói:

– Thưa cha, cha đặt cho cháu đêm nay luôn ạ.

– Tôi đang nghĩ.

Ông đồ gõ gõ ngón tay trên mặt gối, nói tiếp:

– “Sinh con quý tử khó nuôi … trồng cây ngon trái lắm người lăm le…” Con người ta có thể xét đoán được hiệu quả trước của công việc mình sắp làm. Ví như khi ta cầm nắm hạt giống trong tay thì ta đã dám tin chắc sẽ có những mầm cây mọc lên bập bạp, và nhìn các mầm non xanh tốt đoán biết được cây quả của nó sau này. Cho nên, tôi muốn đặt cho cháu tên là Côn (7), tự là Tất Thành.

Anh nho Sắc chớp chớp mắt, môi hé nụ cười:

– Côn … ấy là tích loài cá hóa chim bằng, phải không thưa cha?

– Chính vậy đó. Theo mong ước của tôi thì … thằng bé sẽ có chí vùng vẫy bốn bể, dù gặp truân chuyên chìm nổi, nhưng ắt thành công. Cho nên tự Tất Thành.

Anh nho Sắc nâng cây bút lông thỏ dúng vào nghiên son. Hương trầm, hương sen như tỏa khắp gian nhà và tụ hội vào ngọn bút Nguyễn Sinh Sắc đang nắn nót dòng chữ Nguyễn Sinh Côn, tự Tất Thành.

o0o

Gió Lào thổi từng cơn dài. Bầu trời, mặt đất bốc mùi nóng khét như sắp sửa bùng cháy. Những cánh đồng khô nẻ hoang hoác, thưa thớt bóng người. Không một con cò, con vạc đi kiếm ăn trên đồng. Cây cối đói nước đứng rũ rượi. Giữa trời nắng lửa, những con diều hâu sải cánh liệng tìm mồi dưới đất. Quạ khoang, quạ đen bay thành bầy về phía ngàn xanh, nơi đang có tiếng súng của nghĩa quân Phan Đình Phùng.

Trên các ngả đường quan, đường liên hương từng tốp người đi kiếm ăn, đầu đội nón mê. Trên mình chỉ có chiếc khố dây. Thỉnh thoảng có vài ba bà nhà giàu đi chợ, nón thúng quai thao, váy lụa quét gót, chùm xà tích bạc (8) buông dài song song với các dải yếm, dải thắt lưng màu hoa lý, hoa hiên.

Anh nho Sắc tay cầm ô che nắng, tay xách một khăn gói vải tây điều đựng đầy những thang thuốc bắc. Ngọn gió Lào từ phía cửa thành ùa đến thổi tung tà áo dài vải thâm đất trên người anh; gió mạnh, cái ô trên tay anh lảo đảo. Anh sải từng bước dài qua cửa Tả đi về phía cửa Tiền. Anh thấy ở phía trước một lá cờ ba sắc phật phờ trên cao. Dưới chân cột cờ, những người che ô đội nón, lác đác có cả những mũ trắng, lố nhố rất đông. Anh định mang thuốc về sớm, nhưng trước việc lạ này, anh rảo bước lại nơi đó. Trên quãng đường gần tới đám hội, cờ đuôi nheo treo hai bên và cờ lá chuối cắm vòng quanh khán đài rực rỡ.

Anh nho Sắc dừng lại ở ngoài cổng chào tết bằng lá dừa, trang trí hoa cờ, đèn lồng. Trên cổng cao gắn bốn chữ cao cỡ to, xếp lối chữ triện: “Đại Pháp vạn tuế”. Từ bên trong cổng chào, tiếng kèn thổi oang oang chói tai, khác hẳn tiếng đàn đáy, đàn bầu mà anh đã quen thuộc. Một người mặc đồ sang trọng, treo trước ngực một mảnh giấy điều hình đuôi én, chữ vàng: “ Quốc khánh đại Pháp”. Ông ta tiến đến, chìa tay:

– Xin mời huynh vô dự ngày lễ đại khánh của Pháp quốc.

Anh nho Sắc chẳng ưa gì cái trò này của bọn thực dân Pháp và lũ quan lại làm tay sai cho chúng, nhưng anh cần nhìn tận mắt cái việc chúng đang bày ra giữa quê hương mình. Anh vừa bước vào trong cái cổng chào, một con mụ người Pháp mũi diều hâu, mắt mèo, tóc lông bò rừng, váy hoa dài lệt bệt phồng to như cái nơm, áo hở ngực, lồ lộ dây chuyền vàng quấn cổ, hai cổ tay hai vòng ngọc biêng biếc xanh, chân đi giày gót cao nghều, bước vội đưa cho anh một gói vuông bọc giấy đỏ, bên trong có chữ: “ Đại Pháp vạn tuế”. Mụ đầm nói, anh nghe như tiếng chim tiếng vượn. Anh chẳng hiểu gì nhưng bất giác anh cứ cầm lấy gói quà từ tay mụ đầm. Một người thông ngôn đứng tuổi nói với anh:

– Bà lớn phát quà nhân ngày quốc khánh của nước Đại Pháp. Mời anh vô dự lễ và nghe hiểu thị.

Một tay xách khăn gói đầy thuốc bắc. Một tay cầm gói quà của mụ đầm đưa và cái ô ngoắc vào khuỷu cánh tay, anh nho Sắc bước từng bước nặng trĩu. Giữa tháng bảy nhưng là tháng năm âm lịch, nắng xế chiều gay gắt. Cả đám người đứng chen chúc dưới bóng rạp mái bằng. Những người đứng vòng ngoài đều phải dương ô, đội nón. Anh nho Sắc lách vào mé rạp, ngó lên phía khán đài. Một đám quan lại áo thụng, khăn chít ngồi khép nép ở mấy dãy ghế đầu. Một

tên Tây cao lớn mặc đồ nhà binh, hai cầu vai gắn sắc hàm sĩ quan có ngù lua tua phủ xuống. Cả khuôn mặt hắn như nhuộm phẩm điều do nắng hè của cái xứ nhiệt đới này phả cháy. Anh nho Sắc vừa nhìn hắn chằm chằm, vừa lắng nghe tên thông ngôn nói giọng Nam Kỳ: “Cái xứ An Nam này đã chịu ân sâu nghĩa nặng của nước Đại Pháp từ thời chúa Nguyễn ở đàng trong bị giặc áo vải Tây Sơn đánh bật ra tận đảo Côn Lôn … Nước An Nam nầy mà không có sự giúp đỡ của Đại Pháp thời cái họa nội chiến giữa Đàng trong với Đàng ngoài không thể chấm dứt được. Và nếu không sớm có mặt người Pháp thời cái xứ sở hẻo lánh, tối tăm này đã bị người Bồ Đào Nha hoặc người Hà Lan hay người Anh chiếm đóng rồi. Hỡi các ngài tại mắt xứ An Nam! Hãy nhận ra sự có mặt của người Pháp ở đây là một duyên may hiếm có …”.

Càng nghe nhiều những lời khoe khoang sức mạnh, hăm dọa, mạt sát, dụ dỗ … của tên Pháp thực dân, anh nho Sắc càng thấy nhói đau, mặt cứ tối sầm lại. Anh lẳng lặng ra về. Anh lê từng bước nặng nề ra khỏi thành Vinh. Ngay trên lối về huyện lỵ Nam Đàn, một đám người ăn xin còn ngồi trốn nắng dưới bóng cây. Anh mở cái gói quà của ngày Quốc khánh Pháp mà mụ đầm đưa cho anh – toàn là bánh, kẹo được bọc giấy bóng, giấy bạc – đem phát tất cả cho đám người đang đói lả bên lề đường. Anh tự nhủ: Tây dương đã an tọa thế ấy thì quân quan Phan Đình Phùng, quan Tôn Thất Thuyết dù cố sức mấy cũng khó lòng chuyển được vận nước đang suy!

Trên đường từ thành Vinh về làng Chùa, anh nho Sắc đeo đuổi bao nhiêu ý nghĩ ngổn ngang. Anh lo sức khỏe của bố vợ đang ngày một sa sút. Vợ anh sinh lần này bị mất sữa và bị bệnh hậu sản. Anh đã cắt hàng chục thang thuốc cho vợ uống, bệnh có thuyên giảm, nhưng vẫn khôn có sữa cho con bú. Bé Côn vừa phải đi bú nhờ vừa phải ăn cơm bà ngoại mớm cho.

Điều trăn trở lớn nhất trong lòng anh nho Sắc: Biết mất nước mà không lo việc cứu nước là phạm điều bất trung. Nhưng khốn nỗi, gánh gia đình của anh quá nặng. Mới hăm bảy tuổi mà đã ba con. Còn là cậu học trò, chưa có khoa cử gì. Đã nhiều đêm anh và bố vợ ngồi đàm luận việc nước việc nhà cạn mấy đĩa dầu. Anh thường suy nghĩ về những lời bố vợ nói: vợ chồng anh sinh ra giữa thời buổi bọn bạch quỷ đến hà hiếp nhà vua, nhưng nước nam ta chưa mất hẳn cho Tây – lang – sa (9). Đến thời các con của anh ra đời thì: Bé Thanh sinh năm Giáp Thân. Năm đó nhà vua đã ký hòa ước giao cả nước ta cho người Tây – lang – sa cai trị (tức năm 1884 ký hòa ước Pa – tơ – nốt công nhận quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam). Sang năm Ất Dậu, Tây – lang – sa đã cử quan "đầu triều" (10) sang ngự trị bên cạnh nhà vua nước Nam. Rồi quan quân thần Tôn Thất Thuyết phải rước vua Hàm Nghi lánh ra đồn trú ở vùng rừng núi Quảng Trị, Quảng Bình và xuống chiếu Cần Vương. Đến lượt bé Nguyễn Sinh Khiêm ra đời, năm Mậu Tý (1888), vua Hàm Nghi bị sa vào tay giặc! Ôi! Vua đã bị Tây – lang – sa đày đi biệt xứ tận nước người (11). Tây – lang – sa lại đưa Đồng Khánh lên ngôi. Người ta truyền rằng, trước lúc bọn Tây – lang – sa đày vua Hàm Nghi đi, chúng còn dụ dỗ, mua chuộc đủ phương kế, nhưng nhà vua không chịu khuất phục, nhận việc đi đày chứ không cam chịu nhục để trở lại ngai vàng! Chúng nó thay vua thì cũng đổi "quan Tây đầu triều" khác sang nước mình cai trị. Cái tên của nó ngoằn ngoèo khó nhớ, khó gọi … Hình như là Bè hay Buôn bè (12), rồi gì gì ấy nữa kia. Năm nay, bé Côn ra đời, lại một tên "quan Tây đầu triều" khác đến cai quản xứ mình. Thế cuộc xoay vần như vậy đó! Các con anh sinh ra giữa lúc nước ta đã mất hẳn cho bọn bạch quỷ rồi! Đất nước ta đang đắm chìm vào đêm tối. Những anh hùng nghĩa khí dám xả thân cứu sơn hà xã tắc đều bị thất bại! Ôi! Dân Nam ta khác nào đàn gà con đã bị diều hâu cướp mất mẹ!…

Anh nho Sắc mải miết nghĩ suy về những điều tâm sự của bố vợ, người thầy, mà cũng chính là tâm trạng anh trước bối cảnh “quốc loạn, gia bần”. Vì mải nghĩ quên cả đường dài. Lúc về gần đến cây đa đầu làng anh mới nhận ra mình đã đi sắp đến nhà. Nỗi lo về bệnh tình của bố vợ, về cảnh vợ bị ốm, mất sữa lại dấy động trong lòng anh. Và trước mắt anh chập chờn hình ảnh khoa thi Hương (13) sắp đến.

Anh rẽ sang con đường mòn đi tắt về phía đầm sen để bà con ngồi gốc đa hóng mát nghe ông Xẩm đàn hát được tự nhiên.

Bên đầm sen, trước lối vào nhà, anh dừng bước đón nhận làn hương mát. Giữa đất trời khô cháy bao la, đầm sen như mặt gương xanh làm dịu bầu nóng hạ. Những bông sen trắng, sen hồng đua sắc khoe màu với đàn ong đi kén mật. anh chợt nghe trong sân nhà có tiếng bé Nguyễn Sinh Khiêm đang nựng em, nói chệch âm vì chưa thật rõ tiếng: “ Anh cho eng (em) Côông (Côn) cái búp sen nì … Búp sen xanh, đẹp … đẹp lắm em ạ …”

Anh nho Sắc đi thẳng vào nhà lớn, nơi ông nhạc nằm dưỡng bệnh. Chị nho Sắc đã gượng dậy được, đang bế bé Côn ngồi dưới gốc thị, mớm cơm cho con.

———————

Chú thích:

(1) Trên dãy Trường Sơn, đoạn qua địa phận Nghệ Tĩnh.

(2) Tên chữ là làng Hoàng Trà

(3) Ở đây chỉ nghĩa quân của Phan Đình Phùng, cụ Đỗ Đình Nguyên, thường người ta gọi là cụ Đình.

(4) Chỉ thực dân Pháp.

(5) Chỉ ông Hoàng Xuân Đường.

(6) Tục lệ ngày xưa, nhà có người mới sinh thường treo ở đầu ngõ một cành gai to để người lạ không tự tiện vào nhà, sợ đứa bé bị mặc vía dữ.

(7) Theo cụ Nguyễn Sinh Khiêm kể và ghi trong Tất Đạt tự ngôn, trang 81

(8) Một loại dây bằng bạc, con gái nhà giàu dùng để đeo chìa khóa hòm, ống đụng thuốc lào ăn trầu, nhưng thường có ý nghĩa trang điểm là chính.

(9) Chỉ thực dân Pháp.

(10) Khâm sứ Ray-no (Rheinort)

(11) Nước An-giê-ri, một thuộc địa của Pháp lúc đó.

(12) Pôn Be (Paul Bert)

(13) Khoa thi chọn cử nhân

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 2

Ba cha con ông Sắc trở lại kinh đô Huế với những tên gọi mới: quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và hai con là Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành.

Hôm vừa bước chân đến Huế, hai anh em Tất Đạt và Tất Thành theo cha đi viếng mộ mẹ và em Xin. Tất Thành cùng anh trồng lên mộ mẹ, mộ em hai cây đại.

Những ngày đầu vào Huế, chưa tìm được chỗ ở, quan Phó bảng Huy tạm gửi Tất Đạt đến ở nhờ nhà một người bạn, còn ông cùng với Tất Thành ở nhờ trong nhà ông Phạm Khắc Doãn, người xã Đức Trường, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh, làm quan biên tu Quốc sử quán.

Sau gần bốn năm xa kinh đô Huế, nay trở lại, Nguyễn Tất Thành có nhiều ngỡ ngàng: Cầu Thành Thái (Tràng Tiền) hai đầu gục xuống dòng sông, nhịp giữa đã bị cơn bão Giáp Thìn (1904) cuốn đi. Người ở hai bên bờ sông Hương đang còn phải qua lại bằng đò ngang. Thành và anh trai đứng bên bờ Bắc ngẩn ngơ nhìn sang bờ Nam sông Hương: từng dãy, từng dãy nhà mới mọc lên nguy nga, thành một khu vực đồ sộ, được gọi là “khu nhà người Tây”. Cái khu nhà người Tây ở, tòa khâm sứ Trung Kỳ, tòa công sứ tỉnh Thừa Thiên… nổi bật lên vẻ kiêu ngạo, thách thức trước cảnh trí thơ mộng của Huế. Còn bên này sông Hương thì vẫn y nguyên một kinh thành cổ kính rêu phong…

Đi cùng với anh trai trên dọc đường thành, Nguyễn Tất Thành đang suy nghĩ về những tòa nhà hành chính của người Pháp đè lên cưng thành vua nhà Nguyễn thì lại gặp người hát dạo. Tiếng đàn, giọng ca lại gợi anh nhớ tới ông Xẩm ở quê nhà. Và, bên tai anh cứ văng vẳng lời ca mà anh thuộc từ mười năm trước:

Nước Nam ta sao lại có Tây..

Trên dọc đường anh gặp người Tây nhiều gấp bao nhiêu lần so với trước…Có cả những tên Tây say vừa đi vừa gây sự với các cô bán hàng trên hè phố. Dòng sông Hương cũng đổi khác: Thuyền buôn tấp nập hơn, mà đò kỹ nữ (60) đón khách làng chơi đông cũng chẳng kém thuyền chài, thuyền buôn…

Tất Thành cảm thấy ở đất "thần kinh" này đang có một sự chuyển động âm ỉ ở bên trong, anh muốn nói ra cái điều mình đang nghĩ với anh Tất Đạt, nhưng lại sợ tính anh trầm lặng và không thích bàn bạc những việc thời thế.

Quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy nhận chức thừa biện Bộ Lễ. Tại đây, ông gặp lại quan Phó bảng Phan Chu Trinh, người bạn cùng thi Hội khoa Tân Sửu (1901). Phan Chu Trinh đã đăng tờ biểu (đơn) xin cáo từ chức thừa biện Bộ Lễ. Ông đã công khai lên án bộ máy quan lại thối nát, cam tâm làm tay sai cho người khác. Ông diễn thuyết ngay trong trường Quốc tử giám và trước những thí sinh từ các miền trong nước mới về kinh đô Huế dự thi Hội khoa Giáp Thìn (1904). Ông kêu gọi những người tai mắt phải ngẩng cao đầu, đi tiên phong trong công cuộc xây dựng dân quyền, nâng cao dân trí, dân sinh… Tiếng nói của ông cùng với Lưu cầu huyết lệ tâm thư (lá thư viết bằng máu và nước mắt) của Phan Bội Châu đang gây chấn động cả kinh thành và lan rộng về các miền xa của đất nước. Nghe danh tiếng của hai nhà chí sĩ họ Phan, nhiều bậc danh nho, khoa

bảng ở các nơi về Huế tiếp kiến. Từ Phan Thiết, đất cực Nam Trưng Bộ, ông Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội ra Huế gặp Phan Chu Trinh. Phan Bội Châu đã rời Huế vì ông không đồng quan điểm với Phan Chu Trinh. Quan nghè Trần Quý Cáp, quan nghè Huỳnh Thúc Kháng, quan đốc Đặng Nguyên Cẩn, quan nghè Ngô Đức Kế… đều cùng quan điểm với quan Phó bảng Phan Chu Trinh. Cho nên quan đốc Cẩn, quan nghè Kế đã lập ra Triêu Dương Thư Quán ở Vinh. Ông Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội (con trai đầu của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông), hai nhà hằng tâm hằng sản tham gia tổ chức Hội Duy Tân, đã cùng các ông Nguyễn Quý Anh, Trần Lệ Chất, Nguyễn Hiệt Chi, Ngô Văn Nhượng lập ra công ty Liên Thành thương quán và trường Dục Thanh tại Phan Thiết.

Quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy tham dự nhiều buổi bình văn. Ông đã để lại trong tâm trí giới sĩ phu yêu nước một câu nói nổi tiếng: Quan trường thị nô trung chi nô lệ hựu nô lệ (61). Ông Lê Văn Miến, một giáo sư nổi tiếng của trường Quốc học, qua những buổi bình văn đã bắt gặp được tiếng nói tri âm ấy và đã kết bạn đồng tâm với quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy…

Từ ngày đầu đến ở nhờ, Tất Thành đã được vị quan biên tu Quốc sử quán họ Phạm chú ý.

“Lưỡng mục minh tinh” (62) Nhìn đôi con mắt của Tất Thành ông nhớ lại dịp Thành qua Hà Tĩnh chơi, nhiều người truyền đi những lời đồn về sự sáng dạ, sự tinh anh và khẩu khí như gấm hoa của anh, lúc ấy ông chưa tin lắm. Bây giờ nhìn kỹ đôi con mắt của Tất Thành, ông nói: Mắt là kho báu của con người ta. Cho nên, dân gian mới nói: “Giàu hai con mắt”.

– Nghĩa là được nhiều tiền nhiều của là do ở hai con mắt, hả cha? – Phạm Gia Cần, con trai ông Phạm Khắc Doãn, hỏi.

Ông Phạm Khắc Doãn nhìn con cười:

– Con trai cửa cha chỉ hiểu được cái nghĩa hẹp của câu tục ngữ luận về đôi mắt của con người. Cái chữ "giàu" của đôi con mắt nghĩa của nó rộng lắm con ạ. Càng giải thích, nghĩa của nó càng lớn ra. Tùy ở mức hiểu biết của mỗi người đến đâu thì sẽ nhận ra được ý nghĩa của nó tới đó. Với lứa tuổi của con, chưa từng trải việc đời, cha chỉ có thể nói cho con hay cái nghĩa chữ "giàu" của đôi con mắt là giàu về tài năng, giàu về vốn hiểu biết ở đời, giàu về đức độ. Và – ông nhấn giọng – người thiện nhiều hay ác nhiều cũng đều lộ ra ở hai con mắt…

Nghe cha giảng giải, cậu ấm Cần bắt đầu quan sát kỹ cậu ấm Thành… Rồi qua những ngày chung sống trong nhà, Cần càng nhận ra dần dần ở Thành giàu những đức tính tốt đẹp và sự thông minh sáng láng khác thường.

Bữa cơm "khách" đầu tiên, ăn xong Thành tự đi lấy tăm đặt lên miệng ly trà cho từng người. Thành thu dọn bát đĩa và đi rửa. Cần cảm động, ngăn lại:

– Thành đừng mó tay vô công việc ni. Đến bàn uống nước, để mình làm cho.

– Việc ni để em làm phải hơn. Ngoài hai ông bố ra chỉ có anh và em thôi. Em ít tuổi hơn anh, em nhận việc rửa bát, anh làm việc khác.

Quan biện tu Quốc sử quán Phạm Khắc Doãn nhìn cậu ấm Thành dọn bát đũa, gật đầu, nói:

– Cần hãy xem, em Thành nó sắp bát ý tứ chưa kìa? Cách sắp xếp ấy thì dù có chồng cao lên mấy cũng khó đổ. Lần trước con đánh vỡ cả chồng bát cũng chỉ vì xếp trên to dưới nhỏ…

Đến ở ngày hôm trước, hôm sau Thành đã đi chợ đong gạo, mua thức ăn. Thành biết rành từng loại gạo cơm ở chợ Đông Ba như gạo lốc dâu, gạo chăm, gạo ré, gạo hẻo… Anh nói với Cần:

– Những thứ gạo này vừa dẻo, vừa thơm và ngọt mà lại hợp túi tiền của anh em mình. Ở Huế có rất nhiều thức ăn tươi ngon. Chịu mất công một tí và chịu để ý học cách làm món ăn của các bà, các chị thì sẽ được ăn ngon miệng mà lại không tốn tiền lắm. Đặc biệt có món cá bống kho khô, rắc tiêu, ăn với canh rau tập tàng ngon tuyệt, anh ạ.

Phạm Gia Cần ngạc nhiên, hỏi:

– Thành vừa vô tới đây sao đã thuộc đường, quen chợ và lại thạo mọi việc nội trợ hơn cả những cô gái con nhà tần tảo vậy?

– Mười năm trước đây, em đã từng ở với cha mẹ em trong thành nội, xung quanh khu vực hoàng thành và vùng ngoại vi Huế em quen thuộc cả. Còn việc thạo chợ búa, nấu nướng là do mệ em và chị Thanh của em bày vẽ cho. Có lúc em đã phải lo liệu mọi việc trong nhà vì cha đi vắng, mệ ốm nặng. Vả lại, biết làm việc gì là có ích cho mình, anh Cần ạ.

Phạm Gia Cần vẻ mặt trầm ngâm, nói thủ thỉ:

– Từ hôm Thành đến ở chung, cha mình luôn luôn tấm tắc: “Có con mắt; có bàn tay cậu ấm Thành, nên nhà sân, vườn đã phong quang ra, đồ đạc được gọn gàng ngăn nắp đâu vô đó…”. – Cần hạ

giọng, chân thành: – Ở gần Thành, mình học hỏi được nhiều thứ, nhất là cách đọc sách.

Thành nói luôn:

– Cha em và thầy Vương Thúc Quý dạy em cách đó. – Hai mắt nhìn vào xa xăm, Thành hồi tưởng: – Còn nếp sống trong nhà là bà ngoại em rèn cặp cho từ lúc ba chị em còn nhỏ, quấn quýt bên chân bà.

o0o

Xong tuần tang bố vợ, anh nho Sắc gầy rộc như qua một trận ốm. Chị nho Sắc và cô An thì phải bắt tay ngay vào công việc: ngày đi làm đồng, tối dệt vải quá nửa đêm mới đi ngủ. Số tiền tốn kém vào việc ma chay tuy được những học trò, bạn hữu phúng điếu nhiều, nhưng chẳng thấm tháp, cho nên mẹ con bà đồ phải lấy công dệt vải để trang trải. Phần thì kỳ thi Hương cũng không còn xa nữa, cả nhà bà đồ đều lo lắng, mong đợi nhiều ở anh nho Sắc trong kỳ thi này.

Từ ngày ông đồ mất, vợ chồng anh nho Sắc về ăn chung với bà đồ. Ngôi nhà tranh ba gian của ông bà đồ dựng lên cho vợ chồng nho Sắc ra ở riêng nay tạm cho những chị em làng Chùa mượn làm nơi nhóm phường kéo sợi. Những đêm trăng, từ mái nhà này những điệu ví dặm được cất lên cùng với tiếng xa quay…

Một hôm, có mấy người bà con bên họ ngoại của bà đồ đến dự lễ đốt vàng mã cho ông đồ nhân tết “xá tội vong nhân” rằm tháng bảy. Khách ở lại nghỉ đêm. Bà đồ ngồi ở giữa giường. Ba chị em bé Thanh, Khiêm, Côn ngồi vây quanh bà nghe bà kể chuyện với khách. Trăng rằm sáng như ban ngày. Những khóm cúc ngoài cửa

sổ ngả bóng vào trang sách của anh nho Sắc đang học. Chị nho Sắc thì ngồi dệt trên khung cửi ở gian nhà đầu hồi phía Tây. Cô An đi quay sợi với phường vải bên nhà chị nho Sắc.

Mấy người khách cứ tấm tắc khen:

– Bác có được người con rể như anh nho Sắc thật là quý hóa.

Bà đồ đã từ lâu được ấm lòng về điều ấy. Cho nên bà nhắc lại chuyện cũ với một giọng hối hận:

– Vợ chồng nhà nho đã có ba mặt con. Ấy vậy mà cái bụng của tôi vẫn chưa hết áy náy về cái tích tôi không muốn gả con Loan cho nho Sắc.

Bà mời khách ăn trầu. Bé Thanh và bé Côn tranh nhau được giã trầu giúp bà. Bé Khiêm thì ngồi lì xì, nghịch trò xếp những thứ trong cơi trầu thành ô, thành hình khối… Bà đồ vẫn cái giọng đều đều:

-Ngay lúc ông nhà tôi đón nho Sắc về nhà này, quần áo lấm lem bùn đất, tóc đỏ hoe như râu ngô khô, mặt mũi đen nhẻm, chỉ có hai con mắt sáng tinh anh, cặp lông mày dài mượt lộ rõ một đứa trẻ có tướng mạo. Tôi thương nó như con đẻ từ bữa ấy kia. Hơn mười năm nho Sắc ăn học trong nhà ni, tôi không hề chê nổi một tí chi về đường ăn nết ở cả. Nhưng khi ông nhà tôi đưa ra cái việc gả con Loan cho nho Sắc là tôi không thuận bụng. Tôi đâu có tính chi cái chuyện “môn đăng hộ đối” mà sợ miệng thế gian cười chê rằng con gái nhà có danh có giá mà hư đốn để bố mẹ phải gán luôn cho đứa con nuôi đã ăn ở trong nhà. Được cái, ông nhà tôi đã quyết là làm… Ông đã xuống tận quê ngoại thưa chuyện ni với cha mẹ tôi. Ông còn mời cả họ Hoàng lại để ông thưa việc ông gả con gái đầu lòng cho nho Sắc…

Đối với ba chị em Thanh, Khiêm, Côn thì đây là lần đầu tiên được nghe bà ngoại nói kỹ về bố mẹ mình.

———————

Chú thích:

(14) Vương Thúc Quý.

(15) Phan Bội Châu.

(16) Chẳng.

(17) Khoảng 9 giờ sáng

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 3

Không ai còn nhớ được người đầu tiên của dòng họ Nguyễn Sinh đến làng Sen khai cơ lập nghiệp. Người ta chỉ còn nhớ rằng, từ buổi làng Sen còn là trang trại đã có người họ Nguyễn ở sinh sống. Hồi bấy giờ còn gọi là Trại Sen, vì có nhiều đầm sen rộng bát ngát. Sen nhiều đến nỗi có những tên: Đồng Sen, Cồn Sen, Đầm Sen, Giếng Sen…

Do có nhiều sen, cảnh trí trong làng, ngoài đồng lại đẹp nên Trại Sen đổi tên thành làng Mỹ Liên. Về sau các cụ lại đổi là Kim Liên.

Nhất vui là cảnh Kim Liên

Cảnh tiên có cảnh, người tiên có người.

Cái thuở ấy, làng Sen gồm có năm phường: phường Giữa (xóm Đông Lĩnh), phường Phú Đầm (xóm Nam Lĩnh), phường Cơn Trôi (xóm Tây Lĩnh), phường Thượng (xóm Thượng Thọ), phường Ngoài (xóm Trung Ca, vì dân xóm này hát xướng giỏi, có phường hát nhà trò).

Lúc về ở Trại Sen, họ Nguyễn chưa đệm chữ Sinh. Qua gia phả của một nhánh họ thì: “Hoàng sơ tổ khảo là Nguyễn Bá Phụ. Tiếp đến đời Nguyễn Bá Bạc, đời Nguyễn Bá Ban, đời Nguyễn Văn Dân. Bốn vị tổ này không ghi rõ sinh về thời nào. Đến đời ông Nguyễn Vật bắt đầu lót đệm chữ “Sinh”, ông là giám sinh, triều Lê Thánh Đức, năm thứ ba. Kế đến, ông to đời thứ sáu là Nguyễn Sinh Trí mới

mười bảy tuổi đã đậu hiếu sinh. Đến năm ba mươi tư tuổi, ông đậu tam trường khoa thi Hội".

Họ Nguyễn Sinh giàu và có khoa cử đời ông tổ thứ năm, thứ sáu. Đến đời thứ mười là Nguyễn Sinh Nhậm vẫn ở lại phường Phú Đầm, một phường nhiều đầm sen nhất Trại Sen. Ông Nguyễn Sinh Nhậm vào bậc trung lưu của làng Sen. Ông lập gia đình sớm nhưng hiếm con, khi sinh hạ được một người con trai tên là Nguyễn Sinh Trợ, tên chữ là Thuyết thì bà Nhậm chết. Ông Nhậm ở vậy nuôi con cho đến tuổi thành niên và lập gia đình riêng cho con trai rồi mới lấy vợ kế. Ông cưới bà Hà Thị Hy, một cô gái có tài hoa, nhan sắc bị quá lứa ở làng Sài, cùng một xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh với làng Sen.

Hà Thị Hy là con gái một nghệ nhân nổi tiếng về ngón đàn đáy, đàn bầu. Nhà giàu có, thuộc loại nhiều ruộng nhất của làng Sài. Ông ham học chữ "thánh hiền", nhưng không màng chuyện thi cử. Trong nhà luôn luôn nuôi thầy dạy học. Năm ông đã hai thứ tóc còn nuôi cử nhân Hồ Sĩ Tạo dạy cho các con cháu và ông học thêm. Ông còn nhóm lên trong nhà mình một "phường hát ả đào". "Phường hát ả đào" của ông chỉ để làm vui trong gia đình, trong họ hàng và những bà con có đám cưới, đám ăn mừng thượng thọ.

Hy được cha yêu quý, truyền cho tất cả vốn hiểu biết về đàn, phách và ca trù. Cô lại còn có biệt tài về múa đèn. Khuôn mặt "trăng rằm", lông mày cong vành bán nguyệt, mắt lá đào, mũi thon dài, môi cắn chỉ, cổ ba ngấn, lưng ong, cô dang thẳng hai cánh tay hình chữ thập trên đôi cánh tay ấy đặt mỗi bên ba đĩa đèn, và trên đầu cũng đội ba đĩa đèn đầy dầu, thắp sáng. Cô múa dẻo như con rắn luồn qua những cành cây mà dầu trong đĩa không sánh ra ngoài, đèn không tắt một ngọn nào. Nhiều bà con trong làng khâm phục tài múa

đèn của cô đã gọi cô là cô Đèn. Nhưng, không ít người ngầm coi cô là "xướng ca vô loài". Những nhà giàu có không muốn dạm hỏi cô về làm dâu. Những nhà không bằng nhà bố mẹ cô thì lại sợ không "môn đăng hộ đối".

Một buổi trưa hè. Gió Lào phả cái nóng vào mọi chốn mọi nơi trên đất làng Sài. Một nhóm con trai ra đầu làng ngồi mát, đan rổ rá. Cô Đèn đi chợ xa về. Cô mặc váy lụa, bốn dải lưng xanh, dây xà tích, áo dài vải Đồng Lầm lấp ló cổ áo trắng, yếm thắm, vấn khăn nhung, tóc thả đuôi gà. Cô đi từ ngoài đường hàng huyện trở vào làng. Cô quẩy đôi thúng đậy hai cái mẹt kín bưng, trên mẹt có một chồng bánh đa. Vừa đi chớm tới bóng râm đầu cổng làng, thấy đông người đang ngồi mát dưới gốc cây, cô đã cố ý đi nép vào ria đường làng. Bất thần, một anh chàng giơ tay đụng vào vai cô và nói giọng chớt nhả. Cả đám trai làng cười ồ lên. Cô Đèn mặt đỏ bừng, hai con mắt lá đào quắc sáng như hai ngọn đèn, mắng: "Cái hạng các anh không đáng đụng đến gấu váy của tôi đâu". Như lửa bị giội nước, mọi người mặt ngay cán tàn ngồi im như phỗng đá. Cô Đèn đã đi khuất sau bờ tre, đám trai làng mới hỏi nhau:

– Con Đèn chượi (chửi) người trêu nó hay chượi cả bọn chúng mình ngồi đây hề?

– Hắn gọi "cái hạng các anh", rứa là hắn nhủ cả đám chúng mình.

Từ cái hôm ấy, tất cả con trai chưa vợ ở làng Sài "ăn thề" với nhau: Không ai được hỏi cô Đèn làm vợ. Nếu con trai ở làng khác đến làng Sài dạm hỏi cô Đèn thì đón đường đánh. Cuộc trả thù này đã hãm duyên cô Đèn cho tới năm cô đã ba mươi tuổi mà vẫn chưa lấy được chồng. Có người gợi ý với bố cô Đèn nên soạn một cơi trầu, một bầu rượu mời đám trai làng đèn, xin lỗi để họ xá cho… Ông đã bàn với con gái cái điều ấy. Nhưng cô Đèn vẫn một mực

không chịu nhún mình với đám trai làng. Khi ông Nguyễn Sinh Nhậm từ làng Sen đánh liều sang xin ăn hỏi cô Đèn, trai làng Sài họp lại bàn luận… Họ xót xa cho cô Đèn: Một người con gái tài hoa, nhan sắc nhất làng mà phải chịu cái "án treo" quá lứa, lỡ duyên, nay phải đi làm vợ kế của một người làng khác! Chúng ta không nên ngăn cản nữa. Đọ gươm khi còn trên yên, đừng chém theo lúc người đã ngã ngựa!

Trai làng Sài đã dựng một cổng chào ở đầu làng trên con đường đi sang làng Sen. Họ còn nhờ cử nhân Hồ Sĩ Tạo làm cho một bài văn chúc. Lúc đám rước dâu tới cổng chào, trai làng Sài bận quần trắng, áo dài, đội khăn, đứng thành hai hàng. Một người có giọng bình văn hay bước ra đọc bài chúc. Họ nhà trai đã đáp lễ mười quan (18) tiền đồng, một vò rượu tăm và một cái thủ lợn.

Cô Hy về làm bạn với ông Nguyễn Sinh Nhậm được ít lâu thì năm Quý Hợi (1863) sinh con trai. Ông Nhậm đặt tên cho con là Nguyễn Sinh Sắc. Cuộc sống của gia đình rất êm ấm. Nhưng niềm hạnh phúc của mẹ con cô Đèn đã tắt phụt như ngọn đèn trước gió: Nguyễn Sinh Sắc mới lên ba thì ông Nguyễn Sinh Nhậm chết. Trước lúc trút hơi thở cuối cùng, ông Nhậm gọi cả hai người con trai, người con dâu đến bên giường và căn dặn vợ chồng Nguyễn Sinh Thuyết: "Cha phải hai lần xây dựng bạn trăm năm mà cũng mà cũng chỉ được có hai mụn con trai. Cha những mong có đôi ba lần sinh nữa cho đông anh đông em, cũng như rừng nhiều cây bão tố không xô ngã được. Không ngờ cha phải sớm từ giã các con. Tội nhất là em Sắc của các con còn quá bé bỏng. Mẹ kế của các con thì tuổi trẻ chưa qua! Cho nên vợ chồng con phải thay cha giúp mẹ kế của các con nuôi em Sắc nó nên người, mà điều hệ trọng là làm sao cho bé Sắc có năm ba chữ thánh hiền. Điều mong muốn cuối cùng của cha

là: Dầu cha đã khuất, các con phải kính trọng người mẹ kế của các con như lúc cha đang tại đường. (Ý nói như lúc còn sống)".

Sau ngày ông Nhậm qua đời, vợ chồng ông Nguyễn Sinh Thuyết ngỏ ý đón mẹ con bà Hy về ở chung. Nhưng bà Hy e ngại sẽ không tránh khỏi sự va chạm giữa bà với con dâu riêng của chồng. Với tấm thân quả phụ ngoài ba mươi tuổi, Hà Thị Hy cặm cụi thờ chồng, nuôi con. Hằng ngày bà đem con theo ra đồng làm lụng, tối về, vòng tay mẹ ấp cổ con trong xó nhà hiu quạnh. Hà Thị Hy lòng đầy hy vọng một vài năm nữa, con trai mình biết nhớ được mặt chữ thì cho đi học. Nào ngờ, một buổi sáng, hàng râm bụt còn đẫm sương mai, bé Sắc chạy từ trong nhà ra ngõ, gọi thất thanh:

-Anh…ơi…! M…ệe mch …ết…mệ…em chết!…Anh… ơ…ii!

Vợ chồng Nguyễn Sinh Thuyết hốt hoảng chạy tắt vườn băng qua bờ rào sang nhà người mẹ kế. Nhưng cô Đèn – Hà Thị Hy đã tắt nghỉ trên giường góa bụa. Hàng xóm cũng đã ùa tới. Tiếng khóc thương tiếc người thiếu phụ bạc mệnh dậy lên với những lời than thở: "Ôi! Một người con gái đã một thời sáng lên như ngọn đèn mà cũng ngắn ngủi như ngọn đèn!".

Tin cô Đèn chết bay sang làng Sài. Những người cùng lứa với cô Đèn cảm thấy đột ngột. Đám trai làng trước đây đã "cầm duyên" cô nghe tin này càng sửng sốt. Họ rủ nhau sang ngay làng Sen tham gia việc chôn cất cô Đèn. Nghĩa tử là nghĩa tận, gia đình anh Thuyết vui lòng chấp thuận để trai làng Sài được đào huyệt và tự tay khiêng quan tài cô Đèn đến tận nơi yên nghỉ cuối cùng. Những bạn hát ở trong "phường hát ả đào" làng Sài cũng mang theo đàn, phách vừa đi vừa hát những bài tiễn biệt cô Đèn. Trai làng Sài còn nhờ ông Hồ Sĩ Tạo làm "Văn ai" khóc cô Đèn. Ông cử họ Hồ đã đứng trước mộ

cô Đèn đọc bài “Văn ai”. Mọi người xúc động theo giọng bi ai của ông cử họ Hồ thổn thức đọc điếu văn.

Cha chết. Mẹ lại chết. Nguyễn Sinh Sắc mới hơn bốn tuổi đầu về ở với người anh cùng cha khác mẹ, lòng trống trải, mắt ngơ ngác, xa lạ với tất cả. Những đêm đầu tiên ở trong nhà anh, Sắc cứ ngỡ là ở nơi bãi hoang. Thỉnh thoảng Sắc khóc thét: “Mệ!… Mệ… ơi ii!” Người anh cứ phải nằm xuống ôm em giữ cho em ngủ. Nhưng, hễ rời vòng tay anh ra, Sắc lại giật mình khóc thét trong đêm khuya. Người chị dâu khó tính lại nạt nộ em, cằn nhằn chồng: “Nó không ngủ thì cho nó đi ra cồn để ma nó bắt”.

Sợ chị dâu mắng, bé Sắc nhắm nghiền mắt nằm im thin thít. Hình ảnh mẹ bay lượn trong quầng ảo giác xanh đỏ tím vàng. Và Sắc thấy một váng hào quang tỏa sáng. Mẹ của Sắc hóa thành bà tiên trong truyện cổ tích mà mẹ đã kể cho Sắc nghe. Sắc bỗng thấy lâng lâng như nhấc mình bay lên theo mẹ. Rồi mẹ của Sắc lại như một con cò trắng chở Sắc bay qua đồng xanh, qua sông xanh, qua ngàn xanh, qua biển xanh…

Thuyết tưởng em đã ngủ yên, anh rón rén dậy. Anh đến thì thầm dặn vợ đừng mắng mỏ đứa em mồ côi bố mẹ đang tuổi trứng nước. Bé Sắc đã choàng dậy, giấc mơ tan biến, chỉ thấy một mình trống trải. Sắc chạy ra sân, ra ngõ, ra đường cái theo dòng nhớ trong mơ. Đến bờ ao sen, từng bầy đom đóm bay, Sắc bắt đầu rùng mình sợ hãi, bấy giờ mới khóc to gọi: M…ệ… ơ i i! Mệ… ơi… về… với con… Mệ… ơi!

Đêm tối như mực. Tiếng chó sủa rinh làng. Vợ chồng anh Thuyết, bà con trong họ, trong xóm đổ xô ra đường đuổi theo bé Sắc…

Qua một trận ốm kéo dài, ai cũng tưởng bé Sắc không sống nổi. Nhờ được ông ngoại săn sóc thuốc thang, Sắc đã khỏe mạnh. Tiếc thay, ông ngoại của Sắc lại từ trần mà bà ngoại thì đã mất từ lâu, Sắc lại trở về làng Sen sống với anh Thuyết.

Làm theo lời cha dặn lúc hấp hối, Nguyễn Sinh Thuyết cho Sắc đi học chữ nho ngày một buổi; học về, đi chăn bò, cắt cỏ. Hôm đưa em đến thầy tú Vương xin học, anh Thuyết bưng cơi trầu, chai rượu đi trước, Sắc mặc áo năm thân nhuộm nâu non, quần dài quá gối đi theo anh. Chị Thuyết đứng trước cửa nhà bếp nói với ra sân:

– Gớm! Nhà vua nỏ thừa bảng vàng để ghi danh ông nghè, ông cống cho cái nòi "xướng ca vô loài" mà học với hành, tốn nghiên tốn bút.

Anh Thuyết quay phắt lại. Anh vớ cái cọc chống rèm. Chị Thuyết ba chân bốn cẳng chạy lủi qua phía hè bếp. Anh Thuyết quát với mấy tiếng mắng vợ. Rồi anh quay lại dỗ ngọt em:

– Chị mi độc mồm vậy thôi chứ nỏ để bụng chi mô.

Sắc đưa ống tay áo lau nước mắt đi theo anh đến nhà thầy học.

Ngay những buổi ban đầu, thầy tú Vương đã nhận ra Sắc là một học trò sáng dạ. Thầy đã thử cho Sắc về nhà học một tối phải thuộc lòng và đến viết trầm (19) cho thầy xem năm mươi chữ ít nét, ba mươi chữ nhiều nét. Nguyễn Sinh Sắc đã đem lại sự ngạc nhiên cho thầy. Và thầy tú Vương cầm bàn tay học trò Nguyễn Sinh Sắc xem từng đường vân dạng. Thầy tấm tắc: "Đúng. Rất đúng. Con nòi. Nòi cầm ca. Nòi nhả ngọc phun châu. Nòi cô Đèn. Tài hoa lắm. Con gắng học. Con sẽ làm nên nếu con có chí học. Mỗi chữ là một con mắt. Người không có chữ trong đầu là người mù giữa thế gian".

Lời thầy tú Vương như một ánh chớp mở vào thế giới tuổi thơ của Nguyễn Sinh Sắc. Rồi Sắc thấy lớn vởn trong ý nghĩ của mình một câu hỏi: Chị Thuyết thường mắng mình là "con nhà xướng ca vô loài". Còn thầy tú Vương thì khen mình là: "Con nòi. Nòi cầm ca. Nòi nhả ngọc phun châu. Nòi cô Đèn…" Sắc tự tin: Điều thầy nói với học trò là lời mẹ nói với con. Và từ hôm Sắc được thầy khen, Quý và San kết thân với Sắc. Biết Sắc thiếu hơi ấm bố mẹ, San và Quý mỗi khi có quà bánh đều để phần đem đến lớp học cho Sắc. Có lần Sắc nói với bạn:

– Các cậu cho mình nhiều thứ, mình nỏ có chi cả!

Hiểu nỗi lòng của bạn, San, Quý an ủi Sắc:

– Đừng nghĩ ngợi có hay không có cái chi đối đãi nhau, nhà tụi mình đầy đủ hơn nhà Sắc mà.

Được thầy khích lệ, được bạn an ủi, Sắc càng chăm chỉ việc nhà để đỡ bị chị dâu mắng mỏ vì quá ham học. Một lần Sắc ngồi đun cám lợn, chị dâu đang thái chuối ngoài sân. Sắc dùng que củi than tập viết lên nền nhà. Vì quá say sưa viết, Sắc quên khuấy, nồi cám bị khê nặc. Chị Thuyết từ ngoài sân chạy vào hắt cả rổ rau chuối vào người Sắc, mắng té tát: "Đồ mặt nạc đóm đày. Cháy nồi của tau rồi. Học với hành, chữ với nghĩa chi cái thứ cái thứ mi…!". Sắc biết mình có lỗi nên bặm môi chịu chửi, không khóc, không tỏ vẻ khó chịu với chị. Vả lại Sắc đã nhận ra tính khí người chị dâu nóng, phàm miệng, nhưng miếng ăn thì nhường nhịn cho chồng, cho em. Hằng ngày chị Thuyết phải xới cơm chia: Anh Thuyết, cột trụ gia đình, được ăn mỗi bữa ba bát cơm độn, xới đầy. Sắc được hai bát vừa, chị Thuyết chỉ có một bát đầy và vét cháy. Nhiều hôm anh Thuyết bưng bát cơm thứ ba vừa đi quanh sân vừa ăn, rồi lẻn ra sau nhà ngắt lá chuối gói nửa bát cơm còn lại giấu vào cái nón mê của Sắc thường đội đi

chăn trâu. Biết gói cơm này là của anh đã giấu chị nhường cho mình, Sắc mang theo ra bãi chăn trâu mới ăn.

o0o

Một buổi chiều sau tết Nguyên đán. Mưa xuân lâm thâm. Gió se se lạnh. Nguyễn Sinh Sắc đội nón mê, khoác tơi lá nằm tùm hum trên lưng trâu ở cánh đồng Dăm Quan. Con trâu mải miết gặm cỏ. Sắc mê say học bài. Sợ bụi mưa thấm vào trang sách, Sắc nghiêng nghiêng mái nón che phía gió thổi.

Con trâu đang gặm cỏ bỗng nghênh đầu lên nhìn về phía có người lạ đi tới. Nhưng Sắc mải dán mắt vào trang sách không biết có người đang đứng bên con trâu để ý việc học bài của mình.

– Cháu chăm chỉ quá? Hiếu học là một đức tính đáng quý.

Sắc giật mình hơi bối rối ngước nhìn: Một ông trông hiền từ, dáng vẻ một thầy đồ, tay che ô, đầu đội khăn nhiễu khoác áo dài kép, chân đi guốc to bàn cuốn mỏ, quai mây hình đuôi én. Sắc nhảy từ lưng trâu xuống đất, đứng lễ phép bên ông.

– Cháu là con nhà ai?

– Thưa ông cháu là con ông Nhậm ạ.

– À ra… cháu là con trai ông Nhậm, con cô Đèn! Thảo nào. Cháu sớm có chí học. Cháu giữ bền được cái chí học thì ắt sẽ làm nên đó.

Ông nhìn tập vở trong tay Sắc, hỏi:

– Cháu đã học đến sách gì?

– Thưa ông, cháu đang học sách “Sơ học vấn tân” ạ.

– Nghĩa của nó là gì?

– Dạ… là bắt đầu học hỏi ạ.

– Nghĩa rộng là gì?

– Thưa ông, cháu nhớ lời thầy Vương giảng là: Hỏi về đường hướng của sự học ạ.

– Sách này do người Nam ta soạn hay người Tàu soạn, hở cháu?

– Thưa ông, thầy Vương dạy rằng sách "Sơ học vấn tân" là do người nước ta soạn cho con cháu đời sau học ạ.

– Cháu đọc trầm cho ông nghe vài câu, được không?

– Cháu xin đọc: Kỳ tại quốc bản, cổ hiệu Việt Thường, Đường cải An Nam, Hán xưng Nam Việt, Thần Nông tứ thế, thứ tử phân phong, Việt Kinh Dương vương, hiệu Hồng Bàng thị…

– Tốt. Tốt lắm… Cháu thử giải nôm cho ông nghe coi.

– Nước ta xưa gọi là Việt Thường. Nhà Đường chúng đổi là An Nam, sang nhà Hán chúng lại gọi là Nam Việt. Cháu bốn đời vua Thần Nông vốn là con thứ được phong làm vua xứ ta là Kinh Dương, hiệu Hồng Bàng.

Ông liền hỏi tên, hỏi tuổi của Sắc. Ông nói với Sắc giọng cảm động:

– Ông ước ao có một người con trai mà không được. Ngày mai cháu đến nhà thầy tú Vương học, cháu thưa lại với thầy là ông đồ Hoàng Xuân Đường đã gặp cháu và ông chuyển lời thăm sức khỏe

đến thầy. Có thể một ngày không xa, ông sẽ đến vịnh thơ uống rượu với thầy.

Đầu mùa hè năm đó, ông tú họ Hoàng từ làng Chùa sang làng Sen chơi nhà thầy tú Vương. Lâu ngày gặp nhau, hai ông đồ say chuyện, say thơ, say hương rượu từ lúc hoa râm bụt nở bừng cho đến lúc chúng cúi gục cần câu xuống bờ giậu. Gió Nam hiu hiu thổi qua bờ tre, lướt vào cửa sổ nhẹ nhàng. Hai ông đồ đã thiêm thiếp giấc nồng. Học trò của thầy tú Vương đến, thấy thầy có khách đã lảng ra vườn bắt ve sầu, tìm tổ chim, săn chuồn chuồn ông voi…

Phan Văn San, Vương Thúc Quý và Nguyễn Sinh Sắc thì lúi húi dán diều giấy ở đầu nhà. Thỉnh thoảng Sắc chạy vào kéo quạt (20) cho hai thầy đồ ngon giấc. Do có tiếng động mạnh từ ngoài cối xay lúa, hai thầy giật mình tỉnh giấc thấy trò Sắc một tay cầm sách học ôn bài, một tay kéo quạt.

Niềm xúc động dấy lên ánh mắt của hai thầy nhìn Nguyễn Sinh Sắc. Thầy tú Vương nói: “Hiếu tại tâm. Nhân bất hiếu bất thành nhân” (Hiếu ở lòng. Người không có hiếu chẳng là người).

Thầy tú Vương giọng sảng khoái nói với Sắc:

– Thầy cho phép con đưa thầy tú Hoàng Xuân Đường về gặp anh chị của con. Nếu anh chị của con vui lòng cho con được về nhập thân vào nhà thầy tú Hoàng Xuân Đường là phúc phần cho con lắm.

Ông đồ Hoàng Xuân Đường đến gặp vợ chồng anh Thuyết Vừa nghe chưa trọn câu chuyện của ông đồ, chị Thuyết đã mau miệng:

– Bẩm thầy, vợ chồng con mô dám phụ cái bụng tốt của thầy. Thầy đón bé Sắc về dưới đó ngay giờ cũng được ạ.

Anh Thuyết lườm vợ:

– Mẹ hắn vội chi rứa? Để em nó ở lại vài hôm, còn coi ngày, coi giờ nữa chứ!

– Dề, – chị Thuyết trề môi, – làm nhà, tậu ruộng đâu mà phải chọn ngày lành tháng tốt!

Anh Thuyết nuốt giận lẫn nước mắt đắng cổ họng. Anh đưa cho em bọc áo quần, sách vở mà không dám nhìn thẳng vào mắt em, sợ bật lên tiếng khóc.

Nắng chiều xiên khoai. ông đồ nghiêng mái ô về phía mặt trời. Bóng chiếc ô che trùm hai mái đầu cao, thấp.

Ra khỏi làng Sen, Sắc ngoái lại nhìn mái nhà mình thấp thoáng sau bóng tre, cố ghìm nước mắt. Sắc ôm choàng ngang người ông đồ, giọng hơi lạc, run run:

– Ông ơi! ông đón cháu về nuôi cho cháu ăn học à? Thật vậy ông?

– Nói dối trẻ con là một trọng tội. Ông sẽ dạy cháu học. Cháu muốn học bao lâu ta cũng không ngăn cản.

Bé Sắc quỳ hẳn xuống đất, chắp tay như sắp vái lạy:

– Ôi sung sướng! Sung sướng! Con không còn cha mệ! Ông ơi! Cho con được gọi ông là cha của con. Có thể trời phật đã phù hộ cho con chăng?

– Con đứng lên đi. – ông dìu Sắc dậy. – Ta đã nhận con vào lòng ta ngay từ hôm gặp con nằm trên lưng trâu mà học chữ thánh hiền.

Ta không có con trai. Đã từ lâu ta hằng mong có người nối chí. Nay ta chọn con. Ta hỏi thêm con điều này nữa: Con ước ao được học nhiều chữ để làm gì?

– Thưa cha, người dốt nát thì khổ cực. Con muốn có nhiều chữ để đỡ bị kẻ khác đè đầu và biết thuốc mà chữa bệnh; con có chữ con sẽ dạy chữ, dạy thuốc cho người chưa biết ạ.

– Được. Con đã biết chọn việc học để làm người. Hợp với ý của cha. Cha yên tâm về con.

Năm cậu bé Nguyễn Sinh Sắc về làm con trong gia đình ông bà đồ, cô Hoàng Thị Loan mới lên năm tuổi. Tám năm sau, bà cố sinh thêm con gái, đặt tên là An. Cô Loan lên tuổi mười ba thì bước vào đời làm vợ Nguyễn Sinh Sắc, một anh nho mười tám tuổi. Đến năm mười sáu tuổi, cô Loan sinh con gái đầu lòng: Nguyễn Thị Thanh, tự là Bạch Liên. Bốn năm sau, Loan lại đẻ con trai Nguyễn Sinh Khiêm, tự Tất Đạt. Nguyễn Sinh Côn ra đời tiếp sau đó vài vài năm…

Bé Thanh, Khiêm, Côn khi đã biết được phần nào về dòng dõi nhà mình, thường hỏi mẹ:

– Hồi còn bé, cha của chúng con sao mà khổ cực nhiều vậy mệ?

Chị nho Sắc xoa đầu các con, giọng thủ thỉ:

– Các con lớn lên đã…

Bé Thanh lại hỏi mẹ:

– Mệ ơi! Ba chị em con, đứa mô giống bà nội nhiều hở mệ?

– Mệ không được biết mặt bà nội. Các con đến hỏi bà ngoại. Bà ngoại của các con đã có lần được xem bà nội múa đèn, gảy đàn, hát nhà trò.

Lúc ba chị em bé Thanh hỏi ríu ra ríu rít bên bà ngoại thì bà chỉ lên phía bộ tranh tố nữ: “Bà nội của tụi bây y hệt cái cô trong tranh kia. Chị em mi đứa mô cũng giống bà nội cả. Riêng thằng Côn là giống bà nội nhiều nhất…”

———-

Chú thích:

(18) Đơn vị tiền thời nhà Nguyễn

(19) Thuộc lòng không nhìn sách

(20) Một loại quạt to gần bằng cái chiếu, hình chữ nhật, được treo ở trên xà nhà, một người cầm cái dây kéo như đưa võng, gió mát đều khắp nhà.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 4

Từ ngày ông đồ Hoàng Xuân Đường tạ thế, nhà bà đồ trở nên eo hẹp tiền tiêu. Cả nhà bảy miệng ăn chỉ trông vào hoa lợi của hơn hai mẫu ruộng mà đã cho cấy rẽ mất một nửa, số còn lại chị nho Sắc và cô An gánh vác. Ngoài ra, hai chị em cô Loan phải kéo sợi dệt vải luôn tay mới có tiền bút nghiên cho anh Sắc học ôn thi. Anh nho Sắc lại nhiều bạn lui tới đàm đạo việc học, việc đời. Có bạn ở tận xa, cách xã, cách huyện, thường đến ở chơi trong nhà cả tuần trăng. Bà đồ thấy ấm dạ vì chồng đã khuất mà nhà không vắng khách văn, có con rể được nhiều người trọng nể. Nhiều hôm khách của anh nho Sắc đến chơi đông, ở lại ăn cơm, mẹ con bà đồ thường phải nấu thêm hai, ba lần mới đủ. Thỉnh thoảng gặp hôm chưa giã kịp gạo, khách ở lại ăn cơm đông, ba mẹ con bà đồ phải nhịn cơm cho khách. Riêng ba chị em bé Thanh, Khiêm, Côn thì được ăn cơm vét nồi, cơm cháy. Bé Khiêm và bé Côn vô ý động bát đũa lớn tiếng, bà đồ khẽ dặn cháu:

– Tụi bây khẽ tay chứ! Có khách đang ăn cơm trên nhà, các cháu phải có ý có tứ.

– Bé Côông là hay khua bát đũa nhất. – Cô An trách yêu bé Côn.

Côn phụng phịu hỏi bà:

– Khách ở mãi trên nớ (kia), chúng cháu ở tận dưới nhà ni, răng lại không được nói to, không được chạm bát đũa, hở bà?

– Khách đang trò chuyện, khách đang ăn cơm mà các cháu làm ồn, đụng chạm soàng soạng dưới nhà thì khách họ cười người nhà mình vô ý, hoặc là có ý đuổi khách về. Cháu bà rõ chưa?

Côn gật gật đầu, hỏi thêm bà:

– Chị Thanh cạo cháy trong nồi mạnh tay cũng bị dì An mắng, vì răng rứa bà?

– Ồ! Cháu của bà còn chưa biết cả cái việc ấy nữa. Cháu ơi!… Khách đang ăn cơm mà các cháu cạo cháy sào sạo toáng lên thì có khác chi ngăn khách đừng ăn nữa, hết cơm rồi. Cháu rõ chưa?

Côn cười xòa, rúc đầu vào nách bà, nũng nịu. Vừa qua giỗ đầu ông Hoàng Xuân Đường, anh nho Sắc đi thi Hương khoa Giáp Ngọ (1894) trường Nghệ (Vinh). Bà đồ làm mâm cơm cúng gia tiên, cầu danh cho con rể. Anh cử Vương Thúc Quý, anh nho Phan Văn San thì đem lễ rượu, hương, trầu đi cúng đền Thánh Cả, chùa Đạt để thần phật phù hộ cho anh nho Sắc thi đỗ. Bà con Nguyễn Sinh cũng như họ Hoàng đều mong ngóng, đợi chờ anh nho Sắc ở khoa thi này. Dân làng Sen, làng Chùa ai cũng biết anh nho Sắc là người học giỏi vào hàng thứ nhất trong vùng, chỉ e “học tài thi phận”. Hằng ngày nhà bà đồ từ sáng đến tối liên tiếp người đến thăm tin vui ở dưới trường thi về. Bé Côn thấy nhà vui như hội, túm áo anh Khiêm kéo ra sân nhảy lò cò, đánh khăng, bắt anh cõng từ sân ra ngõ, từ ngõ vào sân. Ông Xẩm trải manh chiếu bên ngõ nhà bà đồ, lên dây đàn… Anh em bé Côn và cả đám trẻ trong làng đã ùa đến, đứa ngồi, đứa đứng xúm quanh ông Xẩm. Hôm nay ông ca tích truyện Tống Trân – Cúc Hoa. Cả đám trẻ ngồi lịm. Có đứa mũi thò lò, nước dãi chảy ướt ngực quên cả lau chùi. Các bà già, các chị ở trong ở trong nhà đi ngang qua đều ghé lại nghe… Lúc ông Xẩm ca đến đoạn Cúc Hoa bán yếm lấy tiền cho chồng đi thi, nhiều bà khóc. Bé Côn, bé

Khiêm thì mắt chớp lia lịa, nhìn đắm đuối cái miệng ông Xẩm dẻo quẹo.

Bà đồ từ trong nhà bưng ra một rá khoai lang, một bát gạo, ghé sát ông Xẩm:

– Nghe ông ca cái tích Cúc Hoa nuôi chồng ăn học, bán yếm lấy tiền lộ phí cho chồng đi thi…. tiết nghĩa lắm lắm. Tôi nỏ có chi nhiều, chỉ có mớ khoai, lẻ gạo biếu ông…

Ông Xẩm đón lấy món quà ở tay bà đồ, cảm động nói:

– Xin đội ơn cụ. Được ăn lộc của gia đình cụ thì kẻ hèn mọn ni cũng mở mặt mở mày thêm.

– Tí khoai tí gạo có đáng chi mô mà ông nghĩ ơn huệ, ông!

– Ôi! Thưa cụ, của tuy ít mà lòng nhiều. Một củ khoai của cụ bớt miệng để cho kẻ nghèo khó còn hơn những nhà giàu bá hộ sẻ cả gánh, cả đống của, cụ ạ.

Một người hàng xóm hỏi ông Xẩm:

– Ông hát tích Cúc Hoa nuôi chồng ăn học, bán yếm cho chồng đi thi đỗ tới trạng nguyên. Còn chị Loan làng Chùa ta quạnh năm canh cửi giúp chồng đèn sách, dệt vải may áo cho chồng đi thi thì liệu anh nho Sắc khoa ni có đỗ đạt chi không, hở ông Xẩm?

– Con người ta…

– ông Xẩm đáp: Tui không giỏi môn tướng số, nhưng tui có linh tính. Trời phú cho kẻ mù mắt một thứ ánh sáng khác để biết việc đời. Từ hôm cậu nho Sắc đi thi, tui nằm ngủ đều mơ thấy mặt trời

chiếu vô cái túp lều tranh của tui. Tui là kẻ cùng đinh đến ngụ ở cái làng Chùa ni thì nỏ có đáng chi để mà báo mộng về sự đỗ đạt, thăng quan, tiến chức? Tui nghĩ: Cái báo mộng mặt trời chiếu vô lều tranh ấy là làng Chùa ta sắp có hiền nhân quân tử đến. Người đó hẳn là cậu nho Sắc thi Hương đỗ. Cho nên mấy bữa ni tui chỉ đàn ca những tích truyện về sự học hành thi cử, về người có công cứu nước, cứu đời…

Việc anh nho Sắc đi thi Hương còn được bàn tán ngoài ruộng vụ mười. Chị nho Sắc, cô An gánh mạ, gặp ai trên đồng họ cũng hỏi việc thi cử của anh nho Sắc đã có tin gì vui dưới trường thi đưa về chưa. Có chị em trách chị nho:

– Gớm! Cả năm nay nặng lo đèn sách cho chồng đến nỗi bỏ chị em phường vải chúng mình. Các anh nho San, anh cử Quý vẫn đưa cánh con trai làng Sen, Đan Nhiễm xuống hát với phường vải nhà mình luôn đấy. Cả cái An cũng theo chị bỏ phường, bỏ hát hẳn?

Chị nho Sắc phân trần:

– Mình có bận bịu với đèn sách năm anh ấy đi thi. Nhưng chị em mình nỏ đi hát với phường là vì còn có tang cha.

– Tụi mình biết cái lẽ ấy lắm. Nhưng vắng tiếng hát của Loan, của An, tụi này nhớ mà trách đó thôi…

– Loan này, – một cô bạn hỏi chị nho Sắc – tau nghe nói mi đã bán đôi khuyên vàng để lo việc thi cử cho anh ấy?

– Có vậy. Vì… nhờ trời mà anh ấy đậu Hương thí thì còn vô kinh để dự Hội thí nữa kia.

– Gái có công thì chồng chẳng phụ, Loan ạ.

Từ cánh đồng sâu cách nơi chị em nho Sắc cấy hai thửa ruộng, một giọng hát trong trẻo cất lên:

Chim khôn ăn trái nhãn lồng,

Gái ngoan nuôi chồng nấu sử sôi kinh.

Thi Hương, thi Hội, thi Đình (21)

Tên chồng trên bảng xướng danh rõ ràng.

Ngày về áo mão vua ban,

Võng anh đi trước, võng nàng theo sau.

Cô An nghe trọn tiếng hát của người bạn gái, cười mỉm, nói với chị mình:

– Mấy đứa ấy, chúng nó ước mơ cuộc sống của anh chị lắm nên mới hát vậy đó.

Chị nho Sắc cầm nắm mạ trong tay, đứng thẳng người nói với sang các cô vừa hát “ghẹo” mình:

– Nạ dòng ni quen đi chân đất, đội nón lá, nỏ dám nằm võng che lọng mô nhớ!

Mọi người đang vui câu chuyện trên ruộng lúa xế chiều thì, từ phía trong làng thấp thoáng từng tốp người lớn, trẻ con kéo ra phía đường quan. Chị em thợ cấy đều ngừng tay để mắt cả về phía đó. Chị nho Sắc như có linh tính báo… lòng thấp thỏm, trống ngực nháo động.

Một bóng người chạy tắt cánh đồng về phía ruộng bà đồ. Hai chị em nho Sắc càng hồi hộp… Còn cách mấy đám ruộng, người con ông chú của chị nho đã gọi to:

– Về Chị nho ơi!… Chị An ơi! Anh nho đỗ cử nhân rồi! Về thôi. Cả làng đang ra đường đón quan tân khoa kia kìa.

Hai chị em nho Sắc nhìn nhau. Hai giọt lệ đọng bên khóe mắt chị nho Sắc như giọt sương trên lá răm non. Mấy cô bạn giọng vui mừng giục thoắng:

– Về thôi Loan ơi! Từ rày tụi này nỏ gọi tên, gọi chị nho nữa mô mà gọi là bà cử đó.

– Tụi bay đừng gọi chi khác, cứ tên Loan, tên Sắc mà gọi.

Người em con chú đứng trên bờ, vẻ sốt ruột:

– Hai chị nghỉ tay thôi. Bữa khác rồi cấy nốt. Về nhà còn lo việc trầu nước mời khách họ đến mừng chứ.

Chị nho Sắc đã qua phút giây xúc động, giọng từ tốn:

– An về trước đi em. Chị ở lại cấy cho hết số mạ ni kẻo hỏng mất. Ông nghè ông cống cũng sống về ăn, em ạ.

Đồng quê chiều tím. Chị nho Sắc quảy trên vai đôi gióng nhẹ tênh, lần từng bước theo bờ ruộng chênh vênh. Gió chiều vuốt nhẹ tấm áo nâu non, nếp váy thâm bạc màu lượn theo dáng người thắt đáy lưng ong của chị. Chị ngoái nhìn thửa ruộng đã cấy kín, niềm hy vọng một vụ lúa tốt đang nảy mầm trong lòng chị. Chị ghé xuống bến Đầm Sen rửa chân tay. Tiếng chim chiều “quốc… quốc…” trong lũy tre rậm rạp như tiếng gọi từ lòng chị vang lên. Chị vừa bước về

đầu ngõ đã có tiếng reo: “Ồ! Chị cử Sắc đã về kia!”. Vừa lúc đó vợ chồng anh Nguyễn Sinh Thuyết chạy ra, đon đả:

– Chào thím cử… Răng thím về muộn rứa?

Chị nho Sắc chào và đáp chuyện với anh chồng, chị dâu bằng nụ cười tươi. Và, chị cảm thấy ngường ngượng về cách gọi mới: “thím cử”, “chị cử”. Bé Côn cầm tay bác Thuyết gái đi ra đón mẹ cũng ríu ra ríu rít hỏi:

– Mệ ơi. Cha thi đỗ cử nhân thì được cấy (cái) chi mà ai cũng vui, cũng đến mừng nhà ta, hở mệ?

– Ấy chớ! Con không được hỏi rứa. Cha mắng chết.

– Cháu Côông của chú thím nó sớm khôn lắm. Trời để sống nó còn học sỏi (giỏi) hơn cả cha chứ nỏ bỡn mô, thím ạ.

Chị nho Sắc mời anh chồng lên nhà khách và đón chị dâu vàn nhà dưới, trong đó bà đồ đang trò chuyện với các bà khách đến chúc mừng con rể bà đạt vinh hiển.

Từ thềm nhà trên cho ra tới cuối sân, khách ngồi kín cả hai ghế tràng kỷ, các chõng tre, và nhiều người ngồi xổm, ngồi bệt xuống các khúc gỗ… Trước mặt mọi người là dãy bát nước chè xanh đặc quánh. Những miếng trầu têm cánh phượng, cau đậu được đặt ngay ngắn. Anh Nguyễn Sinh Sắc được mọi người gọi là quan cứ thì ngồi ghế tựa đầu bàn. Hương lý, hào mục ngồi trên hai dãy tràng kỷ…

Anh Sắc giọng từ tốn:

– Thưa các thầy trong hội đồng hương lý! Thưa các bác, các chú, các o, các dì và bà con nội ngoại, xóm làng! Điều trước nhất tôi xin

mọi người đừng gọi tôi là quan cử. Sự đỗ đạt của tôi không hẳn là cái thang lên quan. Tôi sinh từ làng Sen. Tôi lớn lên trên đất làng Chùa. Tôi là dân và bao giờ cũng vẫn là người dân của làng ta, của xứ sở ta.

Ông chánh hương hội xoa xoa hai bàn tay, nói:

– Thưa.. Thưa… Thưa..

Bé Côn ngồi trên đùi bác Nguyễn Sinh Thuyết nghiêng cổ nhìn ông chánh hương hội có bộ râu chuột ba chòm cứ thưa mãi mà chưa nói thành câu liền phì cười làm mọi người cười theo. Anh nho Sắc lừ mắt về phía Côn. Côn tựa đầu vào ngực bác Thuyết, giấu mặt. ông chánh hương hội nói ề à:

– Quan… Quan cử đã… đã nói thực tâm như vậy là… là cái gốc của người có đạo nghĩa, ở chỗ “Dân vi quý”, ở chỗ “Dân vạn đại, quan nhất thời”. Vậy thì, xin được gọi là “ông cử” ạ.

Mọi người vừa uống nước, ăn trầu, vừa nói râm ran, tỏ vẻ đồng tình gọi là “ông cử Sắc”. Viên lý trưởng trịnh trọng thay mặt hội đồng hào lý:

– Thưa ông cử tân khoa. Theo tục lệ làng ta, hội đồng hào lý đã họp và quyết định cấp ba sào ruộng “học điền” do ông đã đưa vinh hiển về cho dân, cho xã này…

Anh cử Sắc đã từ chối việc cấp ruộng “học điền”. Viên lý trưởng phải giở cuốn hương ước (lệ luật trong làng) và nhắc lại lai lịch:

– Đất Chung Cự quê ta là đất hiếu học lâu đời, người đỗ đạt cũng khá nhiều. Theo sách “Đăng khoa lục” thì từ đời vua Lê Dương Hòa (1635) xã Chung Cự ni đã có người thi đỗ. Tính cả người đi thi

Hương, thi Hội cả thảy là 96 khoa, toàn xã ta đã có 193 người đậu gồm có hiếu sinh, giám sinh, cử nhân, tú tài. Làng Chùa này có 29 người, làng Sen đậu 53 người, làng Ngọc Đình tới những 72 người, làng Vân Hội được 25 người, làng Cường Kỵ có 10 người, làng Tỉnh Lý 3 người, làng Khoa Cử chỉ có một người đậu. – Viên lý trưởng nhấn giọng: – Đó, tục lệ cấp ruộng "học điền" của quê ta có từ cái thuở xa xưa ấy.

Anh cử Sắc đã không thể từ chối, nói:

– Thôi thì đất lề quê thói, thầy lý đã nói vậy, tôi xin nhận một sào rưỡi thôi ạ. Sào rưỡi ni tôi xin dân làng và hội đồng hào lý được phép bán lấy tiền để sửa lại ngôi nhà thờ họ bị hư hỏng đã lâu ngày.

Cả mặt sân thấu ngoài ngõ dậy lên những tiếng tấm tắc: "Hiếm có người tốt như anh cử Sắc. Trong khi có bao nhiêu kẻ lòng tham không đáy đục khoét của dân, dùng chức vụ đè đầu dân, cưỡi lên cổ dân thì trái lại, anh cử Sắc từ chối "lộc" của làng thưởng cho mình, không chịu nhận cái danh vị mà mình có được". Bé Côn thủ thỉ hỏi bác Thuyết:

– Bác ơi, học điền là cấy chi, hả bác?

– Là ruộng công dành để cấp cho người trong làng học đỗ đạt cao, cháu ạ.

– Còn… lộc là chi rứa, hả bác?

– Lộc là món quà quý, là món tiền, là đồ vật để thưởng cho một người nào. Như cha cháu được dân làng thưởng lộc bằng một số ruộng tốt.

– Răng cha cháu lại nỏ nhận lộc, hả bác?

– Cha cháu là người không có đầu óc hám lợi, hám danh, cho nên cha cháu không muốn nhận ruộng công của dân làng làm của riêng cho nhà mình. Cháu rõ chưa?

Bé Côn ôm chặt lấy người bác ruột gật đầu, mắt chăm chú nhìn cha đang trò chuyện với các ông hương lý…

o0o

Khoa thi Hội Ất Mùi (1895), anh Nguyễn Sinh Sắc không đỗ. Từ kinh đô Huế về, lòng anh nặng trĩu bao nhiêu điều nghĩ ngợi trở trăn.

Cha vắng nhà lâu ngày đã về, ba chị em Thanh, Khiêm, Côn chạy ùa ra ôm lấy cha giữa sân. Bé Côn còn vòi cha cõng. Bà đồ đứng ở thềm nhà với con gái, mắng yêu Côn:

– Bé Côông hư nhá! Cha đi đường xa vừa về còn mệt mà đã vòi vĩnh.

Côn hai tay ôm lấy cổ cha, giọng nũng nịu:

– Cháu đang đói bụng, chộ (thấy) cha về mừng đã hết biết đói thì… thì cha cháu chộ cháu cũng đã hết cả mệt rồi chứ, bà à…

Mọi người không nén nổi tức cười và bà đồ vừa cười vừa phân bua:

– Con trai anh nó lý sự như rứa đó.

Anh cử Sắc bế vác bé Côn, vừa đi vào nhà vừa hỏi:

– Ở nhà ba chị em có ngoan với bà, với mẹ, với dì An không?

Bé Thanh thưa:

– Thằng Khơm (Khiêm) ngoan, con ngoan. Còn thằng Côông thì nghịch trổ trời, cha ạ.

Bé Côn lắc lắc đầu:

– Nỏ phải… Chị Thanh nói nỏ phải… nỏ phải.

– Em Côn của con nghịch những gì? – Anh Sắc hỏi gạn con gái.

– Nó trèo cau lấy bẹ để làm thuyền này. Trèo cây thị hái quả ương này. Leo cả lên hồi nhà tìm chim sẻ đã sẩy chân giẫm lên bệ bát cổ của bà, làm vỡ một lúc chục cấy đĩa bạt trúc hóa rồng, cha ạ.

Côn thanh minh:

– Bà đã gắn được bảy cái, chỉ có ba cái là vỡ nhiều mảnh thôi, cha ạ.

Anh Sắc giọng ôn tồn:

– Như rứa là Côn đã không ngoan bằng chị Thanh, anh Khiêm. Lần ni thì cha cho qua, lần sau con còn không nghe lời bà, lời mẹ, lời dì An thì cha cho ăn đòn. Côn.đã nhớ chưa nào?

– Thưa cha, con nhớ rồi ạ.

– Hôm nọ mẹ con đã dặn con về cái hại của việc leo trèo nghịch ngợm, còn nhớ không?

– Còn nhớ cha ạ.

– Nhớ. Con nhắc lại lời mẹ dặn con, cha nghe coi!

– Mệ nhủ: “Nhà có phúc sinh con giỏi lội, nhà có tội sinh con hay trèo” ạ.

Cả nhà cười vui vẻ. Chị cử Sắc từ nãy quẩn dọn luôn tay, thấy chồng “truy lỗi” bé Côn, chị định đỡ lời cho con ngay, nhưng sợ con lại dựa vào tình thương dễ dãi của mẹ sẽ sinh nhờn sự nghiêm khắc của cha. Chị đặt ấm tích chè xanh trước mặt chồng, nói đỡ cho con:

– Bé Côông được cái khi có lỗi biết nhận lỗi ngay với bà, với mẹ. Thầy cử Quý cũng khen bé Côông sáng dạ nhất đám học vỡ lòng. Mà cũng là đứa nô đùa nhất đám. Được cái là… hễ khi thầy răn một tiếng là biết phép, sửa lỗi ngay. Và dạo rủ bé Côông còn biết đặt những câu vè, bắt chước bà nói có ca, có vần, đáng khen lắm.

Anh cử Sắc hai bàn tay như hai cánh chim ấp vào đôi má bầu bầu của bé Côn:

– Con có ba việc lỗi là leo trèo làm vỡ đĩa của bà, nghịch phá tổ chim, đùa trong lớp học. Việc phạm lỗi, dù phạm lỗi lớn hay lỗi nhỏ, con cũng đã sửa ngay. Tuy con đã sửa lỗi rồi, cha vẫn dặn lại con là đừng có phạm một lần nào nữa về cái lỗi phá tổ chim. Con người ta có ngôi nhà, con chim có cái tổ. Giả thử cái nhà chúng ta đang ở yên thế này lại bị kẻ khác đến phá thì bà này, cha mẹ này, dì An này, các con này… ở vào đâu?

Bé Côn mặt buồn rười rượi, hối hận về việc làm sai trong những ngày cha đi thi Hội. Anh cử Sắc lấy trong khăn gói ra các món quà mua về. Anh bưng hai tay cái đĩa bạt xếp những lạng cao ban long, cao lộc đưa tới phía giường biếu mẹ. Anh tặng em gái vợ, cô An, một bộ dây xà tích bạc. Món quà cho vợ là cái nón Huế, một cặp con thoi bằng sừng. Anh còn đưa cho vợ một số quà để biếu bà con bên nội, bên ngoại và hàng xóm. Trao quà cho người lớn xong, anh cử

Sắc mới phát quà cho các con, mỗi đứa một cái vòng bạc có vuốt hổ. Riêng Côn, anh thưởng cho một bộ đèn kéo quân bằng giấy bóng màu. Anh nghiêm khắc với những khuyết điểm nhưng khích lệ tính ham học của Côn:

– Con tuy có nhiều thiếu sót, chưa ngoan bằng chị Thanh, anh Khiêm, nhưng con học chăm, được thầy khen, con lại nhỏ nhất nhà nên cha thưởng cho cái đèn kéo quân này.

Bé Côn nở nụ cười tươi, hai mắt ngời sáng, sung sướng đón nhận quà trên tay cha rồi chạy sang với bà ngoại.

Nghe tin anh cử Sắc vào kinh đô thi Hội đã "về không", bạn bè danh nho, khoa cử ở khắp hàng huyện lần lượt đến với anh. Tuy mới lên năm tuổi, bé Côn rất ham nghe cha bình văn, bàn thời cuộc với bạn. Côn không đi theo theo anh Khiêm cùng các bạn nhỏ trong làng Chùa ra núi Chung săn chim cun cút, chim cuốc và chia phe đánh trận giả, hoặc chồng kiệu rước thần, rước "trạng nguyên vinh quy bái tổ"… Côn bịn rịn bên cha suốt ngày. Có lúc khách của cha đến đông, chật chỗ ngồi, Côn vào buồng ngồi bên khung cửi với mẹ, nhưng tai vẫn lắng nghe chuyện văn chương, thi cử ở nhà ngoài.

Anh cử Sắc đã tường thuật với bạn về chương trình, nội dung đề thi Hội. Nhà vua ra chiếu: Hội thí chia ba kỳ: Kỳ thứ nhất thi môn kinh nghĩa; kỳ thứ hai thi môn thơ, phú, chiếu, biểu; kỳ thứ ba thi môn văn sách. (22)

Nguyễn Sinh Sắc bị đánh hỏng là do bài văn sách của anh đã lồng ý phê phán việc để mất nước ta cho Tây. Anh còn nhận xét về thái độ của các quan trong triều đình Huế đã cam bề thần phục người Tây và đang đua nhau học tiếng Tây cốt để được Tây trọng dụng. Trong những ngày ở kinh đô, Nguyễn Sinh Sắc được một lần

nhìn thấy vua Thành Thái ngự thuyền rồng chơi sông Hương. Vua đội khăn vàng, mặc áo gấm, ngực đeo kim khánh nổi bốn chữ "Đại Nam Thành Thái". Nhưng vẻ mặt vua ủ dột, mắt nhìn xa buồn thăm thẳm.

Bé Côn ngồi cạnh mẹ, nghe cha tả về thần sắc của vua khác cái hình ảnh ông vua do bà ngoại kể, hỏi:

– Con nghe bà kể chuyện cổ tích thì ông vua đi đâu có hào quang tỏa sáng, có mây gấm trên trời che cho vua, ai nhìn mặt vua liền bị mù mắt. Sao cha lại nhủ là vua Thành Thái mặt ủ dột, mắt buồn, hả mệ?

– Mệ làm sao biết được cái điều ấy. Con hỏi cha lúc khách về hết. Cha mới có thể biết nổi cái việc con hỏi mệ.

Một hôm người em trai của bà Hà Thị Hy đến chơi với vợ chồng anh cử Sắc. Thông cảm với cảnh nhà của bà đồ và của cháu, ông bàn với anh Sắc:

– Cậu không thể ngờ có một ngày cháu lại là ông cử nhân, là quan cử! Từ một đứa bé mồ côi cha mẹ, chăn trâu cắt cỏ, nhờ phúc ấm của ông bà đồ mà cháu được như ngày nay. Cha mẹ cháu dưới suối vàng hẳn là mát dạ. Nay cậu ngẫm thấy, bà đồ tuổi già, sức yếu, vợ cháu một nách ba con nhỏ, dì An rồi cũng sẽ về làm dâu người ta. Cho nên, cháu cần phải sớm ra làm quan để gia đình được ấm thân, họ hàng mát mặt, cháu ạ.

– Cậu ơi, – anh Sắc giọng chùng xuống, – cháu đi học không phải để làm quan. Nước mất rồi, từ thứ dân tới quân thần đều là một bầy nô lệ.

– Cậu cũng có biết nghĩ về cái điều ấy. Những người có lòng nhân từ, đỗ đạt cao thì cần phải ra gánh vác việc quan để che chở cho dân, thực hiện cái đạo công bằng ở cái thời buổi ni…

Anh Sắc lắc đầu:

– Làm gì có công bằng ở trên đời này, hở cậu – Anh dằn từng tiếng: – Công bằng viễn lộ hà xứ thị (Sự công bằng là con đường xa không biết ở cái xứ nào cả). Lòng tham của con người là vô đáy. Cho nên, đã làm quan là có quyền thì lòng tham càng ghê gớm. Con đường trước mắt cháu là: Cháu còn phải học thêm nữa. Và cháu còn sẽ tiếp tục thi lại đại khoa. Thi là để biết cái vốn học vấn của mình chứ không phải vì cái hàm ông nghè, làm quan to. Mục đích của cháu là cốt có nhiều chữ để rồi đây cho con cháu, biết rộng về nghề thuốc mà giữ nhà, chữa bệnh cứu người. Cháu không làm được cái công việc "thượng y y quốc" thì cháu làm cái phần việc "trung y y dân" (23), cậu ạ…

Bé Côn đang nằm võng với bà ngoại nghe cha nói với ông trẻ là sẽ đưa vợ con vào kinh đô ở để học thêm. Côn hỏi bà:

– Bà ơi. Cha cháu vô kinh đô thi Hội, rồi lại trở vô để học, chắc đó là một làng đẹp lắm, bà nhể?

– Kinh đô là kẻ chợ lớn nhất và đó là nơi vua ở, chứ không phải làng, cháu ạ.

– Ồ! Kinh đô là nơi vua ở! Rứa thì… cháu… cháu vô đó với cha cháu để coi mặt vua có khác chi khôông?

– Ấy chết. Cháu chớ nói rứa. Phải tội đó. Vua là con trời, thay trời chăn dân. Ai nhìn mặt vua mà không được vua ưng bụng thì sẽ bị

mù mắt, cháu ạ.

– Vậy ra vua là do trời sinh chứ không có mẹ vua sinh ra vua, hả bà?

– Trời chỉ đầu thai xuống trần thế, rồi mẹ vua mới đẻ ra vua. Bà cũng chỉ biết có rứa thôi…

– Kệ, cho mù mắt cháu cũng cứ nhìn vua cho bằng được. Mù mắt chứ có mù tim mô mà sợ ạ!

– Ai dạy mày nói gở rứa Côông?

– Dạ… ông Xẩm nói: “Tao mù mắt không đáng sợ bằng kẻ mắt sáng mà tim mù”, bà ạ.

– Thôi nhớ Cháu chớ nói kiểu quái gở ấy nhớ.

Một đêm thu. Gió chướng thổi dài hun hút tràn qua mái nhà. Tiếng gió hú xa trên đỉnh núi Chung. Ngọn đèn ở giữa nhà ngợp gió run rẩy. Anh cử Sắc, anh cử Quý, anh nho San ngồi quanh ngọn đèn, trên tấm chiếu cạp điều trải kín mặt cái sập gu. Chiếc điếu ống khảm xà cừ, vòi trúc cong vòng đặt cạnh bộ trà Huế mà anh Sắc vừa mua trong chuyến đi thi Hội về. Bên chân sập gu là cái lò than hồng. Siêu nước sôi trên bếp lò thở phì phì. Chè ướp sen được chuyên ra chén tỏa hương ngọt dịu. Đỉnh trầm vẫn lặng lẽ nhả dòng khói mảnh thơm trước ba tâm hồn đang trăn trở. Cả nhà đã ngủ yên giấc. Chỉ có chị cử Sắc vẫn còn ngồi dệt vải ở gian buồng đằng Tây. Vầng trăng nghiêng soi trên khóm chuối ngoài cửa sổ..Côn nằm trên cái chõng tre cạnh khung cửi của mẹ. Ánh trăng như tấm vóc vàng phủ quanh giấc ngủ của Côn. Tiếng anh nho San trầm trầm:

– Từ dạo anh cử Sắc vào kinh Hội thí đến giờ, nghĩa quân liên tiếp bị thất bại. Nghĩa quân đã phải rút lên tận dãy núi Vụ Quang. Và… nghe đâu cụ Đình ngài đang lâm bệnh nặng từ sau cái chết của Cao Thắng!

Ba người cùng thở dài và đầu hơi cúi xuống bên đỉnh trầm tuôn khói vật vờ. Anh cử Quý giọng tin tưởng:

– Mới rồi nghĩa quân đánh một trận lớn ngang dãy núi Trường Vật, giết tại trận được tên quan Tây chỉ huy. Nhưng Hoàng Cao Khải không dụ được quan nghè Phan đã dùng hạ sách khủng bố các gia đình của nghĩa quân và đàn áp dân Hà Tĩnh thật khốc liệt. Hoàng Cao Khải lại còn xúi triều đình triệu tổng đốc An Tĩnh là Đào Tấn về kinh vì nghi ông có cảm tình với cụ.

– Ở trong kinh đô, – anh cử Sắc kể, – nhiều người chưởi công khai việc làm bất nghĩa của Hoàng Cao Khải. Còn cái chuyện tên Cao Ngọc Lễ bán thầy hại nước đã được lưu bia miệng: “Vô địa khả dưng Cao Ngọc Lễ; Thiên kim nan thục Tống Duy Tân”. (24)

– Được lắm. Câu đối được lắm. – Nho San và cử Quý gật gù và mỉm cười.

Nho San như muốn thông báo thêm tình hình với cử Sắc:

– Nghĩa quân miền Trung và ở các nơi đang bị rã đám dần, nhưng ngoài Bắc nghĩa quân Đề Thám còn đứng vững ở Yên Thế. Rất đáng lo là triều đình Mãn Thanh đã bắt tay với bọn Pháp rồi. Chính quân nhà Thanh đã bắt quan thân thần Tôn Thất Thuyết đem đi an trí ở xa vùng biên giới Việt – Tàu và không giúp vũ khí cho các nghĩa quân của ta nữa.

Anh cử Sắc phân trần:

– Quốc vận lạc vong nan hiệu lý (25). Cho nên, tôi đã tính việc học thêm ở Quốc tử giám để rồi lại thi Hội khoa Mậu Tuất (1898).

– Nhưng – anh cử Quý hỏi – loại học trò nghèo như cánh mình làm sao vô nổi cái trường của "hoàng gia, quý tộc ấy"?

– Tôi đã được ông Hồ Sĩ Tạo gửi gắm cho quan thượng Cao nhận là người thân thích. Trường Quốc tử giám đã nhận tôi vào và coi như một "ấm sinh" vậy.

– Vậy thì – nho San nói – tốt rồi. Anh cứ vô kinh đô học, tôi cũng tiếp tục ôn luyện để rồi dự thi Hương nữa. Còn anh Quý thì…

– Tôi vẫn cứ cái công việc – anh cử Quý đỡ lời anh nho San – "đít trẻ roi thầy", chờ thời thế…

Ba người trò chuyện cho tới lúc trăng lặn. Chị cử Sắc cũng đã ghé lưng xuống chõng, ôm bé Côn vào lòng.

———-

Chú thích:

(21) Các khoa thi nho học. Hội: Khoa thi mở ở kinh đô để các cử nhân vào thi trước khi thi Đình.

(22) kinh nghĩa là bài văn giải thích về những câu hỏi trong sách kinh điển. Chiếu là lời vua hiệu triệu, ban bố lệnh cho thần dân, biểu là bài văn của thần dân dâng lên vua để chúc mừng hay tạ ơn, bày tỏ điều gì. Văn sách là bài trả lời những câu hỏi nêu ra.

(23) “Thượng y y quốc” đại ý là: chữa được bệnh cho nước, là thầy thuốc bậc cao; “trung y y dân” là chưa được bệnh cho dân, là thầy thuốc bậc trung.

(24) Không đất để dung Cao Ngọc Lễ, Ngàn vàng khó chuộc Tống Duy Tân. Câu này còn được truyền tụng theo đúng luật đối chỉnh từng từ: “Vô địa khả mai Cao Ngọc Lễ-Hữu tiền nan mãi Tống Duy Tân” (Không có đất để chôn Cao Ngọc Lễ, có tiền cũng không mua nổi Tống Duy Tân). Cụ Tống Duy Tân là thầy học của tên Cao Ngọc Lễ. Tên Lễ đã lừa mẹo bắt thầy nộp cho bọn Pháp để được thăng quan tiến chức.

(25) Việc nước đang suy thì khó mà xoay xỏa.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 5

Sương sớm ám mái nhà. Tiếng chim cu gáy trên khóm tre làng xa văng vẳng. Nắng trải vàng rộm đồng quê. Bóng nắng núng nắng trước ngõ. Trên sân, Khiêm và Côn chạy ra chạy vào tíu ta tíu tít với mấy thứ đồ chơi quen thuộc mà hai anh em sắp phải xa chúng. Trong nhà, hai mâm cơm đã dọn sẵn, không ai muốn ăn trước cái cảnh người đi xa, người ở lại. Hai mâm cơm được đậy hai cái lồng bàn sơn son. Bà đồ tay luýnh quýnh điểm lại từng thứ đồ đạc trong hai cái thúng của con gái sắp đi theo chồng vào kinh. Bà nhìn trăn nhìn trở bó dép mo cau do bà làm cho con và cháu mang đi đường trường, nước mắt ướt mèm gò má nhăn nheo nhưng bà vẫn giữ vẻ thản nhiên trước con và cháu. Chị cử Sắc ngồi ở trong buồng với em gái và con gái. Chị dặn cô An lo toan những công việc nhà trong khi chị đi vắng, và thay chị làm mẹ dạy dỗ cháu Thanh. Chị lại dặn con gái ở nhà thay mẹ chăm sóc bà ngoại lúc trái gió, trở nắng.

Bóng nắng đã trải lên sân. Bà con hàng xóm và bạn hát phường vải lần lượt đến tiễn đưa gia đình "quan cử, vô kinh. Vợ chồng anh Thuyết, anh cử Quý, anh nho San đều đã có mặt.

Bé Côn chợt nhận ra đã đến giờ mình và anh cùng cha mẹ đi xa nhà. Côn chạy từ ngoài hè nhà sà vào lòng bà. Khiêm cùng chạy theo em, ôm choàng lấy cổ bà. Bà đồ ôm choàng lấy cháu, môi mím chặt không cho bật lên tiếng khóc. Phải một lúc nghẹn ứ cổ bà mới nói trôi mấy tiếng: "… Các cháu đi đường ngái (xa), bà lo lắm… Bà

ở nhà sẽ khấn tổ tiên phù hộ cho các cháu, cho cha mẹ các cháu được chân cứng đá mềm".

Bé Khiêm lắc lắc cổ bà:

– Bà! Bà lại khóc rồi!

Côn ngước mắt nhìn bà, lau nước mắt trên má bà. Nhưng hai mắt Côn lại tràn lệ, bà phải lấy chéo áo lau khô cho cháu.

Một không khí rộn rịp giữa kẻ ở với người đi. Chị cử Sắc xỏ chân vào dép mo cau, đặt gánh lên vai. Bé Thanh vẫn bịn rịn bên chân mẹ. Cô An, các cô bạn gái xúm xít quanh chị Sắc. Bé Khiêm đã chạy ra ngõ trước. Bé Côn cầm tay bà ngoại đi sau mẹ. Anh cử Sắc mang tay nải vải tây điều, ô gọng đồng mắc ngang khuỷu tay, chân đi dép da bò mỏng. Anh bước từng bước chậm rãi giữa đám bạn danh nho và anh em bên làng Sen sang tiễn đưa. Lúc đi ngang qua bờ giậu, anh cử Sắc lưu luyến nhìn những bông cúc mới nở. Anh cử Quý mỉm cười ứng khẩu:

Hoa cúc vàng vườn sớm,

Anh nho San tiếp:

Giậu tre xanh gió thu.

Anh cử Sắc giọng bùi ngùi:

Đường vào kinh muôn dặm,

Giấc hương quan hằng mơ…

Ngoài cổng làng, ông Xẩm cất lên những tiếng đàn bầu réo rắt và lời ca thảm thiết:

…Trách ông trời chuyển vận ra sao,

Thiệt công bao kẻ anh hào ra tay

Nước Nam ta sao lại có Tây,

Thần dân quyết đánh, vua rầy không nghe

Khăng khăng chịu khuất một bề

Muôn dân kẻ chợ nhà quê than thầm:

Nước Nam làm cho nước Tây ăn…

Lúc đám người tiễn gia đình anh Sắc đi tới cổng làng, ông Xẩm vẻ mặt âu sầu nói:

– Kẻ mù lòa này thường được cụ đồ ban lộc và được người trong gia đình quan cử Sắc dành cho những miếng ngọt miếng bùi. Nay quan cử đưa cả gia đình vô kinh, tui xin ca một lối để tỏ bày cái nghĩa nước tình làng ạ.

Mọi người dừng quanh ông Xẩm. Khiêm và Côn đứng sát ngay phía cần đàn, chăm chú nghe:

Chòm xóm náu lặng mà nghe,

Tôi xin ca một bài vè Đức ông.

Bao giờ đầu nhọn như chông

Xương đeo trước ngực, Đức ông sẽ về

Ông về non nước cùng về

Dân Nam hết ách nặng nề ngựa trâu.

Anh nho San nhìn mặt các bạn bè, vẻ trầm tư, nghĩ ngợi về bài ca của ông Xẩm. Anh cử Quý gật đầu, nói nhỏ nhẹ: “Đầu nhọn như chông? Vậy là cái nón thúng sẽ mất, cái nón chóp (nón bài thơ) sẽ thịnh hành. Xương đeo trước ngực? Cái khuy áo này – anh sờ lên khuy áo tết bằng vải – cũng sẽ thay bằng xương, bằng ngà. Còn… ông? Ông sẽ về?…” Nho San, cử Sắc, cử Quý nhìn nhau rồi im lặng bước đi. Bé Khiêm, bé Côn thì chỉ thấy thú vị về ngón tay đàn của ông Xẩm như biến hóa trên sợi dây đồng, trên cái cần tre mà tạo ra một chuỗi âm thanh trong như ngọc rót vào tai, xao xuyến trong lòng.

Đoàn người tiễn đưa gia đình cử Sắc đi xa dần. Chị cử Sắc là người cuối cùng chào ông Xẩm và chị đặt vào bàn tay ông mười đồng tiền hiệu Thành Thái. Tiếng đàn bầu của ông Xẩm vẫn văng vẳng theo ra phía đường quan và lan rộng trên cánh đồng nắng dát vàng thu. Tới con đường quan, anh cử Sắc dừng lại, đứng trước bà đồ:

– Trời khá trưa rồi, chúng con xin mời mệ về kẻo mệt. Vợ chồng con và hai cháu luôn luôn cầu mong mệ ở nhà mọi sự được bình yên. Dì An, cháu Thanh sẽ thay vợ chồng con sớm hôm chăm sóc mệ. Chừng nào con học đỗ đạt, chứng con lại sẽ trở về làm ấm tuổi già của mệ.

Bà đồ sụt sùi, tay xoa đầu hai cháu Khiêm, Côn:

– Các con… đi… đi cho chân cứng đá mềm.

Anh cử Sắc chắp hai bàn tay lại, giơ lên vái: “Xin cảm tạ bà con, chú, bác, o, dì, bầu bạn đã đi với gia đình tôi khá dài đường đất.

Đến đây, tôi cầu chúc mọi người ở lại an khang…”. Anh cử Quý, nho San, anh Thuyết đều chắp tay vái lại anh Sắc. Chị Sắc nước mắt vòng quanh, bịn rịn với con gái, em gái và các bạn hát phường vải… Ai nấy giọt ngắn giọt dài, không muốn rời tay… Một cơn gió thổi cuốn theo những chiếc lá vàng, cát bụi chạy dài trên con đường nắng quánh. Bé Côn ôm chặt cổ cha, mặt vẫn ngoảnh lại phía sau gọi: “Bà a… ơi bà về nhớ…”. Những cái nón, dải khăn giơ lên vẫy theo và khuất dần sau rặng cây bên lối về làng Chùa.

Thành phố Vinh hiện ra trước mắt cậu bé Côn. Lần đầu tiên Côn thấy có nhiều đường tỏa ra như bàn cờ và nhà cửa ở san sát dọc theo đường dài tăm tắp. Côn càng ngơ ngắc trước những dòng người đi chân đất, quần áo rách rưới. Lại có cả những kẻ ngồi trên xe cho người kéo!

Côn níu chặt bàn tay cha, bước chầm chậm trên hè phố. Đôi dép mo cau ôm chặt dính vào hai bàn chân Côn thon thon như hai chiếc lá non. Côn chăm chú nhìn cảnh vật mới lạ trên đường phố, quên đói bụng, mỏi chân. Chị Sắc nhìn con, hỏi:

– Con đã đói bụng chưa? Mệ để sẵn khoai xéo cho hai anh em trong thúng nì.

– Khôông. Con khôông thấy đói bụng, mệ ạ.

Một người gầy gò, đội nón gỗ, chân đất, vấn xà cạp từ đầu gối xuống mắt cá chân, đang khom người về phía trước kéo chiếc xe gọng đồng mui trần. Trên xe, một người ngồi ngả hẳn về phía sau thành xe, bụng to vượt mặt, cái mũi to hình thuyền choán hết bộ mặt râu xồm xoàm, mắt mèo, miệng ngậm cái điếu như củ tỏi, khói xì ra đằng mũi. Côn siết chặt bàn tay cha, mắt chằm chằm nhìn theo cái xe kéo, chân bước sát gót chân cha, hỏi:

– Cha ơi! Răng… cái ông to đùng, bụng phệ lại nằm trên xe bắt ông gầy gò kéo đi, hả cha?

– Ê. Con… con nói nho nhỏ chứ. Tây… người Tây dương đó. Nước Nam ta đã mất cho người Tây dương rồi. Bây giờ họ bắt người Nam mình làm việc gì đều phải è cổ ra mà làm, con ạ.

Lặng lẽ đi bên cha một lúc, Côn lại sửng sốt nhìn dãy thành cao, hào sâu và trước cửa thành có lính gác, cờ tam tài (26) bay giữa nắng chói chang.

– Cha ơi! Cái nhà! Cái nhà của ai mà có hào bao bọc, có tường xây cao dày, cổng lại có lính gác vậy cha? Còn có cả cờ kia nữa!

– Không phải nhà mô mà là thành… thành Vinh con ạ.

– Những ai được ở trong đó, thưa cha?

– Có quan tổng đốc đứng đầu tỉnh. Còn có cả các quan bố chánh, án sát nữa, con ạ. Nhưng ngày nay, nước Nam ta bị người Tây dương chiếm đoạt mất rồi! Cho nên, bên cạnh quan tổng đốc người Nam còn có quan công sứ, giám binh người Tây, chúng cai trị dân mình qua đám quan lại bản xứ.

– Bản xứ là gì, hả cha?

– À à quên. Cha cứ quen miệng nói chữ như lúc trò chuyện với bạn bè. Còn nghĩa chữ bản xứ là nơi mình ở con ạ.

Côn hỏi, vẻ tò mò:

– Quan tổng đốc nào ở trong thành, hả cha?

– Mấy năm vừa rồi có quan Đào Tấn làm tổng đốc An Tĩnh. Vua vừa mới vời ngài về kinh làm quan thượng thư Bộ Công. Hiện giờ chưa có quan tổng đốc mới đến thành Vinh ni, con ạ… Mà con hỏi làm chi những việc đại sự ấy, chẳng có ích lợi chi cho con cả.

– Con hỏi chuyện để cha vui chuyện mà quên mỏi chân, con cũng vui chân đi bộ, cha đỡ phần cõng con.

Anh Sắc nhìn xuống đôi chân bé nhỏ của con, mỉm cười Chị Sắc nhắc con:

– Con chạy lên trước đi với anh cho vui.

-Con nỏ thích đi với anh Khơm (Khiêm) mô. Đi với cha được vui chuyện, chứ đi với anh Khơm cứ im ỉm chán lắm.

Khiêm vẻ ức với em, quay lại nói:

– Nhớ nhá… nhớ nhá. Từ rày đừng hòng tau bày cách dán dều (diều) cho nữa nhớ. Tau cũng nỏ cho chơi chung cá thia lia nữa.

– Anh không cho em chơi dều chung, chơi cá thia lia chung thì em cũng nỏ nhắc bài học thục trầm (thuộc lòng) cho anh nữa.

– Thục trầm! Thục trầm được “Trống tràng thành lưng lay bóng nguyệt”, rồi “Long lanh đáy nước in trời. Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng”, rứa mà lúc thấy dãy thành Vinh lại nói với cha: đó là cái nhà to! Êu ôi! Thục trầm như rứa có ích chi mô?

Bị anh chế, Côn phụng phịu chạy đến phía cha…

o0o

Con đường thiên lý vào kinh đô Huế thưa thớt bóng người. Những người "trẩy kinh" hầu hết đi bằng cáng. Thỉnh thoảng có những người phu trạm phi ngựa bụi mù mặt đường. Côn ôm lưng cha, mắt ghé theo bóng dáng chàng kỵ sĩ bay trên dặm xa mù tắp. Tiếng nhạc ngựa đọng lại trong tâm hồn hoang sơ của Côn.

Gia đình anh Sắc kết bạn với một số khách bộ hành để đỡ lo cướp lo hổ báo trên các chặng đường rừng hẻo lánh.

Hằng ngày chị Sắc dậy từ gà gáy đầu, thổi cơm, vắt mỗi người một nắm đem đi ăn trưa trên đường. Buổi chiều, lúc mặt trời chen xuống núi, vợ chồng anh Sắc lại đưa hai con vào nghỉ nhờ qua đêm ở những làng gần đường quan nhất. Nhiều hôm gặp trời mưa to, Côn ngồi ăn cơm nhìn ra sân, từng hàng bong bóng trôi lềnh bềnh. Côn muốn ở lại để tránh mưa và cùng anh Khiêm chơi trò đua thuyền lá trên sân nước. Nhưng sợ cha mắng, Côn vòi mẹ:

– Mệ! Mưa to quá. Đi không nổi mô, mệ ạ. Mệ xin với cha ở lại hôm sau trời tạnh ráo hẵng đi, mệ nhớ!

Khiêm hơi trề môi lườm em:

– Được cha cõng mà còn sợ mưa!

– Em cũng phải tự đi chứ, cha có cõng em cả ngày mô.

– Hừ. Lại còn được ngồi vô thúng để mệ è cổ gánh đi nữa. Mi sướng có kém chi mấy ông nằm trên cáng cho phu khiêng?

Côn lắc đầu nói với anh theo lối đọc vè:

Em ngồi trong thúng,

Mẹ gánh cân vai.

Mẹ đi đường dài,

Nghe em kể chuyện…

Chị Sắc mỉm cời, nói nhỏ nhẹ với hai con:

– Em nó còn bé bỏng, chưa thể đi dài đường đất được thì cha, mệ phải na bế đôi đoạn. Anh cả đừng nên tị nạnh với em, nghe không. Còn Côông thì phải chịu khó đi mưa đi nắng, làm quen với cái khổ dần đi, con ạ. Ở đời chẳng ai phải tập ăn sang mặc sướng mà phải rèn chí chịu khó, chịu khổ để nên người.

Nghe lời mẹ, Côn vui vẻ bám lưng cha, trùm kín tơi lá đi trong mưa gió. Vào đến đèo Ngang. Trời trong vắt. Gió biển gọi cây ngàn. Gia đình anh Sắc nghỉ chân trên bãi cỏ dưới chân đèo. Chị Sắc lúi húi soạn cơm nắm, cà muối để chồng con ăn cho chắc bụng trước lúc vượt đèo Anh Sắc giở sách lịch xem ngày, giờ… Bé Khiêm ngồi bệt xuống cỏ, ôm bàn chân tấy đỏ. Chị Sắc giục bé Khiêm:

– Mệ đã nhủ con là phải dầm nước đái của mình lên hai bàn chân thì khỏi… Nước đái nóng từ trong người ra là một liều thuốc quý đó, con ạ.

Lần đầu thấy dãy núi cao nằm chắn ngang con đường thiên lý, bé Côn đứng tần ngần, tay mân mê cái vuốt hổ bịt bạc xâu vào cái vòng bạc treo ở cổ, mắt đăm đăm nhìn lên đỉnh đèo Ngang. Gió biển lật lật tà áo năm thân, hai cụm tóc trái đào bay loa xoa quanh đầu mà bé Côn vẫn không hay biết. Bất chợt, Côn hỏi:

– Cha ơi cha, trên đỉnh núi kia có cái chi vắt qua núi, màu đo đỏ như sợi dây ngoằn ngoèo ấy cha?

Anh Sắc nhìn lên đèo:

– Ồ! Cái như sợi dây đo đỏ nằm ngoằn ngoèo trên núi ấy là con đường mòn đó con ạ. Lát nữa cha con mình sẽ leo lên đó rồi mới sang bên kia dãy núi được.

Côn nhảy lò cò, miệng líu lo:

Núi cõng con đường mòn

Cha thì cõng theo con

Núi nằm ì một chỗ

Cha đi cúi lom khom

Đường bám lì lưng núi

Con tập chạy lon ton

Cha siêng hơn hòn núi

Con đường lười hơn con

Anh Sắc gập sách lại, mỉm cười, mắt lấp lánh thêm vui nhìn hai đứa con trai. Chị Sắc thì phủi phủi bàn tay rồi xoa đầu bé Côn:

– Con nhìn phong cảnh mà vận ngay thành vần thành vè. Còn anh cả thì chậm chạp, thua em rồi nớ.

Khiêm phụng phịu:

– Nó được cha cõng trên lưng, con bì với nó mô được.

Côn ngồi thụp xuống bên anh, tay nhón miếng cơm nắm, thanh minh:

– Em lớn bằng anh, em cũng tự đi được như anh mà.

Anh Sắc giọng ân cần:

– Ăn quàng cho xong bữa để còn leo dốc kẻo tối giữa truông, các con ơi.

Mặt trời ngó xuống đỉnh đèo. Bé Côn đòi cha cho được tự leo lên dốc, lúc nào mệt thì cha hẵng cõng. Khiêm đi trước. Bé Côn níu bàn tay cha đi sau anh. Chị Sắc gánh trĩu vai đi sau cùng. Nắng xiên khoai, bóng bốn người đổ dài trên đèo thăm thẳm cao. Qua khúc lượn quanh sườn núi, gió lồng đẩy lùi lại, họ phải nhoai người lên phía trước, tay níu cây bên đường mới bước lên được từng bậc dốc… Bé Côn bám sát theo anh, bàn chân mum múp phải xòe ngón ra bấm vào mớm đá. Anh Sắc đi sau, một tay vịn cây, một tay đỡ lấy mông của bé Côn mà đẩy lên dốc. Chị Sắc áo sũng mồ hôi vẫn theo sát gót chồng con. Đằng sau chị Sắc còn có những tốp người đi vào kinh đô cũng đang tiếp tục vượt đèo. Trên đỉnh đèo cao. Gió lộng. Biển trải dưới chân đèo, xa mênh mang. Mọi người ngồi nghỉ chân, phanh ngực đón gió lành.

Bé Côn trầm trồ nhìn ra phía chân trời xa:

– Cha ơi cha! Cái ao… Cái ao lớn quá!

Anh Sắc cười, bảo:

– Biển đó con ơi.

Khiêm cũng nhìn theo hướng nhìn của em và quên cả bỏng rát trên hai chân, la to:

– Ồ, biển! Biển!

Côn lại chỉ trỏ:

– Ồ! Bò… con bò to lội trên biển!

Anh Sắc cười. Chị Sắc càng không nén được tức cười về cái nhìn ngộ nghĩnh của con. Anh Sắc giải thích:

– Không phải bò đâu, con ơi! Thuyền đó. Thuyền chạy bằng buồm theo chiều gió… con nhớ chưa?

Côn lại nhảy tâng tâng:

Biển là ao lớn

Thuyền là con bò

Thuyền ăn gió no

Lội trên mặt nước

Em nhìn thấy trước

Anh trông thấy sau

Ta lớn mau mau

Vượt qua ao lớn.

Anh Sắc bâng khuâng nhìn con và cảm thấy ở đứa con có thiên tư khác thường.

Côn ôm lấy cổ cha, bóng trải dài trên đỉnh đèo Ngang cao vòi vọi. Biển xanh xa vẫy gọi dưới chân bé Nguyễn Sinh Côn.

Từ trong triền núi xa xa vọng tới tiếng chim: Quốc… quốc gia… gia… quốc… quốc… gia… gia… Côn hỏi cha:

– Ở đây cũng có chim quốc và có cả tiếng chim chi đó nữa, nghe "gia gia", lạ quá, cha ạ.

– Vì có loài chim ấy kêu mà người xa đi qua đây đã vịnh thơ: "Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc… Thương nhà mỏi miệng cái gia gia…" (27)

Côn hai tay vẫn ôm chặt cổ cha, nhắc từng tiếng thơ "Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc" theo nhịp bước cửa cha xuống dốc đèo Ngang…

———-

Chú thích:

(26) Cờ ba màu, xanh, trắng đỏ (cờ nước Pháp).

(27) Thơ của Bà Huyện Thanh Quan

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 6

Sau một tháng đi bộ ròng rã trên con đường dài hàng trăm dặm, gia đình anh cử nhân Nguyễn Sinh Sắc vào tới kinh đô Huế. Anh đưa vợ con đến ở đậu tại ngôi nhà tranh ba gian, có một chái làm bếp.

Ngôi nhà này cũng trong một dãy nhà đồng loạt gần Viện Đô Sát, tại thành nội. Đây là nhà dành cho những viên chức nghèo và gia đình lính khố vàng ở nhờ.

Một ông già đầu bếp của đội lính khố vàng hết tuổi ở lính đưa vợ con về quê, đã nhượng lại ngôi nhà cho anh cử Sắc. Với ba gian nhà xinh xắn, anh Sắc bố trí một gian phía ngoài, gần con đường đi ra cửa hậu thành, làm chỗ dạy học cho hai con trai của mình và con em một số người quen thuộc. Gian giữa là nơi thờ gia tiên và kê bộ ván để tiếp bạn lúc ban ngày, tối là nơi ngủ của anh Sắc và bé Khiêm. Gian trong với cái chái nấu bếp là buồng, đặt khung cửi sát cửa sổ và lối đi ra nhà ngoài, nửa trong kê giường ngủ của chị Sắc và bé Côn.

Nơi ăn chốn ở đã ổn định, chị Sắc bắt tay vào công việc kéo sợi dệt vải, lấy công làm lãi để nuôi con giúp chồng ăn học. Anh Sắc vào học Quốc tử giám, đổi tên là Nguyễn Sinh Huy.

Nhưng bạn bè anh, bà con cùng xóm quen gọi ông cử Nghệ, bà cử Nghệ. Hằng ngày, anh đi bộ hàng dặm đường đến lớp học.

Trường Quốc tử giám ở tận bên tả ngạn con sông Hương, phía tây thành Huế, thuộc xã An Ninh Thượng, huyện Hương Trà. Những giám sinh hầu hết là con cháu nhà vua, con cháu các quan đại thần. Họ đi dự bình văn bằng xe song mã (hai ngựa kéo) hoặc xe song loan (gần như cái kiệu, do hai người khiêng). Quần là áo lượt, có tiểu đồng hầu tráp đi theo. Riêng anh cử Sắc thì vẫn cái ô gọng đồng cũ kỹ, đi guốc mộc. Sáng ra anh ăn qua loa với vợ con, mang theo đến trường một ít khoai lang, dăm ba quả cà hoặc đùm cơm độn ngô, khoai, chút cá mặn để ăn trưa. Xế chiều anh về nhà, bắt tay vào việc dạy học.

Nghe tiếng "ông cử Nghệ" chữ nhiều và đức độ cao, nhiều người đến xin cho con học. Vì bận học để thi Hội, anh Sắc không nhận nhiều học trò, anh kèm cho con học và dạy thêm năm em nữa, trong số đó có Công tôn nữ Huệ Minh, Diệp Văn Kỳ…

Lần đầu tiên đến kinh thành Huế, Côn ngơ ngác như chú nai con lạc giữa vườn hoa nhiều sắc màu rực rỡ và xen lẫn những cỏ gai khác lạ. Côn đi bên cha mà lại nhớ lời căn dặn của cha hôm đi thi Hội về: "Với cái tuổi của con, nghe điều gì, thấy việc gì đều là những bài học vỡ lòng…".

Côn và anh cả Khiêm được cha dẫn đi xem phong cảnh của đất "thần kinh" (28). Sau những cơn mưa, Huế ủ màu ảm đạm. Côn nhìn từng đám mây đực trôi trên bầu trời xám chì. Đỉnh núi phía Tây kinh thành, những làn mây quấn hình vành khăn, trắng xốp. Côn định hỏi cha tên của hòn núi mờ ảo giữa mây giăng như cảnh núi non trong truyện cổ tích thì trước mắt Côn đã hiện ra một dòng sông phẳng lặng. Côn thủ thỉ hỏi:

– Cha ơi… cha, con sông ni có tên gọi không hả cha?

– Có chứ con. Tên nó là Hương. Sông Hương.

– Nước sông ni thơm lắm phải không cha?

– Sao con nghĩ rằng nước của con sông ni thơm?

– Ờ nhà ta thường thắp hương cúng, con thấy thơm lắm. Con nghĩ… nước con sông ni cũng phải thơm thì người ta mới đặt tên nó là Hương, phải không cha?

Anh cử Sắc chỉ cười.

Không được cha giải thích về cái tên con sông đẹp như tên người con gái soi bóng kinh thành, Côn càng để mắt quan sát tỉ mỉ mọi cảnh sắc trên đất "thần kinh". Những cột khói bên sông, hình nấm, dát mỏng trên mái nhà ngói vảy rồng. Từng cơn gió đổ dài theo dòng sông xanh xa hun hút, kéo theo những lớp sóng lăn tăn như những nếp da nhăn trên vầng trán ông già mù ở làng Chùa mỗi khi ca những bài ca thương nước loạn ly…

– Nhà lầu đây, phải không cha?

– Đây là Ngọ Môn, tức là cửa chính của hoàng thành, con ạ.

Anh Sắc chỉ dẫn cho hai con của mình thấy nơi vua và triều đình nhà Nguyễn ở. Côn và Khiêm ngơ ngác trước những tòa lâu đài nguy nga. Từ lối cửa ra vào thành đến những bậc xây xuống bến Phu Văn Lâu đều ngợp mắt thơ ngây của hai anh em Côn. Cái hình ảnh cung điện nhà vua, chàng hoàng tử, nàng công chúa trong các truyện cổ tích được bà, mẹ kể cho nghe trong những đêm khuya ở quê nhà lại hiện đến chen lấn với cảnh tượng thực đang bày ra trước tầm mắt của Côn.

Côn nói với cha:

– Con ngỡ ở làng ta mới có những người đói rách, nhà cửa tồi tàn khổ sở. Đây là kẻ chợ, là kinh thành, nơi vua ở mà vẫn có nhiều nhà tranh lụp sụp, nhiều người quần áo rách mướp, có cả những người đi ăn mày nữa.

Anh Sắc giọng nghiêm khắc:

– Con còn bé, đừng vội nghĩ những việc của người lớn.

Bé Khiêm mắng em:

– Mới nứt mắt mà hỏi rặt chuyện của người lớn. Lần sau cha đừng cho nó đi chơi phố nữa, cha ạ.

Bé Côn xị mặt, cúi nhìn bàn chân mình in trên lát đường dâm dấp nước mưa của đêm hôm trước. Những cái ổ gà đọng đầy nước lúng liếng như con mắt ướt đau đáu nhìn trời. Bỗng nét dỗi hờn trên mặt Côn bay biến. Hai mắt Côn chớp chớp nhìn về phía có tiếng nhạc ngựa: Ba chiếc xe song mã đang chạy tới. Côn níu chặt bàn tay cha, đi nép vào mí đường thành, nhưng mắt vẫn không rời những cỗ xe phủ rèm gấm. Những người ngồi trong xe đội mũ cánh chuồn, áo xa-tanh kép thêu hoa cúc, quần là, chân đi hia. Lại còn có những bà mặc áo vóc, áo nhiễu, đội cái khăn có tới hàng chục lớp tròn như cái rế. Cả những con ngựa kéo các cỗ xe cũng được khoác trên mình bộ đồ thêu nhiều màu sặc sỡ từng chuỗi hạt cườm óng ánh. Côn rất thú vị về bộ lục lạc trên cổ ngựa giống như những quả sung xâu thành chuỗi, quả ở giữa thì to bằng trái ổi trâu.

Sau những cỗ xe song mã là những tốp lính đội nón dấu, vác súng dài, áo thắt đai ngang bụng, bước lật đật, mắt nhìn lơ láo…

Đi trên con đường về phía chợ Xép, mắt Côn bận rộn về dòng người đi lại tấp nập, nào cáng, nào xe, nào gánh nào khiêng vác, vẻ tất bật. Xen trong đám đông của dòng người nổi bật lên những cô gái áo tím, áo đào, áo nâu, nón thúng quai thao, nón gò găng, ô cánh dơi, ô trắng, ô đen… Côn níu tay cha lại:

– Cha ơi! Cha có tiền trong túi không hả cha?

– Con muốn mua cái chi nào?

Côn chỉ tay về chỗ bà già gầy gò, đội chiếc nón mê, trước mặt là chiếc mẹt con cũ kỹ, đứng bên cạnh bà già là hai chị em cô bé bằng sắp tuổi anh em Côn, gầy giơ xương, áo không, người lấm lem:

– Con muốn cha biếu ba bà cháu ăn xin rú một ít tiền.

Khiêm gật đầu:

– Ồ, Côn nó nói phải đó, cha ạ. Cha cho bà cụ ni ít tiền đi cha.

Anh Sắc vét trong túi áo được một ít tiền lẻ, bỏ vào mẹt cho bà cụ: “Chúng tôi biếu bà cháu cụ chút ít tiền mua lẻ gạo để đỡ lòng”.

Bà cụ chắp tay vái: “Lạy thầy… lạy cha con thầy mớ vái. Xin trời phật phù hộ cho cha con thầy được nhiều tài nhiều lộc”.

Hai đứa bé thì nhìn ba cha con người cho tiền một cách biết ơn. Anh Sắc bước chậm rãi, nói với hai con:

– Các con xem, những người đói khát đi ăn xin đầy đường thế kia, ta lấy đâu ra tiền của mà cho khắp lượt được? Vả lại, ta có cho họ một bữa ăn thì cũng chỉ là trợ đói cầm hơi được một ngày chứ chưa cứu họ thoát khỏi con đường đói khát.

– Con thấy số người nghèo nhiều hơn số người giàu, phải không cha?

– Phải rồi. Ở nơi nào cũng vẫn là cảnh người nghèo khổ đông hơn người giàu. Mà người giàu tiền giàu của thì ngồi trên đầu trên cổ người nghèo, các con ạ. Các con cứ hình dung cái nón chóp úp sấp nó thế nào thì sự sắp xếp kẻ giàu, người nghèo ở trên thế gian này cũng thế.

Côn hỏi lại:

– Tức là, số kẻ giàu chỉ bằng cái chóp mà người nghèo nhiều như cái vành nón, cha nhể?

– Đại để là như vậy

Vào tới cửa chợ Xép, Côn tần ngần nhìn hai dãy những thầy bói ngồi trên chõng tre, trước mặt là cái tráp, cái mai rùa… Người "kêu rêu" ngồi bệt dưới đất vái vái những người đi qua đi lại… ông già mù hát dạo ngồi trong mảnh chiếu con kéo nhị… Côn vụt nhớ về quê nhà: hình ảnh bà ngoại, dì An, chị Thanh, đàn gà trên sân, tổ chim sẻ trên hồi nhà, tiếng sáo diều đêm trăng, làn ví dặm của các cô phường vải, và ông già Xẩm ngồi trên manh chiếu bên gốc cây đầu làng. Bên tai Côn còn văng vẳng tiếng ông Xẩm nói: Mắt mù không đáng sợ bằng sáng mắt mà tim mù. Rồi ông thường ca: "… Trách ông trời chuyển vận làm sao… Thiệt công bao kẻ anh hào ra tay… Nước Nam ta sao lại có Tây…".

Hình ảnh ông già mù hát dạo đã thoắt biến vào dòng nghĩ lộn xộn của Côn. Và Côn đã bị hút vào những âm thanh ồn ào, cảnh tượng hỗn độn, náo nhiệt của chợ Xép. Hai anh em Côn muốn reo lên khi nhìn thấy hàng dãy những đồ chơi tết Trung thu.

Khiêm năn nỉ cha:

– Cha mua cho chúng con cái đầu sư tử và cái đèn ông trăng kia… cha…

Anh Sắc vẻ mặt thoáng buồn:

– Cha cũng muốn các con có những đồ chơi đẹp trong đêm tết Trưng thu đầu tiên ở đất "thần kinh" ni. Nhưng, cha sắp vào trường học, ta đành nhịn đồ chơi để tiền mua sách, mua giấy bút, các con ạ.

Anh Sắc đưa hai con đi khỏi khu vực bán đồ chơi, Khiêm và Côn đi bên cha mà vẫn ngoái nhìn trở lại những cái đèn ông trăng, những đầu sư tử… cứ nhảy múa trước ánh mắt thơ ngây.

Đến trước một cửa hàng sách, anh cử Sắc mua cho hai con bộ sách: Sơ học vấn tân và Ấu học ngũ ngôn thi. Anh nói với hai con:

– Hồi cha mới nhập môn (ý là mới vào trường) chỉ được chép bài do thầy đọc chứ không có sách riêng. Hai bộ sách ni là do người nước Nam ta soạn cho người Nam ta học.

Hai anh em Khiêm và Côn cầm hai cuốn sách, vẻ hào hứng nhưng vẫn chưa hết ước ao món đồ chơi tết Trung thu. Anh Sắc mua thêm bốn bộ sách: Minh tâm bảo giám, Luận ngữ, Trung dung, Mạnh tử.

Ra khỏi cửa hàng sách, anh Sắc nói với hai con:

– Số tiền mua mấy quyển sách ni bằng tiền gạo một tháng ăn của nhà ta, các con ạ.

Bé Khiêm nhìn cha, vẻ ngạc nhiên:

– Mất nhiều tiền rứa, cha? Răng cha chẳng để rồi mượn sách về nhà mà chép cho đỡ tốn tiền, hả cha?

– Anh Khiêm nói phải đó cha ạ. Cha chép phần bài học của cha, chúng con chép phần bài học của chúng con. Con thấy nhiều bữa mệ của con thèm trầu mà cố nhịn vì cau đắt, không dám mua cha ạ.

– Cái đáng chi tiêu thì không thể dè sẻn được, các con ạ. Học, phải có sách. Trong sách Ấu học ngũ ngôn thi cha vừa mua cho các con, cổ dạy: Di tử kim mãn doanh, hà như giáo nhất kinh.

Anh Sắc chưa kịp giải thích thì Côn đã hỏi:

– Nghĩa là gì hả cha?

– Tức là để cho con hòm vàng đầy không bằng dạy con một quyển sách. Các con rõ chưa?

– Sách nói hay quá, cha nhể. – Khiêm tấm tắc.

– Còn có câu nào hay như câu ấy nữa không cha? – Côn ngây thơ hỏi cha.

Anh Sắc cười:

– Quyển sách con đang ôm trong tay có những hai trăm bảy mươi tám câu, mỗi câu năm chữ. Các con rồi sẽ học lần lần bằng hết ngần ấy câu. Cha ngẫm thấy câu nào trong quyển sách ấy cũng đáng nhớ, nhớ để làm được như sách dạy. Chẳng hạn câu: Dưỡng tử giáo độc thư, thư trung hữu kim ngọc, nghĩa là: Nuôi con phải biết dạy con đọc sách, vì trong sách có vàng ngọc. Cho nên sách đắt

tiền, nhà ta còn túng thiếu, cha mẹ phải nhịn các thứ khác để mua sách cho các con học.

Nghe cha nói với một giọng trầm, tha thiết, Khiêm và Côn xúc động lặng người. Hai anh em đi bên cha, lặng lẽ ra khỏi khu chợ Xép. Anh cử Sắc để ý thấy nét mặt của hai con không hồn nhiên như cũ vì xúc động điều anh vừa nói. Anh càng hiểu thêm là con mình đã sớm cảm nhận được những việc của cha mẹ lo âu.

Trên đường, một cô bán chè mặc áo dài trắng, hai đầu gánh là những cái trẹt chồng ba, chồng bốn tầng bát chè đầy, đủ các loại chè, dáng đi uyển chuyển, giọng rao thánh thót. Khiêm và Côn níu tay cha dừng lại nhìn cô hàng chè đi như múa mà những bát chè đầy không hề sánh ra ngoài.

Anh Sắc ngỡ các con đói bụng, vòi ăn chè. Anh gọi cô hàng chè rong, nhưng cô ta chưa nghe thấu thì Khiêm đã kịp thưa với cha:

– Con ưa nhìn kiểu gánh chè như múa chứ nỏ thèm ăn chè mô, cha ạ.

Côn “hứ” anh một tiếng, nói với cha:

– Con… con có thèm chè ngọt cha ạ. Nhưng… con nỏ thích ăn ở dọc đường mô. Về nhà mệ nấu chè cho con ăn, thích hơn, phải không cha?

– Vì sao con lại không thích ăn quà ngoài đường – Anh Sắc hỏi Côn.

– Mệ dặn: Các con là con nhà có chữ thì phải biết trọng biết giữ… Đừng hám miếng ăn để rồi ai cho gì cũng lấy, gặp đâu ăn đó, mất nền nếp của con nhà lành.

– Phải rồi. -Anh Sắc nhìn hai con – Các con luôn luôn nhớ lời mệ dặn, là rất tốt.

Bóng ba cha con đổ dài trên đường lớp lớp bóng người qua lại. Bước theo cha, tâm hồn thơ ngây của bé Côn lắng vào âm vang chiều kinh đô Huế. tiếng trống thành điểm, tiếng ngựa hí ngoài đồn xa. Hoàng hôn buông xuống nhuộm tím dòng Hương Giang. Sương chiều thấp thoáng giăng sa. Tiếng chuông chùa bay bay trong bầu trời Huế. Khiêm, Côn bỗng giật mình vì những tiếng súng trên kỳ đài nổ vang. Chín hồi trống ở Ngọ Môn nổi lên gióng giả. Côn hỏi cha:

– Có chuyện chi rứa, thưa cha?

– Đã đến giờ đóng cổng thành đó con. Từ giờ trở đi không ai được ra hoặc vô thành nội. Chìa khóa cửa thành do một quan đề đốc giữ. Sáng mai quan đề đốc mới đưa chìa khóa cho người mở cổng, sau lúc đó súng lệnh và trống “khai môn”, các con ạ.

Ở thành nội không lâu, Côn đã có nhiều bạn học chơi thân mà thân nhất là Công tôn nữ Huệ Minh. Huệ Minh thuộc dòng dõi nhà vua, hơn Côn vài ba tuổi. Diệp Văn Kỳ là con ông Diệp Văn Cương người Sài Gòn, làm quan thông ngôn tiếng Pháp ít lâu cho vua Thành Thái, Kỳ cùng sắp tuổi với Côn. Tuy nhỏ tuổi nhất bé Côn vẫn làm trung tâm trong đám “học trò thành nội” của “ông cử Nghệ”. Côn thường rủ bạn ra chơi ngoài Phu Văn Lâu. Côn hay đặt câu hỏi với các bạn mỗi khi thấy một cảnh trí lạ, một việc lạ hiện ra trước mắt. Hôm đầu tiên ra ngồi bến đá gần Phu Văn Lâu, chơi trò “ném cóc nhảy” trên sông Hương, Côn nhìn về dãy núi phía tây nam thành Huế, hỏi Công tôn nữ Huệ Minh:

– Mệ (29) ơi mệ, con sông ni có tên là Hương, cái lầu kia là Phu Văn Lâu, cái cửa lớn ở chính giữa là Ngọ Môn, cửa bên là Thượng

Tứ, là Đông Ba. Vậy cái hòn núi tận xa kia tên là chi, hả mệ?

– Hòn núi nớ tên là Ngự Bình, Côn ạ.

– Ngự Bình… – Côn chau mày, hỏi gạn: – Hương Giang là sông thơm. Vậy… Ngự Bình nghĩa là gì, mệ có biết không?

– Hòn núi nớ thỉnh thoảng được hoàng thượng tới ngồi ngắm cảnh, nên gọi là "Ngự". Núi ấy lại giống như cái bình phong chắn phía Tây Nam cho cung thành nên gọi là "Bình".

Côn lại nói:

– Chỗ tụi mình thường ngồi chơi ni thì nên đặt tên là bến Ngự Đồng, nghe.

Công tôn nữ Huệ Minh hơi sửng sốt nhìn Côn, Khiêm thì trề môi: "Vẽ chuyện". Kỳ hào hứng: "Côn sáng ý lắm. Ta nên đặt tên cho những nơi chúng mình hay tụ họp nhau lại chơi".

Huệ Minh vẻ ngao ngán:

– Chúng mình đã phạm thượng! Vua là đấng thiên tử. Chúng mình thuộc quyền chăn dắt của vua. Cho nên từ quan chí dân không ai được làm việc chi ngoài sự quy định của nhà vua.

Côn chớp chớp mắt nhìn về phía điện Thái Hòa, nhớ lại đã có lần bà ngoại nói với Côn: "Vua là con trời…". Côn chưa thể tin mà thấy một câu hỏi hiện lên trong ý nghĩ, liền hỏi Huệ Minh:

– Trời là cha của vua sao trời lại để cho người Tây dương đến bắt vua nước Nam ta phải ở dưới quyền cai trị của họ?

Huệ Minh và cả đám bạn nhỏ mặt tái mét nhìn sang phía tòa khâm sứ, nhìn quanh bốn phía, sợ quan binh Tây nghe thấy.

Khiêm mắng em:

– Tau về mách với cha. Không thì… có ngày mi bị họ cắt lưỡi về cái tội nói nhảm, nghe.

Côn không chịu thua:

– Anh mách cha chuyện ni thì em cũng sẽ mách cha về tội anh đã ném chim trên cây gần đại nội, suýt nữa thì bị chú lính khố vàng chộp được.

Kỳ dàn hòa:

– Cho qua… cho qua hết. Còn cái chỗ chúng mình ngồi chơi ni thì gọi là "bến Ngự Đồng" như Côn nó đã đặt tên.

Công tôn nữ Huệ Minh dỗi bỏ về. Côn đưa đám bạn nhỏ ra bờ sông con chơi trò "nói điện thoại".

Dưới nắng trưa, con sông Đông Ba loang loáng màu đồng thau. Khiêm, Kỳ cầm cái ống bơ bưng bằng da ếch kéo theo một sợi dây tơ giăng dài bên sông. Côn và một nhóm khác cũng cầm một đầu sợi dây tơ ghim vào mặt ống bơ da ếch, lội sang sông. Côn nâng cái ống bơ lên miệng gọi: "A-lô… a-lô… nghe rõ không?" Có tiếng đáp: "Nói to lên… chưa rõ lắm!".

Chị cử Sắc từ trong thành cắp bên nách cái rổ đi ra phía bờ sông. Một bạn nhỏ thấy mẹ của Côn liền giục cuống cuồng: "Mệ của mi… Côn ơi! Trốn mau đi". Côn ngước nhìn về phía mẹ. Khiêm và các bạn nhỏ đều đã trốn vào bụi cây ven sông.

Chị cử Sắc vì bị nắng quáng nhìn mãi mới nhận ra con trai thứ của mình đang đứng trầy trầy giữa nắng bên sông. Chị gọi to:

– Côông! Về nhà ngay! Thằng Khơm mô nữa rồi! Ờ… Con nhà hư rồi, ra tận ngoài sông ni mà dầm nước! Chết đuối có ngày mất con ơi!

Chị Sắc ghé vào bụi cây bẻ một cái roi. Kỳ kéo tay Khiêm chạy lủi lủi dọc bờ sông, gọi với Côn: “Chạy mau kẻo mệ mi đập… Côn ơi…”. Côn không chạy mà rời khỏi bờ sông đi tới với mẹ. Chị Sắc tay cầm roi, giục:

– Về nhà nằm để mệ hỏi tội, mau lên!

Côn ngoan ngoãn đi về nhà. Đám trẻ thành nội cũng lục tục đi tít đằng sau. Về đến trước cửa, chị Sắc nhắc:

– Rửa chân đã rồi vô phản nằm sấp xuống!

Côn nằm úp mặt xuống phản, hai tay ôm lấy mông đít đợi những ngọn roi của mẹ. Chị Sắc ngồi xuống mé phản. Đám trẻ từ ngoài ngõ ngấp nghé nhìn vào. Chị Sắc dặt dặt cái roi xuống mông đít con:

– Côông!

– Dạ.

– Sao con không nghe lời cha mệ dặn? Đã biểu là không được ra sông chơi đùa, lỡ sẩy chân chết đuối!

Côn mếu máo, nói:

– Con trèo cây thì cha cấm, mệ nhủ: “Nhà có phúc sinh con biết lội, nhà có tội sinh con hay trèo”. Giừ con tập lội thì mệ…

Chị cử Sắc phì cười mắng yêu: “Tổ cha cấy thằng… Đã vụng chèo lại khéo chống!” Chị ném cái roi ra sân, vỗ mấy phát bàn tay xuống mông con và cười giòn, nói:

– Dậy! Mệ tha đòn cho rồi đó. Đi gọi anh Khơm về học bài. Cha ở Giám cũng sắp về rồi. Việc học là phải chăm chỉ. Học được nhiều chữ càng sáng mắt ra, con ạ. Mệ thường được nghe ông ngoại nói với cha con: “Chữ là mắt. Người không có chữ là coi như người mù ở thế gian”, con ạ.

o0o

Từ ban chiều, gió trở hướng xe mây về phía cửa sông. Kinh thành tĩnh lặng và lắng sâu vào bao la. Những cây đèn kính hộp đứng từng dãy dài quanh đường thành vào đại nội đã được thắp sáng. Ngoài Cồn Hến, những ánh lửa thấp thoáng như sao sa và ánh đèn li ti của các con thuyền neo trên sông bồng bà bồng bềnh, mặt nước từ phía kinh thành lên tận Kim Long sáng màu ngọc.

Nguyễn Sinh Sắc ngồi xếp bằng trên phản, cùng uống rượu với quan thượng thư Bộ Binh Đào Tấn. Ba mẹ con chị cử Sắc ăn cơm ở gian nhà dưới, không dám đụng mạnh đũa bát, không dám ho hay dặng hắng một tiếng. Sự yên lặng của đêm kinh thành như lắng đọng vào gia đình người học trò xứ Nghệ này.

Cậu bé Côn không chịu nổi cái cảnh vắng lặng kéo dài. Côn cứ ngấp nghé ở cửa buồng nhìn mặt quan thượng thư. Côn nghe mẹ nói thì thầm với hai anh em lúc quan thượng thư Đào Tấn vừa mới đến nhà mình: “Một vị quan đứng đầu một bộ trong triều đến nhà một học trò nghèo mà không có lính cận vệ, không người hầu tráp đi theo là hiếm có ở đời đó, các con ạ”. Côn vừa ngẫm nghĩ điều mẹ nhận xét vừa quan sát diện mạo quan thượng thư Bộ Binh Đào Tấn.

Côn cảm thấy cha mình với thượng thư Đào Tấn khác nhau về tuổi (30), giống nhau về cốt cách. Quan chỉ mặc có chiếc áo dài xuyến, quần bằng vải cát bá, chít khăn lượt, đi giày hạ (giày da láng, mũi nhái, hở gót), giống như cha lúc đến trường Quốc tử giám. Hai người ngồi vừa bình văn vừa nhấm nháp vị "rượu tiến" cửa quan Đào Tấn đưa đến. Nghe được điều gì của cha nói, của quan Đào Tấn nói, không hiểu thấu, Côn đến hỏi mẹ. Nhưng Côn không thỏa mãn về những lời mẹ dẫn giải. Côn lại tựa lưng vào thành giường của mẹ, nghe cha trò chuyện với quan Đào Tấn.

– Thưa cụ thượng, kẻ hàn sĩ này trộm nghĩ: Quan đi đôi với quyền. Quyền sinh quyền sát. Vì thế mới có câu: "Nhất tự cách trùng". Nhưng, cả xứ Nghệ chúng tôi, ai ai đều lưu lại trong tâm trí cái đức sáng của quan tổng đốc Đào Tấn.

– Những năm ngồi trên ghế tổng đốc ở xứ Nghệ là thời gian có ích nhất trong đời làm quan của tôi. Bởi vì, người xứ Nghệ rất coi trọng lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Đúng như người xa đã luận giải: Lễ – nghĩa – liêm – sỉ là bốn cái rường cột để giữ vững quốc gia. Nếu người trong nước mà vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô sỉ thì quốc gia ấy ắt sụp đổ và có thể bị diệt vong.

Nguyễn Sinh Sắc vẻ thành kính:

– Những bậc tai mắt ở Nghệ Tĩnh đều cho rằng, những vị thượng quan từ nơi khác đến chăn dân xứ Nghệ, chỉ có cụ thượng là bậc túc nho hơn cả.

– Xin đa tạ về lời khen cao giá ấy. Thực tình, tôi đến ngồi ghế tổng đốc An Tĩnh chẳng khác người phải lĩnh trọng trách đến "đánh trống ở cửa nhà sấm". Và cũng nhờ có được những năm sống trên đất Nghệ, tôi mới có thêm hiểu biết để sửa chữa vở tuồng Sơn Hậu,

nâng tình bạn giữa Đổng Kim Lân với Khương Linh Tá vượt lên khỏi quy tắc của tuồng cũ.

– Đôi câu đối của cụ thượng ghi ở ngay cửa Tiền thành Vinh đã khiến cho hàng nghìn con mắt tinh đời của dân xứ Nghệ thán phục.

Quan Đào Tấn nhấp rượu, môi hé nở tươi, đôi lông mày dài quá mắt chuyển động. Ông nói:

– Đó là một tấc lòng của kẻ công bộc cho dân xứ Nghệ.

– Thưa…. Không dám, thưa quan thượng thư. – Anh cử Sắc xuýt xoa về câu nói khiêm nhường của quan thượng thư Đào Tấn.

Quan Đào Tấn vẫn một giọng nhún nhường:

– Làm quan là làm người đầy tớ của dân chúng. Đó là điều tôi học người xưa. Ngày nay kẻ làm quan móc túi của dân mà không biết đỏ mặt nhiều vô kể. Nhưng dân không dám đuổi cổ quan đi là bởi quan nhiều quyền, dân không có thế lực. Thiết tưởng dù dân không làm gì nổi thì kẻ làm quan đục khoét của dân vẫn lưu ở trên đời một tiếng xấu: “Nhân bất khả vô sỉ”… (31)

– Thưa quan thượng: “Hành kỷ hữu sỉ” (32). Người xưa đã nói về những điều tốt đẹp ấy là rất quý, rất hiếm. Cái quý hơn, hiếm có hơn là quan thượng đã làm được những việc tốt đẹp trên bước hoạn lộ của mình. Vì vậy mà những học giả (người có kiến thức rộng) xứ Nghệ đã nhận ra được cái chân tâm (thật lòng) của quan thượng mà quan đặt vào đôi câu đối tại cửa Tiền thành Vinh.

Quan Đào Tấn hơi sửng sốt, nhìn cử nhân Nguyễn Sinh Sắc nâng ly rượu lên trước tầm mắt của hai người:

– Quan cử là người thứ hai, sau quan Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn, đã đọc ra cái điều sâu kín nhất trong đáy lòng của "Kẻ ở ẩn tại triều" này… Xin cạn với nhau ly rượu về sự tri ân, tri tri diện, tri tâm (biết người, biết mặt, biết lòng) và – nét buồn bỗng phủ lên gương mặt nhân từ của quan Đào Tấn – tôi xin báo một tin buồn với quan cử là: Quan ngự sử Phan Đình Phùng đã… từ trần trên núi Quạt.

– Ôi! Anh cử Sắc đánh đổ ly rượu xuống chiếu – Quan ngự sử mới bốn mươi… chín tuổi!

– Tin báo về triều – quan Đào Tấn giọng run run – là Nguyễn Thân đã cho binh lính tìm dược mộ quan ngự sử và đào lên, thiêu thi hài thành tro rồi nhồi với thuốc súng bắn xuống dòng sông La!

– Quan ngự sử và Nguyễn Thân đều được lịch sử lưu lại. Nhưng danh thơm thuộc về quan ngự sử, tiếng nhục của Nguyễn Thân dù rửa cạn nước sông Trà Khúc cũng không sạch.

– Tôi vừa làm xong câu đối điếu quan ngự sử, xin đọc để quý quan bình cho. Giọng quan Đào Tấn lúc trầm lắng xót xa, lúc sôi nổi, giận dữ. Qua từng chữ từng câu trong đôi câu đối, anh Sắc hiểu được những suy tư cao cả, sâu kín trong tâm hồn ông. Anh càng cảm thông và kính phục quan Đào Tấn, một vị văn quan đương tại triều này. Anh xúc động lau nước mắt. Ngọn đèn tọa đăng run rẩy. Gió lạnh tràn qua mái tranh để lại cái rét buốt trong nhà người học trò xứ Nghệ.

Côn mải nghe chuyện quên cả buồn ngủ. Lúc cha tiễn quan thượng thư Đào Tấn ra tận hàng đèn ngoài đường thành, Côn mới nằm xuống ôm lấy anh Khiêm cho ấm. Nhưng Côn còn hỏi với sang mẹ đang ngồi dệt vải:

– Ông Phan Đình Phùng chết là hết người đánh Tây, hả mệ?

– Ngủ đi con. Ngày con khôn lớn con mới hiểu cái việc hệ trọng ấy.

Côn nhắm mắt: hình ảnh chàng Thạch Sanh hiện đến. Côn lại mở mắt và vẫn cảm thấy ngứa ngáy trong lưỡi, nói:

– Nghe mệ kể chuyện Thạch Sanh, ước chi con cũng có phép thần thông, có cây đàn thần thì con cũng sẽ gẩy đàn cho giặc Tây ngủ hàng loạt, thu hết súng ống về, rồi nấu cho chúng một niêu cơm ăn mãi không hết, trải chiếu hoa trên đường, tống tiễn chúng về Tây.

Chị cử Sắc mỉm cười giục con:

– Đã biểu ngủ đi. Cha mi vô kia rồi. Ngủ đi con, khuya lắm rồi.

———————

Chú thích:

(28) Kinh đô của vua

(29) Dưới thời nhà Nguyễn, con trai thuộc dòng họ nhà vua gọi là mụ, con gái là mệ.

(30) Đào Tấn sinh năm 1845, Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1863.

(31) Người không biết xấu hổ thì không còn là người nữa (lời Mạnh Tử)

(32) Phải biết giữ mình, làm việc bậy là xấu hổ (lời Mạnh Tử)

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 7

Anh cử nhân Nguyễn Sinh Sắc lại rớt khoa thi Hội Mậu Tuất (1898). Một số bạn thân của anh Sắc đang làm quan tại triều Thành Thái khuyên anh thôi việc học, ra làm quan vì đã ba mươi lăm, ba sáu tuổi mà các con đã đến tuổi ăn học, vợ thường bị đau yếu luôn, cuộc sống trong gia đình càng ngày càng eo hẹp. Nhưng, anh cử Sắc vẫn không nao núng chí học của mình.

Quan thượng thư Bộ Hình (33) Đào Tấn thông cảm cảnh nhà túng thiếu và rất trọng nể cái chí, cái tâm của cử nhân Nguyễn Sinh Sắc. Quan Đào Tấn đã bàn bạc với ông Nguyễn Viết Chuyên, một người dưới quyền của ông tại Bộ Hình, nên đón cử nhân Nguyễn Sinh Sắc về dạy học trong nhà. Ông Chuyên người làng Dương Nổ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang. Ông có người con trai sắp đi thi Hương đang cần mời thầy dạy thêm. Nay ông Chuyên được quan thượng thư Đào Tấn mời giúp "ông cử Nghệ" nổi tiếng hay chữ và là người "học tài thi phận" về ngồi dạy cho con học ngay trong nhà.

Khi về Dương Nổ, anh cử Sắc cảm thấy việc ở trong gia đình ông Chuyên, một nhà quan khá sang trọng, không hợp với cảnh của mình có hai con theo ăn học. Anh cử Sắc nhận đến ở nhà ông Nguyễn Độ. Nhà ông Độ giàu, sẵn có ngôi nhà ba gian hai chái chỉ để thờ đằng họ nhà vợ. Ba cha con anh Sắc ở gọn trong ngôi nhà riêng biệt này. Gia đình ông Độ nhận phần nuôi cơm cả ba cha con thầy. Những học trò khác thì đóng tiền học hằng tháng cho thầy, tùy tâm của mọi người. Một số học trò cũ ở thành nội cũng theo thầy cử

Sắc đến Dương Nổ trọ học. Công tôn nữ Huệ Minh không thể đi trọ học xa nhà được.

Anh cử Sắc vừa phải đến Quốc tử giám dự các buổi bình văn, ôn bài để rồi dự thi Hội khoa Tân Sửu (1901), vừa phải hằng ngày dạy cho những học hò với nhiều lứa tuổi, nhiều trình độ khác nhau. Riêng lớp học trò chuẩn bị đi thi Hương có tới sáu người. Loại học trò nhỏ khoảng bảy, tám em. Côn bé nhất mà cũng có khiếu học trội nhất. Mới lên tám tuổi, Côn đã có một trí nhớ khác thường.

Hôm anh Sắc đi tiễn quan Đào Tấn về phụng dương mẹ ốm, anh ra bài cho lớp học trò nhỏ trong hai ngày phải học thuộc và viết trầm mười lăm trang, mỗi trang mười sáu dòng của sách luận ngữ. Anh Sắc đi hôm trước, sáng hôm sau đã về. Lúc về đến xóm Dương Nổ Đông, anh thấy Côn đang ngồi câu cá dưới bến với mấy bạn học. Đám học trò nhìn thấy thầy định chạy trốn, nhưng không kịp. Côn thì vẫn bình tĩnh đặt cần câu xuống, lấy bàn chân đẩn lên, khoanh tay trước ngực, lễ phép.

– Thưa cha… cha đã về… ạ.

Anh cử Sắc vẫn chưa nguôi cơn bực tức với đám học trò đang giờ học bỏ đi câu cá. Anh hỏi, giọng nghiêm khắc:

– Trò nào đầu têu cái việc đi câu cá giữa buổi học?

Mấy gương mặt thơ ngây nhìn vào mắt nhau lúng túng, sợ hãi. Côn hơi run, nói:

– Thưa.. thưa cha… con rủ… rủ bọn chúng nó đi ạ.

– Côn! – Anh Sắc quắc mắt. – Con phải nói lại.

– Dạ… thưa cha, con rủ các anh cùng đi chơi ạ.

– Sao vừa rồi con lại vô lễ, gọi các bạn học của con là “chúng nó”?

– Dạ, con sợ quá, nói líu lộn đó, thưa cha.

Anh cử Sắc mỉm cười. Anh hỏi Nguyễn Sĩ Khuyến:

– Hôm qua thầy đã dặn trò những gì lúc thầy ra đi?

– Dạ, thưa thầy… thầy dặn con ở nhà coi việc học bài, viết tập của cả lớp, không được rủ nhau đi chơi xa ạ…

– Trò nhớ lời ta dặn sao trò còn kéo nhau ra đây câu cá giờ này?

– Thưa thầy… anh Côn (34) bảo đi câu cá cho thoáng mát trong đầu rồi về học sẽ chóng thuộc bài.

Anh Sắc cố nén nụ cười, đôi môi tươi tắn hắn lên. Anh hỏi Diệp Văn Kỳ:

– Trò Kỳ đã học thuộc bài chưa?

– Bẩm thầy, con cũng chưa thục hết cả bài ạ.

– Trò Khuyến thuộc bài rồi chứ?

– Thưa thầy con cũng chưa thục hết ạ.

– Côn đầu têu việc đi chơi thì…

– Dạ… thưa cha, con đã thuộc cả mười lăm trang rồi ạ.

Anh Sắc nhìn con vẻ nghi ngờ. Anh định bụng “phạt” tại chỗ để Côn đỡ chủ quan. Anh bỏ cái nón dứa ra khỏi đầu, giục đám học trò:

– Cả các trò nữa, đi vô bóng mát để nghe Côn nó đọc bài coi.

Côn nháy mắt với Kỳ. Biết ý bạn, Kỳ lui lại sau nhặt cái cần câu đem theo đến bóng cây cổ thụ. Anh cử Sắc ngồi xuống bên gốc cây vẫy theo hai cậu học trò ngồi xuống bên cạnh; Côn ngồi đối diện với cha. Anh Sắc dáng ung dung kiểm tra bài học của con:

– Nào. Trò Côn bắt đầu đọc bài.

Côn khoanh vòng tay trước ngực đọc một mạch, không vấp một tiếng nào. Khuyến, Kỳ mắt tròn xoe nhìn bạn Côn đầy thán phục. Anh cử Sắc cũng ngạc nhiên trước trí nhớ ở cái tuổi lên tám của con trai mình. Anh bồi hồi liên tưởng đến cái đêm ngồi với bố vợ đốt hương trầm, uống rượu tìm chữ đặt tên cho con: Nguyễn Sinh Côn, tự Tất Thành…

Côn đọc xong bài học. Anh cử Sắc đưa cho Côn cái que bằng chiếc đũa:

– Con viết lên mặt đất bài học mà con vừa đọc.

Côn lấy bàn tay phủi những cỏ rác trên vuông đất. Côn quỳ trệt chân trái xuống đất, chân phải co xổm. mặt hơi cúi nghiêng nghiêng, tay viết lia lịa, chữ hiện lên từng hàng đều đặn kín cả ô đất màu gan gà.

Anh cử Sắc đặt bàn tay êm ái lên đầu con:

– Viết từng ấy dòng cũng đủ rồi con ạ.

Côn để cái que bút xuống, nhìn cha, thở một hơi dài nhẹ nhõm. Anh Sắc với cặp mắt nhân từ nhìn con, nói:

– Con đã thuộc bài, các bạn của con chưa thuộc mà con rủ bạn đi câu cá là phạm lỗi. Cái lỗi ấy là: con chỉ thấy phần mình đã xong, không nghĩ đến phần người khác, như vậy là ích kỷ. Con đã rõ chưa?

Côn hơi cúi xuống:

– Dạ, con đã rõ, thưa cha.

Mặt trời đã đứng bóng. Anh cử Sắc đi thủng thỉnh, ba cậu học trò bước theo sau trên con đường làng man mát bóng tre.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 8

Chị Sắc sống thui thủi một mình trong thành nội. Tuy chồng, con ở cách xa không đáng kể mà nỗi nhớ cứ trập trùng trong lòng chị. Hình ảnh bé Côn cứ cuộn tròn trong nỗi nhớ của chị suốt ngày. Nhất là về đêm, nằm một mình trong ba gian nhà trống vắng, chị Sắc càng thấy cái nỗi nhớ quẫy mạnh. Và từ nỗi nhớ gần kéo theo nỗi lo xa. Chị lo: Mẹ già như chuối chín cây. Ở ngoài quê nhà, không biết mẹ của mình trong mấy năm qua thiếu bàn tay săn sóc của vợ chồng mình, mẹ sống ra sao? Em gái mình liệu có làm tròn việc phụng dưỡng mẹ sớm hôm như mình đã dặn dò lúc ra đi? Bé Thanh vắng cha mẹ, nó có ngoan với bà, với dì không? Nó còn chăm học chữ với thầy Quý như lúc cha mẹ còn ở nhà? Việc đồng áng nó có chịu thương chịu khó vớ dì An không? Tay dệt, tay kim chỉ, chắc là nó có khéo hơn? Nó đã xấp xỉ tuổi mười sáu! Cái tuổi ấy mình đã sinh con đầu lòng! Mình đã sớm bước vào đời làm vợ, làm mẹ! Mình không có tuổi xuân bay nhảy như các bạn gái ở làng mình! Mình ru con nhiều hơn là được hát!

Chị cử Sắc – Hoàng Thị Loan chẳng những không khỏa lấp được nỗi nhớ người thân mà ngày càng thấy nỗi nhớ rộng thêm, sâu thăm thẳm. Chị đành phải bàn với chồng đưa bé Côn trở về thành nội ở với chị.

Cậu bé Nguyễn Sinh Côn lại sống bên cạnh mẹ trong những ngày tháng mẹ đau yếu sắp sinh em. Hằng ngày, Côn đi theo đám

trẻ trong thành nội hái cành củi khô trên các hàng cây cao để mẹ có củi đun bếp; chị cử Sắc hốt hoảng:

– Ấy chết! Con ơi! Ai bảo con đi mần cấy việc ni?

– Con thấy mệ phải lượm từng chiếc lá khô quanh nhà làm cái đun nên con giúp mệ một tay mà.

– Mệ đã dặn con không được trèo cây kia mà!

– Các anh lớn hơn con trèo bẻ cành khô ném xuống. Con ở dưới lặt xếp lại thành đống. Rồi các anh ấy chia phần cho con, mệ ạ.

– Nhưng mà… con phải học bài, phải tập viết cho chữ đẹp kẻo cha con về rầy mệ không nhắc con chăm chỉ việc sách đèn.

Côn kéo dài giọng:

– Ba a… ngày cha mới về ra bài một lần cho con học. Con chỉ nhẩm một buổi sáng là thuộc làu hết, mệ ạ – Côn lấy một cái gì đó trong túi áo ra khoe: – Mệ ơi, các anh ấy cho con con ve sầu. Thích lắm! – Côn nhấn ngón tay vào bụng con ve, tiếng “ve… ve…” cất lên.

Chị Sắc cười, nhắc nhở:

– Nước đái của ve sầu hôi, ngứa đó con ạ.

Vào bữa cơm, Côn thấy mẹ ăn ít quá, vẻ lo âu hiện lên trong ánh mắt của Côn:

– Mệ ơi!

– Chi rứa, con!

– Mệ… mệ đừng ốm, mệ nhớ!

– Mệ chỉ mệt trong người thôi. Vì mệ sắp sinh em cho các con mà.

– Mệ sinh em gái, chớ sinh em trai cứng đầu khó bảo, mệ nhớ!

– Răng con lại nói rứa?

– Cha bảo vậy, mệ ạ!

Chị Sắc nhìn con cười, một nụ cười chứa đựng ở bên trong nỗi lo âu… Côn đặt bát xuống mâm, cái mâm gỗ nứt đã tróc hết sơn, thủ thỉ:

– Mệ cho con theo mệ Công tôn nữ Huệ Minh vô xem lễ Vạn Thọ (sinh nhật vua), mệ nhớ.

Chị cử Sắc ngạc nhiên:

– Trời đất! Con to gan rứa! Là hạng thứ dân, ai để cho con vô nơi sân rồng, điện ngọc.

– Mệ Huệ Minh bảo trẻ nít chẳng ai để ý đâu mệ ạ, và mệ còn nhận con là em, cho con mượn quần áo hàng hoàng thân. Mệ đừng lo.

– Nhưng con vô chỗ đó liệu có ích chi?

– Dạo con ở quê nhà, con đã hứa với bà ngoại là lúc vô kinh đô con sẽ tìm cách nhìn bằng được mặt vua để rồi kể lại với bà khi con được về thăm bà…

o0o

Đến hết thiết triều các hoàng tử đi trước, tiếp sau là các chư công rồi tới các hoàng thân tiến vào điện Thái Hoà. Các quan văn, võ và các tôn tước từ tam phẩm trở lên đứng ở Đơn Bệ, từ tứ phẩm trở xuống đứng tại Long Trì. Tất cả các quan đều đứng theo thứ tự phẩm hàm đã khắc trên bảng đá nhỏ, gọi là phẩm sơn. Buổi lễ thiết triều này, viên khâm sứ và đám quan binh Tây cũng có mặt chố hố giữa điện Thái Hoà. Dọc hai bên Long Trì có có các đội nhạc. Ngoài Ngọ Môn, các đơn vị tượng binh, kỵ binh được dàn thành đội hình hướng vào sân rồng.

Từ trên lầu Ngũ Phụng của Ngọ Môn, vọi đồng nổi lên chín tiếng. Côn nghe cảm thấy rờn rợn, da nổi gai ốc. Nhưng hai mắt Côn giương rộng, không nhấp nháy, nhìn vua Thành Thái ngự trên kiệu rồng từ điện Cần Chánh, đi qua Đại Cung Môn vào điện Thái Hòa. Vua còn rất trẻ, mặt hơi trái xoan, mũi thẳng, mắt xếch, lông mày thanh, dài quá mắt, môi đỏ tươi, cằm có rãnh sâu. Vua đội mũ cửu long, tay cầm hốt ngọc, áo gấm, cổ đeo chuỗi ngọc sa xuống trước ngực chiếc kim thánh hình bướm trên đó đúc bốn chữ nổi bằng vàng: “Đại Nam Hoàng Đế”.

Vua bước lên ngai vàng, ngồi hướng mặt về Nam. Nhã nhạc nổi lên. Các quan làm lễ lạy vua năm lạy. Một quan đại thần hai tay nâng trước mặt một tờ hạ biểu (35), đầu hơi cúi, bước đi lừ đừ, mũ cánh chuồn rung ra rung rinh, bộ râu ba chòm màu cước phủ trắng ngực áo. Ông quỳ xuống trước ngai vàng, dâng lên vua tờ hạ biểu, các quan đều phủ phục xuống sân rồng và lạy tạ năm lạy nữa. Quan đại thần hạ biểu xong lui xuống. Quan thượng thư Bộ Lễ tiến lên tâu với vua: cuộc lễ Vạn Thọ đã xong. Vua nâng hốt ngọc lên phía trước quần thần và từ từ bước lên xa giá trở về nội cung… Sau buổi xem lễ Vạn Thọ về, Côn bị cảm, nóng dầu. Chị cử Sắc lo quá. Chị vừa sờ trán con vừa hỏi, vẻ hệ trọng:

– Có lẽ con đã nhìn mặt vua mà không được vua ưng nên bị quở phạt, hở con?

– Nỏ phải mô, mệ ạ. Con bị cảm là do con đứng bị gió hắt vô giữa mặt.

Côn thì thầm với mẹ:

– Mệ ơi!

– Chi rứa con?

– Con thấy vua, người nhà vua, các quan trong triều mặt mũi đều bình thường như mọi người mà sao họ sướng gấp vạn lần, còn dân lại không được lấy một lần là bởi tại đâu, hả mệ?

Chị cử Sắc tái mặt, bịt bàn tay lên miệng con:

– Ôi cha! Con còn bé mà… mà… Đã bảo ở gần cung vua con phải giữ mồm giữ miệng…

Mùa hè năm cuối cùng của thế kỷ mười chín.

Một hôm Côn đang cặm cụi hon từng đống lá dưới hàng cây thì một bà hàng xóm chạy ra, gọi:

– Côn ơi! Mẹ cháu đau bụng chuyển sinh rồi.

Côn hót vội những đông lá vào sọt, na bên lưng, chạy vội về nhà. Côn ném cái sọt lá vào một góc sân, chạy vào buồng với mẹ. Chị Sắc vừa rên vừa nói:

– Con có dám đi sang Dương Nổ gọi cha về ngay không?

– Con đi gọi bà mụ (bà đỡ) cho mệ đã.

– Mệ đã nhờ người đi mời bà mụ rồi.

Côn vội khoác cái áo năm thân, vừa đi vừa cài khuy. Nắng chiều xiêu xiêu trên thành nội. Bóng Côn ngã dài trên ngõ vắng ngập lá vàng rơi. Ngay tối hôm đó, anh cử Sắc cùng con trai từ Dương Nổ về thành nội. Chị Sắc đã sinh con trai. Anh đặt ngay tên cho đứa con út là Nguyễn Sinh Nhuận. Anh giải thích với vợ:

– Đã gần mười năm, nay nhà (mình) mới sinh thêm một lần nữa. Vì vậy tôi đặt tên cho là Nhuận. Nhuận nghĩa là thêm. Ví như "năm nhuận" là năm có dôi ra một tháng.

– Mình không đặt tên chữ cho con à? – Chị Sắc hỏi chồng. – Tự của nó là Tất Danh. Nhà nhớ cho con nhá.

Chị Sắc nhẩm nhớ trong trí: Nguyễn Thị Thanh, tự Bạnh Liên; Nguyễn Sinh Khiêm, tự Tất Đạt; Nguyễn Sinh Côn, tự Tất Thành; Nguyễn Sinh Nhuận, tự Tất Danh… Chị Sắc muốn được trò chuyện với chồng nhiều, nhưng trong người mệt luỗi như muốn đứt hơi! Anh cử Sắc quạt muỗi, đắp chăn vải mỏng cho hai anh em bé Khiêm, Côn ngủ. Anh khơi to ngọn đèn, giở bộ sách thuốc ra đọc. Anh kê từng vị thuốc ra giấy và nỗi lo lắng về tình trạng sức khỏe của vợ dấy lên trong lòng anh. Anh trăn trở mãi và đành phải cho vợ biết ngay việc anh sắp phải đi xa:

– Nhà vừa ở cữ, lại không được khỏe. Tôi thấy khó xử với lệnh trên truyền xuống giữa lúc cảnh nhà quẫn bức này.

– Có chuyện chi mà hệ trọng lắm vậy nhà?

– Quan tế tửu mới vừa chuyển lệnh của quan thượng thư Bộ Học chọn cử tôi đi Thanh Hóa coi thi Hương.

Chị cử Sắc thở dài não nuột:

– Cổ nhân đã dạy: “Sứ trời sớm giục đường mây, phép công là trọng niềm tây xá nào” (36). Nhà cứ yên tâm đi làm việc lớn mà triều đình đã sắp đặt. Việc nhà, xin nhà đừng bận tâm lo nghĩ nhiều mà hao tổn tâm thần, nhãng sao phần đèn sách.

– Thi cử là công việc tuyển chọn người học vấn chân tài. Tôi không thể từ chối được. Hiềm một nỗi… nhà… nhà đang bệnh… Bệnh sản sau ngày sinh nở là độc lắm. Tôi vắng nhà, việc lo liệu thuốc thang chẳng có ai. Bé Khiêm nó cũng sẽ đi với tôi. Bé Côn còn trẻ nít, nó xoay xở sao nổi cái công việc mà người lớn cũng còn thấy bất lực kia mà!

– Nhà cho con đi hầu tráp, tôi yên cái bụng. Mệ con tôi ở nhà sẽ tự lo liệu được mọi việc. Tôi lo cho cha con đi xa gặp phải lúc nhà không còn tiền, vì gần một năm nay, tôi đau yếu, thai nghén, không dệt được là bao…

– Tôi đi đã có tiền cấp phí của Bộ Học.

Hai vợ chồng anh cử Sắc bàn bạc việc nhà trong mấy hôm liền. Hơn một tháng sau, cha con anh cử Sắc lên đường đi chấm thi Hương ở Thanh Hoá.

Bệnh hậu sản của chị cử Sắc ngày càng nặng. Sức khỏe của chị suy sụp rất nhanh từ sau ngày anh vắng nhà.

Với cái tuổi lên mười, Côn đã phải nấu cháo, sắc thuốc, chăm sóc bệnh tình của mẹ. Hằng ngày, Côn còn phải bế em sang hàng

xóm xin những bà mẹ đang nuôi con thơ cho em được bú nhờ. Các bạn nhỏ trong thành nội cũng thường bế em giúp Côn đi xin sữa và gọi bằng cái tên thân mật: em Xin. Từ đó mọi người quên hẳn cái tên Nguyễn Sinh Nhuận.

Thấm thoắt đã hết năm 1900 – năm cuối cùng của thế kỷ mười chín. Côn sốt ruột hỏi mẹ:

– Răng cha và anh Khiêm đi hoài, đi mãi, chẳng thấy về hả mệ?

– Mệ cũng thấy bồn chồn. Cha con biểu đi chừng bốn năm tháng. Nay đã gần Tết rồi.

– Liệu cha và anh Khiêm có kịp về Tết ni không mệ nhể?

– Chắc là kịp. Nhưng mệ ngợ là cha con sẽ ghé về quê thăm bà. – Ngày Tết mà mệ chưa khỏi bệnh, cha, anh Khiêm vẫn chưa về, nhà ta mất Tết, con lại chẳng được ngồi canh nồi bánh tét, không được đốt pháo đón giao thừa!

– Mệ sẽ cho con tiền mua bánh pháo dài, con đốt bằng thích.

– Con thích có bánh tét, bánh chưng hơn, mệ ạ. Còn pháo thì để anh Khiêm đốt cho vui nhà trong ngày Tết chứ con không ưa tiếng nổ inh tai, nhức óc mô.

Đêm tháng chạp. Gió hú dài trên đường thành. Côn đặt tay lên ngực mẹ, hỏi:

– Mệ ơi! Mệ có làm sao không?

– Mệ không sao đâu. Con ngủ đi, trằn trọc mãi vậy. Chị Sắc thở dà i: – Con săn sóc mẹ ốm, lại chăm nom em nữa… e chừng con

sụp mất!

– Mệ đừng lo. Con vững lắm. Còn có các đứa bạn con, chúng nó tốt bụng với con lắm.

– Ừ. Con có những đứa bạn rất thảo miếng ăn, đối với con cứ như anh chị em trong một nhà ấy.

– Con bận mấy thì bận, con cũng giúp bạn con cách bồi bìa sách, đóng quyển học (vở học). Các bạn con cứ biểu con có hoa tay, mệ ạ.

– Phải rồi. Bạn đối xử tốt với mình thì mình càng phải ăn ở tốt với bạn. – Chị Sắc sợ con làm quá sức, dặn: – Từ mai, con đừng nấu nướng chi mà xách vịm (37) ra hàng cơm gánh hoặc con đến trại lính mua một suất cơm về ăn và nhá cho em. Con cần có thì giờ nghỉ, chơi nhởi con ạ.

Ngày 22 tháng chạp năm Canh Tý (10-2-1901), kinh thành Huế nhuộm màu ảm đạm. Nền trời chì. Gió hiu hiu thổi. Người đi chợ Tết đông như hội. Dưới sông, thuyền hàng, đò dọc, đò ngang đi về như mắc cửi. Nhiều người đã sắm hoa Tết, vác những cành mai, bưng chậu thủy tiên, vẻ hớn hở. Côn xách một vịm cơm trong cái gióng mây ba tao (38) vừa đi vừa theo dõi con chim sâu mới ra ràng đang nhảy nhót trên hàng cây hoa đại sau cửa Đông Ba. Côn định đặt vịm cơm xuống bãi cỏ đuổi bắt con chim con. Bỗng tiếng Công tôn nữ Huệ Minh gọi yếu ớt: “Côn… ơi! Mệệ… Côn… chết…… Côn… ơi…!”

Côn ném vịm cơm xuống. Cái vịm sành vỡ làm đôi, cơm tưng tóe trên vạt cỏ úa vàng… Côn chạy một mạch về nhà, miệng ra lớn: M… ệệ… Mệệ… ô… ii!

Một ông từ phía đại nội chạy tới níu lấy Côn và bịt miệng, không cho Côn khóc la:

– Náu lặng! Náu lặng ngay không thì mất đầu... Đây là nơi gần với cung vua, gần tòa sở các quan làm việc, không ai được la to, mi đã rõ chưa?

Huệ Minh, Kỳ và đám trẻ thành nội cũng chạy theo Côn về nhà. Côn mím chặt môi không cho bật ra tiếng khóc. Càng chạy nhanh càng dồn nén nỗi đau tắc nghẹn, nước mắt trào giàn giụa, đất trời quay tít trước mặt. Côn lại òa lên khóc khi thấy mẹ đã thõng một cánh tay xuống bên thành giường, một tay vẫn ôm vòng qua cổ bé Xin và bé Xin không biết mẹ chết cứ ngậm vú mẹ nhay nhay. Côn phủ phục xuống bên mẹ gọi: Mệ! Mệ! Mệ! M… ệệ ô…ii! Mẹ bỏ chúng con… sao… mệ… ôi! Cha…chưa… kịp… về… mệ… ơi!

Huệ Minh chạy vào bế bé Xin ra khỏi vòng tay thi hài chị cử Sắc. Bé Xin giãy nảy, chuồi chuồi chân, khóc thét… Ngoài sân, hàng xóm đã đổ tới khá đông và có tiếng nhắc nhở:

– Khóc khẽ thôi. Luật lệ cấm mọi tiếng động mạnh đó, nghe.

Nhiều tiếng tặc lưỡi và xuýt xoa:

– Tội nghiệp bà cử! Cha con ông cứ vẫn chưa về… Tội thân anh em bé Côn! Mệ chết mà chẳng có một ai thân thích ở gần!

– Giữa lúc năm hết, Tết đến mà mệ chết, cha vắng nhà, ở giữa đất khách quê người này, liệu anh em bé Côn sẽ sống ra sao đây?

– Vậy ra… ông bà cử Nghệ không có ai là người ruột thịt ở miệt ni à?

– Chẳng có một người nào cả.

– Vậy thì chị em xa, ta là láng giềng gần, mỗi người một tay để đưa bà Cử về nơi an nghỉ cuối cùng.

Vì luật của triều đình, những người chết trong thành nội không được phép làm đám ma ở đó, phải chuyển áo quan ra bên ngoài để hành lễ.

Kinh thành Huế nghiêng nghiêng dưới gầm trời u ám cuối năm. Chiếc quan tài bà cử Sắc – Hoàng Thị Loan – phủ chiếc chiếu hoa "song thọ", trên nắp áo quan đặt đĩa đèn dầu cháy leo lét, vật vờ. Sáu người đàn ông dàn ra hai hàng khiêng tay chiếc áo quan đi từ từ ra phía cửa hậu, tuần qua Đông Thành Thủy Quan. Nguyễn Sinh Côn, đầu đội khấu rơm, mặc áo đại tang, chống gậy, chân đất, đi sau quan tài mẹ. Huệ Minh bế bé Xin đi sóng bước với Côn. Một đoàn bạn nhỏ thành nội, tay cầm hoa huệ, hoa tam vị, cành đại… mặt em nào cũng buồn rượi đi bên Côn. Những người hàng xóm đi đưa đám bà cử Sắc phải đi phía cửa Đông Ba ra sông Hương đợi thuyền chở quan tài từ Đông Thành Thủy Quan tới. Chiếc quan tài đặt vào lòng con đò. Côn gục đầu xuống nắp áo quan mẹ. Ở đầu áo quan, sáp nến chảy dài và tụ lại thành cục, thành hòn dưới chân cây nến. Dòng khói hương cuồn cuộn. Bé Xin vừa mút tay vừa gào mẹ… Côn vừa khóc nấc dồn dồn, toàn thân rưng lên. Các bạn nhỏ thành nội xúm xít bên Côn.

Con đò chở áo quan tách khỏi bến, những chiếc đò chở người đưa đám nối theo sau.

Ngôi mộ bà cử Sắc đã được vun cao. Mọi người thành kính đặt một nắm đất cuối cùng lên mộ rồi lần lượt ra về. Người nào cũng ngoảnh lại, cám cảnh nhìn hai anh em bé Côn…

Bãi tha ma Nam Giao hoang vắng. Bóng chiều ôm tròn ngôi mộ màu đất mới nghi ngút khói hương. Côn phủ phục xuống lạy tạ trước tấm bia gỗ trên đầu ngôi mộ mang hàng chữ đen: Hoàng Thị Loan sinh năm Mậu Thìn (1868) tại làng Hoàng Trù, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, từ trần ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý (10-2-1901) tại kinh đô Huế.

Chôn cất mẹ xong, Côn lại bế em về với ngôi nhà hoang vắng trong thành nội. Bà con hàng xóm, các nhà có con học ông cử Sắc đều muốn đón anh em Côn về ở với gia đình họ. Nhưng Côn không đến ở nhà ai. Em còn nhỏ, đang lâm bệnh ỉa chảy, lại là ngày Tết, nhà nào cũng có cỗ bàn sang trọng, khách khứa đông vui người ta sẽ khó chịu về sự có mặt của hai đứa trẻ mồ côi mẹ này! Những đêm đầu tiên vắng mẹ, Côn thấy rờn rợn trong đầu. Bé Xin nhớ hơi mẹ, thèm sữa gào khóc; không dỗ được em nín, khổ quá, Côn khóc luôn với em. Tiếng “eng éc” của con chim cú lợn kêu từ đêm trước lại hiện đến trong Côn với cảm giác như bị cái cột nứa cứa vào bàn tay. Côn cất tiếng ru:

À ơi. Bồng bồng bế bế bồng bồng…

Cò con theo mẹ sang sông đắm đò…

À ơi đắm đò ướt hết thân cò…

Cò con cò mẹ lò dò sang sông…

Bồng… bồng… bế… bế… ớ… bồng… ơ… bồng…

Cái cảm giác sợ hãi đã bay biến thì nỗi cô đơn lại bao trùm lấy tâm trí Côn lúc cả kinh thành bay lên theo tiếng pháo giao thừa. Côn phải dỗ em bằng kẹo, bánh của các bạn đem đến cho. Tuy em Xin

chưa biết nói, Côn vẫn trò chuyện với em như nó đã tiếp nhận được mọi điều của anh nói ra:

– Em ăn cái bánh ni ngon hơn mọi thứ bánh khác, đây là lộc của đức Hoàng phi Thành Thái cho anh em mình đó. Em có biết không, mẹ Công tôn nữ Huệ Minh thưa với đức Hoàng phi về tình cảnh của anh em mình, cha mình là cử nhân, là giám sinh đang chấm thi ngoài tỉnh Thanh…

Mặc anh dỗ dành, nựng chiều, bé Xin vẫn không ăn bánh, không đòi bú và cả tiếng khóc cũng đang đuối dần! Côn bế em vào lòng, tựa lưng bên bàn thờ mẹ nhìn đau đáu trong đêm đen quạnh quẽ mịt mù…

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 9

Nguyễn Sinh Sắc về tới Thành Nội, bàng hoàng trước cảnh vợ đã từ trần, đứa con út đang hấp hối trên tay bé Côn.

Ông buông thõng hai tay, mắt mở to trống rỗng khi đôi mắt thơ ngây của bé Xin như hai dấu chấm đen ánh lên lần cuối cùng rồi lặn vào vĩnh viễn.

Chôn cất đứa con út xong, ông cử Sắc đưa hai con trai trở về Nghệ. Trên đường về, tâm trạng ông chẳng khác nào một danh tướng thất trận. Ông sẽ nói gì, nói thế nào khi về gặp lại người mẹ vợ cao cả đã hai lần bán ruộng gom tiền cho ông đi thi, vào kinh đô học; người đã nén tình cảm để con gái đầu lòng đi nuôi chồng ăn học. Nay trở về: vợ, đứa con út nằm lại vĩnh viễn bên bờ sông Hương…Suốt dọc đường thiên lý, hàng tháng trời, ông gặp lại những kỷ niệm của vợ chồng ông cùng đi vào lần trước. Và hình ảnh vợ quảy gánh trẩy kinh giúp chồng ăn học như dãy núi dài theo bước chân ông về thấu quê nhà.

Được tin cha con ông cử nhân Nguyễn Sinh sắc đã về, bà con họ hàng, làng xóm lũ lượt đến chia buồn.

Cụ đồ lưng đã bắt đầu còng xuống, ôm chầm ấy hai đứa cháu ngoại mồ côi mẹ, nhìn chàng rể về một mình, cụ kêu khóc như xé trời, thủng đất! Cô An thấy vắng chị chạy vào buồng ôm mặt nức nở. Thanh không thấy mẹ về, nằm lăn ra đất, ngất xỉu. Bà Thuyết và

mấy người nữa bế vội cháu Thanh vào nhà. Tiếng khóc trùm lên lũy tre làng. Bàn thờ bà Hoàng Thị Loan kê ở gian giữa của ngôi nhà cũ. Ông cử Sắc kính cẩn đặt lên bàn thờ tấm bài vị của vợ mà ông mang từ Huế.về. Mọi người thân lần lượt vào thắp hương và lễ vái…

Phan Bội Châu và Vương Thúc Quý phúng viếng một đôi câu đối bằng vóc trắng, mang dòng chữ.

Hai chục năm đầu gối tay kề (39), nghĩa vợ tình chồng gương sáng mãi;

Mấy bạn hiền bút nghiên khuya sớm, sân Trình cửa Khổng(40) bảng vàng tươi.

Trong dịp này quan Đào Tấn cũng cho lính hầu từ thành Vinh (41) mang lễ lên làng Chùa phúng viếng bà vợ ông cử Sắc.

Lập xong bàn thờ và làm lễ phát tang vợ cho bên nội bên ngoại xong, Nguyễn Sinh Sắc tính việc trở lại kinh đô Huế dự thi Hội, khoa Tân Sửu (1901), lòng ông đầy trở trăn: Ông vào kinh đô thi Hội khoa Ất Mùi (1895) tốn kém nhiều, mẹ vợ phải bán ruộng. Nhưng khoa thi ấy ông không đỗ ông lại đưa vợ và hai con trai vào Huế. Mẹ vợ lại bán ruộng lần nữa mới có đủ tiền cho ông trẩy kinh với bao hy vọng chàng rể trở về có “ân tứ vinh quy” bõ cái công nuôi chàng rể sách đèn.

Nào ngờ, vợ ông từ trần giữa lúc khoa thi sắp mở! Ông lại phải “gà trống nuôi con” về làng dựa vào mẹ vợ đã chồn lưng mỏi gối.

Mẹ vợ lại phải ẵm cháu ngoại thay con gái, và bán ruộng lần thứ ba, để có đủ tiền thuê xe phu trạm cho chàng rể kịp vào kinh đô ứng

thí. Ông Sắc lên đường vừa chân ướt chân ráo đã có người đến nhà cụ đồ An thủ thỉ:

– Cụ không có con trai. Con gái cụ đã qua đời, chàng rể thì trẻ chưa qua già chưa đến ắt còn phải tính chuyện bà kế, bà thiếp chứ. Vậy mà cụ không để ruộng làm của "lập tự", làm ruộng giỗ lại đem bán cho chàng rể đi học, đi thi những ba lần? Khoa thi này ông cử Sắc có chiếm được bảng vàng, vinh quy bái tổ thì họ Nguyễn làng Sen được tiếng thơm chứ cụ và họ Hoàng làng Chùa này được cái chi hả cụ?

Cụ đồ An cười. Giọng cụ trở nên bồi hồi:

– Cha tôi một đời đèn sách, bốn lần thi Hương cả bốn lần đều chỉ đỗ bốn cái tú tài. Dân làng gọi là cụ "tú đụp" Kẻ Sía. Tôi cũng được năm ba chữ cha dạy cho, lúc lấy chồng thì lại giúp chồng đèn sách, hai lần thi Hương ông nhà tôi cũng chỉ là "tú kép". Nay được chàng rể đang có chí cần công khổ học như cha tôi, như chồng tôi lẽ nào tôi không hết lòng? Cha tôi thường dạy: Ruộng không đẻ ra chữ được mà chữ sẽ đẻ ra ruộng. Có ruộng cả ao liền để lại cho con mà con dốt nát thì nó sẽ nướng vào canh bạc là trắng tay. Tôi bán ruộng cho chàng rể có chữ lẽ nào người có chữ lại ăn ở vô nghĩa, bạc tình?

Cụ đồ An – Nguyễn Thị Kép đã sáu tư sáu lăm tuổi. Răng cụ còn nguyên. Tóc chưa có mấy sợi bạc. Nhưng, cái chết của người con gái đầu lòng đã làm biến đổi hình hài của cụ. Nhất là hai con mắt khóc nhiều quá, màng kéo lên như làn khói mỏng. Đêm nào cụ cũng phải ôm chặt lấy cháu Côn như đang được ôm con gái thuở còn bé. Để bà khuây khỏa phần nào, Côn vòi bà kể chuyện cổ tích hoặc kể lại cho bà nghe việc Côn xem sân rồng, cung điện, ngai vàng… Đặc biệt là Côn được nhìn thấy mặt vua Thành Thái mà mắt Côn không

hề có làm sao cả. Rồi Côn sực nhớ hình ảnh ông già mù, Côn hỏi bà:

– Ông Xẩm đi hát dạo ở đâu xa mà từ hôm cháu về nỏ gặp ông ấy, hả bà?

– Ông ấy chết đã hai năm rồi, cháu ạ.

Côn thở dài:

– Ông Xẩm mắt mù, nhưng chuyện chi ông ấy cũng biết. Vắng ông Xẩm, làng ta cũng giảm phần vui, bà nhể.

– Trước lúc trút hơi thở cuối cùng, ông Xẩm đã nhắc nhớ tên từng người trong làng mình. Ông ấy cứ nói cảm ơn, cảm ơn cha mẹ cháu có tới mấy lần.

Bỗng từ bên hàng xóm có những tiếng gào khóc, than vãn. Côn hỏi bà:

– Nhà ai có người chết mà họ khóc giữa giờ này, hở bà?

– Người ta khóc chồng, khóc con bị bắt đi phu làm đường Cửa Rào – Trấn Ninh đó cháu ạ.

Côn ôm chặt lưng bà. Tiếng khóc bên hàng xóm xói vào lòng, Côn không tài nào ngủ được. Côn thủ thỉ:

– Cháu đi từ kinh đô Huế về, trên đường, người làm phu mở đường đông như kiến ấy bà ạ. Cháu thấy người Tây họ cưỡi ngựa, có cả lính người Nam đi theo. Ông Tây có cái roi gân bò dài quất xuống đầu, xuống lưng những người gầy gò áo quần rách mướp, không giơ nổi cái cuốc!

– Cái kiếp dân mình khổ hết đường vậy đó, cháu ơi! – Cụ đồ An vuốt nhẹ tóc cháu, giọng xúc động – Mười người đi phu chỉ thấy về lại được ba, bốn.

Cụ dằn từng tiếng:

Ông quan áp trước

Cậu lính áp sau

Roi quất vùi đầu

Thân phu đài coi rẻ

Áo mặc còn giẻ

Nón đội còn mê

Mãn hạn trở về

Ba phần còn một…

Lặng đi một lúc, cụ đồ đặt ngổn tay lên mi mắt cháu nhẹ nhàng nói:

– Khuya lắm rồi, ngủ đi cháu, kẻo mai cháu lại ngủ gật trong lớp học, thầy Quý sẽ phạt đấy.

– Bà ơi! – Côn nói, vẻ thận trọng. – Dạo ni cháu thấy chú giải San (Phan Bội Châu vừa đậu giải nguyên) thường dẫn nhiều bạn đến chơi nhà thầy Vương Thúc Quý. Cháu thấy các ông bạn lạ ấy cũng nhắc đến tên cha cháu. Cháu nhớ được tên của mấy ông như: Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Đặng Nguyên Cẩn, Đặng Thúc Hứa, Tôn

Gia Nhuận, Đặng Văn Bá, Lê Văn Huân… Hình như.. các ông bàn chuyện đánh Tây, bà ạ.

– Ấy! Phải kín miệng cháu ơi! Việc hệ trọng của những người tai mắt, cháu đừng có bép xép mà sinh họa lớn, nghe cháu!

Côn nằm im một lát, lại hỏi:

– Người tai mắt là người nào, hở bà?

– Người tai mắt là người có nhiều chữ, có chí lớn, lo nghĩ những công việc ích nước lợi dân, khác hẳn với những người thường. Chẳng hạn, các ông nghè, ông cử mà cháu vừa nói tên đó…

– Vậy cha cháu có được gọi là người tai mắt không bà?

thầy Vương Thúc Quý. Cháu thấy các ông bạn lạ ấy cũng nhắc đến tên cha cháu. Cháu nhớ được tên của mấy ông như: Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Đặng Nguyên Cẩn, Đặng Thúc Hứa, Tôn Gia Nhuận, Đặng Văn Bá, Lê Văn Huân… Hình như.. các ông bàn chuyện đánh Tây, bà ạ.

– Ấy! Phải kín miệng cháu ơi! Việc hệ trọng của những người tai mắt, cháu đừng có bép xép mà sinh họa lớn, nghe cháu!

Côn nằm im một lát, lại hỏi:

– Người tai mắt là người nào, hở bà?

– Người tai mắt là người có nhiều chữ, có chí lớn, lo nghĩ những công việc ích nước lợi dân, khác hẳn với những người thường. Chẳng hạn, các ông nghè, ông cử mà cháu vừa nói tên đó…

– Vậy cha cháu có được gọi là người tai mắt không bà?

– Phải. Cha cháu là người tai mắt.

– Cha cháu đi vô kinh thi Hội đến nay… lâu rồi mà nỏ có tin chi về, bà nhể.

– Đừng nhắc mà cha cháu sốt ruột, dễ bị vấp ngã trong lúc đi lại, cháu ạ. – Cụ đồ lại giục: – Ngủ đi cháu!

Côn nhắm mắt. Hương sen từ ngoài ao làng thoang thoảng quanh buồng ngủ. Trong phút chập chờn Côn thấy loáng thoáng búp sen xanh ẩn hiện trong đầm sen bát ngát giữa đồng quê. Bên tai Côn, tiếng chim đêm hè văng vẳng. Và có cả giọng ca của ông Xẩm tưởng hồi trong giấc mơ:

Nước Nam ta sao lại có Tây?

Thần dân quyết đánh, vua rày không nghe…

o0o

Nghe tiếng chim khách, từ trong lớp học Côn nhìn ra vườn. Những ngọn cây cúi xuống nhô lên, vật và vật vờ. Từng chiếc lá vàng chao rơi lấp loáng. Cả đám học trò đang cặm cụi tập làm câu đối bỗng giật mình nhìn ra vườn vì tiếng thốt bất ngờ của Côn:

– Ồ… ồ… Những trái tim… những trái tim vàng bay!

Thầy đồ ngồi bên án thư nhìn Côn, nghiêm giọng:

– Trò Côn đứng dậy!

Côn khoanh tay trước ngực đứng nghiêm. Gió ngoài vườn luồn qua cửa sổ, lật nhẹ tà áo dài của Côn lên phía trước, cái khăn vành

rế ôm choàng quanh đầu, trông dáng hình Côn như búp nấm. Hai con mắt Côn long lanh nhìn thầy. Giọng thầy đồ vẫn nghiêm:

– Đang trong giờ làm văn tập, tại san trò dám nói nhảm?

– Thưa thầy, con thấy những lá vàng rụng xuống như những trái tim bay lượn ạ.

Thầy đồ đưa mắt ra vườn, mỉm cười. Ông hỏi Côn:

– Trò đã làm xong câu đối chưa?

– Thưa thầy, con làm xong rồi ạ.

– Trò đọc to lên! Cả lớp chao mắt về Côn, chỉ có Nguyễn Sinh Khiêm là nhìn xuống trang sách trước mặt, nhưng tai vẫn ghé về phía Côn. Côn đọc rõ từng tiếng:

Chung Sơn vượng khí thành kiên cố,

Trắc Lĩnh đa vân thị lão niên. (42)

Hơn hai chục cặp mắt học trò đều lộ vẻ ngạc nhiên, khâm phục Nguyễn Sinh Côn. Thầy đồ đứng dậy, chống hai bàn tay xuống án thư, suy tưởng. Đôi mắt nhìn về phía Nguyễn Sinh Côn, ông hỏi:

– Có trò mô đã làm xong nữa không?

Cả lớp ngồi im lặng. Thầy đồ giọng ấm áp.

– Trò Côn ngồi xuống kẻo mỏi chân. Các trò ơi! Thầy dạy học từ ngày thầy mới có dúm tóc bằng quả thị, nay đã có những sợi bạc, nhiều người học trò đỗ đạt cao hơn thầy, đã làm tới quan huyện, quan phủ… Nhưng, thầy chưa hề ngạc nhiên với một học trò nào có

thiên tư như trò Nguyễn Sinh Côn! Thầy biết cái lẽ: Khen người trẻ tuổi đang ở trước mặt mình là có hại. Nhưng với trò Côn thì thầy lại tự cho phép mình làm trái với cái điều ấy. Bởi lẽ, cái thần sáng của trò Côn rất khác thường. Vốn chữ của trò Côn chưa có nhiều, nhưng cái tỏa sáng trong trí lự lại vượt ra khỏi lứa tuổi ấy. Như các trò đã rõ, thầy ra đầu đề bài tập làm câu đối: vế trên có "Chung Sơn" vế dưới có "Trắc Lĩnh". Chỉ có vậy mà Côn đã tạo nên một bức tranh hùng vĩ trong hai vế câu đối mà ta tưởng là của một thi nhân chân cảm (43). – thầy đồ chùng giọng – quả là "thi trung hữu hoạ". (44)

Chợt ông sửng sốt nhìn ra phía đường làng. Học trò nhìn theo thầy: một tốp lính và có cả tiếng nhạc ngựa đang phi về làng. Cả lớp học lắng xuống. Tiếng nhạc ngựa xa dần, vào sâu trong xóm. Thầy đồ nhắc nhở:

– Các trò chú ý. Nghe ta giảng tiếp…

Tiếng giảng bài của thầy đồ đều đều giữa ban trưa thoang thoảng hương. Từ nhà bên đã rộn lên những tiếng nói, tiếng cười hể hả… Một ông lão chống gậy trúc đi từ ngoài ngõ vào. Thầy trò rời khỏi án thư, đi ra cửa. Các học trò nhìn theo dáng đi khoan thai của ông lão và thầy học của mình. Ông lão giọng trang nghiêm:

– Xin kính báo với thầy: quê ta đã có hồng phúc. Ông Nguyễn Sinh Sắc đã đậu Hội thí, Phó bảng.

– Quan Phó bảng! – Thầy đồ mắt nhìn đằm thắm, nói giọng xúc động: – Quan cử Sắc của chúng ta đã… Đất quê ta đã có Phó bảng phát khoa!

– Quan trên đã sức giấy về… Cả huyện sẽ đón quan "vinh quy bái tổ".

Thầy đồ nói với học trò:

– Hôm nay thầy cho các trò nghỉ sớm…

Đám học trò tay xách ống bút, tay cắp cặp sách tỏa ra các ngõ đường làng. Hai anh em Côn lâng lâng nhìn những lá vàng bay xoay xoay trong nắng xế chiều.

Côn chạy lên trước anh Khiêm. Côn ôm cả sách, cả ống bút chạy ùa thẳng vào nhà tìm bà, báo tin mừng. Không thấy bà ở trong nhà trên, Côn xuống nhà ngang, sang nhà thờ mẹ, vẫn không thấy bà. Côn đứng thừ ra trước bài vị thờ mẹ, hai hàng nước mắt trườn chầm chậm trên má.

Cụ đồ An từ ngoài ao sen đi vào thấy cháu đàng thẫn thờ bên bàn thờ mẹ, cụ nén xúc động dừng bước bên gốc cây thị. Côn rời khỏi bàn thờ mẹ, thấy bà, liền lau nước mắt bằng ống tay áo, chạy ra với bà. Từ ngoài ngõ, ông tiên chỉ của làng dẫn đầu một đoàn người, bưng theo cơi trầu, chai rượu. Cụ đồ hơi bối rối chưa biết có chuyện gì. Mọi người chào cụ rối rít. Cụ mời họ vào nhà. ông tiên chỉ đặt trầu rượu lên án thư, giọng ông hơi trầm:

– Thưa cụ chúng tôi được hội đồng lý hương ủy thác tới đây kính báo với cụ và thân quyến việc quan Nguyễn Sinh Sắc đã đem vinh hiển về cho nhà, vinh hoa cho làng xóm, quan là người đầu tiên ở đất này chiếm được bảng Hội thí…

Cụ đồ nước mắt lưng tròng, hai bàn tay nhăn nheo bấu chặt lấy thành tràng kỷ mà chân vẫn không hết run. Cụ hỏi, lưỡi hơi líu lại:

– Thưa… thưa quý cụ… xin quý cụ dạy biểu cho mệ con, bà cháu nhà tôi phải làm chi bây giờ?

– Quan Phó bảng sẽ vinh quy về bên quê nội. Mọi việc đều có hội đồng hương lý lo liệu. Cụ cứ bình tâm.

Cả buổi chiều, nhà cụ đồ người ra vào nhộn nhịp như ngày Tết. Mâm cơm đã dọn ra từ lúc gà mới lên chuồng mà vẫn đậy lồng bàn, chẳng khác gì cái ngày vợ chồng ông Nguyễn Sinh Sắc đưa cả con cái lên đường vào kinh đô Huế ăn học.

Đêm tĩnh mạc. Tiếng mõ rao lõm lồi trong làn gió tây nam: Chiềng làng… chiềng xã… cốc cốc cốc… thượng hạ khắp nơi … cốc cốc cốc… nghe rõ từng lời… cốc cốc cốc… mà làm cho đúng… cốc cốc cốc… Quan trên hoả tốc… cốc cốc cốc… sức xuống dân ta… cốc cốc cốc… chọn đất dựng nhà… cốc cốc cốc.. đắp đàng, trải chiếu… cốc cốc cốc… Nào cáng, nào lọng… cốc cốc cốc… Nào trống, nào chiêng… cốc cốc cốc… xuống tận tỉnh đường cốc cốc cốc… rước quan Phó bảng… cốc cốc cốc… là Nguyễn Sinh Huy… cốc cốc cốc… bái tổ vinh quy…cốc cốc cốc… Chiềng làng… chiềng xã.. cốc cốc cốc…

Cụ đồ cô An, chị Thanh, anh Khiêm, bé Côn nghe tiếng ông mõ rao đều nao nao trong lòng. Niềm vui, nỗi buồn chen lấn nhau trong tâm hồn từng người. Không khí trong nhà lặng lẽ chẳng có vẻ gì là nhà của một ông “tân khoa Hội thí” sắp vinh quy.

Đêm sang canh. Tiếng lá rơi nghiêng xuống mái nhà phát ra một âm thanh mỏng thiếc. Cụ đồ nghe tiếng con cháu thở đều đều trong giường. Cụ rón rén bưng cây đèn đi sang bàn thờ người con gái xấu số, Hoàng Thị Loan. Cụ gục đầu bên bàn thờ con, không để tiếng khóc bật to, toàn thân cụ rung lên, cái bàn thờ cũng rung theo. Nước mắt đổ ra nhiều mà nỗi đau đớn vẫn không vơi. Cụ ngước lên, nhìn bài vị và thầm trò chuyện như có mặt con:

– Loan ơi! Từ chốn kinh đô xa xôi con có về thấu nhà lúc ni không con? Hay linh hồn con còn vảng vất bên chồng con trên đường vinh quy. – Cụ lại nức nở: – Con ơi! Mười sáu tuổi con đã phải dành tiền chéo áo, đụm gạo chéo khăn để nuôi chồng đèn sách. Giừ chồng con được thành đạt thì con đã khuất núi! – Cụ đồ lại gục xuống bàn thờ: – Loan ơi! Con rời chồng giữa cái tuổi "trẻ chưa qua, già chưa tới"! Chồng con không thể đứng vây để "gà trống nuôi con" được. Chồng con ắt phải có đôi có lứa với một người khác, người đó sẽ cư xử ra răng (ra sao) với các con của con?

Tiếng gà gáy đầu cất lên mở cửa chân trời. Cụ đồ chợt nhớ là đêm đã tàn. Cụ bưng cây đèn, rời bàn thờ con gái trở về buồng. Cụ dừng lại bên giường cháu Khiêm. Cụ giắt chặt chiếu đắp che kín gió cho cháu ngủ ngon. Bước đến bên giường cô An, cụ sững sờ nhìn vòng tay của con gái kê dưới đầu cháu Thanh. Nước mắt lại giàn giụa xuống má, cụ lẩm bẩm:

– Giá con An nhà mình chưa nhận trầu ăn hỏi… Giá mà mình có một đứa con gái nữa… Mẹ mất thì bú vú dì. Dì thay chị làm mẹ các cháu thì còn chi bằng!

Cụ thắp hương vái vái trước bàn thờ chồng: "Ông ơi! Con rể, người học trò của ông đã đạt được cái điều ông từng mơ ước… Chắc ông đang mỉm cười nơi chín suối!".

Cụ ghé lưng nằm xuống giường, ôm chặt lấy bé Côn.

o0o

Sương sớm rung theo tiếng trống làng. Cả một vùng quê dậy lên cái âm thanh náo nhiệt: Trống đại, trống dờn, trống thủ cổ, chiêng,

chũm choẹ, đàn bát âm.

Trên con đường quan, nắng trải mịn vàng. Dẫn đầu đoàn rước là người làng Sen, làng Chùa. Tiếp theo là người các làng trong xã Chung Cự rồi các làng thuộc tổng Lâm Thịnh và các tổng khác của huyện Nam Đàn.

Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Côn xứng xính trong bộ áo dài đứng ở hàng đầu đoàn học trò. Hội đồng lý hương của mỗi xã đứng theo đơn vị xã mình. Một ông lão chít khăn mỏ rìu đỏ, ngang lưng thắt đai vàng, tay cầm ống vọi đồng nâng lên miệng, gọi dài giọng:

– Hàng… ngũ… đã… chỉnh… tề… nghe… ba… hồi… trống… tiền… trước… hậu…sau… tuần… tự… mà… bước…

Trống lệnh nổi lên. Cờ ngũ hành giương cao phía trước. Cả đoàn người rùng rùng chuyển bước giữa đồng quê tháng mười, tiến về thành phố Vinh.

Tại thành Vinh đã diễn ra một cuộc nghênh tiếp và tiễn đưa vị tân khoa Phó bảng Nguyễn Sinh Huy. Quan bố chánh vẻ mặt ủ dột đi đằng sau quan tổng đốc Đào Tấn, nói vẻ xúc xiểm:

– Thưa cụ Thượng, ngài là một đại quan đứng đầu một Bộ của triều đình, đương kim tổng đốc, việc gì phải đi tiễn ra tận cửa Tiền một ông tân khoa vinh quy?

Quan Đào Tấn cười mỉm:

– Tôi không làm nghi lễ theo phẩm hàm (thứ bậc trong hàng quan lại). Tôi đón tiếp, tiễn đưa một trí giả có học vị hơn tôi…

Quan tổng đốc Đào Tấn vượt lên khỏi quan bố chánh. ông sóng bước với quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy. Qua cửa thành, hai hàng lính bồng súng chào. Hai người lính cáng bước đến. Quan Đào Tấn chìa tay mời:

– Kính mời quan tân khoa lên cáng hồi hương. Đám rước quan vinh quy cũng đã đợi đón tại địa phận cửa thành Tây.

Quan Phó bảng chắp tay vái:

– Đa tạ cụ Thượng và quý quan. Xin cụ Thượng cho phép kẻ hàn nho (học trò nghèo) này được giữ trọn nếp nhà. Đường đất từ đây về tới quê nhà chẳng còn xa nữa. Tôi rất cảm kích trước tấm lòng của cụ Thượng: “Thiên hạ chi sự thành ư đại độ chi chí sĩ, nhi bại ư hàn lậu chi tiểu nhân”. (45)

Quan Đào Tấn trở vào tỉnh đường, tốp lính vệ mang cáng không đi theo quan Phó bảng. Đoàn người đi rước quan Phó bảng vinh quy đã đợi ở ngã ba Cầu Rầm. Nhìn một bể người đông đảo, võng lọng, cờ quạt, trống kèn, quan Phó bảng lặng người, hai mắt chớp chớp, lắc đầu…

Viên lục sự huyện Nam Đàn thay mặt cho các hương chức và dân chúng trong miền, thưa với quan Phó bảng:

– Thưa quan tân khoa! Khi nhận được trát (giấy truyền lệnh) của quan trên sức về, từ quan trên đến thứ dân trong huyện đều vui mừng cho Nam Đàn, cho Chung Cự, cho Kim Liên, đất văn vật đã hun đúc thêm một bậc Phó bảng phát khoa. Ai nấy đều nô nức xin được đi rước quan vinh quy. Chẳng hay trong cuộc đón rước ni có điều chi không phải thì xin quan lớn nguyện lượng mà đại xá cho…

Quan Phó bảng đứng giữa đám đông, nói:

– Tôi thật không ngờ cái việc đỗ đạt của tôi đã gây ra sự mất công, mất việc của bao nhiêu người.

– Thưa quan Phó bảng, – lý trưởng xã Chung Cự trình bày – việc đón rước các vị quan tân khoa vinh quy là theo luật lệ của nhà vua xuống chiếu cho dân phải thi hành. Vậy kính quan trên lên võng để vinh quy bái tổ ạ.

– Tôi học được dăm ba chữ thánh hiền, nhờ phúc tổ chiếm được một chút khoa bảng. Tôi chưa làm được một việc chi có ích cho dân mà đã gây ra sự phiền nhiễu dân tình. Vả lại, từ nhỏ tôi ăn học, tôi lớn lên ở trong nhà bố mẹ vợ, nay tôi sẽ về đó, chứ về làng Sen tôi mô có nhà cửa ở đó?

– Thưa quan Phó bảng, quan đem vinh dự về cho làng xã. Nhân dân ai cũng được thơm lây. Cho nên dân làng Sen theo sự bày biện của hội đồng hương lý đã dựng nhà đón quan về quê nội để đúng với thể thức Vinh quy. Thực tình dân làng Hoàng Trù cũng định làm nhà to đón quan về bên đó.

Quan Phó bảng chau mày khi nghe việc quê nội, quê ngoại của mình đều muốn đua nhau làm nhà đón mình “vinh quy”. Ông nói giọng trầm trầm:

– Thưa tất cả bà con, thưa các thầy hào lý! Việc bà con dân làng thuận làm nhà cho tôi bên nội cũng như bên ngoại, thực tình tôi rất khó xử. Tôi không dám nghĩ một điều chí khác về tấm lòng vàng của dân làng. Nhưng nghĩ về mình thấy việc thi đỗ đại khoa của tôi chưa đem lại một chút lợi ích chi cho dân làng cả. Biết mô lúc tôi ra ngồi

ghế quan trường tôi lại trở thành cái nạn cho dân: “Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan” mà.

Cả khối người cười rộ và ào lên như sóng:”Không đâu, quan Phó bảng Sắc của chúng tôi sẽ là ông quan vì dân, thương dân…” Họ công kênh hai cậu con trai quan Phó bảng Sắc lên vai. Quan Phó bảng nhìn hai con mặt đỏ gay thẹn thùng. Ông nói với dân mà cũng là lời tự răn mình:

– Tôi luôn nhớ và làm theo bằng được cái điều: Thực kỳ thực bất hủy kỳ khí, ấm kỳ thụ giả bất chiết kỳ chi. Nghĩa là: ăn cơm xong đừng đập bát, ngồi mát dưới bóng cây chớ bẻ cành.

Cả khối người lại reo lên cùng tiếng trống tiếng chiêng. Quan Phó bảng Sắc chắp hai tay giơ cao qua đầu nói:

– Xin bà con để tôi cùng đi bộ về kẻo mất ngày mất buổi.

Các ông lý hương vẫn nài nỉ quan Phó bảng lên võng. Nhưng ông vừa đi vừa khuyên họ miễn cho ông phải nằm để người khác khiêng.

Quá trưa, đám rước quan Phó bảng vinh quy về tới con đường rẽ vào làng Sen. Nhân dân làng Sen và các làng bên đã đứng thành hai hàng dài. Đường trải kín chiếu hoa. Quan Phó bảng nhìn con đường về làng, hỏi ông tiên chỉ tay cầm bó hương nghi ngút và cái biển có bốn chữ “Phó bảng phát khoa”:

– Thưa cụ tiên chỉ, làng đón tôi về “vinh quy bái tổ” sao còn “rào” đường lại?

Ông tiên chỉ và mọi người đều dồn mắt xuống con đường làng rực rỡ chiếu hoa. Giọng ông tiên chỉ hơi run:

– Thưa thưa… thưa quan lớn…

– Ấy chết! – ông Sắc đỡ lời. – Tôi vẫn là dân của làng Sen chứ có khác chi mô.

Ông tiên chỉ bình tĩnh lại:

– Thưa quan Phó bảng, dân làng muốn được bày tỏ lòng cung kính lúc quan về vinh quy ạ.

– Câu nói đầu lưỡi của dân ta là: “Quan nhất thời, dân vạn đại”. Dù tôi đỗ đạt cao tới đâu, làm đến chức tước to lớn mấy, tôi vẫn là con người bình thường, người dân. Dân là gốc. Gốc rễ của tôi là đứa bé mồ côi cha mẹ, đi chân đất, ngồi lưng trâu, nay tôi nên người có chữ, “chữ là mắt” thì càng phải biết dạo lý, sống có đạo lý. Đạo lý là gốc. Chính kỳ bổn nhi vạn vật lý. Nghĩa là: Cái gốc đúng thì vạn sự được yên ổn.

Những chiếc chiếu trải được cuốn lại. Ông Sắc sải bước trên con đường làng khấp khểnh hố chân trâu. Ông đứng sựng, mắt đăm đăm nhìn ngôi nhà mới dựng, cô đơn giữa một khoảnh đất rộng quá tầm ước đoán của ông. Bà con đứng đầy sân, đầy vườn. Hai người bạn thân – cử Quý, giải San – và người anh – Nguyễn Sinh Thuyết – xúm xít bên ông. Những người bạn danh nho này đều nhận thấy ông Phó bảng Sắc không vui, đang có điều gì áy náy trong lòng.

Ông giải San hỏi:

-Chắc quan bác đang có điều chi đó không vui?

– Tôi thấy ngượng về sự đón rước ồn ào này và làng đã dựng cho tôi nhà quá lớn, vườn quá rộng.

– Cái nhà ngang để đun bếp là dỡ ở bên tôi đưa về đó chú ạ. – ông Thuyết nói.

Viên lý trưởng vẻ cung kính thưa:

– Bẩm quan Phó bảng, thể theo nguyện vọng của dân chúng và ý kiến chung của hội đồng lý hương thì cấp một mẫu bảy sào đất công điền để làm ruộng lộc điền, và bốn sào mười bốn thước làm vườn, dựng nhà năm gian để gia đình quan có chỗ trú nắng mưa. Lẽ ra dân làng phải xây nhà ngói rước quan về ở mới thỏa, vì lần đầu tiên trong lịch sử xã Chung Cự này, quan là người chiếm được bảng vàng Hội thí.

Một vị khác trong hội đồng lý hương thưa tiếp:

– Thưa quan tân khoa, dân làng còn mong muốn được bổ theo đầu người trong xã, góp tiền lại mở hội ăn mừng ba ngày, có hát trò nhà tơ, hát tuồng và hát chèo trong suất ba đêm liền…

Bà con đứng ở sân và tận ngoài đường đều hưởng ứng: “Phải mở hội ăn mừng… ăn mừng thật to mới thỏa dạ cái dịp vui hiếm có ni ạ”.

Vẻ mặt ông Sắc càng buồn buồn. Đôi lông mày nét mực tàu chuyển động lấp láy, giọng ông xúc động:

– Tôi rất cảm kích trước sự đối đãi hậu hĩ của dân làng, của hội đồng hương lý. Nhưng, tôi rất đau lòng, vì ruộng đất làng ta chia cho đầu người thì mỗi người chỉ được một mảnh đủ cho chó nằm thòi đuôi. Nhưng số ruộng đó hầu hết lại ở trong tay một số ít người. Nay lại dành cho một mình tôi những một mẫu bảy sào ruộng cày, bốn sào mười bốn thước đất vườn. Ồ! Chẳng hóa ra việc đỗ đại khoa

của tôi chưa thấy cái vinh dự cho dân làng là đâu mà lại là cướp ruộng, tức là cướp bát cơm của dân rồi! Bà con nghĩ coi, giữa ngày mùa ni mà nhiều nhà không có một hạt thóc để nhổ râu! Cho nên, tôi xin hoàn lại ba sào vườn, bảy sào ruộng. Tôi nhận một mẫu ruộng, nhưng dân làng cho tôi được quyền bán một phần nửa lấy tiền gộp lại với số tiền mà dân làng đã góp để ăn mừng; tất cả món tiền này đem chia cho những nhà nghèo nhất trong làng với mức nhà được ít là sáu tiền, nhà được nhiều là một quan. – Ông hạ thấp giọng: – Thiết tưởng, người đáng được ăn mừng nhất của cái ngày này là thầy Hoàng Xuân Đường, là Hoàng Thị Loan. Than ôi! Cả hai người ân nhân của tôi đều đã khuất!

Cả làng, những cặp mắt ướt nhìn về quan Phó bảng Sắc. Ông cử Quý xua tan cái không khí nặng nề bằng cách cho hai người chức sắc treo lên bức văn trướng bằng lụa và ông cất giọng đọc.

Tiếng tri âm trong bài văn trướng cứ lắng sâu, lắng sâu tận đáy tâm hồn quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Còn Nguyễn Sinh Côn lại ghi sâu vào lòng mình về những điều cha nói với dân làng trong buổi “vinh quy”.

———-

Chú thích:

(38)Một loại quang bằng mây đan, chuyên để xách hũ, liễn, nồi đất…

(39) Vợ chồng cụ Nguyễn Sinh Sắc ở với nhau được gần hai mươi năm

(40) Ý nói những người học chữ nho

(41) Đào Tấn lại được triều đình cử ra làm Tổng đốc An Tĩnh lần thứ hai, từ 1898 đến 1902

(42) Núi Chung khí vượng nên kiên cố

Non lĩnh nhiều mây hóa lâu năm

(43) Nhà thơ có cảm xúc chân thực

(44) Như có bức vẽ trong thơ

(45) Việc trong thiên hạ thành được là do ở người độ lượng lớn lao mà hỏng bởi ở đứa tiểu nhân bỉ lậu. Cụ Sắc mượn câu này trong sách “Vân Đài loại ngữ” của Lê Quý Đôn, ca ngợi Đào Tấn, khinh tên Bố chánh Nghệ An.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 10

Ong Sắc đưa các con về làng Sen ở, nhưng vẫn để cô Thanh con gái đầu lòng của ông, hằng ngày về làng Chùa săn sóc bà ngoại. Độ vài ngày ông về làng Chùa một lần. Cô Hoàng Thị An đã lấy chồng.

Những ngày đầu về ở ngôi nhà mới, Côn nhớ bà ngoại cồn cào ruột gan. Có những lần, đang đêm Côn thức giấc, đi một mình dưới ánh trăng khuya từ làng Sen sang làng Chùa về với bà ngoại. Cụ đồ An cũng nhớ các cháu đến mất ăn mất ngủ. Nhiều hôm cụ cảm thấy như người mất hồn, để cái gì ở đâu cũng chẳng nhớ nữa. Mà Côn là đứa cháu để lại trong lòng cụ nhiều nỗi nhớ bồi hồi nhất. Lúc giã trầu lại nhớ cháu Côn thường nhai trầu hộ bà. Bưng bát cơm ăn, cụ lại nhớ cháu Côn thường hay gắp tiếp thức ăn lên bát cho bà. Tối tối đau xương, đau mình, cụ càng nhớ cháu Côn ngồi cạnh đấm lưng an ủi bà. Cụ nhớ cả cái tính tinh nghịch của cháu Côn: Côn hay rủ đám trẻ trong xóm đi trêu chó để chúng sủa om sòm, bị người ta đến nhà rầy la bà ngoại.

Một hôm, cụ đồ An đang cho lợn ăn ở vườn sau, nghe tiếng bà hàng xóm nói to đằng trước sân: “Cụ tú ơi cụ tú ơi… cháu nhà bà…”. Bé Khiêm chạy vội ra mách bà về tội em Côn đi trêu chó nhà bên cạnh đang bị người ta đuổi sang tận nhà mắng mỏ. Côn chạy từ ngoài ngõ về, vào nhà bưng cái ghế đẩu của ông ngoại đem tới đặt trước bà hàng xóm mời:

– Cháu mời bà ngồi ghế có tựa lưng mà chửi cho đỡ mỏi chân ạ.

Bà hàng xóm nổi máu tam bành chạy thẳng ra sau vườn xỉa xói bàn tay trước mặt cụ đồ:

– Tui nể cụ… tui nể cụ… không thì… tui cho cậu ấy một trận nên thân trời đất… Con nhà khoa cử, nhà thầy, nhà quan có danh có giá mà nghịch ngợm như quỷ sứ như bầy bò vô học…

Cụ đồ chết lặng đứng! Lần đầu tiên bà bị một người hàng xóm chửi nặng lời, xúc phạm đến nền nếp gia phong, gia giáo… Vừa đau xót về những lời cay độc của bà hàng xóm, cụ vừa giận cháu, định đánh cho mấy roi, nhưng, nhưng bé Côn đã chạy lại ôm chầm lấy bà:

– Bà ơi!… Cháu đã thấy cái tội dại dột của cháu. Xin bà tha lỗi cho cháu! Từ rày trở đi cháu sẽ không còn dại dột như vậy nữa. Cháu cũng xin bà đừng mách với cha cháu, bà nhá…

Cụ đồ nguôi cơn giận. Cụ thấy cháu mình đã nhận thấy lỗi và hứa với bà sẽ sửa lỗi. Chiều, ông Sắc về. Bữa cơm chiều vẫn vui vẻ như thường lệ, cụ đồ ăn cơm ở nhà dưới với con gái Hoàng Thị An và người cháu họ ở giúp việc. Ba cha con ông Sắc ngồi cùng mâm ở nhà trên, nơi cụ tú dành ba gian làm trường học. Bữa cơm gần xong, ông Sắc và miếng cơm cuối cùng, hỏi:

– Hôm nay các con ở nhà học thuộc bài: Lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc (46), rồi chứ? Có mảng chơi quá không?

Bé Khiêm thưa:

– Dạ, chúng con đều học thuộc bài rồi. Chỉ có em Côn đi trêu chó…

Côn ngừng nhai miếng cơm trong miệng, mặt tái mét.

– Trêu chó thế nào?

– Thưa cha, em Côn đã đầu têu cùng mấy bạn nữa đến ngõ nhà bà Chắt ném mảnh sành vào sân trêu đàn chó săn đang nằm trên sân. Chó sủa dậy cả xóm. Bà Chắt sang nhà ta mắng trước mặt bà ta là "Con nhà khoa cử, nhà thầy, nhà quan mà nghịch ngợm như…"

Khiêm không dám nhắc lại nguyên những lời bà hàng xóm mắng. Ông Sắc để bát đũa xuống mâm. Bé Côn nắm chặt đũa, nhắm mắt lại đợi cái bợp tai của cha sẽ giáng vào má mình. Nhưng nghe tiếng cha thở dài, Côn mở mắt thấy cha lặng lẽ đứng lên, di tới móc áo. Cha khoác lên người cái áo dài đen, đi xuống nhà dưới. Côn, Khiêm đều nhìn theo cha…

Ông Sắc đứng trước cụ đồ, khoanh tay. Cụ đồ cũng đã buông bát đũa đứng dậy. Ông Sắc nói:

– Thưa mẹ, trưa nay, lúc con đi vắng, ở nhà cháu Côn đã gây ra cái việc nhỏ mà tai hại lớn, gia phong ta bị những lời xúc phạm. Con là cha của cháu Côn, con dại cái mang. Con xin lỗi mẹ và trước vong linh cha, trước vong linh nhà con, con chịu cái lỗi: "Phụ bất giáo tử hành tai" (Con làm điều tai hại do cha không dạy bảo).

Cụ đồ giọng xúc động:

– Sau lúc xảy việc, bé Côn đã biết lỗi của mình và có hứa với bà là cháu sẽ không còn nghịch ngợm cái trò trêu chó hàng xóm nữa. Anh đứng phận làm cha, nhận cái lỗi "con dại cái mang", mẹ đây là bà của nó, mẹ cũng có lỗi: "con hư tại mẹ, cháu hư tại bà".

Ông Sắc trở lại mâm cơm. Bé Côn vẫn ngồi không nhúc nhích. Bé Khiêm nhìn em đầy ái ngại và tự trách đã lỡ mách cha… Ông Sắc nghiêm giọng:

– Côn!

– Dạ… thưa cha!

– Từ ngày mai, mỗi bữa con bớt ăn một bát cơm. Cơm nước xong con quảy sọt đi lặt phân bò, chiều về tắm rửa xong, con vào án thư viết hai chữ Nhân Cách, khổ chữ hàng tám, đủ năm mươi trang giấy rộng nộp cho cha rồi mới ăn cơm tối. Con làm những việc ấy trong bảy ngày.

Vâng lời cha, Côn đã làm đầy đủ những việc ấy một cách vui vẻ.

o0o

Quan Phó bảng Sắc mở trường dạy học. Người ở các huyện dọc sông Lam đến xin cho con học rất đông, nhưng quan Phó bảng chỉ nhận dạy một số ít, ông dành một phần thời giờ để đàm đạo văn chương, thời cuộc với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý. Nhất là từ sau chuyến đi Yên Thế tiếp xúc với Hoàng Hoa Thám trở về Phan Bội Châu thường gặp gỡ quan Phó bảng Sắc, quan đốc học Đặng Nguyên Cẩn, quan nghè Ngô Đức Kế, các ông Đặng Thúc Hứa, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Lê Văn Huân, Đặng Văn Bá, Tôn Gia Nhuần…. cùng nhau lo việc đại nghĩa. Nhưng quan Phó bảng Sắc cho là thời vận chưa phải lúc… ông cũng khước từ cả việc triều đình Huế gọi vào kinh đô nhận chức. Ông lấy lý do phải ở nhà phụng dưỡng mẹ già. Đô Sát Viện đã tư giấy về cho tổng đốc Nghệ An xem xét lại thái độ Phó bảng Sắc đối với triều đình, vì theo bản tự khai gia cảnh trong hồ sơ thí sinh thì Nguyễn Sinh Huy tức Sắc

mồ côi cha mẹ từ lúc còn nhỏ. Nay triều đình bổ nhiệm đi làm quan lại vịn cớ có mẹ già?

Quan tổng đốc Đào Tấn biết rõ gia cảnh của quan Phó bảng Sắc đã làm tờ trình về triều đình Huế. Ông đề cao quan Phó bảng Sắc là một người có đức sáng, vợ chết đã thay vợ chăm sóc tuổi già của mẹ vợ. Bà mẹ vợ và bên nội, bên ngoại đã khuyên quan Phó bảng Sắc lấy vợ kế để có người "đỡ túi nâng khăn" vì ông ở cái tuổi chưa tới bốn mươi, nhưng ông từ chối. Triều đình Huế căn cứ ở lời đề đạt của quan tổng đốc Đào Tấn đã vui lòng để quan Phó bảng Sắc ở nhà làm tròn chữ hiếu.

Người con gái đầu, cô Nguyễn Thị Thanh của quan Phó bảng Sắc đã tới tuổi mười tám, ông giao cả việc nhà và chăm sóc bà ngoại cho cô. Ông đưa hai con trai đi thăm bạn bè và viếng cảnh đẹp trong tỉnh. Những nơi hợp cảnh hợp người, ông thường ở lại lâu, vừa dạy học vừa thù tạc với bạn, ngoạn cảnh núi sông, đền đài.

Chuyến đi xa nhà đầu tiên, quan Phó bảng Sắc dẫn hai con ra Diễn Châu thăm một người bạn ở làng Vạn Phần (Võ Tất Đắc) mới từ quan trở về dạy học, và ông đến làng Quỳnh Đôi để tạ ơn ông Hồ Sĩ Tạo, người đã giúp đỡ ông vào học trường Quốc tử giám.

Trên đường từ Vinh ra Phủ Diễn, Côn mang bên nách chiếc tay nải bằng vải tây điều, chân đi dép da bò, bước thoăn thoắt theo cha. Nhưng, Côn ham ngắm cảnh hai bên đường, thường tụt lại sau. Bị anh Khiêm mắng, Côn cáu lại anh: "Anh lắm lời quá!". Ông Sắc quắc mắt, nghiêm giọng:

– Côn! Vì đang ở trên đường, nếu ở nhà thì cha bắt con nằm xuống đánh mười roi về tội bất đễ. Anh con có nói sai, xử sự sai với con thì đã có cha phân xử, hoặc con phải nói với anh bằng một thái

độ lễ phép. Con không được nói với anh câu nói của con nhà vô giáo dục như vậy.

Ông Ông dừng bước bên sông Cấm:

– Con khoanh tay xin lỗi anh đi con!

Côn đặt chiếc khăn gói trên vai xuống bãi cỏ, khoanh hai tay trước ngực, giọng chân thành:

– Xin anh cả tha lỗi cho em…

Cậu cả Khiêm rơm rớm nước mắt, chạy lại xách tay nải lên:

– Để anh mang đỡ em một đoạn kẻo em mệt đi không kịp cha. Ba cha con Phó bảng lại thủng thẳng bước trên con đường mà sông núi mây trời đẹp như bức gấm thêu.

Đi hết dãy núi Cấm, sang địa phận Diễn Châu, mảnh đất nổi tiếng trong lịch sử với tên gọi Châu Diễn, Côn tần ngần nhìn ngôi đền cổ kính có nhiều tòa từ trên đỉnh núi xuống tận chân núi, sát đường thiên lý. Côn ngạc nhiên hơn khi đứng trên dốc nhìn về phía Tây, đối diện với ngôi đền, dãy núi xa xa rất nhiều hình nhiều vẻ, càng ngắm, núi càng biến hóa những hình ảnh theo sự tưởng tượng của Côn. Hòn lèn gần nhất, nằm ở giữa cánh cổng bát ngát màu xanh, lại y như một con người cụt đầu đứng hiên ngang giữa đời.

Côn nói với cha:

– Thưa cha, con muốn được cha chỉ bảo chúng con về sự tích ngôi đền ni, về tên của các hòn núi kia, trông lạ mắt quá cha ạ. Thấy con ham muốn tìm hiểu về cội nguồn, ông Sắc bước đến bên gốc cây tùng già, giở cơm nắm cho hai con ăn. Dưới bóng cây cổ thụ, ba

cha con quan Phó bảng cùng nhìn về phía núi non biêng biếc trải tận chân trời xa. ông kể cho con nghe trọn câu chuyện tình sử Mỵ Châu – Trọng Thủy. Côn ngạc nhiên hỏi cha:

– Thành Cổ Loa ở mãi tận đâu, thưa cha?

– Cha chưa đi tới đó, nhưng cha đọc sách thấy xa… xa lắm, con ạ.

Khiêm lắc đầu, giọng hơi kéo dài:

– Người đời xưa có lẽ họ bịa chuyện chứ nàng Mỵ Châu kiếm đâu cho đủ lông ngỗng mà rải khắp con đường dài ấy cha?

Ông Sắc cười. Côn nói, vẻ thán phục:

– Chuyện My Châu – Trọng Thủy hay tuyệt, tài tình lắm. Con nhận thấy vua nhà Triệu nước Tàu nham hiểm ghê gớm. Chàng Trọng Thủy ngoan ngoãn làm theo mẹo của cha bày đặt. Còn vua nhà Thục nước ta lại trọng chữ tín, thành thật muốn hai nước ở kề nhau có hòa hiếu để dân được sống yên ổn làm ăn. Nhưng vua nước ta lại không đề phòng sự gian giảo, bội ước của vua nhà Triệu. Nàng Mỵ Châu lại ruột để ngoài da. Cha vậy, con vậy thì giữ nước làm sao được? Nhưng câu chuyện lại cho thấy điều đáng trọng không khinh được vua Thục là: Người đã phải tự chém con gái mình và tự xử án mình bằng hành nhảy xuống biển về tội để mất nước chứ không cam chịu nộp mình cho giặc nước.

Quan Phó bảng Sắc hơi sững sờ nhìn hai con, nhìn ngôi đền thờ Thục Phán:

– Con nói đúng. Nước có lúc thịnh, lúc suy. Đó là điều thường thấy trong trời đất. Nhưng con người ta lại phải biết giữ trọn khí tiết.

Vua Thục Phán thuộc loại đó. Con hãy để ý về phong cảnh núi non, đền đài. Con vừa hỏi cha về hòn núi kia giống một người cụt đầu. Người ta thường gọi nó là hòn Hai Vai hoặc là núi "Tướng-quân-rơi-đầu" đó con ạ. Còn phía xa xa kia là hòn Trống Thủng. Từ hòn Trống Thủng một dãy núi dài dằng dặc sát chân trời, đó là núi Cờ Rách.

Hai mắt Côn chơm chớp nhìn theo hướng tay chỉ của cha. Khiêm thì ngạc nhiên thất lên:

– Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nớ (ấy) hẳn là mắt tiên, cha nhể?

– Từ lòng người mà suy ngẫm ra… con ạ. Người ta còn gọi vùng núi ấy là Vùng Ba Hòn. Theo chuyện kể từ hồi xửa hồi xưa thì nước ta có giặc từ phương Bắc tràn vào, dân ở khắp miền đất nước ta nhất tề đứng dậy chống giặc giữ nước. Từ vùng Nghệ Tĩnh ni có một vị tướng kéo đại binh ra Bắc đánh dư trăm trận, chẳng may trong một trận giáp chiến con ngựa của ông vấp phải cọc qụy chân trước, bọn giặc xúm lại, ông bị một lát đại đao đi qua cổ, đầu rơi xuống đất. Ông nhoai người ra lấy được đầu lắp lên cổ và phi ngựa mở đường máu chạy trở về. Quân sĩ của ông cũng kéo cờ mở trống về theo. Trên đường về, vị tướng này đã gặp một ông lão tại phía Bắc sông Mã (Thanh Hóa). Vị tướng dừng ngựa hỏi:

– Thưa ông từ xưa đã có người nào bị chặt đầu, lại chắp lên cổ mà sống được không?

– Thưa tướng quân, sống được ạ.

Vị tướng lại thúc ngựa phi về tới Diễn Châu, quân sĩ bủa ra tận vùng Yên Thành. Vị tướng gặp một bà già ở phía Nam sông Bùng

liền hỏi:

– Thưa cụ xưa nay có người nào bị chặt đầu, lại tự mình chắp vào cổ mà vẫn sống được không?

Bà cụ lắc đầu:

– Loài quỷ, loài yêu tinh thì mới có thể bị chặt đầu này mọc ra đầu khác, còn loài người thì nếu bị chặt đầu là chết.

Bà cụ vừa nói dứt lời, đầu vị tướng quân rơi xuống đất. Và ông đã hóa thành hòn núi Hai Vai. Ngựa của ông chạy thêm một đoạn lên vùng Yên Thành, hóa núi Mã Phục, tại làng Yên Mã. Trống, cờ cũng hóa thành núi Trống Thủng, núi Cờ Rách…

Nghe cha kể xong câu chuyện, Khiêm vẻ mặt đăm chiêu nghĩ ngợi… Côn mắt vẫn nhìn về hòn lèn Hai Vai, nói:

– Cha ơi! Ước vọng của dân ta thật là đẹp. Tưởng tượng của người ta đến là tuyệt! Phải không cha?

– Con nói đứng. Dáng núi non của quê ta thường thể hiện sự khát vọng của con người.

Một hôm ba cha con quan Phó bảng Sắc đi qua xã Bạch Ngọc, thấy đền Quả Sơn uy nghi hơn cả đền Thục Phán An Dương Vương. Côn lại ngạc nhiên hỏi cha:

– Chắc vị thần ni có công lớn lắm cho nên mới được dân làm đền thờ nguy nga, cha nhể?

– Đền ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó con ạ.

– Quan trường mà cũng bắt dân làm đền thờ! Ồ! Tệ quá phải không cha?

– Con nghĩ hơi xốc nổi đó. Trong đám người làm quan có kẻ bất tài, đục khoét nhân dân, lại có người tài cao, đức trọng, làm lợi cho dân, được dân nhớ ơn làm đền thờ phụng. Con nên nhớ đền Quả Sơn ni là nơi thờ quan Lý Nhật Quang. Ngài là con thứ tám của vua Lý Thái Tổ, được phong tước Uy Minh hầu. Năm Tân Ty, vua Lý Thái Tông cử Lý Nhật Quang vào làm quan coi giữ đất Nghệ. Ngài đã có công mở mang bờ cõi dẹp yên giặc phía Tây, phía Nam của đất nước. Chính ngài đã giết chết vua Chiêm là Sạ Đẩu khi Sạ Đẩu đem quân xâm lược nước ta. Nghề nông, nghề tằm tang, dệt lụa, đánh cá, làm muối được sớm thịnh hành khắp xứ Nghệ là do công lao của quan Lý Nhật Quang. Khi nghe tin triều đình vời Lý Nhật Quang trở về Thăng Long, dân Nghệ đã lũ lượt kéo đến tỉnh đường xin quan ở lại tiếp tục chăn dân. Nhưng ngài đã không thể làm khác với lệnh của triều đình được. Trên đường ngài về Thăng Long, bọn nịnh thần đã đón giết vì sợ có ngài tại triều thì chúng sẽ bị vạch mặt… Nhân dân Nghệ An nghe tin dữ ni đã tự ý để tang ngài và lần lượt làm ba mươi hai ngôi đền thờ Uy Minh hầu Lý Nhật Quang…

Nghe xong câu chuyện của cha kể, Côn im lặng một hồi lâu. Côn nói như khoe với cha về điều mình thích thú:

– Bây giờ con mới hiểu ra cái ý nghĩa câu vè mà bà ngoại thường nói vui:

Dân vạn đại, quan nhất thời,

Ghế quan ai ngồi xin chớ thờ ơ.

Thương dân, dân lập đền thờ,

Hại dân, dân đái ngập mồ thối xương.

Quan Phó bảng vừa cười vừa nói:

– Bà ngoại nói không phải để mua vui đâu mà bà dạy cha, dạy những người có học, có chức trọng quyền cao đó con ạ.

o0o

Quan Phó bảng Sắc đã dẫn con trai đi hầu khắp những nơi nổi tiếng về phong cảnh đẹp, về di tích lịch sử của Nghệ An. Ông lại đưa hai con sang Hà Tĩnh. Hai anh em Khiêm, Côn được cha dẫn về thăm nhà thờ họ Nguyễn Tiên Điền, thăm mộ đại thi hào Nguyễn Du. Côn tần ngần đứng bên cha, bên anh trước mộ Nguyễn Du và chạnh lòng thầm nhớ những câu thơ trong truyện Kiều:

Sè sè nấm đất bên đường,

Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng, nửa xanh.

Rằng sao trong tiết thanh minh,

Mà đây hương khói vắng tanh thế này?…

Côn hỏi cha:

– Nguyễn Du đã để lại Truyện Kiều mà bà ngoại thuộc mẹ của con thuộc, dì An và bao nhiêu người ở làng ta đều thuộc. Công lao lớn ấy sao dân lại không làm đền thờ ông Nguyễn Du, hả cha?

– Người quê mình không coi công việc làm thơ, làm văn là trọng, con ạ. Thậm chí lại coi những người đàn giỏi hát hay là “đồ xướng ca vô loài”.

– Sao con lại thấy có ngôi đền thờ thằng ăn trộm bị đánh chết, hả cha?

Quan Phó bảng phì cười:

– Cha làm sao giải thích nổi những điều ấy với con được?

Khiêm chau da trán, nhưng đã kìm được, chỉ nói “mát” em:

-Việc đời đã dớ dận mi lại “thông minh” dớ dận nốt.

– Hứ, – Côn lườm anh Khiêm – anh đừng có khinh em là dớ dận. Anh không để ý chứ vừa rồi ta đi qua một cái miếu thờ cả cái tên ăn trộm ăn cướp nữa. Trước cửa miếu có một hàng chữ lớn, đắp nổi: “Đạo tặc tối linh tôn thần”.

Khiêm im lặng. Ba cha con quan Phó bảng như rơi vào khoảng không và trong dòng suy nghĩ của mỗi người hiện lên một câu hỏi lớn về những việc đời…

Trong chuyến đi về Hà Tĩnh, quan Phó bảng Sắc lưu lại huyện Đức Thọ một thời gian. Phần nhiều, cha con ông ở trong nhà ông Phạm Khắc Doãn. Côn đã được dịp nhìn tận mắt những dấu tích tội ác của thực dân Pháp vừa gây ra tại vùng này, là quê hương của Phan Đình Phùng, là đất đứng chân của nghĩa quân Cần Vương trong suốt mười năm ròng.

Một hôm, đám trẻ làng Đông Thái nô nức đến xem dinh thự của Hoàng Cao Khải, phụ chánh đại thần, tước quận công, vừa xây xong.

Giữa làng quê rợp bóng tre cao vút lên những tòa nhà to lớn, bốn phía tường cao bao bọc. Qua cổng vào là một dãy tường hoa.

Trước sân, một bể cạn lớn, cây si già hòn non bộ. Ba ông Lã Vọng ngồi thu lu trên các bậc đá. Tuy là từ nơi khác mới đến, Côn vẫn đi ở hàng đầu đám trẻ tới dinh quận công họ Hoàng. Từ ngoài hàng cây đầu làng cột vô số ngựa của các quan ở xa về dự lễ khánh thành dinh cụ quận. Những chiếc xe kéo gọng đồng vàng chóe, những chiếc cáng điều, cáng vóc để san sát trong vườn cây. Trong sân gạch, các quan khách đang ngồi trên những bộ ghế tràng kỷ, ghế bành tượng bằng gu khảm xà cừ, lót nệm gấm, vóc điều. Các quan khách đang hướng cả tâm trí về hòn non bộ. Theo ý muốn của Hoàng Cao Khải, mỗi vị khách tặng cho một bài thơ tứ tuyệt mà hòn non bộ là đề tài. Trong lúc các quan đang say sưa bình thơ, uống rượu vui vẻ đám trẻ làng Đông Thái đứng ngoài tường hoa xô nhau nhốn nháo ngấp ngó vào sân. Côn vẫy tay về phía sau:

– Im nghe bình thơ kìa!

Có tiếng đáp lại:

– Thơ của các quan nỏ hay, nỏ thích.

Mấy tên lính hầu rượu nghe giật mình. Các quan đều nghiêm mặt nhìn ra đám trẻ. Một tên lính toan chạy ra đuổi đánh đám trẻ, nhưng ông Hoàng Cao Khải vẻ cao đạo, rộng lượng của một ông quan đại thần đang ở tại làng, nói:

– Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò. Chấp chi câu nói của đứa học trò đồng ấu ấy.

Hoàng Cao Khải chống can (47) đi ra. Đám trẻ từ ngoài xa đã ùa chạy. Hoàng Cao Khải dụ dỗ:

– Các cháu đừng sợ. Lại đây ông cho kẹo. Cháu nào lúc nãy chê thơ các quan nếu làm được thơ hay ông sẽ thưởng nhiều thứ đẹp lắm.

Đám trẻ làng Đông Thái vẻ sợ sệt đã lần lần theo Côn, đứng xúm xít trước lối vào sân nhìn Côn, vẻ cầu cứu. Côn nhìn các bạn rồi quay sang nói với Hoàng Cao Khải:

– Ông ơi, ông phải hứa không đánh cháu nếu thơ cháu không vừa ý của ông.

– Ồ! Đời nào ông lại nỡ đánh mắng cháu, dù cho cháu có làm điều chi dại dột.

Côn đọc chậm rãi, mắt đăm chiêu nhìn Hoàng Cao Khải:

Kìa ba ông lão bé con con

Biết có tình gì với nước non.

Hoàng Cao Khải gật gật đầu, đắc ý. Đám quan khách cũng nhìn cả về phía Côn, lắng nghe, vẻ khâm phục. Côn đọc tiếp:

Trương mắt làm chi ngồi mãi đó

Hỏi xem non nước mất hay còn?

Hoàng Cao Khải căng tròn cả hai mắt nhìn Côn. Giọng y hơi rung:

– Thằng bé ni con ai? Con nhà ai hề?

– Con quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc bên Nghệ An ạ.- Một em nhỏ đáp.

Hoàng Cao Khải cầm cái can không vững, đi trở vào. Y nói lầm bầm:

– Hổ phụ sinh hổ tử…

———-

Chú thích:

(46) Nếu vui niềm vui của dân thì dân cũng vui niềm vui của mình – Sách Mạnh Tử

(47) Gậy

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 11

Cụ đồ An bị ốm. Ông Sắc xuống làng Chùa ở trong thời gian cụ đồ ốm nặng để thăm bệnh, chạy chữa cho mẹ vợ.

Côn, hằng ngày đi học, về ở dưới làng Chùa với bà ngoại trong những ngày bà ốm. Côn đã từng đau đớn về nỗi ông ngoại chết, mẹ chết, em chết. Lần này bà ngoại ốm nặng, Côn càng sợ hãi, lúc nào cũng cám thấy cái chết chực sẵn bên giường bà.

Chị Thanh, anh Khiêm thường sợ ma lúc tối trời. Côn không biết sợ ma. Côn mắc võng đay nằm gần giường bà để cùng với chị Thanh đêm đêm theo dõi bệnh tình của bà. Tuy ốm nặng, cụ đồ vẫn thèm trầu. Côn nhai trầu cho bà. Cụ đồ vừa nhai trầu vừa nói thều thào với cháu ngoại:

– Ngày cháu mới lọt lòng, bà đã mớm cơm cho cháu. Giừ bà rụng hết răng thì cháu lại nhai trù (trầu) cho bà.

– Bà ơi! Bà thèm ăn thứ chi bà cứ việc nói để chúng cháu làm. Bà cứ coi chúng cháu ở bên bà như mẹ chúng cháu đang còn sống, bà ạ.

– Cháu Côông ơi! Bà được ấm tuổi già chính là ở cha cháu, ở các cháu. Bà không nghĩ cha cháu là con rể mà còn hơn cả con trai nữa kia. Các cháu, nhất là cháu, hợp tính bà lắm. Cháo cháu nấu bà ăn mát lợi. Thuốc cháu sắc, đun nhỏ lửa, lấy nước vừa đúng với lượng thuốc, không loãng quá hoặc đặc quá, dễ uống. Cháu ít tuổi

mà ngủ ít, giống bà. Cháu ăn không gắp nặng đũa, nhường nhịn kẻ trên người dưới. Cháu sớm có lòng thương người, thương từng con vật nuôi trong nhà.

– Cháu làm được đôi việc nho nhỏ ấy là bà dạy, cha mẹ cháu dạy cho. Vậy mà chị Thanh, anh Khiêm cháu cứ biểu cháu là đứa cứng đầu, bướng, nghịch trổ trời, hay “lý sự” đó bà ạ.

– Cháu sáng ý, cháu lanh tay, nhạy miệng, khác với những đứa cùng lứa tuổi cháu.

Cụ đồ nói tiếp, giọng rất mệt:

– Bà… rầu héo ruột gan về mẹ cháu. Bà… yên yên cái bụng được đôi phần về các cháu đã qua kỳ trứng nước, sớm biết đường ăn ở. Nhưng bà rất áy náy về cha cháu ở cái tuổi “trẻ chưa qua, già chưa tới” mà… mà đã thất nội trợ! Cháu ơi… người ta thường nói: “Trai thất nội trợ, gái lỡ nhân duyên” là bất hạnh, ấy là… xấu số lắm lắm, cháu ạ.

Nghe bà bộc bạch nỗi lo âu, Côn nằm lặng. Tiếng chim cuốc ngoài đồng sen vọng vào. Nghe tiếng chim đêm, Côn cảm thấy ơn ớn lạnh, nhớ đến tiếng chim cú kêu giữa đêm mẹ ốm tại kinh đô Huế. Giọng Côn lắng sâu:

– Bà ơi, tiếng chim cuốc kêu đêm thì lành hay dữ, hả bà?

– Chim cuốc là giống chim lành, cháu ạ. Không một loài chim nào có tiếng kêu như nó. Hồi ông ngoại cháu còn sống, ông thường kể: “Vua Đỗ Vũ nước Thục, hiệu là Vọng Đế, bị mất nước, vua đã sầu muộn đến chết hóa thành con chim cuốc. Mỗi tiếng kêu của nó là một giọt máu từ trong tim nhỏ ra…” Bà cũng nghiệm thấy tiếng cuốc

kêu khắc khoải như từng giọt máu nhỏ đều đều suốt cả mùa hè. Cháu cứ thử nghiệm mà coi.

Côn lắng cả tâm hồn vào âm thanh đêm hè. Và trước mắt Côn một vầng đêm tối mịt mù đang thấm đọng những giọt quốc… quốc…

o0o

Một buổi sáng mùa xuân, Côn được cha giao cho đơn thuốc và tiền đi xuống hiệu thuốc bắc ở Vinh cân thuốc cho bà.

Đi từ lúc chưa tỏ mặt, xuống đến Vinh, hiệu thuốc bắc chưa mở cửa, Côn ngồi dưới cây bàng trước cửa hiệu chờ, lòng bồn chồn. Tiếng chim chào nắng sớm trên hàng cây đã tắt. Từng đoàn người gánh gồng, mang xách đi chợ Vinh phiên chính. Những người thợ nhà máy diêm đi làm ca đêm đã về. Những ông công chức đi làm cho tòa xứ, cho các công ty hòa trong dòng người đi trên đường phố buổi sáng. Côn thấy có hai đám người khác biệt nhau: đám thợ thuyền gầy gò, rách rưới và mặt mày chân tay lem luốc; các thầy công chức làm ở tòa xứ, ở các công ty thương mại của Pháp thì người nào cũng béo đẹp, mặc sang trọng. Thỉnh thoảng có ông quan người ta, người Tây nằm ngả dài trên chiếc xe người kéo.

Cân được thuốc cho bà, lòng Côn lâng lâng nghĩ đến cái ngày bà khoẻ dậy. Bà sẽ chọn những quả trứng gà ấp không nở được cho hai anh em luộc ăn. Bà dẫn Côn ra vườn chỉ những trái chín, Côn sẽ trèo lên hái xuống và đem vào bàn thờ mẹ thắp hương. Thú vị nhất là được bà sai ra đầm sen lội mò hái ngó về cho chị Thanh nấu mẻ. Lúc bà ngồi ngắt ngó sen, bà thường ngâm câu Kiều:

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,

Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng.

Côn thấy nhẹ bước, đi như chạy. Dưới ánh nắng cuối xuân, Côn đi một mạch từ Vinh về tới cầu Hữu Biệt thì thấy anh Khiêm đang chạy hối hả về phía mình. Côn hơi chột dạ. Côn chạy dấn lên được mấy bước nữa thì nghe tiếng anh Khiêm vừa gọi vừa khóc: “Côn ơ..i! Bà… bà ch…ế…t… rồi!”

Côn khựng lại, hai tay Côn ôm lấy mặt. Nấc! Nấc! Khiêm đỡ lấy em vào vòng tay mình để khỏi ngã. Một đám mây như dải băng trắng trôi qua ngọn núi Độc Lôi, che khuất mặt trời. Bóng râm trùm xuống một vùng xâm xẩm tối. Hai anh em Khiêm, Côn bước nặng nề trong vùng bóng râm ảm đạm giữa cánh đồng chiêm mênh mông. Côn nấc từng tiếng: Bà… ơi! Ông ngoại cháu chết! Mệ… cháu… chết! Em cháu… chết! Giờ lại đến lượt bà… chê… ết! Bà… ơi!

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương I - Thời Thơ Ấu - Phần 12

Chôn cất bà ngoại xong, Côn được cha dẫn đi thăm các bạn thân trước ngày ông phải vào kinh đô nhận chức. Cũng dịp này, Phan Bội Châu đã lập Duy Tân Hội (5-1904).

Những người đề xướng, sáng lập ra Duy Tân Hội có Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Nguyễn Hàm, Nam Xương, Lê Võ… Các nhà sáng lập Duy Tân Hội đã mời Cường Để làm hội trưởng để rồi đưa sang Nhật cầu viện.

Trong một thời gian ngắn, ảnh hưởng của Duy Tân Hội đã phát triển rất rộng lớn trong nước. Hầu hết các nhà danh nho, các nhà hằng tâm hằng sản có tinh thần yêu nước đều tham gia vào Hội, hoặc ủng hộ Hội tiền của để hoạt động.

Quan Phó bảng Sắc là bạn chí thân của Phan Bội Châu, nhưng ông không tham gia Duy Tân Hội. Ông không tỏ thái độ tán thành mà cũng không phản đối con đường của Phan Bội Châu. Ông thường trao đổi với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý về những nỗi đau mất nước. Ông quan niệm: Cơ trời vận nước bao dâu bể, một chí càn khôn khó chuyển vần. Sự nghiệp thượng y y quốc, lớp người hiện thời như ông chưa thực hiện được mà phải thế hệ sau, con cháu mới có thể gánh vác được công việc lớn lao ấy. Cho nên, ông chỉ có thể làm phần việc trung y y dân.

Côn thường được nghe cha đàm đạo những quan niệm ấy với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý. Côn còn làm cái công việc liên lạc giữa Phan Bội Châu với những bạn đồng tâm đồng chí của ông và với cha mình. Có lần Côn nghe cha hỏi ông Phan:

– Mục đích của Hội Duy Tân là gì?

– Cái đích lớn của chúng ta là: Quét sạch bọn Tây dương ra khỏi bờ cõi. Có làm được như vậy ta mới có cơ hội xây đắp nên một nước Việt Nam mới, ngang hàng với các nước trên hoàn cầu.

– Đó là nguyện vọng của hai mươi triệu (48) con cháu Lạc Hồng chúng ta. Nhưng lấy cái gì, dựa vào đâu để cái mục đích ấy thành đạt được?

– Chúng ta nhờ nước Nhật tân tiến giúp đỡ.

– Không phải đâu anh San ạ. Vọng ngoại tất vong. (49)

– Dù mục đích của bước đường tranh đấu không thành đạt, thì ta cũng phải dấn thân… Sinh vi nam tử yếu hy kỳ, khẳng hứa càn khôn tự chuyển di… Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế, hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si…. (50)

Sau cuộc bàn luận giữa cha và Phan Bội Châu, Côn trăn trở nghĩ về những điều đã nghe được…

Nhân lúc trên đường cùng cha đi tiễn Phan Bội Châu, Côn “chiết tự” về mục đích của Hội Duy Tân mà Phan Bội Châu đã nói với cha. Côn viết lên bàn tay chữ “Vương” biến ra chữ “Tam”, chữ “Tây” biến ra chữ “Tứ”. Quan Phó bảng Sắc đọc những chữ đó trên tay con, nhưng chưa rõ là ý làm sao, hỏi:

– Con muốn nói gì về cách chiết tự này?

– Dạ thưa cha, con nghe chú giải San nói chuyện với cha về công việc "hội kín", trong đầu con bỗng lóe lên cái trò chiết tự, với nghĩa của nó là: Rút ruột vua (bỏ nét sổ), tam dân (51) bình đẳng. Chém đầu Tây (bỏ nét đầu) tứ chủng giai huynh. (52)

Quan Phó bảng Sắc sửng sốt nhìn con. Ông ngập ngừng giây lát, hỏi:

– Con có nghe ông giải San bàn việc đi cầu viện người Phù Tang (Nhật Bản) không?

– Dạ con có nghe và con cũng ngẫm nghĩ nhiều cái điều ấy cha ạ.

– Con thấy sao?

– Mưu phương, tầm kế cứu nước là vô cùng trọng đại. Đó là công việc của những người tai mắt, của các đấng trượng phu, của người lớn tuổi. Con còn non trẻ, chưa dám nghĩ tới những việc hệ trọng ấy. Nhưng con được nghe lỏm những lời bàn của cha, của các bác, các chú, con lại trộm nghĩ: Ai quốc bất phân nhân, vị bản, anh hùng vô luận thiếu niên do (53). Từ đó, con gẫm về lịch sử của nước nhà, con thấy cậu bé làng Phù Đổng còn đang tuổi nhi đồng mà đã đứng ra gánh vác việc đánh giặc Ân, cứu nước. Trần Quốc Toản đang tuổi thiếu niên, trộm nghe các bậc cha chú họp đại triều bàn việc chống giặc Nguyên, Toản đã tự mình tập hợp một đạo quân, hợp lực với chư tướng chư quân dưới cờ "Sát Thát" của Hưng Đạo Vương. Con chẳng dám sánh mình với những gương trung nghĩa tự ngàn xưa. Mà chỉ nghĩ mình đã biết cầm đũa lùa cơm ăn, cầm bút viết chữ đọc thì con phải suy xét việc mất, còn của nước mình, của

dân mình. Cho nên, cái mục đích của hội kín mà chú giải San nói tới, con rất ưng ý. Nhưng lại dựa ngoại viện để cứu nước nhà, và chỗ dựa ấy là nước Phù Tang thì con chưa có đủ sự hiểu biết mà bàn tới, cha ạ.

Trời mưa lất phất. Quan Phó bảng Sắc nghiêng cái ô về phía bên trái che mưa cho con. Nhưng Côn sải bước hơi dài, vượt lên trước cha một chút, đầu Côn đội cái khăn vành rế đã không còn ở dưới chiếc ô của cha nữa. Ông Sắc dấn bước theo con nói bằng một giọng thân mật:

– Hôm nay hai cha con mình đi tiễn ông giải San lên đường tính việc Đông du. Sự suy nghĩ của con cũng giống sự suy nghĩ của cha về công cuộc cứu nước cứu dân của ông giải San. – ông ngập ngừng giây lát – Người xoay chuyển được cuộc thế có lẽ… lớp các con chứ lớp ông nghè, ông cử như cha không gánh nổi đâu. âu đành… Mặc khách tâm minh Chung sơn thạch, bất bình sự phó Cả giang lưu. (54)

Hai cha con quan Phó bảng Sắc thở dài, lặng lẽ bước trên con đường mưa bụi.

Từ Đan Nhiễm (quê Phan Bội Châu) ra đường cái quan rợp bóng tre làng. Những giọt mưa bụi đọng trên ngọn cây rơi lộp độp xuống ô quan Phó bảng Sắc, ô ông giải San. Côn đi dưới bóng ô của thầy Vương Thúc Quý. Nghe tiếng giọt nước cành cây điểm xuống ô, Côn thầm cảm một âm thanh của thời khắc buổi tiễn đưa.

Con đường cái quan từ thị trấn Sa Nam xuống thành Vinh như ngắn lại. Hòn núi Độc Lôi sừng sững bên đường đượm vẻ trầm tư và như đứng chào. Làn gió luôn theo núi quét nhè nhẹ lên hàng cây ven sông, xõa ngọn xuống cầu Hữu Biệt. Phan Bội Châu dừng chân

bên núi. Chiếc ô trên tay ông nặng trĩu những giọt mưa rơi và lảo đảo trước ngọn gió lồng. Giọng ông hơi nghẹn ngào:

– Chư huynh (các anh) đi với tôi một đoạn đường đã khá dài. Đây là cầu Hữu Biệt, chứng ta tạm biệt tại đây. Và núi Độc Lôi chứng giám cho tình bằng hữu của chúng ta…

Ông cầm lấy bàn tay Côn, nói:

– Cháu ơi! Hậu sinh khả úy (55). Chú tin cháu sẽ là:

Chim bằng tung cánh xuyên trời thẳm,

Thử sức đại đương thuở cá côn.

Chú cảm ơn cháu đã tiễn đưa chú. Chú hy vọng sẽ được gặp cháu trên con đường vì nghĩa lớn…

Côn hơi bối rối:

– Cháu… Cháu cảm ơn chú đã trao gửi cho cháu những tình cảm và niềm tin cao cả ấy. Cháu rất thích bài thơ “Chơi xuân” của chú mà mê nhất là hai câu:

Nước non Hồng Lạc còn đây mãi,

Mặt mũi anh hùng há chịu ri (56)

Phan Bội Châu ôm choàng Nguyễn Sinh Côn, chiếc ô chao qua chao lại trên vai, giọt mưa chảy dài xuống áo hai chú cháu.

Quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc sập ô xuống, cùng cử nhân Vương Thúc Quý đứng sát bên Phan Bội Châu. Phó bảng Sắc lấy từ

trong túi áo một tờ giấy quyển, mở ra dưới bổng ô của Vương Thúc Quý, nói:

– Anh cử Quý và tôi có cảm tác mấy hàng, xin tặng anh lúc thượng lộ. Tôi xin đọc:

Độc Lôi sơn hạ

Hữu Biệt kiều tây

Phong vi vi hề chấp quân quyết

Vũ tế tế hề dữ quân biệt. (57)

Mọi người đều sập ô xuống, chắp tay trước ngực, đầu cúi dưới làn mưa.

Tiếng gió hú trên núi. Mọi người đăm đăm nhìn theo bóng Phan Bội Châu đang rảo bước trên con đường mịt mù mưa gió.

———

Chú thích:

(48) Thời bấy giờ các cụ thường ước tính dân số nước ta độ chừng ấy.

(49) Trông nhờ vào nước ngoài giúp ắt sẽ thất bại

(50) Đã sinh ra tiếng làm trai thì phải khác đời, chẳng lẽ cứ để mặc trái đất xoay vần tới đâu thì tới. Non sông mất rồi, sống thêm nhục, sách thánh hiền tẻ ngắt, càng đọc càng mụ đầu óc…

(51) Tam dân: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Ý nói: đánh đổ chế độ vua chúa, mọi người bình đẳng.

(52) Tứ chủng: Theo quan niệm ngày xưa có bốn màu da: vàng, trắng, đen, đỏ. Tại Đại hội Đảng lần thứ 3, Bác nói "Quan sơn muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em". Trong "Nhật kí chìm tàu" (1930), Bác viết: "Rằng đây bốn bể một nhà, vàng đen trắng đỏ đều là anh em". Ý nói: Đánh đuổi giặc Tây (Pháp), mọi người đều là anh em.

(53) Tạm dịch: Lòng yêu nước không phân biệt người đó xuất thân là gì; đã có chí anh hùng thì chẳng phải tính đến tuổi nhỏ làm gì.

(54) Đại ý: Tấm lòng trong sáng của kẻ văn nhân xin gửi núi Chung, sự bất bình đành thả theo dòng sông Cả chảy.

(55) Lớp người sinh sau thật đáng sợ (Ý nói: Lớp trẻ có thể làm được việc lớn chưa thể lường trước được).

(56) Ri: Thế này

(57) Tạm dịch: Dưới sườn núi Độc Lôi

Mé Tây cầu Hữu Biệt (thuộc xã Nam Giang)

Gió hiu hiu thổi, bịn rịn cầm tay áo anh

Mưa bay lất phất cùng anh tiễn biệt.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 1

Những ngày sửa soạn theo cha lên đường vào kinh đô Huế lần thứ hai, Côn bận rộn với nhiều thứ việc không lường trước được.

Côn theo cha đi đắp đất, thắp hương ở mộ ông bà nội, mộ ông bà ngoại. Anh Khiêm và Côn bưng trầu, rượu đi với cha cúng thần ở đền, cúng tổ họ bên nội, họ bên ngoại. Hai anh em Côn còn đến chào thầy Vương Thức Quý. Thầy cử Quý đã tặng cho hai người học trò giỏi này bộ sách "Nhất nhật tam tỉnh ngô thân" (58). Ông nói:

– Sách này là của thầy soạn ra và chép thành nhiều bản để cho con cháu dùng. Nay hai trò đi xa quê, xa thầy theo cha vô kinh đô, thầy không có thứ chi đáng giá để tặng, xét thấy tập sách này là tâm huyết của thầy thầy đem tặng hai trò. Tập sách sẽ thay thầy nói tiếng nói của lòng thầy với hai trò.

Lúc thầy cử Quý tiễn hai anh em Khiêm ra tới gốc cây đào trước vườn ông cầm tay Côn nói, lòng ấm áp:

– Chuyến đi xa quê lần này của con, thầy tin là con sẽ được thành đạt như con đã làm một vế đối vượt cả cái vế thầy ra cho cả lớp. Con còn nhớ vế câu đối ấy chứ?

– Thưa thầy con vẫn nhớ ạ.

– Dù con chưa quên vế câu đối của mình làm ra, nhưng thầy muốn ôn lại kỷ niệm của buổi dạy học hôm ấy – ông đặt tay lên vai

Khiêm, nói: – Hẳn là trò Khiêm còn nhớ lúc thầy rót dầu vào đĩa đèn, vì vô ý để dầu vương ra đế đèn, thầy đã ra cho các trò một vế câu đối: “Thắp đèn lên dầu vương ra đế”…

Khiêm đáp:

– Con đã đối: “Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn”. Nhưng thầy biểu: “Đối được, nhưng nghĩa còn hẹp, ý còn cạn. Các bạn khác cũng đối được tương tự như con”. Riêng vế đối của Côn được thầy khen hơn cả…

– Quả thật – ông cử Quý dặt dặt bàn tay vào vai Khiêm mà mắt vẫn không rời Côn – con đã để lại trong trí thầy một vế câu đối sẽ không bao giờ phai mờ: “Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường” (59). Hôm nay con lên đường, thầy chúc con “thẳng tấn” đến đích lớn mà con mơ ước.

Ở nhà thầy học về, hai anh em Côn đến chào bác Thuyết. Vợ chồng ông Thuyết đã làm mâm cỗ to cúng gia tiên cầu yên cho việc đi của cha con quan Phó bảng Sắc được “chân cứng đá mềm”. Trong bữa ăn sum họp này, bà Thuyết đã kể lại với ba cháu, vẻ hối hận, về sự cư xử của mình không đúng với em chồng – quan Phó bảng Sắc – hồi còn bé. Nhưng, quan Phó bảng Sắc với thái độ của một người đại lượng, nở nụ cười đôn hậu, nói:

– Hồi còn nhỏ tôi cũng có những việc dại dột, bác nổi nóng lên thì mắng, khi lặng lại thương chớ chả có chi là quá cả. Việc chi đã qua rồi là ta bỏ quá đi, bác ạ.

Côn bâng khuâng nhiều trong buổi chiều đi cùng cha sang làng Sài, quê của bà nội.

Côn không được biết mặt bà nội nhưng hình ảnh bà nội như từ trong tranh tố nữ hiện ra đang cùng đi với con, cháu trên đường làng rợi tiếng ve. Tiếng ve trên quê hương bà nội lại đánh thức những kỷ niệm tuổi thơ trong tâm trí của Côn. Càng gần tới ngày lên đường, Côn càng thấy nao nao. Côn đến từ giã các bạn học, bạn chơi diều giấy, bạn đi săn chim chóc, đánh khăng, đánh vật, đánh đáo. Xin phép cha, Côn đón các bạn về nhà ngủ chung mấy tối cuối cùng. Côn trải chiếu xuống sân. Trăng giữa tháng mập mạp đính vào nền trời mờ ảo. Đám bạn của Côn nằm chéo ngang, chéo dọc gối đầu lên nhau, ngửa mặt nhìn trăng, miệng nhai ngô rang. Câu chuyện của họ cũng giòn như ngô nổ… Côn và Khiêm vẻ bận rộn chạy ra chạy vào, đem nước, đem các món ăn ra tiếp bạn. Chị Thanh quý bạn của em như quý bạn của mình. Cô lo việc rang ngô, rang nhộng, bổ dừa giúp em. Thấy chị ngồi trước bếp, mồ hôi ướt áo, Côn ái ngại:

– Vì chúng em mà chị mang lấy cái mệt vào thân, chị nhể?

Thanh cười hiền:

– Mai kia hai em đi với cha, nhà lại vắng tanh vắng ngắt, còn đâu có những cái đêm vui như đêm nay.

– Chị Thanh ơi, – bạn của Côn gọi – chúng em sẽ “làm giặc” ở cái nhà ni còn hơn cả lúc hai em trai chị ở nhà, chỉ sợ lúc ấy chị lại mắng bọn em về “tội” đến luôn mòn đường chết cỏ thôi.

– Nhớ nhá, – Thanh nói – các em nhớ nhá. Mặt trăng còn đó, chị còn đây để coi lúc Khơm, Côông vắng nhà, các em có giữ đúng lời đã hứa không?

Sân trăng đầy tiếng cười. Côn và các bạn lại xoắn xuýt với nhau trong dòng chuyện dưới ánh trăng. Thanh tắt bếp định lên võng nằm thì một bà hàng xóm khua gậy, đánh tiếng từ đầu ngõ:

– Cô chiêu (cách gọi con gái nhà quan) còn thức hay ngáy (ngủ) rồi?

Nghe tiếng gọi quen thuộc, Thanh đứng ở cửa bếp đáp:

– Mời cố vô nhởi (chơi), cháu chưa đi nghỉ mô.

Bà hàng xóm ngồi ở cái chõng tre, tựa vào vách, lối cửa ra vào. Thanh đưa cho bà một miếng trầu, bà cụ lần dải lưng lấy cái cối giã trầu, tay ngoáy ngoáy giã, giọng bà nói, miệng không còn kín hơi, phều phào:

– Nghe tin quan sắp trẩy kinh. Hai cậu ấm cũng trẩy theo. Chờ lúc ni quan vắng nhà tui mới dám sang, tui nhờ cô chuyển tới quan và hai cậu ấm sự biết ơn của tui.

– Ấy chết! Cố dạy quá lời chứ cha cháu và chúng cháu chỉ có cái bụng ăn ở với xóm giềng cho phải chả giúp đỡ cho ai việc chi đáng kể cả.

– Dân làng ni đã được hưởng lộc của quan Phó bảng ngay cái dịp quan vinh quy bái tổ. Ai lại quên được cái ơn ấy cô! Bà cụ giọng xúc động: – Cô ơi! Từ đời xửa đời xưa thì tui không rõ. Nhưng, từ lúc tui có mắt để nhìn, có tai để nghe thì tui chưa từng thấy, chưa từng nghe ở xứ mình có người từ chối bổng lộc, đem phần bổng lộc của mình chia cho người đói khát trong làng như quan Phó bảng ta. Mà nhà quan cũng nghèo chứ đâu giàu có chi kia chứ!

Bà cụ vừa nhai trầu vừa nhìn ra sân. Dưới ánh trăng ngà, các bạn nhỏ vẫn đang nằm gác chân lên nhau và đang dốc vốn chuyện ra "đãi" nhau đêm vui cuối cùng rồi ra chưa biết ngày nào anh em Côn mới có dịp về thăm quê. Bà nói, giọng dè dặt:

– Cô ơi! Tui thưa với cô cái việc kín ni, vì cậu ấm Côông đã dặn tui không được để đến tai quan Phó bảng, cũng không được nói lại với cô và cậu ấm Khơm.

Cô Thanh hơi sửng sốt:

– Có việc chi… hệ trọng rứa cố?

– Nói giấu chi cô. Cậu Côông làm phúc cho người nghèo. Hồi tháng tám năm ngoái và dịp giêng, hai vừa qua, tui bị đứt bữa… đã mấy ngày không đỏ lửa bếp, bụng đói cồn cào, mắt mờ, chóng xoay mặt mày… Cậu ấm Côông gặp tui đang moi một cây chuối tơ ăn cầm hơi. Cậu đã về xúc gạo, khoai lát khô cho tui. Cậu dặn tui là không được cho ai biết.

Cô Thanh ngồi duỗi hai chân ra thềm nhà thoải mái, nói:

– Cháu ngỡ là cái việc chi chớ việc nó xúc gạo, ngô, khoai của nhà đưa giúp những người đứt bữa lỡ nồi, cha cháu đã biết cố ạ… Vừa qua cũng có mấy người đến "mách" với cháu việc hai em cháu thường xúc trộm gạo cho họ lúc đói giáp hạt. Lần đầu cháu cũng rầy la hắn, nhưng cha cháu biểu: "Nếu nó lấy trộm của trong nhà đi đánh bạc, hoặc làm điều vô lương thì phải ngăn cản, còn nó đem giúp những người đói là tốt".

– Rõ là – bà cụ thở phào, nói – con nhà tông, giống lông giống cả cánh. Cái đức của quan Phó bảng sáng như ngọc nên chi con gái,

con trai của quan đều “thương người như thể thương thân”. Mới rồi, tui sang làng Chùa thăm một người bà con. Tui gặp bà em họ. Bà nớ cứ siếc sẩm với tui về chuyện năm nọ, cậu ấm Côông trêu chọc bầy chó, chúng nó sủa dai quá, bà đã nổi nóng nói lời phũ phàng và lời nói nớ đã thấu tai quan Phó bảng. Quan đã phạt cậu ấm và quan còn đến nhà xin lỗi cho con. Bà càng hối tiếc trước sự nhún nhường của quan Phó bảng. Mà bà cứ nghĩ là cậu ấm Côông bị cha phạt nặng vậy, chắc oán bà lắm. Nỏ hay, hôm bà đi gánh rạ ngoài đồng về, bị đứt chạc, xổ tung giữa đàng. Vừa lúc cậu ấm Côông đi tới. Cậu ấm đã dừng lại bốc rạ và bó giúp cho bà. Bà em họ của tôi càng ngượng với cậu ấm. Bà định phân bua với cậu ấm về cái chuyện cũ, nhưng cậu ấm đã nói chặn ngay: “Cháu đã nghịch quá trớn. Bà có mắng cháu nặng lời lúc bà còn quá giận cũng đúng lắm. Cháu đã nhận ra cái sai của mình rồi, bà ạ”. Cậu ấm còn gánh rạ giúp bà về tận ngõ…

Đêm yên tĩnh. Một vài tiếng chó sủa phía bìa làng. Thanh đưa chân bà cụ ra ngõ và khép cánh cổng tre lại ánh trăng như tấm lụa khoác lên mọi cảnh vật. Thanh đi rón rén, sợ làm dở giấc của hai em đang êm gối trên đùi bạn dưới ánh trăng khuya.

o0o

Gió sớm đưa hương sen vào cửa sổ. Quan Phó bảng Sắc ngồi trước án thư bên song cửa uống trà mạn sen, vẻ mặt ưu phiền.

Đã mấy ngày liền, ông phải ngồi tiếp bà con xa gần đến vừa để chào trước lúc ông đi xa quê, vừa để xin đơn thuốc bổ, thuốc giữ nhà. Sáng nay ông dành thì giờ dặn dò con gái việc nhà. Tay ông cầm ly trà, hương trà thoang thoảng lan khắp nhà. Mắt ông đăm chiêu nhìn mọi vật trong nhà, ngoài sân, ngoài vườn… Con gái ông, cô Thanh, đang dọn dẹp và sửa soạn bữa sáng. Nhìn con gái đã

vào thời hai mươi, ông càng thấy nó giống mẹ. Giống từ mái tóc đen mượt mà, rẽ đường ngôi thẳng, dài quá gót chân, phải cuốn một vòng ngoài khăn mà vẫn còn thừa một gang tay vắt va vắt vẻo như đuôi ngựa. Cả đến dáng đi mềm mại, cách nói năng thùy mị, nết ăn ở thảo hiền cũng giống mẹ. Nhìn con, ông càng thương nhớ vợ. ông cố nén không để cho các con biết ông khóc. Nỗi đau góa vợ, nỗi lo bươn về con gái chưa chịu lấy chồng cứ xô lấn trong lòng ông. Ông vội vàng nhìn ra cửa sổ. Ông thầm nghĩ: Con gái đã hai mươi tuổi. Ngày trước, mẹ nó vào cái tuổi ấy đã có hai con. Mọi người trong làng đã gọi là chị nho… Rồi gọi là chị cử, bà cử… Còn con gái mình bây giờ lại chưa chịu làm vợ, càng chưa muốn làm mẹ. Tùy ở con, ta không muốn ép con theo ý ta. Nhưng, với cái tuổi hai mươi này, con nó sẽ sống một mình? Ngôi nhà, khoảnh vườn vắng vẻ này sẽ một mình một bóng con gái ta! Ai mặt đại ư cô miên! (ý nói: còn gì buồn bằng cái giấc ngủ của người con gái muộn chồng?) Nhưng… ta biết con gái ta. Ta rất tin nó có bản lĩnh, giàu nghị lực. Nó là con gái, nhưng dám chết ở biển cả chứ không chịu sống nơi đĩa đèn…

Qua giây phút xao động trong tâm hồn về chuyện xa nhà, về con gái phải gánh vác việc nhà, ông đi quanh nhà, đi dạo sân, vườn. ông cảm thấy một cái lá rụng trong vườn buổi sáng này cũng là một cử chỉ của cây cối từ giã ông. Những giọt sương long lanh trên từng chiếc lá là những giọt lệ của cảnh vật khóc đưa chân ông. Ông đinh ninh chuyến đi kinh đô Huế lần này chưa biết ngày nào sẽ quay về quê cha đất tổ. Trước mặt ông, hai con đường hiện ra: làm dân – làm quan? Con dường làm dân là ý nguyện của ông và của người gây dựng sự nghiệp cho ông. Dân vi quý. Còn con đường làm quan là bất đắc dĩ. Ông đã từng nói với mọi người: Tôi học để làm người hiểu biết chứ không học để làm quan. Nhưng, ngay lúc này ông chưa thể từ chối hẳn việc làm quan được. Ông đành tặc lưỡi vào kinh đô. Và ông đã để lại vườn, nhà và hai sào ruộng cho con gái

làm ăn sinh sống, còn tất cả số ruộng của làng, của ông Thuyết biếu dịp ông thi đậu đại khoa, ông bán lấy tiền giúp các gia đình có người bị bắt đi phu làm đường Trấn Ninh.

Thấy cha đứng lặng giữa vườn, Côn ghé tai anh:

– Đến sáng mai đã phải xa quê nhà nên cha buồn nhiều, phải không anh?

– Đêm qua cha ngồi bên cửa nhìn ra trời trăng, chẳng ngủ chi cả!

– Để em nói với chị Thanh hẵng khoan dọn cơm. Cha đang cần sự yên tĩnh. Anh đi cho lợn ăn. Em đi gánh nước đổ đầy vại. Mai anh em mình đi rồi, chẳng còn dịp giúp đỡ chị Thanh nữa…

Đường làng Sen ngào ngạt hương. Những bông sen trong đầm xòe cánh lụa mượt mà dưới ánh nắng mai dìu dịu. Ba cha con quan Phó bảng Sắc bước từng bước bịn rịn, chốc chốc ngoái về phía sau. Những người thân và dân làng đi tiễn đứng rải rác dưới bóng tre nhìn theo cha con ông đang đi xa dần. Thanh đứng chơi vơi bên bờ đầm sen như hòn đá.

Từ dưới cánh đồng, bóng hai cậu con trai đang chạy tắt bờ ruộng đuổi theo. Biết là hai cậu bạn thân còn có việc gì cần gặp, Côn xin phép cha quay trở lại gặp bạn. Côn gặp hai người bạn ngay giữa đám ruộng khoai mới dỡ. Một bạn đưa cho Côn một cái gói bọc bằng lá sen non:

– Mình luộc khoai vừa chín thì Côn đã đi. Mình gói vội mấy củ chạy theo với Thuyến để đưa cho Côn ăn đường.

– Điền có khoai, – Thuyến nói – còn mình có mấy gương sen luộc. Côn ăn với khoai, bùi lắm. Còn đây là búp sen xanh, mình thấy

nó cao vóng lên giữa đầm, mình lội ra hái đưa cho Côn mang theo để nhớ hương sen quê nhà: Nó thơm dịu hơn các búp sen loại khác.

Cầm những gói quà của bạn, Côn đi theo cha, mắt vẫn đăm đăm ngoái nhìn lại bạn và ngắm búp sen xanh ngan ngát hương quê.

———

Chú thích:

(58) Mỗi ngày tự kiểm điểm mình ba lần

(59) Tấn là tiến mà cũng có nghĩa đời nhà Tấn. Đường ở đây cũng còn có nghĩa nhà Đường. Nhà Tấn lập ngôi vua, Đường lập ngôi đế.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 2

Ba cha con ông Sắc trở lại kinh đô Huế với những tên gọi mới: quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và hai con là Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành.

Hôm vừa bước chân đến Huế, hai anh em Tất Đạt và Tất Thành theo cha đi viếng mộ mẹ và em Xin. Tất Thành cùng anh trồng lên mộ mẹ, mộ em hai cây đại.

Những ngày đầu vào Huế, chưa tìm được chỗ ở, quan Phó bảng Huy tạm gửi Tất Đạt đến ở nhờ nhà một người bạn, còn ông cùng với Tất Thành ở nhờ trong nhà ông Phạm Khắc Doãn, người xã Đức Trường, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh, làm quan biên tu Quốc sử quán.

Sau gần bốn năm xa kinh đô Huế, nay trở lại, Nguyễn Tất Thành có nhiều ngỡ ngàng: Cầu Thành Thái (Tràng Tiền) hai đầu gục xuống dòng sông, nhịp giữa đã bị cơn bão Giáp Thìn (1904) cuốn đi. Người ở hai bên bờ sông Hương đang còn phải qua lại bằng đò ngang. Thành và anh trai đứng bên bờ Bắc ngẩn ngơ nhìn sang bờ Nam sông Hương: từng dãy, từng dãy nhà mới mọc lên nguy nga, thành một khu vực đồ sộ, được gọi là “khu nhà người Tây”. Cái khu nhà người Tây ở, tòa khâm sứ Trung Kỳ, tòa công sứ tỉnh Thừa Thiên… nổi bật lên vẻ kiêu ngạo, thách thức trước cảnh trí thơ mộng của Huế. Còn bên này sông Hương thì vẫn y nguyên một kinh thành cổ kính rêu phong…

Đi cùng với anh trai trên dọc đường thành, Nguyễn Tất Thành đang suy nghĩ về những tòa nhà hành chính của người Pháp đè lên cưng thành vua nhà Nguyễn thì lại gặp người hát dạo. Tiếng đàn, giọng ca lại gợi anh nhớ tới ông Xẩm ở quê nhà. Và, bên tai anh cứ văng vẳng lời ca mà anh thuộc từ mười năm trước:

Nước Nam ta sao lại có Tây..

Trên dọc đường anh gặp người Tây nhiều gấp bao nhiêu lần so với trước…Có cả những tên Tây say vừa đi vừa gây sự với các cô bán hàng trên hè phố. Dòng sông Hương cũng đổi khác: Thuyền buôn tấp nập hơn, mà đò kỹ nữ (60) đón khách làng chơi đông cũng chẳng kém thuyền chài, thuyền buôn…

Tất Thành cảm thấy ở đất "thần kinh" này đang có một sự chuyển động âm ỉ ở bên trong, anh muốn nói ra cái điều mình đang nghĩ với anh Tất Đạt, nhưng lại sợ tính anh trầm lặng và không thích bàn bạc những việc thời thế.

Quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy nhận chức thừa biện Bộ Lễ. Tại đây, ông gặp lại quan Phó bảng Phan Chu Trinh, người bạn cùng thi Hội khoa Tân Sửu (1901). Phan Chu Trinh đã đăng tờ biểu (đơn) xin cáo từ chức thừa biện Bộ Lễ. Ông đã công khai lên án bộ máy quan lại thối nát, cam tâm làm tay sai cho người khác. Ông diễn thuyết ngay trong trường Quốc tử giám và trước những thí sinh từ các miền trong nước mới về kinh đô Huế dự thi Hội khoa Giáp Thìn (1904). Ông kêu gọi những người tai mắt phải ngẩng cao đầu, đi tiên phong trong công cuộc xây dựng dân quyền, nâng cao dân trí, dân sinh… Tiếng nói của ông cùng với Lưu cầu huyết lệ tâm thư (lá thư viết bằng máu và nước mắt) của Phan Bội Châu đang gây chấn động cả kinh thành và lan rộng về các miền xa của đất nước. Nghe danh tiếng của hai nhà chí sĩ họ Phan, nhiều bậc danh nho, khoa

bảng ở các nơi về Huế tiếp kiến. Từ Phan Thiết, đất cực Nam Trưng Bộ, ông Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội ra Huế gặp Phan Chu Trinh. Phan Bội Châu đã rời Huế vì ông không đồng quan điểm với Phan Chu Trinh. Quan nghè Trần Quý Cáp, quan nghè Huỳnh Thúc Kháng, quan đốc Đặng Nguyên Cẩn, quan nghè Ngô Đức Kế… đều cùng quan điểm với quan Phó bảng Phan Chu Trinh. Cho nên quan đốc Cẩn, quan nghè Kế đã lập ra Triêu Dương Thư Quán ở Vinh. Ông Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội (con trai đầu của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông), hai nhà hằng tâm hằng sản tham gia tổ chức Hội Duy Tân, đã cùng các ông Nguyễn Quý Anh, Trần Lệ Chất, Nguyễn Hiệt Chi, Ngô Văn Nhượng lập ra công ty Liên Thành thương quán và trường Dục Thanh tại Phan Thiết.

Quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy tham dự nhiều buổi bình văn. Ông đã để lại trong tâm trí giới sĩ phu yêu nước một câu nói nổi tiếng: Quan trường thị nô trung chi nô lệ hựu nô lệ (61). Ông Lê Văn Miến, một giáo sư nổi tiếng của trường Quốc học, qua những buổi bình văn đã bắt gặp được tiếng nói tri âm ấy và đã kết bạn đồng tâm với quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy…

Từ ngày đầu đến ở nhờ, Tất Thành đã được vị quan biên tu Quốc sử quán họ Phạm chú ý.

“Lưỡng mục minh tinh” (62) Nhìn đôi con mắt của Tất Thành ông nhớ lại dịp Thành qua Hà Tĩnh chơi, nhiều người truyền đi những lời đồn về sự sáng dạ, sự tinh anh và khẩu khí như gấm hoa của anh, lúc ấy ông chưa tin lắm. Bây giờ nhìn kỹ đôi con mắt của Tất Thành, ông nói: Mắt là kho báu của con người ta. Cho nên, dân gian mới nói: “Giàu hai con mắt”.

– Nghĩa là được nhiều tiền nhiều của là do ở hai con mắt, hả cha? – Phạm Gia Cần, con trai ông Phạm Khắc Doãn, hỏi.

Ông Phạm Khắc Doãn nhìn con cười:

– Con trai cửa cha chỉ hiểu được cái nghĩa hẹp của câu tục ngữ luận về đôi mắt của con người. Cái chữ "giàu" của đôi con mắt nghĩa của nó rộng lắm con ạ. Càng giải thích, nghĩa của nó càng lớn ra. Tùy ở mức hiểu biết của mỗi người đến đâu thì sẽ nhận ra được ý nghĩa của nó tới đó. Với lứa tuổi của con, chưa từng trải việc đời, cha chỉ có thể nói cho con hay cái nghĩa chữ "giàu" của đôi con mắt là giàu về tài năng, giàu về vốn hiểu biết ở đời, giàu về đức độ. Và – ông nhấn giọng – người thiện nhiều hay ác nhiều cũng đều lộ ra ở hai con mắt…

Nghe cha giảng giải, cậu ấm Cần bắt đầu quan sát kỹ cậu ấm Thành… Rồi qua những ngày chung sống trong nhà, Cần càng nhận ra dần dần ở Thành giàu những đức tính tốt đẹp và sự thông minh sáng láng khác thường.

Bữa cơm "khách" đầu tiên, ăn xong Thành tự đi lấy tăm đặt lên miệng ly trà cho từng người. Thành thu dọn bát đĩa và đi rửa. Cần cảm động, ngăn lại:

– Thành đừng mó tay vô công việc ni. Đến bàn uống nước, để mình làm cho.

– Việc ni để em làm phải hơn. Ngoài hai ông bố ra chỉ có anh và em thôi. Em ít tuổi hơn anh, em nhận việc rửa bát, anh làm việc khác.

Quan biện tu Quốc sử quán Phạm Khắc Doãn nhìn cậu ấm Thành dọn bát đũa, gật đầu, nói:

– Cần hãy xem, em Thành nó sắp bát ý tứ chưa kìa? Cách sắp xếp ấy thì dù có chồng cao lên mấy cũng khó đổ. Lần trước con đánh vỡ cả chồng bát cũng chỉ vì xếp trên to dưới nhỏ…

Đến ở ngày hôm trước, hôm sau Thành đã đi chợ đong gạo, mua thức ăn. Thành biết rành từng loại gạo cơm ở chợ Đông Ba như gạo lốc dâu, gạo chăm, gạo ré, gạo hẻo… Anh nói với Cần:

– Những thứ gạo này vừa dẻo, vừa thơm và ngọt mà lại hợp túi tiền của anh em mình. Ở Huế có rất nhiều thức ăn tươi ngon. Chịu mất công một tí và chịu để ý học cách làm món ăn của các bà, các chị thì sẽ được ăn ngon miệng mà lại không tốn tiền lắm. Đặc biệt có món cá bống kho khô, rắc tiêu, ăn với canh rau tập tàng ngon tuyệt, anh ạ.

Phạm Gia Cần ngạc nhiên, hỏi:

– Thành vừa vô tới đây sao đã thuộc đường, quen chợ và lại thạo mọi việc nội trợ hơn cả những cô gái con nhà tần tảo vậy?

– Mười năm trước đây, em đã từng ở với cha mẹ em trong thành nội, xung quanh khu vực hoàng thành và vùng ngoại vi Huế em quen thuộc cả. Còn việc thạo chợ búa, nấu nướng là do mệ em và chị Thanh của em bày vẽ cho. Có lúc em đã phải lo liệu mọi việc trong nhà vì cha đi vắng, mệ ốm nặng. Vả lại, biết làm việc gì là có ích cho mình, anh Cần ạ.

Phạm Gia Cần vẻ mặt trầm ngâm, nói thủ thỉ:

– Từ hôm Thành đến ở chung, cha mình luôn luôn tấm tắc: “Có con mắt; có bàn tay cậu ấm Thành, nên nhà sân, vườn đã phong quang ra, đồ đạc được gọn gàng ngăn nắp đâu vô đó…”. – Cần hạ

giọng, chân thành: – Ở gần Thành, mình học hỏi được nhiều thứ, nhất là cách đọc sách.

Thành nói luôn:

– Cha em và thầy Vương Thúc Quý dạy em cách đó. – Hai mắt nhìn vào xa xăm, Thành hồi tưởng: – Còn nếp sống trong nhà là bà ngoại em rèn cặp cho từ lúc ba chị em còn nhỏ, quấn quýt bên chân bà.

o0o

Quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy đã thu xếp được một chỗ ở tại phía sau thành Đông Ba vốn là trại lính cũ trong dãy "thuộc viên" dành cho các viên quan nhỏ của triều đình Huế. Ông đón hai con về, ba cha con cùng ở với nhau.

Một hôm, Thành thấy cha đi làm về, vẻ mặt không vui, trong bữa cơm cũng không nói chuyện với hai con như thường lệ. Thành đợi cha uống nước, nằm nghỉ mới ghé ngồi bên cha, hỏi dè dặt:

– Thưa cha, ở trong Bộ chắc có chuyện chi không vui? Cha mệt lắm phải không, thưa cha?

Quan thừa biện Huy nhấc cánh tay khỏi vầng trán, nhìn con đằm thắm:

– Anh Tất Đạt của con đi đâu rồi?

– Anh con sang bên anh ấm Cần mượn sách về đọc ạ. Hôm qua anh ấm Cần cho biết quan bác vừa đưa một số sách mới ở Quốc sử quán về, cha ạ.

– Người xưa quan niệm: Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao (63). Cha thấy việc đọc sách là đáng quý, quý lắm. Các con phải tự nhắc nhở mình: Ngày nào chưa đọc được mười trang sách là ngày đó bị nhịn đói nhịn khát. Đã coi mắt là kho báu thì sách là một nguồn báu vô tận của mắt. Nhưng không thể hạ thấp những việc khác, coi việc đọc sách là trên hết thảy.

Lúc cha nói chuyện, Thành thấy ở cha có băn khoăn gì chưa nói. Anh hỏi:

– Chắc là trong buổi lễ thường triều có chuyện đức vua quở, hay trong Bộ lại có chuyện chi không vui, thưa cha?

– Không có chuyện đó, con ạ. Cha đang bận tâm về việc tòa khâm sứ thúc ép nhà vua ra đạo dụ giảm dần việc học chữ nho, khuyến khích học chữ Tây, học chữ mới gọi là quốc ngữ. Cha cũng tính xem có nên cho các con vào trường Đông Ba học cái "chữ mới" ấy không.

Hai cha con như chìm vào yên lặng. Sau những phút trầm ngâm, Thành hỏi cha:

– Thái độ của các quan trong triều trước sự việc này ra sao hả cha?

– Hầu hết là buồn thầm, là đau đớn ngầm, cũng có một số ông thì hí hửng muốn có vốn "chữ mới" để được người Tây trọng dụng.

– Con mới biết võ vẽ dăm ba chữ, con thấy chữ quốc ngữ dễ nhớ, chóng biết và học một nó hóa ra hai ba chữ không như cái chữ nho, học chữ nào chỉ biết vẻn vẹn chữ ấy. Cả đến chữ Tây con cũng thấy dễ đọc hơn chữ nho nữa kia, cha ạ.

– Mấy lâu nay, cha ngẫm nghĩ nhiều về đường học của các con. Thời thế đã xoay vần, lớp các con không thể ôm khư khư cái con đường học chữ thánh hiền như lớp người của cha. Cha rất kính trọng chí hướng của ông giải San. Nhưng cha không thể đồng tình với ông bài bác việc học "chữ mới". – Ông ngồi dậy, chống khuỷu tay lên mặt gối, người nghiêng ra phía sau, giọng trầm lắng: – Ông cha ta chống giặc Tàu từ đời này qua đời khác, – ông nhấn giọng – chống giặc Tàu chứ không chống dân chúng Tàu. Nhưng ông cha ta sùng bái chữ Hán, học chữ Hán. Học cái chữ chứ không học tiếng nói. Ta nói tiếng của ta, dùng chữ người Hán để viết nhưng không đọc theo tiếng của họ. Và, ta viết chữ Hán theo lối sắp xếp của tiếng nói người Việt ta. Vậy thì, ngày nay ta cũng nên học cái chữ người Tây, càng nên học cái "chữ mới". Chúng ta học chữ Tây là học cái tinh hoa của Pháp quốc, nhưng quyết không cam chịu để lũ quỷ trắng đè đầu cưỡi cổ dân mình, con ạ.

Hai mắt Thành ngời lên những tia sáng, nhìn cha:

– Con… thưa cha, con… con chưa nghĩ được thấu đáo như cha. Song, con đã thầm nghĩ về việc học chữ Tây… Muốn biết rõ cội nguồn của người Tây là thế nào thì phải biết chữ của họ, tiếng nói của họ, nền văn minh của họ. Và càng không thể bỏ qua việc học loại chữ mới, cha ạ.

– Ừ – ông gật đầu – Con cũng đã có một cái hướng học rõ rệt như vậy, cha sẽ đưa con vào học trường Pháp – Việt Đông Ba. Cả anh con nữa…

Trường Tiểu học Pháp – Việt của tỉnh Thừa Thiên xây dựng trên nền chợ Đông Ba cũ, ở ngoài quách cửa Chính Đông. Năm 1899 chợ Đông Ba dời ra ngoài. Cái đình chợ dùng làm trường học. Người ta ngăn làm năm gian, bốn gian là bốn lớp, một gian còn lại

làm văn phòng nhà trường. Trường Tiểu học tỉnh Thừa Thiên mang tên Đông Ba là từ cái tích ấy.

Thành và Đạt đã tháo vòng bạc khỏi cổ, mặc quần áo bà ba trắng, lúc đến trường thì mặc áo dài đen. Phạm Gia Cần cũng cải cách việc ăn mặc và cùng vào học trường Đông Ba với anh em Thành. Thành vừa tới cửa trường; những bạn nhỏ thành nội năm xưa đã ùa đến xúm quanh, hỏi tíu tít… Các bạn vẫn quen gọi anh là Côn. Phạm Gia Cần nhắc:

– Côn là tên "lót ổ" thôi nghe. Chúng mình phải gọi Tất Thành, tên chữ của bạn ấy.

Diệp Văn Kỳ ôm choàng lấy cổ Thành, du qua du lại nói:

– Nghe nói Côn… ờ quên, nghe nói Thành trở vô đây đã gần một tháng nay mà bọn mình không biết chỗ ở để đến chơi.

– Vì – Thành nói – chưa có chỗ ở hẳn hoi, mình chưa tiện đi đón hoặc nhắn tin các bạn đến với mình. Nay thì gia đình mình đã dọn đến ở tại thuộc viên, dãy nhà bên trái sau cửa thành Đông Ba…

– Ồ! Gần… gần đây thôi. – Đám bạn thành nội reo to lên.

Kỳ hớn hở:

– Tan học bọn mình kéo đến nhà Thành nhá…

Thành nhìn như đếm từng kỷ niệm đọng trên những gương mặt quen thuộc từ tuổi ấu thơ. Anh hỏi Kỳ:

– Mệ Minh Huệ và bạn Hạnh (Lê Thị Hạnh) có đi học chữ mới không?

– Hai “bà” ấy ham cái chữ “dắt dây” hơn cả loại chữ “vẽ bùa” cũ kỹ đó. Họ đang học ở trường Tam Toà (64) ấy…

Thành cười hiền, giọng buồn buồn:

– Mình về quê đã gần bốn năm, nhưng mình vẫn canh cánh bên lòng cái ơn của các bạn đối với mình lúc gặp hoạn nạn. Lúc mệ chết, mình bối rối, lại còn đang thơ dại chưa nghĩ thấu, nay mình đã biết nghĩ càng thấm thía tấm lòng của các bạn hồi đó…

– Nhắc chi chuyện buồn đã qua, hả Thành?

– Đâu phải chỉ là nhắc mà mình phải nhớ nghĩa của bạn bè. Nên về quê, mình đã kể lại cho bà ngoại của mình nghe chuyện bạn bè giúp đỡ trong lúc mệ chết, cha đi vắng chưa về. Bà mình khóc. Bà dặn mình: “Một miếng khi đói bằng một gói khi no. Cháu được các bạn vun tay vô giúp đỡ lúc cháu gặp cảnh tối lửa tắt đèn thì phải nhớ đời. Nhớ ơn đền nghĩa là người có thủy có chung. Nhiều khi mình chẳng có dịp đền đáp công ơn của người giúp mình mà lại giúp đỡ người khác lúc hoạn nạn thì đó cũng là cách nhớ ơn đền nghĩa…”

Đám bạn thành nội xúc động về tấm tình sâu sắc của Thành. Họ đang nói dở câu chuyện tình bạn cũ thì tiếng trống trường đã nổi lên… Tất cả xếp hàng, trật tự bước vào lớp.

*****

Thầy Hiệu trưởng trường Đông Ba đã ngạc nhiên về sức học và tính nết của Nguyễn Tất Thành. Gần một trăm học trò trong trường đều là con các nhà quản, con nhà giàu có của đất “thần kinh”. Trò nào cũng mặt mũi tuấn tú khôi ngô và sáng dạ. Trò nào cũng lễ phép

với thầy. Nhưng, Nguyễn Tất Thành là một trong năm học trò để ấn tượng rõ nhất trong tình cảm của thầy. Hằng tháng, Nguyễn Tất Thành và bốn học trò nữa thường được thầy khen ở lớp. Và đã có lần thầy nói:

– Trò Nguyễn Tất Thành học của thầy một chữ mà tự học hỏi thêm để biết rộng được gấp hai, gấp ba, cho nên, các bài làm của trò Thành thường mở rộng vượt khỏi khuôn khổ của các đầu đề bài tập. Mở rộng ý tưởng của bài chứ không hề lạc đề. – Thầy nói, vẻ xúc động: – Ta không mến học trò Thành sao được? Trò Thành học với ta mới chưa được một niên khóa, hôm ấy ta vừa đọc lên: "Ô sa! Ô sa! Ồ sa! Vu-lê-vu măng-giê lơ ra, mông-tê xuyếc la pu-tơ-rơ" (O chat! O chat! O chat! Voulez-vous manger le rat, montez sur la poutre), trò Thành đã dịch câu tiếng Pháp ấy ra tiếng Việt thuần thục như một câu ca dao ngọt ngào, quen thuộc:

Con mèo, con mẻo, con meo,

Mày muốn ăn chuột thì leo lên xà.

Ồ! Thật là tuyệt! Tuyệt vời…

Thầy còn nhận xét tỉ mỉ:

– Sách học, vở tập của trò Thành luôn luôn giữ sạch đẹp không quăn mép, không giây mực, không tẩy xóa nhòe nhoẹt. Chữ viết đủ nét, rõ ràng, thẳng hàng ngay lối…

Những năm tháng học "chữ mới" ở trường Tiểu học Đông Ba, Thành và Đạt còn được cha khích lệ: Hằng ngày đi làm ở Bộ về, sau bữa cơm tối, ông thường ngồi vào bàn học theo bài vở của con đang học. Ông coi hai con là "thầy" dạy "chữ mới" cho mình. Đạt coi

việc cha mình học “chữ mới” là thú vui. Thành thấy cha đã ngoài bốn chục tuổi, đậu Phó bảng, ôm nỗi đau mất nước, phải nhận một chức quan tại Bộ Lễ mà vẫn cặm cụi học thêm “chữ mới” là sự khác thường. Anh đinh ninh về lời cha tâm sự “ông cha ta đã không bao giờ chịu khuất phục giặc Tàu, nhưng quý trọng chữ Hán, quý trọng nền văn hóa Tàu. Ngày nay các con cố gắng học “chữ mới”, học chữ của Pháp quốc để mở mang đầu óc thì mới biết đường hướng mà hành động hợp với thời thế…Học “chữ mới” không phải để rồi đi làm thầy ký thầy thông…”

———

Chú thích:

(60) Gái làng chơi, gái điếm

(61) Quan trường là nô lệ trong đám nô lệ nên càng nô lệ nhất

(62) Hai mắt sáng như sao

(63) Mọi việc đều thấp hèn,chỉ có việc đọc sách là cao quý

(64) Trường nữ sinh lớn nhất Trung Kỳ, ở trong cửa Thượng Tứ. Ngày ấy chưa có trường Đồng Khánh.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 3

Thu đã sang. Huế mơ màng…

Kết thúc chặng đường học Tiểu học trường Đông Ba, lòng Tất Thành thảnh thơi, tĩnh lặng. Nhưng, chẳng mấy chốc tâm trí Thành lại bề bộn với bao hy vọng đợi chờ được gọi vào "Thiên đường trường học" của niên khóa 1906-1907. Và, cái mùa thu của năm 1906 này, anh càng bận tâm với không khí âm ỉ của cuộc vận động chống Pháp do các sĩ phu yêu nước nhen lên. Sôi nổi nhất là các giới đồng bào ở kinh đô Huế hưởng ứng Hải ngoại huyết thư của Phan Bội Châu. Các nhà hằng tâm hằng sản ủng hộ vàng bạc cho quỹ xuất dương. Những thanh niên trí thức có tâm huyết tìm cách trốn sang Trung Quốc, sang Nhật theo Phan Bội Châu. Phan Chu Trinh từ Nhật Bản về nước. Ông gửi thư cho toàn quyền Bô (Beau) đòi cải cách chính trị, nới rộng dân quyền…

Thành đang xốn xang với thời cuộc, cha và anh Đạt lại vào Bình Định thăm cụ Đào Tấn đã từ quan về quê nghỉ, bị ốm. Giữa lúc này Thành nhận được thư chị Thanh gửi qua Phạm Gia Cần nhân lúc anh về thăm quê.

Thành cầm lá thư của chị ra hồ Tịnh Tâm ngồi đọc. Những bông sen cuối mùa cúi gục xuống mặt hồ phẳng lặng. Thành tựa vào gốc cây, tán xòa như chiếc lọng xanh che đầu, trải lá thư của chị trên lòng bàn tay, mắt rơm rớm ướt vì cảm động trước những dòng "chữ mới" do bàn tay chị viết:

Phong thư viết vội

Chị gửi hai em

Giấy trắng mực đen

Thắm tình của chị.

Niềm thương như bể

Nỗi nhớ như non

Trăng khuyết trăng tròn

Lúc mưa lúc nắng

Lòng chị nỏ (chẳng) vắng

Một phút hình em

Thương cha ngày đêm

Một mình một bóng

Khác chi gà trống

Nhặt thóc nuôi con

Sầu nước héo gan

Thờ vua khô dạ…

Em ơi có rõ

Chị sống một thân

Giữ nếp thanh bần

Mà không dốt nát

Chị đã học được

Chữ mới như em

Nghe lời giải San

Chị vô Hội kín…

Hai em đã lớn

Nhiều chữ, gần cha

Ắt là nhìn ra

Con đường cứu nước…

Thành đang ngẫm nghĩ về trang thư của chị thì từ phía sau, Kỳ ùa đến:

– Hầy! (Thành giật mình nhìn lên, cười với Kỳ) Đây rồi! Bắt gặp đây rồ i… Ấy! Thành đọc… Răng mắt… Thành khóc?

– Mình đọc thư của chị Thanh mới gửi vô. – Thầy và anh Đạt về rồi. Còn có một vị khách cũng về với thầy nữa. Thầy cho mình đi tìm Thành về. Anh Đạt đang đun nước pha trà.

Thành và Kỳ đi sóng đôi dưới bóng hàng cây. Đi tới lối rẽ về nhà Thành, Kỳ trả cho Thành tập truyện “Không gia đình” bằng tiếng Pháp rồi đi thẳng ra phố.

Thành đi mé ngoài hàng cây hoa râm bụt, ghé mắt vào nhà thấy cha và ông khách đang ngồi đối diện nhau ở bộ ghế bành voi. Thành đi quành ra sau nhà, đưa cho anh Đạt lá thư của chị Thanh. Thành sửa lại quần áo ngay ngắn, vuốt mái tóc dày ốp mượt mà, tay vẫn ôm cuốn truyện "Không gia đình", đi lên nhà. Anh khoanh tay trước ngực:

– Con chào cha, – anh cúi đầu về khách: – cháu chào bác ạ.

Ông Huy chìa tay về phía trước:

– Thưa bác, cháu Nguyễn Tất Thành của bác đó ạ.

Vị khách nhìn Thành với vẻ hiền từ, âu yếm. Ông chìa tay mời:

– Cháu ngồi vô ghế.

Thành nhấc chiếc ghế ra xa bàn để tránh ngồi ngang hàng với cha và với khách của cha. Vị khách gật đầu tán thưởng cái cử chỉ lễ phép ấy của Thành. Ông Huy giới thiệu với con:

– Cha xin phép được giới thiệu bác với con… Bác là thầy Lê Văn Miến.

Thành chớp chớp mắt, hơi nghiêng dầu nhìn thầy giáo Miến, một thầy giáo mà anh đã được cha nhiều lần nhắc tên và anh ước ao được học thầy. Anh lễ phép thưa:

– Dạ, thưa thầy, con được nghe danh thầy đã từ lâu, nay con lại vinh dự được gặp thầy…

– Cha cháu với chú là chỗ thân tình, cùng quê. Cháu cứ gọi là chú, vì chú ít tuổi hơn cha cháu. Nay mai anh em cháu vào học

trường Quốc gia học đường, lúc bấy giờ là thầy trò thực sự ta sẽ gọi nhau đúng chức danh, cháu ạ.

– Thưa… dạ thưa chú, anh em cháu e khó vô nổi cửa trường Quốc học ấy ạ.

– Chú vừa mới báo tin với cha cháu đó. Hai anh em cháu đều đã có tên trong danh sách chính thức của niên khóa 1906-1907 cháu ạ.

Nguyễn Tất Thành hơi bối rối, những ngón tay anh cử động một cách vụng về trên bìa cuốn truyện "Không gia đình", hai bàn chân anh luôn xê dịch trên nền nhà. Thầy giáo Lê Văn Miến đã đọc được những tín hiệu xúc động ấy của Tất Thành. Ông nói:

– Chú hơi lo cháu Tất Đạt sức học có phần yếu một chút. Cháu Đạt phải cố gắng ngay từ đầu năm học, về sau mới đuổi kịp trình độ chung của trường. Còn cháu, – ông nhìn Thành, vẻ tin tưởng – cháu thuộc loại hiền đức tại tâm, anh hoa tọa mục"… (65)

Nguyễn Tất Thành càng bối rối hơn. Ông Nguyễn Sinh Huy đỡ lời cho con:

– Cháu Thành được cái sáng dạ và hiếu học, ham hiểu biết. Cháu có thể mặc áo vá, để đầu trần, đi chân đất ăn cháo, ăn rau, nhưng cháu không thể nhịn học, nhịn xem sách, nhịn nghe những chuyện bổ ích.

Thầy Miến nhấp một ngụm trà và cầm gọn cái chén bạch định vào lòng bàn tay, giọng khoan thai:

– Các thầy chấm bài thi, từ lúc chưa ráp phách lại đã xôn xao về một số bài thi làm rất tốt. Các thầy đồng thanh cho điểm mười.

Trong số bài đặc sắc ấy có bài cháu Nguyễn Tất Thành của quan bác.

Quan Phó bảng Huy cảm động, tay hơi run, cầm cái ấm chuyên tiếp trà vào chén thầy Miến. Tất Thành hai má đỏ ửng. Thầy Miến nói với Thành:

– Những năm học trước đây, học sinh vào trường Quốc học không phải qua kỳ thi tuyển chọn mà lấy vào rặt con các vị mũ cao áo dài và những sinh viên trường Quốc tử giám có xu hướng học chữ mới và tự nguyện ra làm việc cho nhà nước bảo hộ. Phủ toàn quyền Đông Dương ra nghị định lập cái trường Quốc học này để thay thế cho trường Hành Nhơn của chính phủ Nam triều từ năm 1896. Cho nên, ai đậu bằng thành chung do trường Quốc gia học đường này đào tạo thì được trọng dụng ngang với người có bằng cử nhân nho học. Ngay cả khi còn đang là cậu học trò trường Quốc học thì người bên tòa khâm, có khi bản thân ông chánh sứ đến tận lớp học nhắn người để đưa về làm việc. Cho nên, dân kinh đô mới gọi là “Thiên đường trường học”, cháu ạ.

Tất Thành, tay bóp chặt cuốn truyện “Không gia đình” mắt chớp chớp:

– Thưa chú, nếu luật lệ bắt buộc sau khi ở trường Quốc học ra phải đi làm thầy thông, thầy ký cho nhà nước bảo hộ thì… cháu sẽ xin phép cha cháu để tìm một trường học khác.

– Khá lắm. Hữu chí cánh thành (66) – ông hạ giọng: – Một người sớm có chí hướng như cháu thì chẳng có sức mạnh nào bắt cháu khuất phục được. Cho nên cháu cần vào trường Quốc học. Hiện nay, trên khắp xứ mình không có trường học nào đáng để cháu học bằng cái trường Quốc học này. Lớp trẻ các cháu, nhất là cháu, cần

có vốn văn hóa tân tiến. Không phải bất cứ ai học chữ Tây rồi cũng ra làm tay sai cho người Tây đâu. Mà có những người ra làm việc cho Tây cũng chỉ vì kiếm sống, cháu ạ. Và không phải người Pháp nào cũng đều là thực dân đế quốc cả đâu. Chú sang Tây du học với Hoàng Trọng Phu và Thân Trọng Huề. Nhưng, về nước chú chỉ làm công việc truyền thụ cái tốt đẹp của văn hóa Pháp cho con em trong xứ sở mình. Vì chú không có đủ tài kinh bang tế thế (67). Còn Hoàng Trọng Phu, Thân Trọng Huề thì đang làm… "trọng trách" khác chú.

Tất Thành áp cuốn truyện "Không gia đình" vào ngực, lễ phép nói:

– Những lời chú dạy, cháu thấy sáng ra nhiều lắm.

Thầy Lê Văn Miến trìu mến đặt tay lên vai Nguyễn Tất Thành:

– Ngày chú mới biết võ vẽ tiếng Pháp, chú lầm tưởng truyện "Không gia đình" là sách của trẻ con đọc. Nhưng nay thỉnh thoảng chú vẫn còn đọc đi đọc lại nó. Càng đọc chú càng biết thêm được những bài học làm người. Cháu đọc "Không gia đình" cháu thấy thế nào?

– Thưa chú, cháu mới đọc được có hai lần, mà vốn chữ Tây của cháu còn ít ỏi lắm. Qua hai lần đọc, cháu thấm thía nhất là: trong lúc xã hội có chuyện người ăn hiếp người thì lại có chuyện con chó Ca-pi, con khỉ Giô-li-cơ của ông già xiếc Vi- ta-li, có tình, có nghĩa với chủ nó, và chúng sống có tình bạn, tình đồng đội, thương nhau như con một nhà…

Thầy Lê Văn Miến đứng dậy, cha con ông Nguyễn Sinh Huy cùng đứng lên. Thầy chắp hai tay ở trước ngực:

– Xin chúc mừng quan bác có một người con: Nguyễn Tất Thành – sẽ tất thành. Tôi sẽ có vinh dự được làm một người thầy học của trò Nguyễn Tất Thành.

– Cảm tạ, – ông Phó bảng Huy đáp – xin cảm tạ đại huynh đã dành cho cha con tôi những lời tốt đẹp.

Nguyễn Tất Thành giọng chân thành:

– Thưa chú, cháu được nghe các bậc cha anh tỏ lời thán phục chú là một người tiết kiệm từng lời, từng chữ, không bao giờ nói thừa, viết thừa. Hôm nay, lần đầu tiên cháu được vinh dự hầu chuyện chú, cháu vô cùng cảm động, chú đã dành đặc ân cho cháu…

Thầy Miến đỡ lời:

– Cháu ơi! Nước mất mà không biết là bất trí, biết mà không chiến đấu cứu nước là bất trung, chiến đấu mà không quên mình vì nước là bất dũng. Chú là người đã phạm điều “tam bất” ấy thì phải tự biết xấu hổ với quốc dân, chứ sao còn nói nhiều, viết nhiều, liệu có ích gì? Còn chú nói với cháu nhiều là do chú đã gặp được từ âm. Các cháu tuy còn tuổi măng tơ nhưng sẽ là những cây tre cao hơn cả lũy tre…

Nguyễn Tất Thành bẽn lẽn bước theo cha tiễn chân thầy Lê Văn Miến ra tận cửa thành…

o0o

Cầu Thành Thái sau bao ngày gãy gục đã được dựng lại. Nó như chiếc đòn gánh, một đầu gánh những lâu đài nhà Nguyễn bên tả ngạn, một đầu gánh những dinh thự thực dân Pháp bên hữu ngạn

sông Hương. Nguyễn Tất Thành trên đường đến trường Quốc học đi trên chiếc "đòn gánh" ấy, mắt nhìn đau đáu hai bờ sông Hương nặng trĩu hai đầu gánh. Anh bồi hồi nhớ về một câu hò của người chèo đò trên sông đã cất tiếng lên trong một đêm khuya vắng:

…Lập lên trường thi võ đua tài

Cớ mần răng cửa Thuận An, Tây đóng

Trấn Bình Đài, cờ Tây treo?

Nước sông Hương thơm nức

Dòng sông Hương trong veo

Cầu tên vua gãy nhịp khác chi thuyền gãy chèo giữa khơi…

Trước đây đã bao nhiêu lần Tất Thành đi với anh Tất Đạt, với bạn bè qua cổng trường Quốc học. Nhưng, Thành chẳng để ý tới cái "Thiên đường trường học" này làm gì. Giờ đây, khi anh đã là "sĩ tử" của cái "thiên đường" này, anh mới thấy hết, càng ngạc nhiên và lòng đầy ngờ vực khi nhìn kỹ nó. Cổng trường bằng gỗ lợp ngói, bên trên là cái gác chuông, kiểu kiến trúc cổ. Hai bên là hai con rồng nổi, ghép bằng mảnh sứ. Cổng trường nhìn đối diện cửa Ngọ Môn, ở bên tả ngạn sông Hương. Trên cổng trường gắn tấm biển nền đỏ, chữ vàng: "Pháp tự quốc học trường môn" bằng chữ Hán. Trên hàng chữ Hán này lại có hai chữ quốc ngữ đắp nổi: "Quốc học". Trong đầu anh hiện lên chồng chồng lớp lớp những dấu hỏi: Trường Quốc học? Chữ Pháp? Trường học lớn nhất của nước nhà sao lại lấy chữ Pháp làm chính? Phải chăng từ nay chữ Pháp là quốc tự của Việt Nam? Và Việt Nam đâu còn là tên của nước mình nữa, mà là "xứ Đông Pháp" rồi! Dưới bậc Tiểu học họ đang còn mị dân mình bằng

cái tên ghép: Trường Pháp – Việt. Lên bậc trung học, các quan thực dân Pháp không giấu mục đích thực dân của họ: Trường Quốc học chữ Pháp. Nghĩa là trường học của nước Pháp dạy tiếng Pháp, đào tạo người làm việc cho nước Pháp ở ngay trên xứ thuộc địa của nước Pháp… Anh lại tự nhủ: Thầy Lê Văn Miến được người Pháp đưa sang Pháp đào tạo với mục đích lúc về xứ sở sẽ là một tay sai đắc lực trong bộ máy cai trị, nhưng thầy Miến lại lựa chọn cho mình một hướng đi khác…

Tất Thành cảm thấy mỉa mai cho cái cơ ngơi "Thiên đường trường học" vốn là doanh trại đội lính thủy hoàng gia, với hai dãy nhà tranh, phên nứa. Mỗi dãy nhà ngăn ra làm nhiều phòng nhỏ làm lớp học và phòng các bộ môn: phòng từ hàn (văn phòng, phòng luyện võ), phòng diễn thuyết, phòng khách, phòng diễn ảo thuật. Phòng ông Hiệu trưởng được tu bổ khang trang hơn hết…

Nguyễn Tất Thành ngồi vào lớp học. Học trò đã ngồi gần kín các dãy ghế. Nhưng, ngoài sân trường còn có những chiếc xe song mã, xe độc mã… tiếp tục đến… Có tiếng xì xào: "Chà! Chà! Các mệ, các mụ chừ mới đến… Con cháu nhà vua có khác! Đó… đó… mệ Hường Kiên, mệ Hường Đề, mụ Ưng Thuần, mụ Ưng Hoát, mụ Ưng Nghệ… Lại còn các cậu ấm con các quan đại thần cũng chừ mới đến trường!"

Trong lớp im bặt. Cả lớp đứng dậy khoanh vòng tay trước ngực. Một thầy giáo người Pháp bước vào lớp, nói tiếng Pháp, giọng mũi: "Các trò ngồi xuống". Ông điểm danh cả lớp. Thành ngồi ở hàng ghế gần cuối lớp, theo thứ tự A, B… Đạt ngồi ở hàng ghế vần Đ. Ông ghi số học trò có mặt và vắng mặt lên góc bảng đen. Ông giới thiệu cho học trò biết một số đặc điểm của lớp nhất trung học. Vẫn cái giọng mũi ồm ồm, ông nói:

– Lớp nhất trung học của niên khoá này có một mệ, hai mụ. Nhưng, học trò của nhà trường này đều bình đẳng, không phân biệt đối xử.

Trong lớp có tiếng xầm xì. Ông giáo người Pháp nhíu mày nhìn xuống, cả lớp im phăng phắc. Ông nói cao giọng hơn:

– Trong lớp nhất trung học này có hai trò đã đậu bằng cử nhân và sáu trò bằng tú tài nho học. Đặc biệt có trò Phan Khải, quê tỉnh Quảng Nam, năm mười bảy tuổi đậu tú tài nho học.

Thành nhìn về phía vần K Lê Đình Thám ngồi cạnh Thành nói khẽ: “Phan Khải tuổi Mậu Tý (1888), đậu tú tài khoa thi 1905 vừa rồi”. Tất Thành nói nhỏ với Lê Đình Thám: “Vậy ra anh Khải cùng tuổi với anh Võ Liêm Sơn và anh Tất Đạt của tôi”.

– Võ Liêm Sơn quê Nghệ hay bên Tĩnh? – Lê Đình Thám hỏi rất khẽ.

Võ Liêm Sơn ngồi ngay ở hàng ghế trước nên cũng nghe được và quay đầu về sau nở nụ cười với Thành và Thám.

Ông giáo người Pháp vẫn tiếp tục nói về đặc điểm của lớp:

– …Còn một đặc điểm nữa, tuy nhỏ nhưng đáng phải kể đến là, có hai cặp anh em ruột học cùng một lớp. Một là Lê Đình Dương, Lê Đình Thám, con quan tổng đốc Lê Đỉnh, quê Quảng Nam. Hai là Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành, con quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy thừa biện Bộ Lễ, quê tỉnh Nghệ An…

Nguyễn Tất Thành hơi cúi nhìn xuống bàn, tránh những cái nhìn của các bạn trong lớp. Chân anh miết mạnh xuống đất. Đầu óc anh như một dòng sông chảy xiết: hình dáng ông thầy giáo người Pháp

đang ở trước mặt anh lẫn trong bao nhiêu hình ảnh những tên thực dân Pháp với hành động dã man, kinh tởm mà anh đã gặp lúc tuổi thơ ở quê nhà, ở trên dọc đường thiên lý anh đi qua, ở tại kinh đô Huế.

Ông giáo người Pháp chuyển giọng nói vui vẻ:

– Trong lớp học khóa này có những cặp học trò là hai anh em ruột thì cũng có trường hợp ba anh em ruột cùng làm thầy giáo. Đó là thầy Hăng-ri Lơ Bơ-rít (Henri Le Bris), thầy Ơ-gien Lơ Bơ-rít (Eugène Le Bris) và cô giáo Y-von Lơ Bơ-rít (Yvonne Le Bris). Các trò còn có thể được học với thầy Lơ Bơ-rít Gơ-ri-phông (Le Bris Griffon), thầy Quai-nhắc (Queignac), thầy Lơ Bơ-rơ-tông (Le Breton). Nhưng các thầy thích được gọi bằng cái tên An Nam như là Lê Bá Tôn (Le Baston) – ông giáo Pháp cười khà khà. – Và thầy đây, – ông ta chỉ tay vào ngực mình – thầy đây cũng rất thích được gọi tên An Nam: Ngô Đế Mân, tức là No-đơ-măng (Nordeman). – Ông ta cười càng giòn hơn và giọng nói lại chuyển sang nghiêm trang: – Các trò còn có thể được học với các thầy người An Nam danh tiếng như thầy Lê Văn Miến, đã từng sang du học tại Pháp. Thầy Miến chẳng những là một sinh viên xuất sắc ở một trường lớn tại Pa-ri mà còn là một sinh viên giỏi, có tài của trường Mỹ thuật Pa-ri nữa. Rồi thầy Hoàng Thông, thầy Hồ Đắc Khải, thầy Nguyễn Đình Hòe… Thầy Hòe có biệt tài dịch thơ ngụ ngôn La Phông-ten (La Fontaine). Và nhiều thầy nổi danh khác nữa, các trò học lần lần sẽ biết…

Khi kết thúc buổi khai trường, ông giáo No-đơ- măng nói dõng dạc trước lớp: “Trường Quốc học chữ Pháp nhằm mục đích đào tạo nhân tài có lòng trung thành tuyệt đối với nước Đại Pháp và có tinh thần phụng sự cho công cuộc khai hóa của người Pháp…”

Từ “Thiên đường trường học” bước ra, Nguyễn Tất Thành lòng buồn man mác, anh gieo từng bước trên cái “đòn gánh” gánh hai bờ sông Hương…

———

Chú thích:

(65) Đại ý: Đức lớn ở lòng, sự thông minh hiện lên trong mắt.

(66) Có chí thì nên

(67) Dựng nước giúp đời

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 4

Trời nhá nhem tối. Trong nhà đã tỏ ánh đèn, đĩa dầu hai bấc le lói tỏa sáng. Phảng phất mùi hương và hoa huệ. Mâm cơm cúng xong đặt dưới bộ phản kê sát phía trước bàn thờ. Quan Phó bảng Huy ngồi tựa lưng vào mép bàn thờ và bắt đầu nâng ly rượu lên:

– Đạt vào ăn cơm, con! Bữa nay giỗ mẹ các con, cha cho phép con uống ly rượu cho ấm bụng.

– Con mời cha. Con đợi em Thành lên, cha ạ.

– Anh mời rượu với cha, – Thành nói với từ dưới bếp – em lên ngay mà. Nước sấp sôi rồi, anh cả ạ.

Thành đặt ấm giỏ nước lên bàn. Mùi chè mạn sen thơm quyện với hương hoa huệ gợi hương vị thanh khiết khắp nhà.

Ba cha con quan Phó bảng ngồi quanh mâm cơm thành thế chân kiềng trên phản. Gió se se lạnh lướt qua rèm rót cái giá rét vào nhà. Một tiếng “e hèm”‘ ngoài sân.

– Có người… cha ạ! – Thành ngừng tay đũa nói.

Ông Phó bảng Huy đặt bát cơm xuống mâm:

– Thành ra coi ai ở ngoài nớ con!

Thành cầm đèn, bàn tay trái khum lại che gió. Đạt giúp em nâng cánh rèm lên. Bóng người từ giữa sân tối bước vào, lên tiếng:

– A! Cháu Thành! Cha cháu có nhà chứ?

Thành nâng tay đèn quá đầu ngó ra:

– Ơ! Chú… chú Đặng… Chú… Đặng Thái Thân!

– Nói nhỏ thôi cháu. -ông Đặng Thái Thân nhắc Thành.

Hai người bước vào nhà. Ông Phó bảng Huy đã đứng dậy đợi khách. Đạt đứng bên cha. Chủ khách chào nhau tíu tít. Ông Phó bảng chân thành mời:

– Tiện bữa, mời tiên sinh ngồi vào uống với cha con tôi ly rượu lạt. Hôm nay là ngày giỗ mẹ của các cháu.

– Thưa quan bác, tôi đã cơm nước ở nhà một chiến hữu (bạn chiến đấu). Xin mời quan bác và hai cháu cứ việc ẩm thực (ăn uống) tự nhiên. Còn tôi nhân được hạnh ngộ (gặp gỡ may mắn) ngày giỗ của bác gái thì xin được cùng quan bác và hai cháu uống ly rượu lấy khước ạ.

Bữa cơm tối xong, Đạt và Thành thu mâm bát xuống bếp. Trong lúc hai anh em chia nhau rửa bát, quét dọn thì quan Phó bảng Huy cùng ông Đặng Thái Thân uống chè bàn luận… Ông Thân đọc cho quan Phó bảng nghe một số bài thơ của Phan Bội Châu vừa gửi về nước.

Đặng Thái Thân giọng thận trọng:

– Phan tiên sinh lại vừa cử đồng chí về nước tiếp tục đón người sang Nhật. Phan tiên sinh có dặn tôi chú trọng yết kiến quan bác và xin cho cháu Nguyễn Tất Thành xuất dương. Chỗ tôi biết, Phan tiên sinh và thúc phụ tôi (chú ruột – Đặng Tử Kính) đã lưu tâm về cậu ấm Côn từ hồi còn học với thầy Vương Thúc Quý… Một thiên tư hiếm có.

– Đa tạ lòng ái mộ cháu Tất Thành của chư huynh. Vốn dĩ tôi không ép buộc các con làm một việc gì theo ý mình mà lại trái với lòng con. Trừ phi các cháu làm điều càn rỡ thì tôi buộc phải ngăn cấm. Giờ đây, cháu Thành đã ở tuổi lý tính. Mà việc xuất ngoại là để rồi mưu nghiệp lớn, cứu nước cứu nòi. Rất trọng đại. Tôi hoàn toàn để tự ý cháu lựa chọn.

Hai người ngồi trầm ngâm, khói hương trầm mỏng nhẹ như làn mây nhỏ lan toả trong nhà. Một lát sau, tiếng ông Phó bảng thủng thỉnh:

– Thành… đâu?

– Dạ. Thưa cha con đang dở tay làm món ăn sáng mai để cha ở nhà tiếp chú, vì mai anh em con có giờ học sớm ạ.

– Con để anh Đạt làm cho. – ông giục: – Lên đây ngay con!

Thành đứng lễ phép trước cha và ông Đặng Thái Thân.

– Cho phép con ngồi xuống gần chú Đặng. – ông Phó bảng lại nhìn về phía ông Đặng Thái Thân: – Để cháu nó được tự nhiên, thư thái hầu chuyện hiền huynh, tôi vô phía trong sửa soạn mấy việc cho ngày mai. Tôi với hiền huynh sẽ còn dạ đàm (bàn luận trong ban đêm) suốt sáng mà…

Ông Phó bảng đi khuất vào sau cửa. Đặng Thái Thân một tay chống cằm, một tay vừa vẽ vẽ trên mặt bàn, nói giọng Nghi Lộc, chậm rãi, nhỏ nhẹ:

– Chú nghe tin cháu học giỏi, chú mừng lắm.

– Cháu còn phải cố gắng nhiều chứ các bạn cháu có bạn giỏi tuyệt trần, chú ạ.

– Nghe chị Thanh nói đã gửi thư cho cháu?

– Dạ.

– Cháu tuy chưa tới tuổi thành niên mà đã sớm có tâm huyết. Cháu lại là một thiếu niên tuấn tú, thiên tư. Lĩnh ý ông giải San, chú muốn bàn việc gửi cháu sang Nhật học. Hiện đã có một số thanh niên đang học ở bên đó. Nước Nhật ngày nay tân tiến và hùng mạnh lắm. Người Nhật họ đã hứa sẵn sàng giúp Việt Nam mình đánh đuổi giặc Tây dương…

Thành hơi cúi, một mảng tóc đổ xuống che gần hết nửa vầng trán và đuôi con mắt bên trái, đường ngôi rẽ bên phải mới hình thành rõ nét ngay thẳng. Giọng nói của Thành hơi rưng rưng:

– Chú… ơi! Cháu hãy còn ở cái tuổi trẻ thơ mà các chú đã tin, đã định giao phó cho cháu công việc tối hệ trọng!

– Trong lịch sử nước nhà, ta thường thấy: Mỗi khi Tổ quốc thăng trầm thì xuất hiện vô số những tấm gương tuổi nhỏ chí lớn. Cháu ạ! Tổ quốc gọi mọi người con mang dòng máu đỏ, sắc da vàng: Cứu Nước! Cứu Nước! Hãy cứu Nước!

Nguyễn Tất Thành nhón hai bàn chân lên. Anh muốn đứng bật dậy. Mắt anh rơm rớm ướt.

– Chú! Chú ơi! Cháu đang như con chim chưa đủ!ông cánh. Trời đang bão lớn, bay hướng nào đây?

– Ông giải San đã chỉ cho chúng ta hướng đi tới: nước Nhật hùng cường.

– Tại sao mưu việc đánh giặc Tây mà lại trông vào nước Nhật, thưa chú?

– Nước Nhật vừa đánh bại nước Nga sa hoàng. Nhật đã trở thành một cường quốc hùng mạnh nhất châu Á. Các đế quốc châu Âu không dám nhòm ngó tới dải đất Phù Tang, cháu ạ. Và ta với Nhật là hai nước ở gần nhau, cùng giống da vàng, họ sẽ hết lòng giúp ta đánh đuổi quân bạch quỷ.

– Cháu xin phép chú được nói ra sự cạn nghĩ của cháu.

– Cháu cứ mạnh dạn. – Đặng Thái Thân vẻ cởi mở.

– Cháu nghĩ rằng: nước ta và nước Tàu ở gần nhau như hai nhà liền vách, chung sân, lại cùng giống da vàng viết chung một thứ chữ Hán. Vậy mà nước Tàu đã bao phen thống trị nước ta, mưu toan diệt nòi người Nam. Rồi – Tất Thành nói thấp giọng – ngay cả Nhật cũng đã chiếm nước Cao Ly (Triều Tiên) làm thuộc địa. Vậy thì người Nhật họ thương gì người Nam ta! Không khéo ta lại đi làm cái chuyện: đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau? (Đặng Thái Thân hơi bối rối) – Nguyễn Tất Thành vẫn thủ thỉ nói: – Mới rồi, có hai nhà ở gần nhà cháu, cùng chung một ngõ đi ra. Vậy mà nhà nọ lợi dụng đêm mưa to đã đào ngạch chui vô buồng nhà kia lấy trộm của. Vậy

thì sự thương nhau, giúp đỡ nhau… không thể căn cứ vào lý do địa lý hay màu da được đâu chú ơi!

Ông Đặng Thái Thân hai mắt chớp chớp liền liền, ngón tay trỏ vẽ những vạch dài, những đường nét rối mù trên mặt bàn… ông nói, giọng phân vân:

– Ờ! Ờ! Những điều cháu vừa nói với chú nó rất gần mà ít ai nghĩ đến. Cháu có cái nhìn xa hơn lớp cha anh. Nhưng cháu ơi, ta không dựa vào người Nhật chẳng lẽ lại dựa vào người Pháp để đánh đổ ngai vàng, xóa bỏ hệ thống vua quan, nới rộng dân quyền, chấn hưng kinh tế, nâng cao dân sinh, dân trí như Phan Tây Hồ (Phan Chu Trinh) chủ trương?

– Nới rộng dân quyền, mở mang kinh tế, nâng cao dân sinh, dân trí là mơ ước của mọi người từ bao đời nay. Nhưng dựa vào người Pháp để mà thực hiện mơ ước ấy là điều phi lý, cháu nghĩ cũng chẳng khác gì "cầu quỷ sứ về khử thần trùng" Ai lại nhờ kẻ cỡi (cưỡi) cổ dân mình để giải thoát cho dân mình.

– Thế theo cháu…?

Nguyễn Tất Thành vò đầu:

– Thưa chú, tìm con đường cứu nước cứu dân là tối trọng Phải thận trọng, phải nghĩ kỹ, tính đến nước đến cái. Bởi: "Nhất thất túc thành thiên cổ hận, tái hồi đầu thị bách niên thân". (68)

– Nghĩ, tìm phương cứu nước phải thận trọng như cháu nói là rất đúng. Nhưng, thời cư đang thuận lợi cho ta là người Nhật họ đang có thiện cảm với ta, ta tranh thủ sự giúp đỡ của họ, cháu ạ.

– Thưa chú, sự hiểu biết của cháu còn ít, còn non nớt, vốn chữ học, đọc sách chưa được là bao, nhưng cháu trộm nghĩ Tây dương hiện là cừu địch của dân ta, nước ta. Muốn đánh đuổi được kẻ địch ấy thì phải biết rõ chúng. Người xưa nói: Biết địch, biết ta, trăm trận trăm thắng. Cháu cho là việc sang Nhật để mưu sự đuổi Tây chưa chắc đã phải sách.

– Nói như cháu, rất có lý. Nhưng… nhưng lẽ nào chúng ta lại dựa vào Pháp mà biết Pháp để rồi diệt được giặc Pháp?

– Chú ơi! Cháu đã đọc truyện "Không gia đình". Sách của người Pháp viết về những người Pháp nghèo khổ sống vô gia cư, chết vô địa táng. Hiện giờ cháu đang lần mò đọc sách của ông Mông-tét-xki-ơ (Montesquieu) và đọc sách của ông Rút-xô (Rousseau) mà các chú thường gọi là Mạnh Đức Tư Cưu và Lư Thoa. Quán sách ông Lừa ở bên cạnh trường Quốc học của cháu có rất nhiều loại sách tân tiến. Cháu thường thuê về đọc. Cháu đang tìm hiểu xã hội Pháp qua đường sách báo, chú ạ.

Ông Đặng Thái Thân mắt lấp lánh ánh sáng cảm động nhìn như soi lên đường ngôi mới hình thành trên đầu Nguyễn Tất Thành. Ông chuyên nước trà nóng vào chén rồi bưng ly trà ấm đặt vào bàn tay Tất Thành, giọng ân cần và tha thiết:

– Cháu uống với chú một ly trà để nhớ mãi cái đêm kỷ niệm này. Dù cháu không cùng đi một con đường với chứ, nhưng chú vẫn tìm thấy ở cháu một đồng chí đồng tâm. Vì, chú cháu mình đều cùng một trái tim: Yêu nước.

Tất Thành ôm chặt bàn tay ông Đặng Thái Thân trong lòng hai bàn tay mình:

– Chú hiểu được cháu. Người hiểu được mình là thầy mình. Chú là bậc thầy của cháu. Cháu rất buồn nếu các cha chú coi thường lớp người trẻ là “nhóc con” hoặc “miệng còn hơi sữa mà bàn chuyện quốc gia”!

– Cháu Tất Thành! Chú phải đi ngay đêm nay. Chú không thể ở lại dạ đàm với cha cháu được. Cháu nói với cha cháu: thứ lỗi cho chú. Điều cuối cùng chú cháu mình hẹn nhau: Cứu Nước! Cứu Nước! Cứu Nước!

Nguyễn Tất Thành nâng tấm rèm lên. Ông Đặng Thái Thân lách người qua cửa lặn vào đêm tối mịt mù.

———

Chú thích:

(68) Đại ý: Sai một bước, ôm hận suốt đời, lúc ngoảnh nhìn lại thì đã trăm tuổi mất rồi.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 5

Mùa hè năm ấy, Thành thường rủ một số bạn học đi thăm lăng tẩm của các vua nhà Nguyễn, thăm ngàn thông núi Ngự, thăm các chùa Diệu Đế, Thúy Vân, Báo Quốc, Trúc Lâm, Tây Thiên, Thiên Mụ, tháp Phước Duyên…

Hôm đến chùa Thiên Mụ, ngồi bên tháp Phước Duyên soi bóng xuống dòng sông Hương, Võ Liêm Sơn thắc mắc:

– Chẳng biết có phật, có thần không mà ông cha mình dựng lên những chùa chiền, những đền đài cho tốn của, tốn công hề?

Một cuộc tranh luận khá sôi nổi kéo dài hồi lâu. Thành ngồi im lặng, mắt luôn luôn hướng lên ngọn tháp Phước Duyên cổ kính, vẻ khâm phục nghệ thuật kiến trúc của đầu thế kỷ mười bảy. Sơn “cù” Thành:

– Bữa ni ông Thành đi tu thực sự nên “mũ ni che tai”, không bình phẩm một lời mô với tụi mình!

– Sơn bắt đúng mạch Thành… Đúng lắm… Đúng lắm – Cả đám bạn nhao nhao vừa nói vừa ôm cổ Thành lay lay: – Đi tu hả? Thành đi tu thiệt hả?

Thành cười tủm tỉm:

– Mình, mình vẫn chăm chú nghe những lời hùng biện của các bạn đó chứ.

– Nghe sao mà ngồi im?

– Mình không để tâm nhiều lắm đến việc có hay không có thần phật. Mình mới cảm thấy: Nếu mặt đất này mà không có lấy một ngôi chùa, một tòa đền, một lâu đài thành quách thì tâm hồn con người sẽ cằn cỗi, nghèo nàn, sống không có kỷ niệm, không còn biết nhớ cội nhớ nguồn…. Mình cho là có đền, có chùa, có phong tục thờ tự để hướng con người về cõi thiện, ngăn chặn bớt tính ác của con người. Chính vì vậy mà con người cần phải có văn hóa.

Tan buổi viếng chùa Thiên Mụ, Thành về nhà thấy cha ngồi một mình trước bình hương, khói hương tỏa dài qua đầu cha. Thành đi rón rén tới bên cha, anh ngồi xuống mé giường, giọng sửng sốt:

– Cha… ơi! Chẳng hay… có chuyện chi hệ trọng?

Ông Huy nâng bàn tay lên khoát con lui ra. Biết ý cha, Thành đứng lên, đi xuống nhà bếp tìm anh Đạt. Không thấy anh, Thành đi ra sau vườn, nơi hai anh em thường ngồi mát dưới bóng cây đọc truyện. Đạt đang ngồi tựa lưng vào gốc cây hòe, tay cầm cuốn “Công ước xã hội” bằng tiếng Pháp, chăm chú đọc lúc Thành đến gần mới biết:

– Về khi mô rứa, Thành?

– Em vừa mới về. -Thành ngồi xuống bên anh. – Cha đang có chuyện chi buồn phiền dữ, em hỏi, cha nỏ nói chi cả?

– Cha ở Bộ về từ lúc giờ thìn và cha thắp nhang ngồi lặng thinh. Anh chả dám hỏi han chi cả.

– Cha không ăn cơm trưa, anh? – Không. Cha chỉ uống nước lão mai. (69)

Hai anh em ngồi thẫn thờ nhìn về cổ thành. Nắng quái chiều hôm trắng nhợt vắt đài trên lầu Ngũ phụng như một dải băng tang.

Bỗng tiếng trống ngũ liên nổi lên. Tiếng kèn Tây cũng lu loe từ các trại lính khố xanh, khố đỏ… Tiếng vọi đồng run run kéo dài: "Hoàng triều có biến, nghiêm lịnh toàn thành: Thần dân ở tại nhà, không ai được ra đường từ giờ dậu (độ 6 giờ chiều) qua giờ thìn (độ 8 giờ sáng). Ai trái lệnh sẽ bị nghiêm trị…"

Thành chạy theo anh Đạt về nhà. Đạt thấy cha vẫn ngồi nguyên như cũ, không dám xáp gần cha. Anh đi thẳng vàn bếp lo bữa ăn tối. Thành sà vào bên cha, hai tay anh ôm lấy đầu gối cha:

– Cha ơi! Cha ơi! Hoàng triều có biến! Cha có nghe vọi đồng gọi không, cha?

Quan thừa biện Huy giọng buồn buồn:

– Gọi anh con lên đây.

Hai anh em Thành ngồi cạnh cha. Quan thừa biện Huy nói, vẻ đau xót:

– Đức vua mưu việc đánh đổ ách thống trị của người Tây. Công việc đang tiến hành thì bị lộ.

Đức vua đã bị hạ ngục. Ba cha con cúi đầu trước dòng khói hương nghi ngút.

– Phen ni người Pháp họ mượn cớ để xóa hẳn ngôi vua ở nước Nam mình mất, phải không cha? – Đạt hỏi.

– Họ bỏ những ông vua cứng đầu, dám chống lại họ chứ chẳng bao giờ họ bỏ ngôi vua ở nước Nam mình, con ạ.

Thành ngẩng đầu, nhìn cha, nói: – Ra vậy, đức vua Thành Thái của chúng ta đâu phải…

– Lâu nay, cha thầm nghĩ: Thành Thái là một ông vua cam chịu sống hèn trên chiếc ngai vàng hư vị. Cha đã lầm nghĩ, các con ạ! – Giọng ông càng trở nên bùi ngùi: – Đức vua hằng ngày giả vờ lơ đễnh với mọi việc trước đất trời này. Ngài giấu kín chí lớn của ngài bằng cách ham đọc sách Pháp, tập lái ô tô, lái thuyền máy. Đức vua còn cắt tóc ngắn làm gương cho cả hoàng tộc bỏ đụm tóc. Người Tây cũng đã sợ cả cái lý tưởng cấp tiến ấy của đức vua.

– Người Pháp truất phế đức vua về “cái tội” ấy, thưa cha? – Thành hỏi.

– Bọn Trương Như Cương đã tố cáo với lão khâm sứ là: Đức Thành Thái từ lâu bí mật liên lạc với những nhà hoạt động trong tổ chức Duy Tân Hội và đang tìm cách trốn sang Nhật…

Ba cha con ông Nguyễn Sinh Huy như ba pho tượng im lìm giữa đêm hè kinh thành Huế.

o0o

Sáng ngày hai mươi mốt tháng sáu, năm Đinh Mùi (30-7-1907) dòng sông Hương như một khúc ruột quặn đau.

Mây của cơn giông từ đêm hôm trước đang tụ đọng từng khối đen đè nặng bầu trời kinh đô Huế!

Chim không bay về!

Hoa vườn Thượng uyển ủ rũ!

Mặt người dân kinh đô nặng trĩu căm hờn, ánh lên trong mắt niềm thương nhớ đức vua. Mỗi nhà một nhang án, hương nghi ngút, đặt trước sân, đầu ngõ, và mọi người quần áo chỉnh tề tiễn biệt đức vua Thành Thái!

Lệnh của tòa khâm: “Lính cấm trại, quan, viên chức túc trực tại triều”. Quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy mặc triều phục vào Bộ Lễ từ sáng tinh mơ. Trước lúc vào triều, ông đốt một nén hương vòng, đặt lên án thư giữa sân, vái năm vái.

Thành cùng với anh Đạt nhập vào đám đông dân chúng. Từ cửa Đông Ba qua các ngả đường quanh Hoàng thành, dân lập bàn thờ hai dãy san sát.

Trên các ngả đường đều có lính gác. Tại cửa Đông Ba, Thượng Tứ, Ngọ Môn, lính Tây lính ta đứng hai hàng. Tên Đờ La-xuýt chễm chệ trên lưng con ngựa chiến, ghìm cương cho ngựa đi nước xăm, dẫn đầu một đơn vị lính kỵ binh lướt qua lướt lại dọc đường thành…

Từ bên hữu ngạn sông Hương, tên khâm sứ Lê-véc- cơ ngồi trong chiếc xe hơi hình thù như con bọ hung, qua cầu Thành Thái. Trên lầu Ngũ Phụng, tiếng vọi đồng cất lên: “Thần dân giữ trong nghiêm lịnh. Giờ đức vua lên đường biệt xứ bắt đầu”.

Mọi người đứng tại chỗ, cúi đầu xuống. Nguyễn Tất Thành đứng nghiêm trang nhìn lên phía Ngọ Môn. Lòng anh đau thắt. Bên tai anh

những tiếng khóc nức nở. Nhiều cụ già quỳ thấp xuống hai bên đường. Anh nhìn thấp thoáng đức vua chân đi giày hở gót, mặc thường phục. Theo sau đức vua là các quan cùng triều. Tên khâm sứ Lê-véc-cơ bước tới. Đức vua dừng bước. Tên sĩ quan cận vệ của hắn tiến đến bên vua. Hắn nói và hai tay làm điệu bộ – vì xa, Tết Thành không nghe tiếng tên khâm sứ nói những gì. Một tên sĩ quan cận vệ hai tay nâng ra trước mặt vua Thành Thái trang giấy khổ rộng và bút nghiên. Đức vua cầm ném xuống đất chửi vào mặt tên Lê-véc-cơ, rỗi sải bước qua mặt nó, đi lên phía trước… Dân chúng chắp tay vái theo vua Thành Thái…

Cơn mưa chiều ập xuống kinh thành. Gió! Gió! Gió nổi từng cơn! Từng cơn gió xe mưa trong trời xa mù mịt!

Ba cha con quan thừa biện ngồi trong nhà nhìn mưa. Thành hỏi cha:

– Chúng con đứng đằng xa, chẳng rõ lão khâm sứ nói những gì mà đức vua đã không nén nổi giận?

– Họ đã làm theo lệnh ông toàn quyền Bô (Beau); mua chuộc và cưỡng ép đức vua phải tuyên cáo với quốc dân về tội âm mưu chống lại nước Đại Pháp. Nếu đức vua chịu theo điều kiện ấy thì mới được trở lại nguyên vị. Nếu không thì bị đày đi biệt xứ qua bể châu Phi. (70)

– Hừ! Người Pháp, người Pháp – Đạt kéo dài giọng – giở cái trò bần tiện quá!

Thành hỏi thêm cha:

– Đức vua Thành Thái đã cự tuyệt cái điều kiện hèn hạ ấy mà lúc lên đường đi đày biệt xứ, lão khâm sứ vẫn còn đón đường ép đức vua thì thật là dơ, phải không cha?

– Cái kế ấy thâm độc lắm chứ con. Họ chọn lúc bắt đầu cất bước ra đi, mà là đi đày. Đó là lúc dễ mềm yếu nhất dễ bỏ nhân cách cao thượng, tiết tháo, để chọn lấy sự sống an nhàn, chịu tiếng hèn hạ. Do đó viên khâm sứ đã viết sẵn lời tuyên cáo đưa cho đức vua ký. Đức vua đã nổi giận. Đức vua ném giấy bút xuống đất, mắt đức vua long lanh, ngài nói với thần dân:

Muôn dân nô lệ từng đàn,

Vui chi bệ ngọc ngai vàng riêng ta?

Hỡi ôi mất nước tan nhà,

Cừu thù quốc sỉ ấy là nợ chung.

Cơn mưa chiều kéo dài. Tiếng mưa âm vang như những tiếng nức nở của đất trời!

———

Chú thích:

(69) Gỗ cây mai già đun sôi để nguội

(70) Thực dân Pháp đưa vua Thành Thái vào giam tại Ô Cấp (Vũng Tàu). Mãi đến năm 1915 chúng mới bí mật đưa ông sang đảo Rê-uy-ni-ông (Réunion). Ngày 3-5-1916 chúng lại đày vua Duy Tân, con vua Thành Thái, sang một chỗ với cha.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 6

Nỗi đau buồn về sự kiện vua bị đi đày chưa nguôi trong lòng thì Nguyễn Sinh Huy lại bị buộc thôi giữ chức thừa biện Bộ Lễ, bổ nhiệm tri huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Một số quan cận thần dưới triều vua Thành Thái cũng bị hạ. Một số khác đã xin từ quan. Đang khi trăn trở: đi Bình Khê làm quan hay đi dạy học, làm thuốc, thì Phó bảng Nguyễn Sinh Huy nhận được thư của bạn, quan đốc học Đặng Nguyên Cẩn báo tin: Vương Thúc Quý trên đường xuất dương đã ngộ bệnh và từ trần ngày mồng 10 tháng 6 năm Đinh Mùi (19-7-1907).

Nhân lúc đang nghỉ hè, Nguyễn Tất Thành xin phép cha được về phúng viếng thầy Quý và thăm chị Thanh… Nhưng, ông Phó bảng cho Nguyễn Tất Đạt, con trai trưởng, về quê làm phần việc hiếu nghĩa ấy.

Đạt lên đường về Nghệ An được mấy hôm thì ông Phó bảng phải vào triều nhận lệnh đi Bình Khê. Trở về đến nhà, ông gọi ngay con:

– Thành! Đang làm gì đó con?

Thành đứng lên:

– Cha đã về! Con… mới mượn được bộ sách “Những kẻ khốn nạn” (71), con đã đọc, hay tuyệt cha ạ.

Quan Phó bảng Huy cởi khăn áo treo trên móc, giọng ông chua chát:

– Những người khốn nạn! Khốn nạn! Con đọc được sách Tây, con có thật tin là ở bên Pháp còn nhiều người khốn nạn thật không?

– Qua những trang sách, con thấy ở bên Tây có vô số những người khốn nạn, cha ạ. Vẫn cái bất công "kẻ ăn không hết, người lần không ra". Con người bị đày đọa kinh khủng.

– Vậy mà họ lại bảo người Pháp có sứ mệnh sang đây khai hóa cho người nước Nam.

– Con dọn cơm, thưa cha.

– Cha chưa muốn ăn. Con đói thì ăn trước đi.

– Con cũng chưa thấy đói. Sáng nay chúng con đi tiễn bạn Diệp Văn Kỳ về Sài Gòn, bác Diệp Văn Cương đã dọn cỗ, toàn những món ăn Huế, ép chúng con ăn bằng được. Bác ấy bảo: "Mời các cháu cùng dự với gia đình bác một bữa cơm rặt món ăn Huế để nhớ, vì chưa biết có dịp trở lại Huế một lần nào nữa không… "

– Cha… sớm mai cha cũng đi Bình Khê rồi con ạ.

Thành nhìn cha, vẻ bối rối:

– Mai… sớm mai cha đã…

– Cha không thể trì hoãn thêm nữa. Đi cho xong chuyện…

Hai cha con im lặng hồi lâu. Tất Thành đặt giỏ nước lên phản và rót mời cha. Quan Phó bảng nâng chén nước, một làn hơi mỏng tỏa trước mặt, ông nói nhỏ:

– Mai con thức dậy sớm, ra chợ mua sắm một vài thứ làm mâm cơm đạm bạc, thắp hương tưởng nhớ mẹ con. Khoảng trưa trưa cha đi. Cha sang đò thăm một người bạn, hôm sau cha đi thẳng…

– Cha đi một chắc (một mình) răng được cha?

– Cha đã dặn dò các con về việc học, việc nhà từ bữa trước. Một mình cha vô Bình Khê xem sao!- Tiếng ông nói hạ thấp dần: – Dân… Làm người dân là nguyện ước của cha…

o0o

Bóng cây in xuống vuông sân như bông hoa đen xòe rộng cánh. Những con bồ câu rỉa lông phơi nắng ở một góc sân. Mấy khóm hoa râm bụt lập lòe lửa đỏ bên bờ giậu xanh…

Quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy mặc áo, đội khăn xong với lấy cái ô treo ở xà nhà:

– Ta đi con!

Nguyễn Tất Thành nâng cái khăn gói bằng vải tây điều khoác vào vai. Anh nhìn cha với đôi mắt băn khoăn. Quan Phó bảng quay nhìn bàn thờ vợ lần cuối. Làn khói hương vẫn bay lang thang khắp nhà tĩnh lặng ông hơi cúi đầu bước ra sân. Thành hạ thấp rèm cửa. Căn nhà kín mít im lìm. Đàn chim bồ câu rời khỏi góc sân chạy lúp xúp, bay là là theo bịn rịn bên chân cha con ông Phó bảng. Ông dừng lại:

– Chim đòi ăn đó. Con vô lấy thóc cho chim ăn.

Thành rê những nắm thóc xuống sân. Đàn chim xúm xít dưới bàn tay anh. Quan Phó bảng giương cánh ô lên, bóng ô đổ dài, lúng liếng trên mặt sân.

Quan Phó bảng đi trước. Thành mang khăn gói của cha đi sau. Hai cha con lặng lẽ bước về hướng sông Hương. Gần tới bến đò, Thành sải bước đi gần bên cha:

– Con sang đò với cha, cha nhá?

Quan Phó bảng nhìn con:

– Một mình cha đi thôi.

Gió dưới sông càng thổi mạnh, cái ô như muốn tuột ra khỏi tay quan Phó bảng. Tà áo, ống quần của hai cha con bay lùa cả về phía sau. Đôi chân Nguyễn Tất Thành sải dài chắc nịch rướn lên gió ngược.

Bến đò rộng thênh thang. Mặt sông mênh mông. Khách đợi đò đứng rải rác từng nhóm. Hai cha con quan Phó bảng dạo bước dọc ven sông. Thành nói, gió phả nhập nhòa giọng điệu:

– Như con đã thưa với cha hôm nọ, học hết niên khóa này con sẽ đi vô miền trong. Con băn khoăn… lúc ấy con muốn tìm đến gặp cha thì…

Quan Phó bảng chau mày. Chân ông bước hơi ngập ngừng, cái ô trên đầu ông chan đảo mạnh. ông nói, giọng cứng rắn:

– Cha đã kính thư vào ông Hồ Tá Bang tổng lý (72) công ty Liên Thành. Nếu lập được trường học Dục Thanh tại Phan Thiết, có thể cha tới dạy chữ nho, con nhận một chân dạy chữ mới. Nhược bằng cha không đến đó, con càng phải cứng rắn tìm cho mình một hướng dung thân, nuôi chí lớn..

Quan Phó bảng nét mặt tươi sáng, nhìn xuống sông, con đò đang từ từ cập bến. Ông đặt bàn tay lên vai con:

– Anh Đạt của con ở ngoài quê vào, con nói lại với anh con những điều cha dặn. Với con, cha mong đợi rất nhiều. Cha đi nhá.

Thành đưa hai tay nâng khăn gói trao cho cha. ông Huy giơ cao cái ô. Chân ông bước xiêu xiêu, bóng đổ về phía sau và ngắn dần. Ông đi giữa đám hành khách chen chúc xuống đò. Thỉnh thoảng ông ngoái đầu lại nhìn con…

Thành xòe bàn tay che nắng nhìn theo cha. Con đò rời bến, mũi con đò như lưỡi gươm chẻ ngang dòng sông loang loáng xanh. Cái ô quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy như một cái nấm nhòa vào nắng quáng.

———————-

Chú thích:

(71) Đúng ra phải dịch là “Những người khốn khổ” (tác phẩm của nhà văn hào Pháp Vích-to Huy-gô).

(72) Sau này gọi là Tổng giám đốc.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 7

Nguyễn Tất Đạt từ Nghệ An trở vào Huế. Đạt bàng hoàng trước cảnh nhà: cha đã đi khỏi kinh đô Huế, em trai Nguyễn Tất Thành bị cảm sốt từ hôm tiễn cha đi, nằm mê man. Những người bạn thân nhất của Thành là Diệp Văn Kỳ, Lê Thị Hạnh đã về Sài Gòn, Công tôn nữ Huệ Minh đã về nhà chồng, Thành nhờ có một số bạn học mới giúp thuốc thang và cháo lão… Tất Đạt chạy thầy, chạy thuốc tiếp cho em. Anh sang tận bên An Cựu mời thầy lang nổi tiếng về nuôi tại nhà trong những ngày em bệnh nặng. Khi được biết rõ bệnh nhân là con trai thứ quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, thầy lang đã không lấy tiền bắt mạch kê đơn và cũng từ chối cả việc cơm nước.

Thành khỏi bệnh, hai anh em trả nhà cho chủ đến ở trọ tại quán Ao Hồ (đường Mạc Đĩnh Chi bây giờ). Trường Quốc học có mặt học sinh mười hai tỉnh của xứ Trung Kỳ, nhưng học trò Nghệ Tĩnh, Quảng Nam là đông nhất. Do đó, có hai quán trọ dành riêng cho học trò xứ Nghệ và học trò xứ Quảng. Hai anh em Thành trọ chung một buồng hạng ít tiền nhất, tự giặt lấy quần áo, ăn cơm “bình dân”.

Thầy Lê Văn Miến ghé thăm nơi ăn, chỗ ở của học trò Nghệ, đồng hương với thầy. Thầy Miến băn khoăn nói với anh em Thành:

– Trước ngày quan Phó bảng đi Bình Khê nhận chức tri huyện; thầy có bàn việc đón hai trò đến nhà thầy ở. Nhà thầy rộng, có nơi ngồi học riêng biệt. Thầy không sống bằng cao lương mỹ vị. Nhưng nhìn bữa ăn của hai trò, thầy không cầm lòng nổi. Hai trò về nhà

thầy ở. Nhà thầy có một khu vườn xanh, cả ngày không lúc nào vắng tiếng chim, có những chậu cảnh, các loại hoa quý, Thầy biết trò Thành yêu cảnh trí và thích hội họa. Thầy sẽ dạy cho trò học thêm môn vẽ.

– Thưa thầy, – Thành lễ phép nói – con và anh con rất biết tấm lòng vàng của thầy. Và chúng con khi được ở bên thầy việc học của chứng con càng tấn tới. Nhưng thưa thầy chúng con cũng muốn sống tự lực, để khi gặp phải cảnh ngộ nào chúng con vẫn giữ được nếp nhà.

Thành nhìn bộ quần áo của thầy, giọng xúc động:

– Thầy là gương sáng về cốt cách người Nam để chúng con noi theo: thầy đã từng du học ở bên Tây, ăn cơm Tây, nói tiếng Tây, nhưng không hề thấy thầy đã bị trừ đi một phần nào cái cốt cách dân tộc. Nhưng chúng con thấy một số thầy người Nam mà cách nồi, cử chỉ, ăn mặc lại hoàn toàn như người Tây. Trong khi đó có những thầy người Tây lại ra công học tiếng Việt Nam, mặc y phục Việt Nam, đặt tên Việt Nam và tập ăn các thứ mắm, ăn trầu thuốc nữa…

Thầy Lê Văn Miến cầm lấy bàn tay thon thon của Tất Thành, giọng ông nói ấm áp:

– Tục ngữ có câu: “Đã khôn từ trứng khôn ra, đã dại đến già vẫn dại”. Tiền đồ của dân tộc phải trông đợi ở lớp người trẻ. Lớp người như thầy thật vô dụng…

Nguyễn Tất Thành hơi bối rối:

– Thưa thầy không có lớp các thầy những người như thầy, thì đâu có lớp chúng con?…

Hai thầy trò cùng nhau đi khoan thai tới quán sách cụ Lừa…

*****

Nguyễn Tất Thành ngồi trong lớp nhìn lên bảng đen:

Giờ học lịch sử cuộc cách mạng Pháp 1789.

Ông giáo người Pháp Gơ-ri-phông (Griffon) bước vào. Cả lớp đứng dậy đều răm rắp. Ông ta bước lên bục giảng, đưa mắt "điểm danh" từng dãy bàn. Ông nói giọng thổ: "Các trò ngồi xuống. Hôm nay chúng ta học phần: Nguyên nhân nổ ra cuộc cách mạng 1789″.

Giáo sư Gơ-ri-phông bước xuống bục, đi xuống đi lên giữa những dãy ghế học trò đang chăm chú chép bài. Tai nghe, tay chép lia lịa mà lòng Thành ngổn ngang với bao vấn đề của bài học lịch sử.

"Nhà vua chỉ nhận tước phong của Thượng đế và có có trách nhiệm trước Thượng đế. Quyền của nhà vua không có giới hạn. Nhà vua có toàn quyền đối với tính mệnh và tài sản của dân.

"Dân không có quyền mà có bổn phận vâng lệnh vua. Báo chí, sách vở không được in ra nếu chưa được kiểm duyệt. Nhà vua có quyền lấy tài sản của dân bằng mệnh lệnh tịch thu. Nhà vua muốn bắt giam người nào chỉ cần một tờ lệnh.

"Nhà vua sống trong cung điện ở Véc-xay (Versailles). Có từ một vạn bảy ngàn đến một vạn tám ngàn quần thần mà số phục dịch vua

và vợ con vua là một ngàn người. Mỗi năm nhà vua tiêu tốn cho mình là 50 triệu bảng (73), chiếm một phần mười lợi tức nhà nước.

“Nước Pháp thời trước cuộc đại cách mạng 1789 có trên hai mươi sáu triệu dân, chia thành ba giai cấp: giáo hội, quý tộc, thứ dân. “Giáo hội là giai cấp đứng hàng đầu trong cả nước. Giai cấp này có độ một trăm ba mươi ngàn giáo sĩ được tổ chức thành một đoàn thể chặt chẽ. Nhà vua công nhận cho giáo hội quyền thu thuế nhận mọi bổng lộc, có tòa án riêng. Giáo hội chiếm một phần mười diện tích ruộng đất trong toàn nước Pháp, có nhiều lâu đài, biệt thự cho thuê ở khắp các thành phố lớn.

“Giai cấp quý tộc được ưu đãi thứ hai sau giáo hội. Quý tộc gồm hai hạng: quý tộc dòng giống, thuộc dòng dõi chính thống; quý tộc hàm là hạng bỏ tiền mua từ những đời cha, ông trước.

“Quyền lợi của đám quý tộc: mặc sắc phục riêng, ngồi ở hàng danh dự lúc vào nhà thờ, nơi yến tiệc; miễn để quân đội trưng dụng nhà, hưởng đặc quyền trước pháp luật, chỉ bị xử trước quốc hội mà thôi. Quý tộc còn được các quyền: sử dụng đất đai, quyền thu thuế quyền săn bắn, quyền xử án, bắt phu, ưu tiên qua cầu đi đường.

“Giai cấp thứ dân gồm những người công chức nhỏ, sĩ quan cấp thấp, bác sĩ, kỹ sư, nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, luật sư, thương gia, kỹ nghệ gia, thợ thuyền, dân cày”…

Chép xong bài, cả lớp đặt bút xuống bàn, tháo ống áo lót cánh tay viết ra, ngồi nghe thầy giảng. Thành nhìn chăm chăm ông giáo Gơ-ri-phông mà anh không nghe rõ thầy giáo nói những gì. Trước mắt anh là một nước Pháp có cụ Vi-ta-li nhân từ thương yêu đùm bọc bé Rê-mi. Có Giăng Van-giăng đau khổ mà độ lượng, trọng lời hứa, nuôi nấng Cô-dét suốt đời ông. Có những người mẹ như má

Bác-bơ-ranh, như Phăng-tin. Có gia đình bác trồng hoa A-canh, ai cũng tốt bụng. Có anh sinh viên Ma-ri-uýt hăng hái cách mạng, có em thiếu niên Ga-vơ-rốt dũng cảm. Và nước Pháp đầy rẫy những tên mật thám Gia-ve, những thằng người như Đơ-rit- xcôn, Tê-nác-đi-ê nham hiểm, đểu cáng (74).

Càng nghe thầy giảng, dòng suy nghĩ của anh càng dài. Những câu hỏi lớn nối tiếp hiện ra theo các nhân vật mà anh đã gặp trong những trang sách thuê đọc ở quán sách cụ Lừa. Lòng anh càng trăn trở về một câu hỏi: Nước Pháp đã sinh ra được những nhà tư tưởng như Mông-tét-ki-ơ (Montesquieu), Rút-xô (Rousseau), Vôn-te (Voltaire) và Công-đoóc-xê (Condorcet)… Họ đã đề xướng ra Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Họ đã đấu tranh đòi quyền cơ bản của con người – Nhân quyền. Vậy mà ở đất nước Nam này lù lù cái ông Tây từ đâu đến chân lấm đầy máu của con người?

Thành chợt tỉnh, trước mặt vẫn là ông giáo người Tây Gơ-ri-phông đang thao thao bất tuyệt:

– Các trò về học thuộc bài. Học lịch sử là phải học thuộc tất cả những chi tiết trong từng sự kiện, từng thời đại từng ông vua, vị tướng. Các trò phải noi gương trò Nguyễn Văn Thơ, Hồ Đắc Ưng (75) hiện học ở lớp trên các trò. Trò Thơ đã nhớ tất cả năm sinh, ngày chết của các vua, các tướng, các danh nhân người Pháp và các biến cố trên thế giới. Còn trò Hồ Đắc Ưng lại có bộ óc biệt tài, đã nhớ hết tên các con sông, các dãy núi của nước Pháp. Trò Ưng còn thuộc làu làu tên nước, tên thủ đô, thành phố lớn của các quốc gia trên khắp hoàn cầu…

Tan buổi học, cả lớp ùa ra sân. Thành nhìn quanh các phía không thấy anh Đạt. Thành bước dọc theo lối cỏ mịn, gương mặt anh trầm

tư. Võ Liêm Sơn, Lê Đình Thám, Võ Chuẩn, Lê Thanh Cảnh ở phía sau chạy ùa lên cùng đi ngang hàng với Thành, cười đùa tíu tít…

Bất chợt Sơn hỏi Thành:

– Thầy Gơ-ri-phông đưa cậu ấm Thơ, cậu ấm Ưng lên tận mây xanh, Thành thấy sao?

Thành nhìn Chuẩn và Cảnh:

– Xin nhường để bạn Chuẩn và bạn Cảnh là hai bộ máy nhớ nhất lớp của chúng mình cho cảm tưởng trước.

Chuẩn mỉm cười. Cảnh ít tuổi nhất nhóm nhanh nhảu nói:

– Học thuộc tên các vua, tên sông, tên núi, tên các kinh đô, thành phố lớn có khó chi. Thầy nêu gương hai người trên lớp đàn anh là mẹo của thầy để chúng ta phải học thuộc bài…

Thành mặt buồn buồn, lơ đãng:

– Các anh ấy đã học lên được lớp cao, thuộc lòng được nhiều pho sử ký, pho địa dư của nước Pháp. Biết nhiều càng quý, không sợ thừa. Tiếc là hai anh ấy lại quên mất lịch sử nước nhà, chẳng nhớ nổi tên các con sông, các trái núi ở quê hương mình!

Lê Đình Thám nói:

– Có lần chính hai anh đến chơi ở nhà bác tôi. Ông bác họ tôi rặt lấy sức nhớ sử sách ở bên Pháp của hai anh ra so bì với đám con cháu trong nhà. Bỗng anh Thơ thấy trên án thư cuốn sách “Hồng Nghĩa giác tư y thư” của Tuệ Tĩnh, liền hỏi:

– Sách thuốc của Tàu phải không thưa bác?

– Cháu coi lại tên tác giả và đọc lời tựa thì biết.

Bác tôi thấy anh Thơ lúng túng, lật giở pho sách trên tay một lúc khá lâu mà vẫn chưa phân rõ được là sách ta hay sách Tàu. Thấy vậy, bác tôi phải dẫn giải rạch ròi:

– Tuệ Tĩnh là nhà đại danh y của nước ta. Ngài là người đầu tiên đặt nền móng y học Việt Nam với phương sách: "Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt". Pho sách "Hồng Nghĩa giác tư y thư" của ngài có nghĩa là pho sách thuốc giác tư của vị danh y. Hồng Nghĩa tức là quê của Tuệ Tĩnh, làng Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương. Còn chữ giác tư là gốc của câu: "dĩ tư đạo lý giác tư dân" nghĩa là lấy đạo lý này mà giác ngộ cho dân. Như vậy là nhà đại danh y Tuệ Tĩnh đặt tên sách với ý chỉ dẫn cho người làm thuốc nước mình một phương hướng trị bệnh cứu dân…

Thành và mấy bạn học cùng lớp vừa đi vừa say sưa nghe Thám kể chuyện. Đi quá lối rẽ về Ao Hồ, Thành chia tay các bạn, trở về quán trọ. Trong tâm trí anh vẫn sừng sững một câu hỏi: Những nhà cách mạng Pháp (1789) đã dấy động dân chúng Pháp đánh đổ bọn thống trị tàn bạo, đặc quyền đặc lợi, giải phóng con người xác lập quyền cơ bản của con người mà quyền Tự do là trên hết, sao dân chúng Pháp vẫn còn "Những kẻ khốn nạn", những kẻ "Không gia đình"? Anh tâm niệm: Điều cha mình nói chí phải: Công bằng viễn lộ hà xứ thị?

o0o

Lá cờ Tây ba sắc ngạo nghễ trên nóc tòa khâm, phủ bóng đen xuống gương mặt kinh đô Huế u buồn. Những đoàn người quần áo nâu sồng và màu sắc thanh nhã, lũ lượt tay bưng lễ vật đổ về các chùa lớn, chùa nhỏ dự lễ Phật sinh. Trên các ngả đường của kinh

thành, những thầy bói, thầy tướng số và người hành khất, người bán hoa sen, hoa huệ, hương ràng càng đông nườm nượp.

Trên đường về chùa hành lễ, người dân Huế vừa nói chuyện cúng bái, kinh kệ, vừa kháo nhau về chuyện sưu cao thuế nặng: thuế ruộng đang thu bằng thóc, mỗi mẫu quy ra tiền là bảy quan ba đã tăng lên mười quan, thuế thân (thuế đinh) từ hai hào tăng lên hai đồng bốn hào một người. Chính phủ "bảo hộ" và Nam triều còn ban hành hàng loạt các thứ thuế mới: thuế chợ, thuế đò, thuế muối, thuế hàng chuyến, thuế hàng hóa… Lại còn cái nạn đi phu, đi lính, đôn người dân vào con đường khốn quẫn, không còn lối sống.

Bà con nông dân huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam đã đứng lên rồi. Họ bao vây huyện đường đòi bỏ sưu, giảm thuế bỏ lệnh bắt xâu… Họ còn kéo lên tận tòa công sứ Quảng Nam đòi quyền lợi, đòi thả những đại biểu của họ bị bắt giam. Cuộc đấu tranh đang ngày càng lan rộng như đám cháy rừng.

Nguyễn Tất Thành nghĩ học nhân ngày Phật sinh. Thành đi chùa xem lễ, anh nghe được nhiều tiếng kêu than của bà con đang sống trong tình cảnh bị "vạc thịt đẽo xương"…

Một sáng tháng tư năm 1908 (76). Cũng như mọi sáng, Thành cắp sách đến trường. Thành ngơ ngác: từng đoàn người chân đất, áo rách, nón mê, tay không tấc sắt từ Công Lương, An Hòa, An Cựu và Kim Luông, Bao Vinh kéo đến trước tòa khâm. Thành vội vàng đưa cặp sách cho anh:

– Anh đưa đi gửi để em chạy đi gọi một số bạn nữa đến thông ngôn giúp cho bà con…

Thành chạy về phía gần chợ Cống gặp Lê Thanh Cảnh, Nguyễn Hương Bính, Bửu Bành, Phan Văn Phúc. Thành vừa thở, vừa nói:

– Các bạn ơi… đồng bào đi xin xâu, chứng mình đi theo ủng hộ họ, thông ngôn giúp họ… Mau đi nào?

Cả tốp học trò chạy theo Tất Thành nhập vào dòng người như một con sông mùa nước lũ. Thành cầm cái nón lật ngửa lên, nói lớn:

– Số người nghèo khổ như vành nón, số giàu sang quyền quý như chóp nón. Đồng bào ơi, chứng ta phải lật ngược cái tình trạng hiện tại…

Tất Thành và cả nhóm học sinh Quốc học đi trong đội ngũ những người đấu tranh đòi quyền sống. Họ vừa đi vừa reo, hô: “Bỏ sưu, giảm thuế, chấm dứt bắt xâu!”. Một số người trong đám biểu tình cầm kéo, cầm lược nhìn những thanh niên trai tráng và các ông ở tuổi trung niên, ai để tóc búi đụm củ hành liền bị họ kéo vào vệ đường húi ngắn tóc kiểu mai cua. Đồng bào gọi là “cúp tóc Duy Tân”. Thành với nhóm bạn học cùng trường chạy lên phía trước, đã thấy Sơn, Thám cùng với anh Đạt đang đi trong dòng người. Phan Khải đang đứng trong ngõ, khuất sau dãy bờ xanh xén bằng bặn, lấp ló nhìn ra dòng người đi cuồn cuộn… Tất Thành chạy rẽ vào ngõ, gọi:

– Anh Khải! Sao anh…? Anh mà không ra giúp đồng bào đòi bỏ xâu, giảm thuế à?

– Từ nãy giờ mình chưa rõ họ làm cái chuyện chi đây?

– Họ đòi được có quyền sống! Anh là cháu ngoại quan tổng đốc Hoàng Diệu mà đứng ngoài nhìn thế cuộc à?

Phan Khải mạnh dạn hơn, bước sải chân qua hàng rào, nhập vào dòng người chân đất, đầu trần, thẳng bước… Những dòng người đã tụ hội trước tòa khâm, nối dài ra tận cầu Tràng Tiền, nghẽn cả lối đi. Lính khố xanh dàn hàng rào trước bể người. Tên khâm sứ tránh mặt. Tên Đơ La-xuýt ngồi trên yên ngựa chiến đốc thúc quân lính cố đẩy lùi làn sóng người đang ập tới. Thành và nhóm học sinh Quốc học đứng ở hàng đầu của đám biểu tình nhìn rõ mặt tên thực dân. Hồi năm ngoái hắn diễu ngựa trước hàng rào lính trong buổi sáng bắt vua Thành Thái đi đày. Tim anh đau nhói. Anh và các bạn dùng tiếng Pháp cùng hô lên những điều đồng bào đòi: bỏ xâu, giảm thuế, cần tự do, cần cơm áo, cần sống yên ổn trên quê hương xứ sở.

Đơ La-xuýt ghìm cương, con ngựa chồm hai vó trước lên hí dài theo tiếng gầm của chủ nó… Cả đám lính giơ gậy tre quật túi bụi xuống đám học sinh Quốc học. Tức nước vỡ bờ! Cả một khối lực lượng quần chúng như ngọn sóng thần ập xuống quân thù…

Đám lính khố xanh chạy dạt dùa tẩu tán. Tên Đơ La-xuýt thúc ngựa quay vào. Lập tức giám binh gọi lính Tây, lính khố đỏ từ đồn Mang Cá lên.

Súng nổ! Đạn xẹt qua đầu. Người người tán loạn… Súng nổ ran kinh thành. Người dân Huế ngã xuống!

Tất Thành và các bạn anh chạy về phía trường Quốc học. Anh vẫn nghe tiếng: “Đồng bào tiếp tục kéo vô thành! Chết đạn còn hơn sống kiếp ngựa trâu. Tiến vô, đồng bào ơi!”.

Giữa biển người ào ạt, Thành thấy một người trạc tuổi anh ôm đầu máu chạy được một đoạn rồi ngã gục xuống vệ đường Chẳng bù suy tính, Thành cởi ngay áo ra, xé, lau máu trên mặt cho nạn nhân. Một vết thương dài quá ngón tay trên góc trán bên trái. Thành

lấy manh áo của mình băng bó lại. Một số bà con đã xúm lại. Sơn cũng vừa chạy tới. Thành giục luôn:

– Sơn khiêng một tay anh ấy vô nhà gần đây gửi tạm…

Nạn nhân mở choàng mắt nhìn Thành. Anh ta lại nhắm nghiền mắt, lịm đi. Vừa lúc đó có người chạy tới:

– Người làng tui đó. Đội ơn các cậu đã cứu nạn cứu khổ cho anh nớ… Cứu một người phúc đẳng hà sa!…

Thành và Sơn chạy về tới quán cụ Lừa. Đạt và một số khá đông học sinh các lớp đang bàn tán… Thấy em đã trở lại, Đạt vừa mừng vừa lo lắng, nói:

– Thành à! Cò Tây chúng nó đã nhận ra em đi hàng đầu cùng đám học trò đi hô hào “cúp tóc Duy Tân”, làm reo, nổi loạn. Bọn lính tập, cò Tây vừa đến quán trọ Ao Hồ đón bắt em đó!

Thành nhíu mày mỉm cười.

– Cò Tây, lính tập cùng đã mò tới cổng trường nữa. – Một học sinh năm thứ ba trung học nói.

Những cặp mắt học trò nhìn nhau ngơ ngác…

Hoàng hôn buông xuống kinh thành. Gió hú dài trên sông Hương hun hút.

———-

Chú thích:

(73) Đồng bảng Anh chiếm vị trí chi phối tiền tệ trên thị trường châu Âu hồi bấy giờ.

(74) Mộ số nhân vật trong tiểu thuyết Pháp: “Những người khốn khổ” của Vích-to Huy-gô và “Không gia đình” của Ec-to Ma-lô.

(75) Nguyễn Văn Thơ, Hồ Đắc Ứng tốt nghiệp bằng thành chung quốc học Huế năm 1909. Về sau Thơ làm Tuần phủ Quảng Trị, Quảng Bình; Ứng làm Tổng đốc Thanh Hóa.

(76) Sách “Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ”, NXB Sự thật 1980, trang 53 ghi: tối 9 tháng 5. Theo sự nhớ của cụ Nguyễn Sinh Khiêm và sách “Lịch sử các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam” của Võ Nguyên Giáp, NXB Sự thật 1958, trang 62 ghi: Từ ngày 9 đến 13-4-1908.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 8

Cuộc nổi dậy của người Thừa Thiên – Huế kéo dài đến ngày thứ tư thì bị dập tắt.

Nguyễn Tất Thành bị cảnh sát săn đuổi. Anh phải sống ẩn náu trong nhà một vài bạn học mà cảnh sát và nhà trường không để ý tới. Thành được anh Đạt và một số bạn hằng ngày đem cho những tin tức mới ở trường, Tòa khâm sứ cho người sang trường Quốc học khiển trách về vụ học sinh đã tham gia biểu tình chống "nhà nước bảo hộ". Tòa khâm còn ban bố lệnh: "Những trò nào chỉ là a tòng, vì bị rủ rê mà nhập đoàn nhập ngũ đi reo thì phải làm giấy tự thú với Hiệu trưởng mới được học tiếp. Những trò nào đứng ra hô hào dân chúng và học trò tham gia bạo loạn thì phải đuổi khỏi trường ngay".

Thầy Lê Văn Miến và một số thầy người Việt phản đối việc đuổi và bắt học trò làm giấy đầu thú. Viên khâm sứ nguyên có biết thầy Miến tại Pa-ri, đã nhiều lần mời thầy sang tòa khâm chơi, nhưng thầy từ chối. Thậm chí mỗi lần y đến trường Quốc học, cố ý để gặp thầy Lê Văn Miến, ông đều tránh mặt y. Lần này, để lấy lòng thầy Miến, y đã "miễn tội" cho những học sinh tham gia vụ biểu tình chống bắt phu giảm sưu thuế của bà con nông dân Thừa Thiên – Huế. Nhưng, Nguyễn Tất Thành vẫn phải làm "tờ thư" nộp cho Hiệu trưởng và đi theo Hiệu trưởng đến tòa khâm để cam đoan từ nay về sau không được làm việc gì gây tổn hại đến "sự nghiệp của nhà nước bảo hộ".

Đạt đưa thầy Lê Văn Miến đến gặp Thành. Thầy Miến chân thành nói:

– Trước ngày đi Bình Khê nhận chức, quan Phó bảng có dặn thầy: "… hãy vì tình bằng hữu giúp tôi trong việc chăm sóc các cháu Đạt, cháu Thành, đặc biệt là cháu Thành học tới thành chung". Nếu quan Phó bảng không gửi gắm thì thầy vẫn làm phận sự ấy với hai trò. Thầy rất quý cái tâm, cái chí sáng của trò. Thầy muốn trò. chịu nhẫn nhục để học cho tới bằng thành chung rồi trò sẽ tự quyết con đường sống của mình…

– Thưa thầy, – Thành nói từ tốn – con không lỗi đạo thầy trò. Vừa qua, con hành động đúng. Con đã có năm ba chữ, biết suy nghĩ, con sang tuổi mười tám rồi, con không thể thờ ơ trước việc đồng bào mình bị chà đạp, phải đứng dậy đòi được quyền sống. Con biết ơn thầy muốn giúp con được tiếp tục học đến đầu đến đũa ở cái trường này. Nhưng, thưa thầy, con cam chịu bị đuổi ra khỏi trường chứ không thể tự trói mình nộp mạng cho tòa khâm!

– Thưa thầy – Đạt nói – vừa rồi Công tôn nữ Huệ Minh gặp con cho biết: mệ đã gặp vợ ông khâm sứ, nhờ xin cho Thành được trở lại tiếp tục học, do vậy mà tòa khâm mới có cái "đặc ân" gửi sang trường…

– À! – Thầy giáo Miến hơi cúi xuống, vẻ ngạc nhiên. – Thì ra đằng sau cái việc tòa khâm cho trò Nguyễn Tất Thành được trở lại trường học còn có…

– Thưa thầy – giọng Thành đanh lại – lão khâm sứ đã dám chìa bản "đầu thú" viết sẵn ra trước mặt đức vua Thành Thái giữa lúc vua bước ra khỏi hoàng cung lên đường đi đày. Đức vua đã ném cái tờ giấy nhục nhã ấy xuống đất ngẩng cao đầu: "Muôn dân nô lệ từng

đàn, vui chi bệ ngọc ngai vàng riêng ta?…”. Thưa thầy, vua ung dung đi đày, không quay trở lại ngồi trên ngai vàng nô lệ. Cái ghế học trò! Con yêu nó như yêu cái thềm nhà in dấu vết con tập bò, tập đi. Nhưng con không thể chịu nhục ôm cái ghế để có mảnh bằng thành chung. Thầy hiểu cho lòng con…

– Tất Thành! Con đừng nói thêm một lời nào nữa! – Thầy Lê Văn Miến hai bàn tay bưng lấy mặt nói. – Con hãy đi… đi theo tiếng gọi của lòng con…Thầy và vị thân sinh của con…

Thầy giáo Lê Văn Miến nghẹn ngào nuốt trở vào những lời ông chưa kịp nói ra. Ông từ biệt Nguyễn Tất Thành, người học trò đã để lại trong tâm trí ông cái ấn tượng như con số 1 đứng ở đầu hàng số dài vô tận…

o0o

Thầy giáo Miến đi rồi, Thành càng bâng khuâng về lời thầy nói lúc đầu: “Thầy đã ở tại thủ đô nước Pháp. Quả là một cường quốc bậc nhất hoàn cầu. Nước Việt Nam là hàng nhược tiểu, thua kém họ nhiều lắm. Các bậc tiền nhân, các nhà có khoa bảng đã dám đứng ra chống người Pháp, rất đáng kính phục, nhưng chỉ là lấy gậy chọc trời. Rốt cuộc, hết thất bại này đến thất bại khác. Lớp người tai mắt như Trần Cao Vân, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Nguyễn Hàm, Nguyễn Thành, Nguyễn Văn Ngôn, Đặng Văn Bá, Lê Văn Huân, Phạm Văn Ngôn… đều bị gông cổ đày đi biệt xứ. Quan nghè Trần Quý Cáp bị chặt đầu, mất xác. Phan Bội Châu và những đồng chí của ông hiện đang sống lênh đênh, phiêu bạt trên đất Phù Tang, đất Tàu…”

Tất Thành băn khoăn: Ông Phan Bội Châu coi Nhật là cường quốc của châu Á, chọn Nhật làm chỗ dựa để đuổi người Pháp, giành

độc lập cho nước nhà. Nhưng nghe nói Nhật đang bắt đầu trở mặt với ông Phan, thân thiện với Pháp. Thầy giáo Lê Văn Miến đi Pháp về thấy Pháp là nước hùng mạnh, thấy nước nhà nhỏ yếu tuyệt vọng Thầy đã coi việc ta mất nước cho Pháp gần như một định luật, không còn phương cứu nữa…

Đạt đi tiễn thầy Miến rồi về quán trọ Ao Hồ, lúc trở lại vẫn thấy Thành ngồi trầm ngâm như pho tượng, anh an ủi em:

– Nếu không còn ở lại Huế nổi thì em vô Bình Khê với cha, hoặc em về Nghệ An với chị Thanh. Em nghĩ ngợi nhiều có ích gì?

– Không nghĩ sao được anh? Bao nhiêu người tai mắt của đất nước lần lượt bị giết, bị hạ ngục, hoặc đày đi Côn Lôn, Lao Bảo… Còn nữa thì lại nuốt hận, coi việc nước mình mất cho Pháp là điều không tránh khỏi.

– Thầy Miến nói cũng có phần nào đúng chứ em?

– Anh biểu có phần đúng là những phần nào?

– Chúng mình đi đến đâu cũng thấy người Pháp họ đến nắm quyền cai trị, cai trị từ vua cai trị xuống. Chúng mình học, đọc sách, thấy nước Pháp họ văn minh, thứ gì họ cũng hơn hẳn nước mình. Nước lớn ức hiếp nước bé, kẻ mạnh bắt nạt người yếu, thời nào cũng vẫn có chuyện đó, em ạ.

– Điều anh nói đó là hoàn toàn đứng. Nhưng, em thấy nếu cuộc đời chì quay có một chiều: lớn thắng bé, mạnh được yếu, thì nhân loại từ xưa tới nay chi có lăn theo cái trật tự ấy. Trái lại, dân tộc ta nhỏ mà đã thắng nhà Hán, thắng nhà Tống, thắng nhà Nguyên, thắng nhà Minh, thắng nhà Thanh. Tổ tiên đã dám đánh thắng kẻ thù

dân tộc lớn mạnh hơn mình gấp bao nhiêu lần, lẽ nào ngày nay lại không có ai dám dương đầu với quân Pháp cường bạo?

Đạt ngồi lặng nhìn hai bàn chân em luôn luôn xê dịch trên nền nhà. Anh hỏi em một cách đột ngột:

– Em định thế nào?

– Em rời khỏi Huế ngay hôm nay.

– Em đi đâu?

– Em đi lần vô miền trong.

– Để làm gì?

– Em còn muốn đi xa nữa. Đi để biết, để học, để rồi làm được một việc gì có ích cho dân mình, nước mình…

– Em đã nghĩ kỹ chưa?

– Từ lâu em đã tìm, đã lựa chọn cho mình một hướng đi, anh ạ.

– Em đã quyết thì hành. Anh học hết niên khóa này, anh cũng sẽ chọn một hướng sống hợp với mình…

Hai anh em nhìn nhau. Mắt ướt! Ngoài vườn khuya, tiếng chim rời rạc vọng vào như từng giọt lệ rơi: quốc… quốc…

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 9

Nắng. Một thứ nắng như từ biển dâng lên, tràn đầy.

Gió. Một loại gió nóng từ bên kia Trường Sơn tràn xuống, dữ dội.

Nóng. Cái nóng như lửa bốc vây hãm cả bốn phía kinh đô. Mặt trời như một cái vung lửa úp xuống Huế. Huế ngột ngạt!

Nguyễn Tất Thành sải bước trên đường phố nóng ran. Những chiếc lá rơi, gió cuốn trên đường thăm thẳm. Anh thấy bầu trời Huế… mặt đất Huế… thành quách… cung điện… đền đài Huế quay tít trong đám lá bụi mịt mù. Anh cũng cảm thấy mình đang như một chiếc lá rời khỏi cành cây bay trong gió cuốn.

Thành rời khỏi Huế, anh đi theo một nhóm người Quảng Ngãi ra bán kẹo mạch nha và mua kẹo mè xửng đưa về Quảng Ngãi bán. Nhóm lái kẹo này có chiếc xe ngựa. Thùng xe rộng, có ngăn chở hàng, ngăn để đồ nấu ăn, đựng lương thực dự trữ đi đường dài, và có bốn, năm chỗ nằm. Họ đi buôn đường xa, qua nhiều núi đèo hiểm trở nên có cả khí giới chống cướp đường, chống hổ báo. Thành bắt quen được nhóm lái kẹo từ năm trước, họ chở kẹo mạch nha ra Huế bị đồn thuế Đông Ba ức hiếp, tịch thu kẹo của họ. Họ nhờ nhà trọ Đông Ba tìm giúp người làm đơn kiện bọn đồn thuế. Thường ngày Thành đi chợ mua gạo, mua thức ăn. Bà chủ nhà trọ Đông Ba thấy một cậu con trai khôi ngô mà phải đi chợ, làm bếp, bà để ý tìm hiểu, đã biết được Thành là con trai quan thừa biện Bộ Lễ

Nguyễn Sinh Huy, sống cảnh “gà trống nuôi con”. Do vậy bà chủ nhà trọ Đông Ba đã nhờ anh làm đơn giúp cho nhóm lái kẹo mạch nha. Hôm công việc xong xuôi, nhóm lái kẹo đã biện một cái lễ nhờ bà chủ trọ đưa đến nhà Thành để tạ. Thành đã từ chối. Họ nài nỉ mãi, anh đành lấy một bát kẹo mạch nha và một ít đường phèn. Đức tính cao thượng ấy của anh đã in sâu trong tình cảm nhóm lái kẹo mạch nha. Lúc anh ngỏ lời xin được đi nhờ vào miền trong, họ đón mời anh với một niềm vui “được dịp trả nghĩa cũ”.

Con đường từ Huế vào xứ Quảng như một sợi dây vắt vẻo qua những núi non khuất khúc, điệp điệp trùng trùng. Con ngựa ô bờm đen mượt, đuôi dài phu phê, dáng thon thon kéo cỗ xe chạy xăm xăm theo theo tay cương của người xà ích. Thành được nhường một chỗ ngồi thoải mái nhất. Anh có thể nhìn xa lên phía trước, nhìn sang bên đường qua ô cửa sổ nhỏ. Lúc nào mỏi, anh có thể nằm duỗi thoải mái ngang lòng thùng xe. Anh không dám ngồi ở vị trí tốt này. Nhưng cả ba ông lái mạch nha đều nhường:

– Cậu ấm đi vô xứ Quảng lần đầu, cần ngồi chỗ nớ mới dễ nhìn được phong cảnh sơn thủy hữu tình.

Ông xà ích vui vẻ giới thiệu:

– Từ đây vô Quảng Nghĩa (77) có nhiều cảnh đẹp. Chỉ tính đến Cửa Hàn cũng đã có cảnh đẹp Lăng Cô đèo Hải Vân, bến Nam Ô… Cậu ấm đã có chữ trong mắt thì nhìn cái đẹp một hóa đẹp hai, đẹp ba, bốn lần.

Thành tránh lời đề cao về mình, anh khiêm tốn:

– Mỗi một cuộc đi xa là một dịp học hỏi được những điều bổ ích, các bác ạ.

– Đúng. Đúng. – ông xà ích vẻ ăn ý nói – Cậu ấm nói đúng.

Đi một đoạn đàng, học một sàng khôn mà! Cuộc hành trình ngày đầu tiên qua được Lăng Cô. Người xà ích lái ngựa rẽ vào một làng nhỏ dưới chân đèo. Mọi người xúm vào việc cơm nước trước khi trời tối. Ông xà ích cho ngựa ăn thóc, uống nước. Thành lấy liềm, sọt đi cắt cỏ cho ngựa Cả nhóm lái kẹo ngạc nhiên:

– Ơ! Cậu ấm… sao cậu ấm lại đi làm cái việc…

Ông xà ích giằng lấy cái liềm trên tay Thành. Thành phải nói rõ ràng:

– Tuy là học trò, con nhà quan, nhưng từ lúc còn bé, ở nhà với bà ngoại, tôi đã quen những việc như thế này.

– Quý hóa quá! Quý hóa quá trời! – Những người lái kẹo xuýt xoa tấm tắc. – Nhà quan nào cũng như nhà cậu thì cánh dân đen hẳn là đỡ khổ đôi ba phần!

Qua một đêm ngủ bên đèo Mây, Tất Thành thấy sảng khoái như ở quê nhà. Ngồi trên xe ngựa lắc lư gập ghềnh mà đầu óc anh vẫn chưa hết bâng khuâng về giấc mơ về quê nhà đêm qua. Hình ảnh những người thân ở quê nhà bịn rịn trong tâm hồn anh…

Con ngựa ô kéo cỗ xe lên đèo Hải Vân, chân choãi về sau, toàn thân rướn lên phía trước, cái đầu lắc lư, bộ bờm đen mượt phập phồng, cổ dâm dấp mồ hôi. Thành thương con ngựa kéo nặng:

– Có lẽ ta xuống bớt, đẩy xe đỡ cho ngựa một chút.

– Khỏi – ông xà ích nói. – Sức ngựa ô khỏe, dai lắm. Kéo chừng này chả thấm tháp gì với sức của nó. Vì lên dốc, nó phải ráng sức

chút xíu ạ.

Gặp phải buổi trời mù, đèo Hải Vân chìm trong mây trắng. Đi trên đèo, chỉ nghe tiếng sóng biển hòa với tiếng gió hú. Mấy bác Mấy bác lái kẹo băn khoăn:

– Tiếc quá, gặp phải hôm trời xấu, cậu ấm không được nhìn thấy mặt biển như lụa, ngọn đèo như tháp đồng đen, mây gấm, nắng tơ… Hùng vĩ và thơ mộng lắm, cậu ấm ạ.

Thành đưa mắt ra xa, toàn một màu trắng bồng bềnh. Đầu con ngựa như một mũi thuyền rẽ màn mây trắng đi vào cõi thần tiên. Anh bắt đầu cảm thấy lý thú như một chàng hiệp sĩ "chẳng quản gì da ngựa bọc thân".

Bỗng ngựa hí, nhảy chồm lên, chân đá vào càng xe! Cỗ xe bị đổ về phía sau. Người, đồ đạc trên xe lăn cù cù, ngựa hí vài tiếng yếu đuối, vùng vẫy… Tiếng hổ gầm. Mọi người đã hết bàng hoàng, choàng dậy. Ông xà ích kêu thất thanh:

– Ôi! Trời đất ơi! Hổ vồ ngựa! Ngựa bị hổ móc cổ rồi.

Mọi người xúm đến quanh con ngựa. Con ngựa đã quỵ xuống, máu đang chảy lênh láng nóng hôi hổi, vết thương ở cổ toang hoác, cuống họng bị đứt lùa thùa, bộ bờm đen mượt phủ kín mắt như đang ngủ.

Ông xà ích khóc:

– Khổ thân con ngựa quý của tôi, vì vướng càng xe mà bị cọp vồ trộm mới nên cơ sự này! Nếu nó rộng chân thì một cọp chứ mười cọp cũng khó nhổ được một cái lông đuôi của nó. Ôi! Nó kết bạn với tôi đã gần mười năm rồi. Nó về nhà tôi lúc chưa mọc răng kia mà.

Ông cầm con mác cán dài đi theo vết máu mảng cổ ngựa bị hổ tha. Ai cũng ứa nước mắt, vỗ vỗ bàn tay lên mình ngựa còn đẫm mồ hôi. Tất Thành ngồi bên đầu ngựa vuốt mắt cho nó và vuốt bộ bờm mát rượi bàn tay.

Ông xà ích quay về, cắm phập cái mác xuống bên mình ngựa, tay chống nạnh.

– Tôi mà gặp được thì thằng cọp chết tươi hoặc tôi chết chứ chẳng chịu vầy đâu! Hu… hu…hu… – ông ôm mặt khóc to.

Anh em lái kẹo an ủi:

– Gặp xui (rủi) vầy rồi thì ta liệu việc để còn đi thấu Cửa Hàn kẻo tối trên đèo mất.

Ông xà ích tìm được một trảng cỏ bên thung lũng. Chỉ có một cái cuốc và mấy cái lưỡi mác, họ chuyền tay nhau đào bới. Thành cởi áo ngoài, xắn quần quá gối khuân đá, hót đất lên. Đào được một cái hố dài, sâu để lọt vừa thi hài ngựa, ông xà ích lồng sợi dây thừng ngang mình ngựa, mọi người xúm vào cùng kéo. Ông xà ích nước mắt ngắn nước mắt dài, nhờ Thành:

– Cậu ấm vần những hòn đá ra xa và chặn bằng các gốc cây để ông Mã đỡ xây xát, đỡ đau.

Ông xà ích e cậu ấm Thành chưa thông cảm về cách gọi tôn kính của ông, ông phân trần:

– Cậu ấm ơi, cái giống ngựa lúc còn sống thì làm thân tôi tớ cho người, khi chết hóa thành thần Mã, chầu nơi đền đài thờ vương, thờ đế.

– Cháu có hiểu phần nào cái điều ấy, chú ạ.

Ngôi mộ con ngựa được vun cao và xếp đá xung quanh. Ông xà ích quỳ trước mộ, khấn:

– Thưa ông Mã! Người xưa dạy: “Con trâu là đầu cơ nghiệp. Con ngựa là vựa tiền”. Lúc ông còn sống, ông đã gò lưng làm lụng nuôi cả nhà tôi. Chẳng may ông bị lâm nạn giữa truông, giữa đèo nên chứng tôi mai táng ông quá sơ sài xin vong linh ông mở lượng hải hà cho chúng tôi được phần nhờ. Xin hứa với ông chuyến đi kinh đô tối chứng tôi sẽ có lễ bạc lòng thành tạ trước mộ ông.

Nguyễn Tất Thành cùng đứng với các ông lái kẹo một hàng ngang trước mộ “ông Mã”, vái năm vái. Anh nao nao như lúc đứng trước ngôi mộ người thân. Mọi người xếp sắp lại đồ đoàn vào xe. Trời đã trưa. Sương tan. Mây trắng trôi trên đỉnh núi. Biển trải xanh xa dưới chân đèo thăm thẳm. Thành cảm thấy ngơ ngác trước biển cả núi cao này.

Ông xà ích giọng cứng rắn:

– Từ đây đến Liên Chiểu không còn xa nữa. Từ Liên Chiểu đến Nam Ô độ một dặm và về Cửa Hàn còn hơn hai dặm nữa. Về thấu tỉnh lỵ Quảng Nghĩa còn những ba mươi tám dặm kia.

– Chúng ta xếp đặt cách đi sao cho tiện bây giờ? – Một ông lái kẹo hỏi.

Ông xà ích nói:

-Một người cầm càng, hai người đẩy xe, hai người nữa ngồi trên xe, rồi lại thay nhau người đẩy, người nghỉ. Riêng cậu ấm Thành cứ

nghỉ ở trên xe. Vô tới Cửa Hàn ta tìm xe quen để gởi cậu đi nhờ về Quảng Nghĩa.

– Các chú ơi! – Thành nói – Các chú đã nhận ghép cháu vào cùng một chuyến đi đường dài ngày. Mọi việc may, rủi xảy ra dọc đường, cháu cũng được chia phần, cùng gánh chịu như mấy chú vậy.

– Cậu ấm có cái bụng tốt ấy, bầy tui biết – ông xà ích nói. – Bầy tui thương chú học trò, tay yếu chân mềm mà làm cái việc đào đất cất gỗ, tội nghiệp quá ta!

– Cháu đã chịu đựng những nỗi khổ quen rồi, các chú ạ…

– Vậy thì – mấy mấy ông lái hồ hởi nói – ta đi nào! Đi!…

Thành hai chân choãi ra sau, người vươn lên trước, tay đun xe bước đi giữa âm vang biển cả và gió hú đèo Mây.

o0o

Vào thấu thị xã Quảng Ngãi, Tất Thành ở lại đây mấy ngày vì thấm mệt qua chuyến đi đường dài. Những người lái kẹo mạch nha rất kính nể vốn học và mến tính siêng năng, đức hiền từ của Tất Thành, đã tha thiết mời anh ở lại dạy cho các con, cháu của họ học. Anh từ chối: “Cháu còn ít tuổi, cần phải đi đây đi đó để lượm lặt những điều hay lẽ phải thành cái vốn, lúc đó có đi dạy học hay làm việc gì mới thật sự có ích, các chú ạ”.

Những ngày lưu lại thị xã Quảng Ngãi cũng như đi qua Quảng Nam, Nguyễn Tất Thành nghe được nhiều tiếng dân kêu than. Lời nguyền rủa thực dân Pháp, oán thán bọn tay sai buôn dân bán nước, chẳng những Thành nghe được khá nhiều mà anh còn nghe

được những tiếng dân ngợi ca, thương tiếc các ông nghè, ông cử ông tú ông đồ đã bị chém giết, tù đày vì nghĩa lớn. Tại Quảng Ngãi người ta bàn tán nhiều nhất là vụ dân nổi dậy đốt nhà tên đại việt gian Nguyễn Thân. Khắp các ngả đường, nơi chợ búa, trong quán trọ, cửa hàng nước… họ kể về lòng thương dân, tinh thần tiết tháo của quan Trần Văn Phổ (cha Trần Phú) làm tri huyện Đức Phổ. Ông không chịu hợp tác với tên công sứ Đô-đê đàn áp nhân dân nổi dậy chống sưu cao thuế nặng. Nó hứa sẽ thăng chức tri phủ cho ông. Nhưng ông đã mắng vào mặt tên Đô-đê. Nó dọa sẽ cách chức ông nếu ông không mộ phu, đưa lính đi theo nó về các làng trong huyện "làm nhiệm vụ". Ông đã chống lại và đã thắt cổ tự tử tại công đường. Vợ ông là bà Hoàng Thị Cát đã bồng bế các con đến cửa Tây thị xã Quảng Ngãi, dựng quán bán nước chè kiếm sống…

Rời Quảng Ngãi, Thành đi vào Bình Định. Anh đi với phường tuồng Vinh Thanh huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, quê của quan thượng thư Đào Tấn. Phường được mời ra diễn tại thị xã Quảng Ngãi và giúp cho phường tuồng ở đây dựng vở "Hoàng Phi Hổ quá quan" của Đào Tấn.

Thành đến xem đoàn tuồng ở quê quan Đào Tấn diễn vở của Đào Tấn với một tình cảm sâu nặng, thầm kín. Anh ngồi xem tuồng, nhưng trong đầu anh thỉnh thoảng lại xuất hiện những hình ảnh quan Đào Tấn

cùng đàm đạo với cha mình trong căn nhà nho nhỏ ở thành nội, kinh đô Huế.

Đêm hát đã tan, Nguyễn Tất Thành dùng dằng không dứt ra về được. Người di xem hát về đã vãn, phường tuồng đã thay áo xong, anh ngẫm nghĩ một lúc rồi mạnh dạn đến gặp ông trùm phường:

– Thưa ông, cháu xin gặp người vừa sắm vai Hoàng Phi Hổ ạ.

Ông trùm phường nhìn Thành ngờ vực:

– Cậu gặp có việc gì?

– Thưa ông, cháu từ ngoài xứ Nghệ vô đây. Cháu thường được nghe các bậc cha chú ca tụng tuồng Bình Định. Nay cháu được xem phường tuồng của quê hương quan Đào Tấn, quả là "danh bất hư truyền". (78)

Ông trùm phường vẻ cảm động:

– Đa tạ về những lời phẩm bình của cậu.

– Riêng có một chỗ trong vai Hoàng Phi Hổ, cháu muốn nói ra điều trộm nghĩ của cháu mà e có sự luống cuống khác nào "đánh trống qua nhà sấm".

– Cậu đã từ xứ Nghệ vô đây, lại có lòng hạ cố tới coi phường chúng tôi hát mà còn cho lời châu ngọc nữa thì đó là ơn tri ngộ, chứng tôi ghi nhớ mãi.

– Được như vậy thưa ông, cháu mạnh dạn xin tỏ bày: Người đóng vai Hoàng Phi Hổ cũng như tất cả các vai trong vở tuồng đều giỏi bộ, hát hay. Cháu được nghe cha cháu thường đàm đạo với bạn: Diễn tuồng mà chỉ có hát hay, điệu bộ kém và ngược lại, thì chẳng khác chi người bán thân bất toại (79). Bởi vì diễn tuồng là công việc chạm trổ hình ảnh người đời ở trên sân khấu, làm rõ từng cử chỉ, phong độ, tánh cách, lời ăn tiếng nói của nhân vật. Lại còn phải trạm trổ cái hồn văn của người viết vở diễn trong từng câu, từng lời với bao nhiêu thần sắc: hỉ, nộ, lạc, ai, ái, ố, dục (80), tức là bảy cái tính ở trong con người ta. Cháu thấy phường hát của ông đã

thành đạt được những điều ấy. Người đóng đạt nhất là vai Hoàng Phi Hổ. Nhưng, vai Hoàng Phi Hổ còn gượng một chỗ khá quan hệ, đó là điệu cười chưa thật đúng tâm trạng nhân vật. (Ông trùm phường tuồng ngước nhìn Tất Thành, mắt lấp lánh niềm vui thán phục). Cháu cho là – Tất Thành nói – việc chạm trổ tính cách nhân vật Hoàng Phi Hổ là điều không dễ, mà khó nhất là lúc ông ta cười, một cái cười đẫm nước mắt. Vì Hoàng Phi Hổ là người đã nhiều phen vào sinh ra tử, dốc hết tâm sức thờ vua, nguyện suất đời trọn đạo trung quân. Nào ngờ vua Trụ lại làm nhục vợ mình. Cái khó xử cho Hoàng Phi Hổ là có dám chống lại vua để bảo vệ danh dự vợ chồng mình không? Mà chống lại vua là chống một niềm tin, một cơ đồ mình đã đổ máu hy sinh vì nó, và như vậy liệu có mang tiếng với thiên hạ, mình là kẻ phán phúc không? Hoàng Phi Hổ với tâm trạng ấy cho nên hát lên hai tiếng "phản Trụ" rồi cười, Hoàng Phi Hổ cười ai? Phải thấy Hoàng Phi Hổ cười cả cái chế độ nhà Trụ, một chế độ đã dày công xây đắp vững bền từ mấy đời nay sụp đổ chỉ vì một sắc đẹp, vì một người đàn bà. Hoàng Phi Hổ còn cười mình đã mù quáng, hy sinh cả đời mình một cách vô nghĩa! Theo cháu, người sắm vai Hoàng Phi Hổ phải tạo nên một tiếng cười lột tả được cái tâm trạng này.

Ông trùm phường tuồng ôm choàng lấy vai Nguyễn Tất Thành lắc lắc:

– Đúng cậu là… Cậu là thầy tuồng rồi!

– Không dám. – Tất Thành đáp. – Thưa ông, cháu chỉ là người khán giả nhỏ thôi ạ.

Ông trùm phường tuồng lại vỗ vai thân mật:

– Xin cậu cho biết quý danh?

– Dạ, cháu là Nguyễn Tất Thành ạ.

– Cậu còn trẻ mà đã tinh tường nghệ thuật tuồng khiến tôi phải sửng sốt. – Giọng ông bồi hồi: – Lúc sinh thời thầy tuồng của chúng tôi, quan Đào Tấn thường nói với chúng tôi: "Người xứ Nghệ rất mê tuồng và thưởng thức rất tinh tường". Thầy còn nhắc tên những người bạn của thầy như quan đốc học Đặng Nguyên Cẩn, quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, ông giải nguyên Phan Bội Châu…

– Thưa ông cha cháu là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ạ.

– Ồ! Trời đất! Cậu… là con quan Phó bảng Sắc! Hèn chi! Hiện thời quan Phó bảng đang ngồi ghế tri huyện tại Bình Khê, trong tỉnh chúng tôi.

– Dạ. Cháu vô thăm cha cháu đây ạ.

– Ô chà chà, còn chi bằng. Chúng tôi mời cậu ấm cùng đi vô với phường chúng tôi. Được vậy thì vinh hạnh cho chúng tôi lắm lắm.

o0o

Thành bước vào cửa huyện đường Bình Khê lúc chiều tà. Quan huyện Nguyễn Sinh Huy và vài người lính lệ đang làm vườn. Người lính nhìn thấy khách lạ nói:

– Bẩm quan, có thư sinh nào… trông lạ kia ạ?

Quan huyện Huy nhìn lên, ngạc nhiên:

– À! – Ông nghiêm nét mặt, nói với anh trong lúc đi về phía Thành – Người con thứ của ta.

Thành chắp tay:

– Con chào cha. Cha có được khỏe không, thưa cha?

– Ừ, rất khỏe.

Mấy người lính chạy đến:

– Kính chào cậu ấm!

– Xin chào cậu ấm đến thăm quan lớn!

Tất Thành đáp lại rất lễ phép với những người lính hầu của cha mình.

Đám lính xuống nhà bếp lo cơm nước. Quan huyện Huy dẫn con về phòng riêng của mình. Ông ngồi đối diện với con ở ghế tràng kỷ. Ông hỏi lạnh lùng:

– Con đi đâu mà qua đây?

– Dạ, con đến với cha ạ.

– Anh đến với tôi để làm gì?

– Con đến thăm cha để rồi… con đi…

Nét mặt ông đã ấm lại và thoáng cười tươi:

– Được. Cha tưởng con đi theo cha thì đáng buồn. Con phải tự tìm ra cho mình một hướng đi, một con đường. Đời cha không có con đường, chỉ có một ngõ cụt. Cha đã không làm được điều mình hằng ước nguyện: vì Tổ quốc mà ngã giữa trận tiền, vì công bằng mà rơi đầu trước đám cường quyền bạo ngược. Cha đành chịu phận: chí đoản, hận trường(81).

– Nhớ lời cha dặn con hồi năm ngoái, nay con định đến Phan Thiết, trao phong thư của cha tới ông Hồ Tá Bang. Con sẽ xin được dạy học ở trường Dục Thanh một thời gian, cha ạ.

– Phải. Con cứ mạnh dạn làm, một khi lòng đã quyết. Con đã đến tuổi tráng niên rồi. Nhớ là: “Kỳ ấu giả duy phụ mẫu sở hữu chi thân, kỳ tráng giả duy quốc gia sở hữu chi thân, kỳ lão giả duy hậu thế sở quan trọng chi thân” (82).

Hai cha con cùng sưởi ấm cho nhau trong đêm trên đất Tây Sơn, quê hương người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.

Sáng hôm sau, ông Sắc ra huyện đường xử một vụ kiện đã kéo dài cả ngày hôm qua vẫn chưa xong. Anh Thành nhờ một anh lính huyện, người ấp Tây Sơn đưa đi thăm miền đất tụ nghĩa “áo vải cờ đào”. Lúc trở về mặt trời đã tròn bóng. Thành thấy gương mặt cha đanh như thép lạnh. Anh chưa rõ nguyên do mà lòng cứ thổn thức với nỗi cô đơn của cha.

Anh lính lệ bưng cơm lên và lễ phép mời hai cha con quan huyện:

– Bẩm quan lớn và cậu ấm mời cơm ạ!

Thành để cha ngồi vào bàn ăn trước. Anh ngạc nhiên thấy cha tự tay mở lồng bàn và nghiêm giọng như hỏi cung phạm nhân:

– Món tôm he bữa qua còn khá nhiều sao không…

Anh lính lúng túng thưa:

– Bẩm quan lớn! Con sơ ý đậy không kỹ để mèo ăn hết cả rồi ạ.

Ông huyện Sắc đặt mạnh tay gần như ném cái lồng bàn xuống phản ngồi, hỏi:

– Mèo ăn vụng thì hết một con hai con, sao lại hết nhẵn từng ấy con tôm he to gần bằng cổ tay?

Mắt Thành tối sầm lại! Anh thầm nghĩ: Từ ngày còn sống dưới nách cha chưa bao giờ thấy cha để ý đến miếng ăn, sao bây giờ…? Chẳng lẽ cái "quan tham ô lại" cũng nhiễm vào cha mình?

Anh lính hầu mặt xanh như lá, nói líu cả lưỡi:

– Bẩm quan lớn! Có đèn trời soi xét cho con. Chỉ có mèo ăn thôi ạ!

Ông huyện Sắc đập mạnh tay xuống bàn, quát:

– Ta sẽ tra cứu đến nơi. Anh ăn tôm mà đổ cho mèo thì trục hồi bản quán ngay.

Người lính hầu quỳ xuống đất khấu đầu, tay vái:

– Bẩm quan lớn! Con ăn tôm ạ. Xin quan lớn rộng lượng hải hà cho con!

Thành hai tay ôm mặt quay đi. Nhưng ông Sắc đã cúi xuống nâng anh lính hầu đứng dậy, giọng ông thấm nước mắt:

– Tôi xin lỗi. Tôi xin lỗi anh. Mèo không ăn mất tôm, anh cũng không ăn mất tôm đâu. Đĩa tôm he vẫn còn nguyên vẹn tôi đang giấu ở tủ hồ sơ. Tôi thử anh để mà nghiệm ra việc xử vụ án suốt hai ngày mà bị can vẫn chưa chịu nhận "tội". Lúc tôi phải dùng bàn tay

đập bàn hăm dọa, truy bức thì bị can liền “thú tội”! Tôi e rằng họ bị oan!

Ông quay lại nói với Thành, giọng xúc động:

– Làm quan dẫu có giữ mình trong sạch cũng không tránh được hết lỗi lầm. Chỉ một lần gieo oan thì cũng phải ba đời mình chịu oán. Sẽ thất đức con ạ. Thôi… đi đi… con! Nước mất con đi tìm nước… Sớm muộn rồi cha cũng sẽ là nạn nhân chứ không thể là kẻ sát nhân trên cái ghế quan trường này!…

———

Chú thích:

(77) Quảng Ngãi

(78) Tiếng đồn không sai

(79) Bại liệt mất một nửa người không hoạt động được

(80) Mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét, ham muốn

(81) Chí nhỏ hận dài

(82) Đại ý: Lúc ta còn thơ ấu thì thuộc quyền cha mẹ, lúc ta lớn lên thuộc về đất nước, lúc về già lại phải dành cho lớp người sau là quan trọng nhất.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 10

Dấu chân Nguyễn Tất Thành in xuống đất cực Nam Trung Bộ. Dưới ánh nắng thiêu, bóng anh nghiêng nghiêng bên bóng những tháp Chàm trần trụi.

Trên đường đi vào, tình cờ Thành gặp người bạn cũ, Phạm Gia Cần từ Bình Thuận trở về Nghệ An. Thành viết vội thư gửi về quê cho chị Thanh và anh cả Khiêm. Anh kể khá tỉ mỉ những chuyện xảy ra trên dọc đường vào của mình. Anh miêu tả về cuộc sống cô đơn và sự chán chường việc quan của cha. Và Thành tâm sự trong thư "…Em đã nhận một chân dạy học tại trường Dục Thanh ở Phan Thiết. Trường này có các lớp tư, lớp ba, lớp nhì và lớp nhất. Học trò được học ba thứ chữ quốc ngữ, chữ Tây, chữ nho. Các môn sử ký, địa dư, cách trí, toán pháp, toán đố… đều được soạn dạy theo mục đích của trường mở mang tri thức cho học trò, đào luyện họ thành người ích nước, lợi nhà… Em nhận dạy chữ Tây cho lớp nhì, dạy sử ký, địa dư cho lớp nhất. Em được nhận vô dạy trường này là có sự giúp đỡ của ông Hồ Tá Bang, bạn thân của cha. Ông là tổng lý công ty Liên Thành thương quán chuyên sản xuất nước mắm. Công ty này là do các ông Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn… kêu gọi các nhà hằng tâm hằng sản góp vốn kinh doanh để xây đắp cho công cuộc mở mang dân trí, dân sinh. Các cụ Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng là sáng lập viên Liên Thành. Trường Dục Thanh do công ty Liên Thành thương quán

bảo trợ…”. Cuối thư, Thành dặn chị gái và anh trai: ” Trường Dục Thanh là một cung trên con đường em đi… Em sẽ ở lại đây một thời gian để rồi đi tiếp vô Sài Gòn…”.

*****

Cửa biển Phan Thiết hình cánh cung. Ban mai vắng lặng. Những con dã tràng kiên nhẫn xe cát. Sương mù bay lang thang từ xa khơi vào các xóm dân chài. Một vài con thuyền, bè mảng già nua nằm trơ trên bãi cát. Nhìn biển cả, thầy Thành bồi hồi nhớ về kỷ niệm cùng anh Khiêm theo cha mẹ vào kinh đô Huế, lúc lên đỉnh đèo Ngang, lần đầu thấy biển mà tưởng là cái ao. Giờ đây anh đã lớn khôn lại thấy biển mênh mông quá, muốn đi xa, đi tìm chân lý, tìm lẽ sống công bằng, nhưng vượt biển cách nào đây?

Anh bâng khuâng trước cảnh biển trời hùng vĩ. Bỗng tiếng trống trường từ trong phố âm vang, ngân dài theo tiếng sóng. Anh dời gót, bước về phía tiếng trống gọi. Từng dấu chân anh in mịn màng trên cát trắng phau.

Giữa khu vườn rộng có một dãy nhà dài, chia nhiều ngăn, lớp ngói “vảy rồng”. Bốn phía nhà không thưng che. Trước khi dùng làm trường học, đây thường gọi là nhà “thảo bạt”. Trước lối vào “thảo bạt”, một cái cổng cao, vững chãi, trên đó đặt tấm biển dày và dài suốt trên hai trụ đứng, khắc chữ quốc ngữ: Trường Dục Thanh. Hai bên khắc tên trường bằng hai thứ chữ: chữ Hán và chữ Pháp.

Ngay trước trường có một cái ao khá rộng. Cây dừa cổ thụ, cành vươn dài ra giữa ao. Từng chùm rễ trên cành rủ xuống ao như bộ râu dài phủ phê… Gốc cây dừa sù sì ngay cạnh bến đá xây nhiều bậc. Học trò thường xuống ao rửa chân trước lúc vào cổng trường.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành bận bộ dài trắng, cổ đứng, đi guốc gỗ mộc, ôm cặp da bò màu vàng cam, bước khoan thai vào lớp. Cả lớp hóc đón thầy với một không khí ấm cúng, trật tự và lễ phép. Thầy Thành nở một nụ cười tươi, nhìn các em âu yếm, nói:

– Thầy chúc các trò ngoan, học giỏi.

Cả lớp đáp lại:

– Chúng con vâng lời thầy…

Cả lớp hướng mắt về thầy và thầy Thành giọng ấm áp điểm danh. Sau đó thầy viết lên góc bảng đen: Sĩ số: 38. Hiện diện: 38. Khiếm diện: 0. Thầy từ trên bục đi xuống. Đến cạnh em Lê Trung Liệt, thầy ân cần hỏi:

– Bữa nay ở nhà chắc có chuyện chi… Thầy thấy trò không được vui?

– Dạ, thưa thầy, má con bệnh nặng. Đêm qua má con trở bệnh. Con lo má con không qua khỏi! Mà… ba con lại đang đi trẩy nước mắm, đi xa lắm.

Thầy Thành chớp chớp mắt nhớ về một thời thơ ấu của mình ở thành nội Huế. Giọng thầy buồn buồn:

– Nhà có đủ tiền thuốc thang cho má không?

– Thưa thầy má con bệnh nặng, kéo dài, con nghe mấy anh chị của con biểu: “Hết kiệt vốn liếng trong nhà rồi”. Sáng nay anh trai của con đang đi cầm đồ để có tiền chạy chữa cho má con, thưa thầy…

– Tan học, trò đưa thầy về thăm má của trò. Thầy vừa được lĩnh tiền giảng phí. (Em Liệt xúc động bật lên tiếng khóc). Trò đừng buồn phiền – Thầy Thành an ủi – Thầy đã từng nhận được tình thương của nhiều người chia sẻ. Thầy được chia sẻ với em chút tình ngày hôm nay là sự nhớ ơn của thầy đối với những người đã. chia sẻ với thầy lúc tối lửa tắt đèn.

Thầy Thành đưa mắt nhìn khắp lớp:

– Sau buổi học, có trò nào muốn đến thăm mẹ của trò Liệt không?

Cả lớp đồng thanh:

– Thưa thầy, có ạ.

Thầy Thành lên bục, vẻ mặt vẫn còn phảng phất buồn. Thầy nói:

– Hôm nay chúng ta học bài sử ký: Hùng Vương dựng nước, đời Hồng Bàng. – Thầy cầm viên phấn viết lên bảng đen đầu đề bài lịch sử. Nét chữ của thầy thanh như dáng người thầy. – Hồng Bàng là thời kỳ mở đầu của mười tám đời vua Hùng. Công lớn nhất của các vua Hùng là dựng nước.

Các em lắng cả tâm trí theo dòng ánh sáng của thầy giáo Thành đang truyền bá. Giọng thầy giảng bài ấm và âm vang: “truyện tích “Con Rồng cháu Tiên” là sự thể hiện niềm tự hào về giống nòi người Việt Nam của tổ tiên ta”.

Trong khi giảng bài, thầy thường hỏi:

– Thầy nói tiếng Nghệ, chưa sửa hết được thổ âm, thổ ngữ, các trò nghe có được rõ không?

– Thưa thầy rõ ạ.

– Các trò có hiểu được những điều thầy giảng không?

– Chúng con hiểu được ạ.

Một em học sinh lớn tuổi nhất lớp đứng lên xin phép:

– Thưa thầy con xin thầy được phép hỏi ạ.

– Trò mạnh dạn hỏi vậy là tốt.

– Thưa thầy, tích Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ đẻ một bọc trứng, nở ra trăm con, một nửa theo cha xuống bể, một nửa theo mẹ lên ngàn, chuyện hoang đường ấy có nghĩa chi, thưa thầy?

Thầy Thành xuống bực, đi qua đi lại trước lớp, mắt mơ màng, giọng tha thiết:

– Các truyền thuyết thường tưởng tượng hoang đường vì nó bắt nguồn từ trong đời sống xã hội con người thời còn hoang sơ, những truyện nào cũng đều có ý nghĩa giáo dục. Cái bọc ấy chỉnh là lòng mẹ. Chung một lòng mẹ, nghĩa là cùng một nòi giống. Vì vậy mà dân ta có hai tiếng nghe rất thiêng liêng, đó là – thầy Thành viết chữ hoa – Đồng Bào. Có nghĩa là cùng bọc, cùng một dòng máu.

Thầy Thành lại hỏi:

– Các trò rõ chưa?

– Dạ, rõ rồi ạ.

– Còn sự tích một nửa số người đi lên ngàn, một nửa số người đi xuống bể, nó nói lên người Việt mình đã trải bao mưa nắng, người

đi phương này, kẻ đi nơi kia để khai phá, mở mang bờ cõi, dựng xây đất nước. Nước Việt Nam ta được như ngày nay ta đừng quên công!ao của bao đời đã đổ mồ hôi và máu. Người ta thường nói: "Tình Tổ quốc, nghĩa đồng bào" là từ gốc tích ấy. – Giọng thầy đọc trầm bổng thiết tha:

Sông sâu nước chảy nặng dòng.

Lòng ta có khác chi lòng mình đâu.

Dầu Nam, dầu Bắc mặc dầu,

Cùng chung Tổ quốc, cùng sầu Nước Non.

Cả lớp nhất không một em nào động tay, động chân, lắng hồn đón nhận từng lời thầy như đêm dày được ánh sáng soi vào.

Cuối bài, thầy dặn:

-Các trò ạ! Chữ là mắt. Người không có chữ coi như bị mù vậy. Hồi còn nhỏ, thầy thường được nghe cha, mẹ, ông bà ngoại của thầy nói về cái chữ tối hệ trọng đến vậy. Mà nó hệ trọng thật. Không có chữ, con người ta bé nhỏ trước tất cả dưới gầm trời này, và người không có chữ sẽ mãi mãi là vật sai khiến, vật hy sinh của bọn thống trị. Cho nên, các trò được ngồi học là phải tự hỏi mình: Học chữ để nên người, giúp dân cứu nước hay để được vinh thân phì gia?

Trống ra chơi điểm từng tiếng. Bóng nắng xao động theo chân của đám học trò chạy nhảy tung tăng trên sân trường.

Nắng trưa trải dài trên con đường xanh xa.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành từ nhà em Lê Trung Liệt đi ra phố. Đám học trò theo thầy tới thăm mẹ bạn Liệt đã tản về các ngả đường. Thầy Thành đi về phía bờ sông Cà Ty gần gần chợ. Một tiếng đàn bầu của người hát rong cất lên ai oán. Thầy Thành khựng lại. Không định dừng lại nghe đàn nhưng thấy cái thau đựng tiền của người hát rong chưa có một đồng nào, thầy Thành lần trong túi lấy ít tiền còn lại biếu người hát rong. Thấy ông giáo trẻ cho tiền người hát rong, mấy người luống tuổi đang đứng nghe và cả người đi ngang qua lần lượt bỏ vào thau những đồng tiền kẽm, đồng hào trắng… Nhìn vào thau đã có cái ăn cầm hơi cho người mù hát rong, thầy Thành cảm thấy lòng mình âm ấm và bước đi nhẹ gót chân hơn. Nhưng dòng suy nghĩ của thầy trĩu nặng về hình ảnh ông Xẩm ở quê nhà. Và những năm tháng lớn lên, thầy nghiệm thấy điều ông Xẩm nói càng có lý: “Mắt mù không đáng sợ bằng mắt sáng mà tim mù”. Bởi lẽ, người ta bị mù mắt thì khổ trăm đường, ai cũng có thể ăn hiếp được. Nhưng kẻ mắt sáng mà tim mù thì sẽ đem lại những tai họa ghê gớm cho bao người và ở trên đời này, cái bọn mắt sáng mà tim mù đâu có ít?

o0o

Lại một mùa hè nữa đến với thầy giáo Nguyễn Tất Thành Nước da của thầy đã nhuốm nắng miền cực Nam Trung Bộ.

Một buổi trưa. Thầy giáo Thành ngồi đọc sách. Tiếng chim ngoài vườn xanh um tùm vọng vào. Lòng bồn chồn, ngồi không yên, thầy cầm trên tay cuốn sách, dạo bước quanh “Ngoạ du sào” (83). Nhìn qua bên kia vườn cụ Nguyễn Thông, thầy thấy một em bé đang trèo khế hái trộm quả, một em đứng dưới “canh gác”. Thầy chau mày, mỉm cười: Trò Tây và trò Phùng rồi. Hai trò to đầu này chẳng chịu ngủ trưa, lẻn đi hái trộm khế. Bà ấm Lội biết được thì rầy to!

Thầy Thành gập cuốn sách lại, khoan thai đi sang vườn khế. Từ Trường Phùng thấy thầy giáo Thành vội vàng đưa ngón tay lên miệng định "báo động" cho Nguyễn Thành Tây đang ở trên cây, nhưng thầy Thành đã khoát tay ngăn lại. Phùng đứng khép nép vào gốc cây, sợ hãi. Thầy Thành đến gần, nói nhỏ nhẹ:

– Bạn Thành Tây của trò đang ở trên cao, trò đừng làm vậy mà bạn ấy hốt hoảng nhảy đại xuống lỡ gãy chân gãy tay, rõ chứ trò?

– Dà… ạ. Từ Trường Phùng đã hết sợ hãi vì thầy Thành không mắng một lời nào. Thầy còn dặn: "Ráng đợi cho trò Tây xuống đất rồi hãy đến".

Nguyễn Thành Tây từ trên cành cao bước xuống với hai túi áo đựng khế đầy căng. Vừa đặt chân xuống đất, trò Tây đã thấy thầy giáo Thành đi tới, chân em đứng không vững, mặt tái mét, mắt nhắm chờ mấy cái bợp tai của thầy. Song, một tiếng nói ấm áp:

– Trò ngồi xuống chỗ có bóng mát kẻo mỏi chân.

Nguyễn Thành Tây thở phào nhẹ nhõm, hai mắt em mở to, nhìn thầy giáo Thành e ấp một niềm cảm kích, biết ơn.

Thầy Thành ngồi giữa hai người học trò bên gốc cây khế. Thầy ôn tồn hỏi:

– Trò Phùng hay trò Tây bày ra chuyện đi lấy trộm khế?

-Dạ thưa thầy, con ạ.

– Dạ, thưa thầy cả con nữa ạ.

– Thầy biết việc này là cả hai trò rồi, nhưng thầy muốn hỏi rõ trò nào đã nêu ra trước?

– Thưa thầy con ạ. Chính con đã rủ bạn Phùng ạ.

Thầy Thành đặt tay lên vai Nguyễn Thành Tây, nét cười thoáng trên môi, thầy nhìn tập sách cuộn tròn cặp trong nách Tây hỏi thân mật:

– Trò có cuốn sách chi đó mà lại cuộn tổ sâu vô nách vậy?

Tây lấy cuốn sách từ nách ra, hơi luống cuống.

Phùng nhìn Tây nháy mắt, cười. Tây nói:

– Thưa thầy sách thơ Lục Vân Tiên ạ.

– Trò đã đọc được tới đâu rồi?

– Thưa thầy con vừa mới đọc được ít thôi ạ.

– Đọc đến dòng nào chỉ thầy coi.

– Đây ạ. “Trai thì trung hiếu làm đầu”.

– Trò có hiểu nội dung câu thơ này không?

– Con hiểu được phần nào ạ.

– Trò nói cho thầy và bạn Phùng nghe điều trò hiểu đi nào.

– Dạ. “Trung hiếu làm đầu” có nghĩa là trung thành với vua, hiếu thảo với cha mẹ.

Thầy Thành quay hỏi Phùng:

– Trò thấy bạn Tây giải thích vậy đã đúng chưa?

– Thưa thầy, con cũng hiểu như bạn Tây ạ.

– Các trò hiểu chữ trung, chữ hiếu như vậy là đúng, nhưng còn cạn, còn hẹp. Ta phải hiểu rộng hơn. Ấy là lòng trung thành với Tổ quốc, lòng hiếu thảo với cha mẹ, với đồng bào… Bởi vì mỗi người chứng ta sống trong một rường mối liên quan từ trong gia đình ra tới họ hàng, làng nước. Các trò phải ôn lại bài học "vua Hùng dựng nước" mà thầy đã giảng ở lớp. – Thầy Thành nhìn vào hai túi áo Nguyễn Thành Tây đựng đầy khế.

– Hai trò rủ nhau đi lấy trộm khế là phạm lỗi gì?

Cả hai em mặt đỏ bừng, đáp:

– Chúng con lấy trộm của người khác là không hiếu thảo với đồng bào ạ.

– Biết việc làm sai, phạm lỗi thì nên xử trí thế nào?

-Thưa thầy từ nay chúng con không bao giờ làm như vậy nữa ạ.

– Phạm lỗi, dám nhận lỗi và sửa chữa lỗi lầm là một nhân cách, là biết đạo làm người. Giờ thì thầy đưa hai trò đến nhận lỗi gia đình thầy ấm Lội. Mặc dầu không một ai trong nhà thầy ấm Lội biết việc này, nhưng ta có lỗi lương tâm ta thúc giục ta sửa lỗi.

Nguyễn Thành Tây bưng một mũ khế, cả ba thầy trò đi dưới vườn cây mát rượi tiếng ve sầu. Thấy hai cậu học trò mặt buồn xỉu, thầy Thành động viên:

– Các trò có thích chơi ve sầu không?

– Chúng con thích ve sầu lắm, thầy ạ.

– Các trò thấy ở ve sầu có tính gì đặc biệt nào?

Nguyễn Thành Tây giọng nghịch ngợm:

– Thưa thầy giống ve sầu chống đối việc bắt nó bằng cách đái một bãi vào tay ạ.

Cả ba thầy trò cười thoải mái. Từ Trường Phùng nhận xét:

– Thưa thầy, ve sầu có đặc tính kêu dai suốt cả mùa hè ạ.

Thầy Thành tươi cười:

– Các trò có con mắt quan sát, tốt lắm. Riêng thầy thấy giống ve sầu còn có một tính riêng biệt, rất là thú vị đó là tính hay "xấu hổ", cứ úp mặt vào thân cây mà than vãn cả mùa hè.

Tiếng cười khúc khích của ba thầy trò Nguyễn Tất Thành hòa vào âm thanh ve sầu bồng bềnh theo gió xanh sắc biển xa…

o0o

Cơn mưa đầu mùa đến miền cực Nam bất chợt, ngắn ngủi. Đất khát. Nước mưa ít như nước đái ve sầu, chẳng thấm tháp gì.

Các thầy giáo và học trò trường Dục Thanh phải gò lưng khiêng nước ao tưới cho hàng cây trồng quanh sân, vườn trường. Các ông Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng, sáu vị sáng lập công ty Liên Thành và "Hội đồng bảo trợ" trường Dục Thanh đến thăm một buổi "lao động chấn hưng trường ốc". Cả sáu ông đều ngạc nhiên: thầy giáo Nguyễn Tất Thành, con trai quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, mà

gánh nước đi dẻo như người gánh cá tươi chạy chợ trưa vậy. Những cô gái con các nhà có chân trong công ty Liên Thành cùng "nhìn trộm" thầy giáo Thành gánh nước tưới cây. Bà Hồ Tá Bang với con mắt người mẹ hằng kén rể thì nhìn thầy Thành "người mảnh khảnh, da trắng, môi đỏ như gái cấm cung, ăn không gắp nặng đũa mà gánh gồng chất nặng đầy vai! Lại còn trí khôn trước tuổi"…

Từ ngoài vườn trường về, thầy giáo Thành ngồi nghỉ bên thềm, hai mắt mơ màng dõi theo đàn bồ câu đang bịn rịn trên sân, bóng cây in xuống sân như mảnh gấm hoa đen. Thầy lại bồi hồi nhớ về một buổi sáng tiễn cha từ Huế đi Bình Khê, đàn bồ câu và những bóng cây trên sân lưu luyến theo người… Ông già đầu bếp rón rén đến bên thầy:

– Mời thầy vô nhà xơi cơm ạ.

– Cảm ơn chú Tám.

Thầy Thành ngồi vào bàn ăn. Ông già đầu bếp nhấc chiếc lồng bàn đưa xuống nhà dưới. Trước mặt thầy, chiếc mâm thau bóng loáng, đôi đũa son, cái bát kiểu đặt bên những món ăn thanh đạm: đĩa cá kho, tôm rim mặn với thịt và bát canh rau. Thầy Thành vừa xới cơm vào bát, ông già đầu bếp bước vào:

– Thưa, có người lạ đến tìm thầy ạ.

Hai mắt thầy Thành ánh lên vẻ ngạc nhiên:

– Nhờ chú Tám mời ông vô giùm cho, được chứ chú Tám?

– Hay là thầy… – ông già Tám ngập ngừng nói – thầy cứ việc cơm nước đàng hoàng, tôi sẽ mời ông ta vô nhà dưới ngồi đợi ạ.

– Chắc ông ta từ xa đến… để người ta đợi mình lâu, không nỡ, chú Tám ạ.

Một người quần áo vá chằm, làm cái nón che đằng trước đầu gối, rón ra rón rén đi theo ông già Tám. Thầy Thành từ trong nhà bước ra, đon đả hỏi:

– Mời ông vô. Ghế đây, mời ông ngồi tự nhiên.

Ông khách thở phào nhẹ nhõm khi thấy người thầy giáo trẻ măng, con quan mà cư xử với ông niềm nở, quý mến chứ không coi khinh ông rách rưới thất thểu đi kiếm ăn. ông ngồi xuống mép ghế. Thầy Thành hỏi:

– Ông từ đâu đến và có việc chi cần gặp tôi ạ?

– Bẩm cậu ấm…

– Xin ông đừng bẩm, – thầy Thành nói – ông cứ nói bình thường. Tôi chỉ bằng tuổi em út của ông thôi.

– Thưa cậu ấm, con từ ngoài huyện Bình Khê vô đây. Có thư của quan huyện gửi đến cậu ấm đây ạ.

Thầy giáo Thành đỡ phong thư, nhác thấy hai bàn tay ông khách quặt quẹo, nhưng không tiện hỏi, môi hơi mím lại kìm sự xúc động. Thầy nói:

– Ông từ xa đến đây, gặp bữa, xin mời ông cùng xơi cơm với tôi.

– Dạ, bẩm cậu ấm, cậu nhân đức quá!

Thầy Thành đi xuống nhà dưới, lúc trở lên có cả ông già Tám mang lên theo đũa bát, mấy món ăn thêm. Ông khách vẫn còn sợ

sệt, con mắt đói khát nhưng không dám gắp mạnh dạn. Thầy Thành vừa gắp lên bát cho khách vừa phân trần:

– Ông cứ ăn tự nhiên. Ăn nhiều thức ăn. Ở Phan Thiết đây chẳng thiếu cá tôm đâu. Tôi vốn ăn ít đã thành thói quen rồi. Ông đừng vì tôi ăn ít mà e ngại…

Sau bữa cơm, ông khách ngồi uống nước ở bàn trà. Thầy Thành tựa tràng kỷ xem thư của cha gửi đến. Dáng thầy ngồi đọc thư cha rất kính cẩn, hai nét mày luôn chuyển động và lá thư trăn trở trên.bàn tay. Thầy lại cầm phong thư của cha gửi ông Hồ Tá Bang:”Hàn sĩ Nguyễn Sinh Huy kính thư Hồ Tá Bang tiên sinh”.

Thầy Thành bước đến bàn trà, giọng chân thành:

– Tôi sẽ trao thư của cha tôi tận tay ông Hồ Tá Bang. Tôi cũng sẽ thưa chuyện giúp ông với ông Hồ để ông được vào làm công trong công ty Liên Thành như cha tôi dặn trong thư.

– Bẩm cậu! – Người khách cảm động nói líu cả lưỡi. – Phúc phận cho nhà con rồi! – ông chìa hai bàn tay tật nguyền: – Cậu ấm coi, kiếp làm người của con vầy đây!

– Bàn tay ông sao vậy?

– Bẩm cậu ấm, – ông vẫn quen thưa bẩm – vì con không có tiền nộp thuế. Đám hào lý ở xã con tịch thu bò cày của con. Con chống cự, bị họ bắt giam và họ lấy giẻ tẩm dầu lạc quấn vào hai bàn tay con rồi châm lửa đốt mới nên nông nỗi này.

Thầy giáo Thành hai tay ôm lấy đầu, mắt như có màng mây che tối lại, bàn chân thầy xê dịch trên nền nhà. Tiếng ông khách kể như những giọt nước mắt nhỏ xuống đều đều:

– Bọn hào lý áp giải con lên huyện và vu cho con “tội đào ngạch, khoét vách ăn trộm của nhà giàu, bị người ta bắt và chịu hình phạt tẩm dầu đất đôi bàn tay đạo tặc”. Nhưng, quan tri huyện Nguyễn Sinh Huy đã như một ngọn đèn trời soi tỏ được nỗi oan khốc của con. Quan đã cấp cho con một tờ phóng thích: “vô tội bất can miễn chấp”. Con về nhà được ít lâu thì vợ và hai đứa con đều chết trọi! Con định đi sang làng khác kiếm sống nhưng hào lý không cấp thẻ thuế thân cho con. Con lại đánh đàng lên quan huyện xin được quan che chở. Thiệt là phước bảy đời để lại cho con. Quan lớn không một tí ngần ngại chi, quan viết thư đưa cho con, cho con tiền ăn đường và dặn: “Anh cầm thư này đi vô Phan Thiết. Con trai tôi đang dạy học ở trường Dục Thanh. Anh phải đi thật xa như vậy mới có thể yên thân được. Vì tôi sẽ không còn ngồi ghế tri huyện này nữa mô”. Quan còn nói: “Làm quan theo thời thì mất phúc đức to. Tôi sẽ đi cắt thuốc chữa bệnh giúp dân là phải hơn cả… “

Thầy giáo Thành vuốt lại mái tóc, đứng dậy, nói:

– Mời ông, ta sang văn phòng của công ty Liên Thành. Ông Hồ Tá Bang giờ này thường ở bên đó.

Hai người bước ra sân. Sương chiều ngoài cửa bể như những tấm lụa trắng và phơn phót hồng bay vào thành phố hoàng hôn…

o0o

Một ngày chủ nhật.

Nước thủy triều ròng kiệt. Cửa bể Phan Thiết trải một màu nâu bầm. Bãi biển lùi rộng ra xa. Từng đàn chim biển lên phơi nắng, xòe những đôi cánh trắng phau giữa thềm cát mịn màng. Những con còng, dã tràng lên dày như mắt sàng.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành đưa học trò đi chơi biển, học tập ngoài trời. Thầy mặc áo sơ-mi cộc tay, quần soóc đều màu trắng, đội mũ cốt bần lợp vải quét phấn trắng, chân đi giày băng-túp. Đám học trò con trai cùng mặc đồng phục như thầy giáo. Hai cô nữ sinh mặc áo dài màu trắng…

Ra khỏi phố, thầy trò leo lên những động cát. Trèo lên được hai ba bước lại tuột xuống một bước. Nhiều em lên được ngọn động, níu tay nhau ngồi bệt xuống, cát chuồi tuột xuống chân dốc, các em cười khoái chá. Hai cô nữ sinh thì mải mê tìm các vỏ sò vỏ ốc có hình thù và màu sắc vân dạng kỳ thú…

Thầy Thành bâng khuâng nhìn. biển nước ròng, bờ xa nắng trải những cồn cát, nương dâu liền một dải chân trời. Thầy cảm nhận những cánh buồm mọc thẳng trên nền biển xanh có sức kêu gọi con người đứng dậy mà đi tới. Thầy gọi học trò đến ngồi xưng quanh trên động cát có bóng cây cổ thụ. Thầy hỏi:

– Các trò có biết tại sao người dân chài lại trồng các loại cây cao to, có rễ sâu, tán rộng trên bờ biển không?

– Thưa thầy, để có bóng mát họ ngồi chơi như thầy trò ta đang ngồi ạ. Một em khác nói:

– Họ trồng cây to trước cửa bể để lấy gỗ đóng thuyền, làm chèo, làm lái ạ…

Thầy Thành cười. Các em nhìn nhau cười khúc khích. Thầy ôn tồn nói:

– Các trò nói có phần đúng. Nhưng các trò phải hiểu là loại gỗ dùng đóng thuyền, làm chèo, làm lái phải là loại gỗ ít ngấm nước,

nhẹ mà dẻo mới được. Còn những cây người ta trồng trước cửa bể là cốt để làm “cột tiêu” cho thuyền bè lúc trở về bến.

Thầy chỉ tay ra phía xa khơi:

– Các trò có thích những cánh buồm đi khơi kia không?

Trò Nguyễn Thành Tây vẻ nghịch ngợm:

– Thưa thầy, nhường hai bạn “quần thoa” vốn có nhiều cao kiến nói về cảm tưởng cánh buồm trên biển ạ.

Hai cô nữ sinh mặt đỏ dừ, tay cầm con ốc chông vẽ vẽ trên cát. Đám con trai cười, nháy nháy mắt nhau. Thầy Thành gõ gõ lên đầu em Tây:

– Lại trêu chọc bạn, thầy sẽ phạt ngồi nhà như lần đi chơi núi mới rồi đó nghe.

Nguyễn Thành Tây cười tủm tỉm. Cả đám học trò đua nhau nói những cảm nghĩ của mình về cánh buồm trên biển cả. Có em đã tưởng tượng:

– Thưa thầy con thấy biển là một trang vở lớn mà buồm là chữ “A”.

Một em khác nói tranh:

– Cánh buồm là dấu than (!) trên trang vở biển nữa, thưa thầy…

Thầy Thành cười:

– Các trò ạ, người ta ví:

Chí làm trai tựa cánh buồm biển cả,

Tấm lòng già như cây lớn quê hương

Nghe thầy Thành đọc hai câu thơ, các em hết nhìn ra biển lại ngước trông lên ngọn cây. Thầy nói, vẻ đầy tin tưởng:

– Thầy vừa qua tuổi thiếu niên, thầy đọc cho các trò nghe một bài thơ mà thầy đã thuộc cách đây vài năm.

Có em hỏi:

– Chúng em chép vào các-nê (sổ tay) có được không, thưa thầy?

– Được. – Thầy đọc chầm chậm:

Hú hồn thiếu niên

Ngồi ngẫm chuyện năm châu trên trái đất,

Sóng văn minh dồn dập nổi phong trào.

Kìa như ai người thì khôn, sức thì mạnh, đất thì rộng, của thì nhiều,

Trời há lẽ riêng chi một cõi!

Sao ta cứ dã man quen thói,

Khom thân nô mà luồn cúi dưới cường quyền?

Hú ba hồn các chú thiếu niên!…

Một ông lão vai vắt tấm lưới từ trong xóm chài đi ra, theo sau ông là đám trẻ con không áo, không quần, lấm lem đất cát.

Thầy Thành nói nhỏ với các em:

– Lúc khác thầy sẽ đọc tiếp cho các trò nghe những bài thơ, bài ca mới mà thầy đã thuộc. Giờ thầy trò mình đến bắt chuyện với ngư dân, họ sẽ kể cho nghe vô số chuyện lạ trên bể…

Nhìn thấy thầy Thành, ông lão giơ tay quá đầu, nói oang oang:

– Ồ! ồ! Thầy giáo ở trong phố. Chào thầy.

– Cháu chào cụ. Hôm nay biển lặng mà cụ nghỉ nhà, hả cụ?

– Ờ… Ờ… Đáng lẽ đã ở ngoài khơi, biển bữa nầy lặng như ao. Nhưng vàng lưới bọn tui bị mập và cá nóc nó cắn, nhiều tấm rách quá trời, phải nghỉ đến mấy ngày vá víu đã thầy giáo ạ.

Mấy đứa trẻ đứng đằng xa nhìn đám học trò áo quần trắng đẹp, vẻ thèm khát, không dám đến gần.

Thầy Thành hỏi ông lão:

– Cháu định đưa học trò vô xóm để các cụ, các ông nói cho nghe những chuyến đi khơi, về lộng, tháo động vượt bão ạ.

– Trong xóm bữa nầy hổng có ai ở nhà đâu. Những ông cùng thuyền với tui cũng đang đi mỗi người một việc. Chỉ còn tui vừa vá lưới, vừa ra coi thuyền, chờ nước ròng đưa thuyền xuống theo. – ông nhìn ra phía xa, nói: – Để hôm biển động, mời thầy đến xóm chài bầy tui, muốn nghe mấy cũng được. Chuyện đi biển kể mấy ngày, mấy tháng cũng chẳng hết, thầy ạ.

Ông già đi thủng thỉnh xuống thuyền. Thầy Thành dẫn đám học trò đi lại chỗ mấy đứa bé trần trùng trục ngồi bệt dưới cát. Thấy

người lạ, mấy đứa nhỏ sợ, vùng ra khỏi cát, chạy lùi từng bước, có hai em nhỏ tuổi nhất đứng im nhìn… Thầy Thành cười, nói:

– Chẳng ai làm gì các em đâu mà các em sợ. Các em đến đây, thầy và các anh, các chị cho kẹo.

Mấy em lớn máy máy bàn tay mềm mại, đám trẻ trở lại gần bên thầy Thành và các anh chị học sinh… Thầy Thành đưa gói kẹo cho hai nữ sinh phát cho các em. Thầy đứng nhìn mấy em gầy ốm bé nhỏ nhất trong đám trẻ. Thầy hỏi:

– Em bé này chắc nhà đói lắm, phải không?

– Thưa nhà nó đói, đói dữ, má nó vừa mới chết ạ.

Thầy Thành sập mi mắt xuống, lông mày rung rung. Thầy ngồi thụp xuống, bế xốc em bé lên vai. Nó hơi hốt, hai chân chuồi chuồi, lấm cả vạt áo trắng trước ngực áo thầy. Thầy dỗ dành:

– Về nhà em… thầy sẽ cho em nhiều kẹo mà.

Thầy Thành bế em bé mồ côi cùng với các em học trò đi theo đám trẻ về xóm chài.

Khi qua giếng thơi, thầy đặt em bé mồ côi xuống. Mượn được một số gàu, thầy và trò múc nước tắm cho đám trẻ. Hai nữ sinh cuốn gọn tà áo dài quanh người, múc nước giội cho em bé nhất. Thầy Thành vừa kỳ cọ cho các em, vừa dặn:

– Ngày ngày các em phải tắm cho sạch. Ăn uống đã khổ, người lại bẩn thỉu thì không lớn, không khỏe mạnh được. Ba má bận đi làm chài, đánh lưới thì em lớn tắm cho em nhỏ. Ở cùng xóm phải giúp đỡ nhau…

Một số bà con trong xóm thấy chuyện lạ chạy ra, nói bô lô ba la một chập: “Trời đất! Trời đất!… Mấy thầy, mấy cậu, mấy cô tốt bụng… tốt bụng quá lận. Có đời thuở mô người trên tỉnh sang trọng lại xuống cái xóm mường nước mặn này… Cho con nít kẹo,tắm gội cho chúng nữa nhớ! Hiếm thấy! Hiếm thấy trên trần gian đó nghe…”

Bà cụ già móm mém nhìn những vết lấm lem trên áo thầy Thành cụ cười một nụ cười héo hắt chỉ còn lợi. Cụ cầm một miếng trầu, đặt vào thành giếng, trở sống dao dần dần. Thầy Thành đỡ lấy tay cụ:

– Để cháu nhai giùm cụ, giã kiểu này đã không mềm mà ăn lại lạt lẽo.

Bà cụ ngạc nhiên, hai mắt nhìn thầy Thành chằm chằm:

– Răng thầy trắng ngọc, trắng ngà mà thầy rành cả việc nhai trầu?

– Cháu thường nhai trầu cho bà ngoại của cháu, cụ ạ.

– Thầy thương trẻ quý già. Lạ lùng lắm! Ước chi ông quan đầu triều, đức vua đầu nước có lòng thương người như thầy thì cánh dân đen bầy tui được mát mặt đôi ba phần!

Thầy Thành chắp tay xá xá bà cụ và những người xóm chài. Trên đường về, thầy Thành nói với học trò:

– Các trò thấy đó, bà cụ sống trên cửa bể nầy đã rụng hết răng mà cũng không sắm nổi chiếc cối giã trầu. Cảnh dân mình khổ vậy đó. Thầy đi từ ngoài xứ Nghệ vô đây, nơi nào thầy cũng thấy người dân sống lầm than, tối tăm, nhục nhằn! Thầy nghĩ là chúng ta học cái chữ để biết được điều hay lẽ phải trên đời và theo thầy, trước hết là học để biết và làm được những việc ích nước lợi dân…

Từ trong xóm chài cất lên tiếng võng đưa và tiếng ru con:

Sớm Nam rồi đến chiều nồm,

Anh đi để lại biển buồn cho em…

———

Chú thích:

(83) Ngôi nhà của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông. Nhà thơ ví cái nhà của mình như tổ chim yến là nơi nằm chơi, ngâm thơ bình văm với các bạn đồng chí đồng tâm.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương II - Thời Niên Thiếu - Phần 11

Thị xã Phan Thiết tắm nắng hoàng hôn. Cửa biển phơn phớt hồng. Chân trời Tây như đám cháy lớn. Những đám mây ngũ sắc trải đều khắp bầu trời. Từng đàn dang sải cánh bay ngang trời như những mũi tên khổng lồ xỉa về hướng Tây. Những đám trẻ con nô đùa dưới sân, nhìn lên trời bắt chước đàn chim dang, nắm tay nhau nhảy lò cò, hát líu lo:

Dang dang díu díu

Cánh níu níu nhau

Bay thiệt là mau

Qua trời qua bể.

Thầy giáo Thành đi dạo phố một mình, mắt lắng sâu những điều đang thầm nghĩ… Nhìn đám trẻ nhỏ nhảy nhót hát ca, thầy Thành thấy niềm vui của các em lan vào lòng mình dìu dịu. Thầy cố lưu lại niềm vui nho nhỏ ấy trên dọc đường đi dạo ban chiều.

Bên bến sông. Thuyền đậu san sát, gối mũi lên bờ. Có những con thuyền vừa cập bến, hoàng hôn nhuộm thắm cánh buồm. Thầy Thành đưa mắt quan sát từng con thuyền từ các phương xa tới ăn nước mắm Phan Thiết Thuyền từ Sài Gòn, Gia Định, Sa Đéc, An Giang, Huế, Hà Nội… cập bến. Thầy Thành dừng bước trước mũi

những con thuyền từ Sài Gòn, Gia Định, Sa Đéc, An Giang, Huế, Hà Nội… cập bến.

Thầy Thành dừng bước trước mũi những con thuyền từ Sài Gòn ra. Trên thuyền vắng vẻ, mọi người đã đi chơi phố, chỉ còn lại một người gác thuyền. Thầy Thành dạo bước dọc theo bờ sông, nhưng mắt vẫn đoái trông về những con thuyền đã trải qua muôn trùng sóng nước vừa ghé bến nghỉ ngơi.

Người gác thuyền nhìn lên bờ thấy thầy giáo Thành thì ngờ ngợ như đã được gặp ở đâu rồi. Anh ta nháy lên bờ, chạy theo thầy Thành:

– Thưa… thưa thầy thầy ký!

Thầy Thành ngoái về sau, dừng bước:

– Anh gọi ai?

– Thưa thầy ký… tôi trông thầy quen lắm, hình như đã được gặp thầy ở một chỗ mô rồi.

– Tôi dạy học ở đây. Tôi không phải là thầy ký, thầy thông.

– Dạ… dạ, thưa thầy giáo, thầy dạy trường Dục Thanh ạ? Ồ! Quý hóa quá. Thầy dạy học ở trường của các nhà hằng tâm hằng sản.

– Anh gọi tôi có chuyện gì không?

– Dạ… bẩm thầy…

– Ấy chết! – Thầy Thành đỡ lời. – Anh đừng thưa bẩm, tôi với anh đâu có khác gì nhau.

– Thưa thầy giáo, tui là phu khuân vác bến cảng Nhà Rồng. Thỉnh thoảng mới đi một chuyến ra đây ăn nước mắm. Tôi nhìn thầy rất quen mà chưa nhớ ra được.

Hai người bước dọc bờ sông. Trăng rằm ửng lên màu hoa mướp. Dòng sông loang loáng ánh bạc. Người phu thuyền thỉnh thoảng nhìn thầy Thành như để tìm kiếm nhớ lại một kỷ niệm xa xôi. Anh dè dặt hỏi:

– Thầy có ra Huế lần mô không?

– Tôi đã học ở Huế.

– Rứa thì – người phu thuyền xoa xoa hai bàn tay – thầy học ở Huế năm mô hề?

– Tôi ở Huế khá lâu. Tôi mới xa Huế cuối 1908 vô đây.

Người phu thuyền dừng bước, hai tay ôm chầm lấy cánh tay thầy giáo Thành:

– Thầy giáo ơi! Đúng là đây rồi. Tui đã không lầm. Thầy là người đã cứu tui lúc bị bọn lính Tây đánh dập đầu. – Anh vén tóc: – Đây nì, vết sẹo ở góc trán ni, tôi quên răng được người học trò đã xé áo của mình băng bó cứu tui… Đúng thầy là ân nhân của tui.

Thầy Thành đã nhớ ra người bị khủng bố trong cuộc xuống đường đấu tranh ở Huế hiện đang đi bên cạnh, nhưng thầy vẫn giữ thái độ bình thản.

Thầy nói:

– Gặp cảnh ấy, với bất cứ ai còn nhớ nghĩa đồng bào thì đều xắn tay vào cùng chia sẻ. Cho nên, anh đừng coi người đã làm việc đó là ân nhân của mình…

– Thầy là người quân tử "thi ân bất cầu báo". Phần tui người được cứu giúp thì phải biết nhớ ơn, nhớ cả đời mình. – Anh chân thành và khẩn khoản: – May mắn cho tôi được gặp lại thầy tại chỗ ni. Xin mời thầy quá bộ xuống thuyền tui để được hầu chuyện với thầy cho thỏa cái bụng của tui. Hiện thời dưới thuyền không có ai cả.

Thầy Thành bấy lâu ở Phan Thiết mà lòng đang ấp ủ một dịp đi thẳng vào Sài Gòn. Đây là cơ hội hiếm có. Thầy vui vẻ xuống thuyền và thân mật dặn:

– Tôi đã dự định đi vô Sài Gòn, rất muốn biết hiện tình trong đó ra sao. Nhưng anh đừng vội nói với ai việc tôi sẽ đi vô trỏng nhá.

– Thầy giáo cứ vững tin ở cái bụng tui. – Anh chỉ tay vào ngực mình. – Tư Lê ni đã một lần đổ máu bên cầu Tràng Tiền, thầy là đấng cứu khổ cứu nạn của tui từ lúc đó…

Hai người ngồi trên sạp ở khoang lái. Mũi thuyền vẫn gối lên bờ sông. Bóng cây in xuống dòng sông vàng ngời ngợi. Tư Lê lấy ra một chai rượu và hai chiếc chén con, cầm trên tay ly rượu sóng sánh ánh trăng, giọng xúc động:

– Thầy giáo ạ Cái phận tui khổ nhục từ tấm bé. Mệ cha nghèo, có được ít sào ruộng, lệnh quan trên xuống trưng mua để xây công sở chi đó, họ cho được một ít tiền. Cha tui đưa vợ con ra kinh thành kiếm sống. Chưa tìm được việc làm, cha tui ngộ bệnh chết. Mệ tui với hai bàn tay trắng, lại một nách hai con, sống vất vưởng ở giữa

nơi kẻ chợ… Tui phải đi mần mướn từ lúc mới mười bốn tuổi. Hôm tui theo những người đi đòi bỏ xâu bỏ thuế ở Huế là vừa tròn mười tám tuổi thôi. Và sau lần bị khủng bố ấy, tui phải trốn vô tận Sài Gòn để kiếm ăn và tránh bọn cò tầm nã. Mệ và em gái tui ở lại Huế, thầy ạ…

Thầy Thành đặt bàn tay trên miệng ly rượu, đầu hơi cúi, tiếng nói buồn bã:

– Dưới cái gầm trời nước Nam mình sao toàn là cảnh đau khổ…

– Thầy giáo ơi! Ông trời cũng run rủi cho tui được gặp thầy. “Một lời thành bạn tương tri, một ngày nên nghĩa xướng tùy trăm năm”. Vậy xin thầy uống với tui một ly rượu lạt mừng cho cái phận tui còn có phước.

Thầy Thành nâng ly rượu, nói:

– Tôi không biết uống rượu. Gặp anh, quý mến tình anh, tôi uống với anh ly rượu dưới trăng đêm nay. – Thầy Thành đặt ly rượu xuống, tựa tay lên be thuyền, nói chậm rãi: – Anh Tư đã nói đến tình bạn tương tri, vậy tôi xin nói thật điều tôi đang ấp ủ.

– Trời đất! – Tư Lê thốt lên. – Thầy giáo hãy tin Tư Lê ni mà!

– Tôi tin nên mới ngỏ ý với anh là: buổi gặp nhau này tôi muốn kết bạn với anh và sẽ cùng anh vô cảng Nhà Rồng làm thợ.

– Trời trời! – Tư Lê nhổm người như muốn nhảy lên. Nhưng anh lại sững sờ: – Thầy là người có học thức rộng, làm nghề sang trọng, nhàn hạ, được mọi người trọng vọng, tội chi mà dấn thân vô đám cu li bầy tui?

– Tôi nghĩ là mình không thể nào tìm riêng cho mình một đời sống vương giả, trong lúc người dân xứ mình đang sống lam lũ, tối như đêm dày như đất, roi quan người ta trút xuống đầu, gậy quan người Tây nện xuống lưng và còn hàng trăm thứ áp bức, đè nén khác chồng chất lên thân họ.

– Trời…! – Tư Lê ôm chầm lấy thầy giáo Thành. – Tui xin rước thầy về với cánh thợ thuyền này! Cánh thợ xóm tui chơi được, thầy giáo ạ. – Anh nâng ly rượu vàng trăng: – Thầy ít uống thì cạn với tui ly này nữa, ta mừng cho tình đời thợ của ta bắt đầu…

– Từ giờ khắc này anh đừng gọi tôi là thầy giáo mà gọi tôi bằng tên thôi. Tên tôi là Thành, Nguyễn Tất Thành.

– Thầy đã cho phép vậy, tui sướng cái bụng quá. Nhưng thầy vốn là bậc đàn anh của tui.

Thầy Thành lắc đầu:

– Là bạn.

Tư Lê vẫn sôi nổi:

– Tui là thứ tư, muốn được gọi thầy là anh Ba. Anh Ba của tui, anh Ba của xóm thợ nay mai…

– Tôi nhận cái tên mà anh đã đặt cho. Nhưng tôi vẫn là bạn ngang hàng với anh chứ đừng xếp sắp ngôi thứ kẻ trên người dưới nó kỳ lắm.

Tư Lê giọng xúc động:

– “Một khi lòng đến với lòng, dù chênh dù lệch vẫn không nề hà”, anh Ba ạ…

Trăng đã ghé về Tây. Những người đi chơi phố đã lác đác trở về thuyền. Tư Lê tiễn anh Ba lên bờ. Trăng in bóng anh Ba thấp thoáng xa dần.

o0o

Tiếng trống trường Dục Thanh ngân trong sương sớm. Chim hải âu sải cánh trên cửa bể mù xa.

Học trò hăm hở vào các lớp. Từ trong phòng “từ hàn”, thầy Hiệu trưởng Nguyễn Quý Anh ngạc nhiên hỏi:

– Thầy Thành bữa nay đến muộn? Lạ quá! Chắc thầy mệt.

Một thầy giáo đỡ lời:

– Chắc là thầy có việc chi đó chứ chiều qua thầy vừa đến chơi, thăm hỏi gia đình các ông trong hội đồng quản trị công ty kia mà?

– Phải rồi. – Nguyễn Quý Anh nói. – Bữa qua, thầy Thành cũng chơi khá lâu ở bên nhà tôi lúc chập chiều. Thầy còn bàn với tôi việc lập thư viện của trường để học trò có nhiều sách đọc. Sau đó thầy sang bác Lội vừa đi công cán ở Mũi Né về.

Các thầy giáo đều đến đông đủ trong phòng thầy Hiệu trưởng, ai cũng ngỡ ngàng trước việc vắng thầy Thành.

Học trò ở các lớp cũng bắt đầu xôn xao:

– Thầy Thành đi đâu từ đêm qua?

– Thầy Thành bị ốm chắc?

– Thầy Thành gặp chuyện chi không lành?

Vừa lúc đó, ông Hồ Tá Bang đến, vẻ mặt buồn buồn. Ông đi thẳng vào phòng thầy Nguyễn Quý Anh. Các thầy giáo đứng xúm xít quanh ông, dọc hành lang; ngoài sân cỏ, học trò tụm năm tụm ba nhìn nhau, vẻ mặt em nào cũng ngơ ngẩn.

Ông Hồ Tá Bang nói thong thả:

– Mới tức thời tôi được tin người nhà cho hay, sáng nay thầy Thành không đến phòng trà dùng trà và ăn điểm tâm. Tôi đinh ninh thầy Hiệu trưởng và.các thầy đã biết được thầy Thành có việc phải đi?

Thầy Của băn khoăn nói:

– Gần đây tôi thấy thầy Thành tư lự nhiều, thầy thường đàm đạo hiện tình đất nước với các ông Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất. Tôi thỉnh thoảng cũng dự nghe.

– Tôi cũng ngờ ngợ cái điều mà thầy Của nhận xét: thầy Thành gần đây có một tâm sự khác với lúc thầy mới đến trường. Lúc nào thầy có chút thì giờ là bàn đến chuyện: có con đường nào cứu được, nước nhà thoát khỏi vòng nô lệ?

Ông Hồ Tá Bang định nói thêm điều gì thì ông già Tám, người chăm lo cơm nước cho thầy Thành, cầm hai phong thư chạy đến, vẻ mặt ngơ ngác:

– Các thầy ơi! Thầy Thành để thư lại trong phòng đây ạ. Mọi người dồn cả về phía ông già Tám.

– Thầy Thành để thư ở chỗ nào? – Thầy Hiệu trưởng hỏi.

– Thưa… tui lật gối lên thấy hai phong thư, tui không biết chữ, nhưng dám chắc là thư thầy Thành để lại tui cầm chạy vội tôi đây…

Thầy Hiệu trưởng đọc to lá thư của thầy Thành gửi lại Ban bảo trợ trường và các thầy giáo của trường. Mọi người ngồi lặng nghe. Thầy Hiệu trưởng Nguyễn Quý Anh nói:

– Việc thầy Nguyễn Tất Thành rời trường Dục Thanh ra đi theo tiếng gọi của,lý tưởng, đó là điều vui lớn chứ chẳng có gì để chúng ta phải băn khoăn.

Ông Hồ Tá Bang nói:

– Cái chậu thủy tinh nuôi được con cá vàng, không thể nuôi được giống cá côn. Chiếc lồng son nuôi chim họa mi, chim hoàng yến, không thể nuôi được chim đại bàng. Trường Dục Thanh của chúng ta không thể là nơi luyện chí anh hùng của thầy Nguyễn Tất Thành. Tôi đã cầm chắc cái điều ấy ngay từ những ngày đầu cậu ấm Thành bước chân tới đây…

– Để các trò khỏi phải chờ sốt ruột, tôi muốn mời Hồ tiên sinh công bố phong thư thầy Thành để lại cho học trò.

Tiếp lời thầy Hiệu trưởng, mọi người dồn mắt về ông Hồ Tá Bang.

– Phải rồi. Mời tiên sinh, mời tiên sinh tuyên độc (đọc) cho các trò nghe…

Học sinh từ các lớp dã xếp hàng tề chỉnh trên sân trường. Ông Hồ Tá Bang đứng trên thềm cao, phía sau ông là các thầy giáo. Ông

nói:

– Các trò nhớ bình tâm, tĩnh trí để nghe cho rõ rành những lời thầy Nguyễn Tất Thành để lại cho các trò trước lúc ra đi.

Mắt các em mở to chớp chớp, đợi chờ. Giọng ông Hồ Tá Bang sáng và ấm:

Các trò thân yêu! Thầy biết là các trò rất yêu mến thầy. Nhưng thầy không thể ở lại trường Dục Thanh dài hơn nữa, dạy thêm cho các trò những bài học, kể thêm những câu chuyện cổ tích, chuyện đời xưa cho các trò nghe. Thầy phải đi, đi rất xa. Ước mơ một ngày mai nước nhà độc lập tự do kêu gọi thầy dấn bước ra đi. Cho nên thầy để lại lời từ giã mà không tiện gặp đầy đủ các em trước lúc lên đường (Trong hàng ngũ các em có nhiều tiếng thút thít. Ông Hồ Tá Bang giọng đọc cũng nghẹn ngào). Thầy ra đi nhưng lòng vẫn hằng mong các em là những trò giỏi của trường, con ngoan của gia đình, ra đường biết kính người già, nhường em nhỏ, yêu quý mọi người…

Các trò thương mến, thầy đi xa, lòng vẫn nhớ, vẫn gần các trò. Thầy đã không kịp mua sách, thầy để lại hai đồng bạc góp vào quỹ thư viện trường Dục Thanh của chúng ta.

Chúc các trò tấn tới!

Hồn nước gọi chúng ta lên phía trước!

Ngày… tháng 10 năm 1910

Nguyễn Tất Thành

Ông Hồ Tá Bang và các thầy giáo bồi hồi nhìn học trò. Học trò mắt ướt nhìn ngẩn ngơ bốn phía kiếm tìm…

Những áng mây nhuộm nắng ban mai bay ra biển xa xăm.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 1

Thuyền chở hàng của Tư Lê từ Phan Thiết trở về Sài Gòn lúc đêm khuya. Mặt sông loang loáng bóng đêm, thành phố đèn điện sáng như sao sa. Anh Ba ngỡ ngàng hỏi:

– Đèn để sáng suốt đêm khắp các phố phường hả anh Tư?

– Dà… đèn đường thắp từ chạng vạng đến sáng ngày hôm sau đó, anh Ba.

– Thảo nào mà trên các báo họ không ngớt khoe: “Xứ Nam Kỳ trực trị” của nước Đại Pháp và “Sài Gòn là thành phố văn minh chẳng kém thành phố của các nước trên thế giới”.

– Tôi chưa được ra Hà Nội nên không rõ ở ngoài mở mang cỡ nào, chứ Huế vô đây thì Sài Gòn là thành phố Tây hóa số một, anh Ba ạ. Sớm mai về nhà chú già Đờn, sau đó tôi đưa anh đi coi phố. Giờ anh chợp ngủ lấy một lúc kẻo mệt, nghe anh Ba.

Đêm mùa khô, nằm trên sông nước Sài Gòn, anh Ba cảm thấy mát dịu như nằm trước cửa bể Phan Thiết đêm hè. Anh không có cảm giác một chút nào cái khí hậu mùa đông. Sang tháng mười, ở ngoài xứ Nghệ dịp này đã rét, gió Đông Bắc tràn về. Anh ngẫm về những lời Tư Lê nói: Sài Gòn không có thời tiết bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, mà chỉ có mùa mưa và mùa khô…

Một đêm khô qua đi nhanh chóng. Một Sài Gòn trần trụi, ồn ào bày ra và choán hết tầm mắt anh Ba. Trên lối về nhà ông già Đờn, Tư Lê đưa anh Ba qua bến cảng Nhà Rồng. Một sự xôn xao mới dấy lên trong tâm trí lúc anh Ba nhìn thấy những con tàu viễn dương sừng sững đậu trước cửa sông, nhả khói trắng lên bầu trời. Anh Ba níu lấy bàn tay Tư Lê, dừng lại ngắm những con tàu mà anh cảm thấy như từng dãy phố nổi nối nhau dằng dặc dài. Đằng mũi, sau lái con tàu hai cột buồm cao ngất nghểu, những dây chằng như bộ rễ cây đa cổ thụ cắm xuống đất sâu. Giữa tàu đột khởi lên một hình khối giống như một tòa nhà nhiều tầng mà nóc của nó là cái tháp chuông.

Anh Ba giọng bâng khuâng:

– Loại tàu cá mập này tuồn vào bụng nó vô số là người, là của, anh Tư nhỉ.

Tư Lê chỉ tay khắp cảng:

– Anh Ba coi, mọi sản vật ở xứ mình đều được đưa về đây để tuôn vô cái bao tử (dạ dày) loài cá mập ấy đó.

Anh Ba nhíu cặp lông mày, trước mắt anh hình ảnh những người thợ già thợ trẻ phụ nữ, trẻ em đông như kiến cỏ, quần áo bê bết đất cát, mồ hôi tràn qua mặt, đầm đìa xuống cổ cháy đen, và trên lưng họ những kiện hàng cao chất ngất.

Anh cảm thấy xót xa lúc một ông lão quấn chiếc khăn rằn, bộ râu sém nắng dài xuống ngực, cả đến cặp lông mày cũng bị nắng táp vàng hươm, mắt ông như muốn lồi ra mỗi lần ông gò lưng kéo chiếc xe bò chất đầy những bao bì căng như bụng bò chửa. Một thiếu phụ khoảng ngoài ba mươi tuổi đẩy sau xe ông lão. Vấp phải một đoạn

dây xích, bánh xe bị kênh nghiêng, một bao bì trên nóc xe lăn bịch xuống đất, đứt dây khâu, gạo đổ vung ra. Người thiếu phụ la: “Bể bao rồi, ba ơi!” Hai cha con ông lão hót vội gạo vào ban. Anh Ba và Tư Lê cũng chạy đến giúp một tay. Người thiếu phụ má ửng đỏ mắt e thẹn không dám nhìn thẳng hai người lạ giúp đỡ cha con mình. Ông lão vừa chạm bàn tay hót gạo, vừa nói:

– Ơn hai thầy quá. Thầy Hai coi nì… – ông vừa nói vừa chỉ tay về phía con tàu. – Mẹ chúng nó! Gạo xứ mình, chúng nó hết về nước chúng nó.

Một gã cao lớn, cầm gậy song uốn cong cổ hạc, mặt hằm hằm sấn đến, nói giọng Bắc:

– Đồ chó đẻ! Đồ chó đẻ! Chúng mày làm ăn thế này, ông sẽ cúp lương đừng có kêu oan.

Người thiếu phụ phân trần:

– Lỡ ra chớ ai muốn vầy mà thầy Hai la lối dữ vậy.

Tên cai giơ gậy dọa:

– Lỡ lỡ cái tổ cha chúng mày.

Người thiếu phụ lùi lùi, lưng tựa vào xe, đầu đụng phải đống bao, búi tóc bị sổ xuống, dải khăn rằn rơi lòa xoà quanh vai. Ông lão mím chặt môi, tay nắm; nhìn chằm chằm vào mặt tên cai. Anh Ba, Tư Lê cũng phẫn uất đứng sát bên ông lão. Tên cai hạ tay roi xuống, vẻ gờm mặt ông lão. Ông giơ hai cánh tay lực lưỡng ra trước mặt, bắp thịt cuộn lên như sóng lượn, ông gằn từng tiếng:

– Tụi qua (84) có phải chết thì cũng hết nhục, hết cái kiếp làm thân con bò. Các người ức hiếp quá lắm. Con giun xéo lắm phải quằn chớ.

Tên cai nhìn ông lão và liếc mắt qua anh Ba, Tư Lê, vẻ tẽn mặt. Có một tốp thợ khuân vác đang tới. Hắn sợ im lặng bỏ đi.

Anh Ba, Tư Lê giúp cha con ông già cột kín bao gạo chất lên xe rồi mới đi. Hai cha con ông lão vừa nói: "Đa tạ hai thầy" vừa nhìn anh Ba với vẻ ngờ ngợ vì một thanh niên tuấn tú, quần áo sang trọng mà lại "lạc bước" vào bến cảng này.

Anh Ba đi bên cạnh Tư Lê, nói:

– Anh Tư thấy chưa? Phải cứng đầu như ông già thì bọn cậy quyền cậy thế mới chùn tay ăn hiếp, anh Tư ạ.

– Cả đến bọn chủ Tây cũng nể mặt anh em phu cảng Nhà Rồng nầy chứ không dám hống hách như ở những nơi khác, anh Ba ạ.

Ra khỏi bến cảng, đi trên đoạn đường hành lang hình cánh cung, anh Ba băn khoăn hỏi:

– Sao không gọi là cảng Sài Gòn mà lại đặt tên là Bến Nhà Rồng, hả anh Tư?

Tư Lê vỗ vai anh Ba, chỉ lên nóc ngôi nhà lợp ngói vảy rồng. Trên nóc nhà có hai con rồng chầu mặt trời đắp bằng xi măng. Tư Lê giải thích:

– Đi trên bộ hoặc đi đường thủy, lúc gần vào bến, người ta nhìn thấy ngay ngôi nhà trên nóc có hình hai con rồng. Do vậy mà có tên là Bến Nhà Rồng, anh Ba ạ.

Anh Ba mỉm cười nhìn về Nhà Rồng: một đôi cu gáy từ trên ngọn cây dừa vừa chớp cánh lao xuống đậu lên đầu rồng giữa nóc nhà ám màu thời gian…

Qua những bãi rác sình lầy, con đường vào xóm càng vào sâu càng quanh co, gấp khúc, có nhiều nhánh rẽ hai bên như cái xương cá. Ở đầu một ngã tư, có mấy hàng xén, hàng quà… Đằng sau các cửa tiệm nho nhỏ ấy là những túp lều gối nhau như bát úp. Anh Ba hơi ngỡ ngàng với cái "thế giới hang chuột" này. Anh Tư Lê vui vẻ:

– Cây mận (cây doi) kia rồi. Nhà chú út có cây mận bự làm cột tiêu cho cánh thợ đi về không thể lạc được.

Anh Ba nghiêng nghiêng nhìn vào ngôi nhà nép gọn dưới bóng cây doi. Anh lần nhớ lại lời giới thiệu của Tư Lê về cuộc sống "gà trống nuôi con" của cha con ông già Đờn.

Chẳng mấy ai rõ tên ông già là gì mà chỉ quen gọi bằng tên người con gái út là Huệ. Nghe nói, ông là một người giàu có ở miền châu thổ sông Tiền, vì thua kiện bị phá sản. Vợ chết, hai người con trai cũng bị chết bệnh liên tiếp trong mấy năm. Ông buồn phiền bỏ quê nhà đưa con gái út lên sinh sống ở Bến Nhà Rồng. Vì ông đờn hay, anh em thợ gọi luôn là ông già Đờn. Ông làm phu khuân vác. Cô Út Huệ lo việc cơm nước cho ông và nấu cơm giúp cho một số công nhân không có gia đình. Thỉnh thoảng cô Út Huệ cũng ra cảng nhận việc làm công nhật với cha.

Anh Ba theo Tư Lê bước qua rãnh, rẽ vào cái ngõ hun hút như ống áo. Anh đứng khựng lại lắng nghe tiếng đàn nhị từ trong mái nhà tranh bay ra réo rắt. Tư Lê nói khẽ:

– Ông già Đờn đờn đó anh Ba. Lúc ông già đờn là lúc ruột gan ông bồi hồi, nước mắt thường đọng ngập bờ mi. Gặp lúc đó, đừng chào hỏi chi vì ông đang nhập thần vô cây đờn. Tôi đã thưa chuyện anh với ông và Út Huệ rồi.

Hai người bước vào nhà. Ông già Đờn ngồi xếp bằng trên cái sập gỗ, tay đang nắn nót cung đàn, mắt lờ đờ đảo nhìn và gật đầu đáp lễ anh Ba. Dưới nền nhà trải chiếc chiếu mộc, mấy anh thợ trẻ đang nằm gối đầu lên nhau, lưng trần đen như da chum. Họ đang ngậm trên môi điếu thuốc tổ sâu. Thấy Tư Lê đưa khách về, mặc dầu đã được báo trước, họ vẫn nhìn anh Ba với con mắt lạ lùng. Hai anh thợ ngồi dậy, tựa lưng vào vách, mắt vẫn nhìn anh Ba. Họ ngạc nhiên về một anh da, tóc, mặt mày, chân tay và áo quần thuộc lớp người "ăn trắng mặc trơn" mà lại lạc loài vào xóm thợ này! Nhưng có đôi mắt sáng, nhìn hiền và ấm áp làm cho lòng họ cảm thấy dễ mến và dễ gần. Út Huệ đang thổi cơm dưới bếp lấp ló nhìn lên nhà. Tư Lê đến cửa bếp, nói nhỏ:

– Cô Út cho anh Ba và tôi ăn cơm nghe.

– Thầy Ba, – Út Huệ thì thầm – thầy Ba học thức, kiểng trai quá trời mà… mà vô đây chịu nổi sao, anh Tư?

– Vậy mới là một người hiếm thấy chớ, cô Út.

Anh Ba vừa bắt chuyện với ba anh thợ vừa lắng vào trái tim mình tiếng đàn và lời ca của ông già Đờn: Kéo neo… kéo neo tàu chạy… Gạt nước mắt… nước mắt tiễn đưa… Thương người đi… người đi muôn trùng sóng vỗ….

Ông già buông lời ca, tay đàn, ngồi thừ và nhìn đau đáu ra ngõ hẻm. Ông treo cây đàn lên và ngồi xuống bên anh Ba. Ông đặt bàn

tay rám nắng vào vai anh Ba, nói tiếng chắc nịch:

– Ủa! Thầy Ba Nghệ (85) đã về thấu đây ta!

– Dạ, cháu về với anh Tư từ ban nãy mà chú. Vì chú đang say đàn. – Anh Ba nói.

– Anh Ba muốn thưa chuyện với chú – Tư Lê nói – nhưng chú còn dở tay đờn, ảnh chưa dám trò chuyện…

– Ờ, phải rồi. Thầy Ba là người tai mắt nên biết trọng thú vui của người khác. Bấy nhiêu đó đủ để qua đấy tôn kính rồi đó!

– Thưa chú, – anh Ba nói – cháu đã được anh Tư Lê cho biết về tấm lòng chú và cô Út cũng như tình của anh chị em xóm thợ, do đó cháu tìm đường từ ngoài miền Trung vô đây.

Ông già đỡ lời ngay:

– Khỏi… khỏi dài dòng nghe thầy Ba. Thầy Ba đã từng là ơn nhơn (ân nhân) của Tư Lê thì thầy Ba sẽ dám xả thân cứu những người khổ đau khác. Thầy Ba là hạng người “Lục Vân Tiên” rồi.

Ông già Đờn ca luôn một đoạn thơ Lục Vân Tiên:

Vân Tiên ghé lại bên đàng.

Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô.

Kêu rằng: Bớ đảng hung đồ!

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân…

Dứt khúc ca, ông già Đờn ôm choàng anh Ba vào vòng tay,. mắt ông ánh lên niềm xúc động:

– Khỏi phải bày tỏ gì mà bấy nhiêu câu Lục Vân Tiên đã nói đủ cái lòng của người già này đối với thầy Ba. Thầy Ba về đây với tụi tui. Chật nhà, rộng bụng mà…

– Chú Út ơi! – Anh Ba xúc động – Chú đừng gọi cháu là thầy. Chú hãy coi cháu như anh Tư, như các anh đã ở trong nhà chú.

– Rồi… rồi…, được rồi. Đã nghĩ về nhau như vậy thì già này gọi thầy là anh Ba hoặc gọi là anh Ba Nghệ, đều một nghĩa trọng cả mà. Út… à! – ông già gọi con gái.

Từ dưới bếp, út Huệ thưa dịu dàng:

– Dà… ạ! Ba gọi con có việc chi, thưa ba?

– Con làm cơm lâu vậy?

– Xong rồi thưa ba. Nhưng con đợi ba đờn hết bài đã mà.

– Trời đất! Con nhỏ này hổng sáng ý chi trọi hà. Bữa nầy có anh Ba về, cần ăn cơm sớm để ảnh nghỉ ngơi chút rồi còn đi coi phong kiểng Sài Gòn chớ…

Tiếng ông già chìm đi giữa tiếng nói ồn ồn của anh em thợ.

o0o

Anh Ba đội cái mũ nan to vành và đi đôi dép bằng lốp xe kéo của ông già Đờn. Út Huệ ở trong bếp ngó ra, mỉm cười vì vóc người học trò của anh Ba chẳng ăn nhập với cái thứ dép, mũ “cu li” của ba mình. Ông già và đám thợ trẻ thì khoái chá cười:

– Coi bộ ngon héng!

Anh Ba cười hơi ngượng ngập:

– Ở Sài Gòn có nhiều xưởng máy không hả anh Tư?

– Sài Gòn là đất "Nam Kỳ trực trị", coi như một tỉnh của nước Pháp, cho nên được tự do nhiều thứ. Vì vậy mà ngành công nghệ ở Sài Gòn đã dựng lên nhiều xưởng máy, nhưng là của người Tây, chứ của người Việt mình chưa có.

– Là những xưởng gì đó anh Tư?

– Tui hổng rành hết Sài Gòn, chỉ quanh quanh miệt sông này, nên biết có xưởng Ba Son, xưởng Xi-mắc, xưởng Pha-xi, xưởng Xít…

– Các xưởng ấy chế tạo những máy móc gì. Anh Tư có biết không?

– Tất cả các xưởng chỉ làm cái việc sửa chữa, chứ đâu chế tạo ra nổi máy móc. Như Ba Son thì sửa chữa tàu nhà binh, xưởng Xi-mắc ở bên kia sông, sửa chữa các tàu loại bự, vượt đại dương. Còn xưởng Pha-xi sửa chữa các tàu loại nhỏ. Riêng cái xưởng Xít chuyên sửa xe hơi.

– Chúng mình xin vào làm thợ ở xưởng Ba Son, có khó lắm không anh Tư?

– Đâu có được, anh Ba. Muốn vô đó phải là lính thợ, hoặc đã học ở trường Bá nghệ được kén chọn làm lính thủy chứ đâu có dễ, anh Ba.

Anh Ba nhìn vào quân cảng, lắc đầu. Hai người thủng thỉnh đi qua các phố trung tâm Sài Gòn. Tư Lê nói nhỏ:

– Vô tiệm giải khát, ăn kem cho mát rồi hẵng đi, anh Ba.

Anh Ba hơi ngỡ ngàng, hỏi:

– Kem là món ăn có đắt lắm không mà chúng mình vào tiệm, hả anh Tư?

– Một thứ giải khát bình dân nhất, anh Ba ạ. Chỉ cần một cắc (hào) thì hai anh em mình ăn đến phát rét lên.

Anh Ba vẫn chưa rõ món kem là loại thức ăn gì mà rẻ vậy, lại ăn nhiều thì "phát rét lên".

Bước vào cửa hàng giải khát, anh Ba hơi choáng ngợp trước cảnh đông đúc, nhiều người mặc đồ sang trọng xen lẫn với vô số người lao động mình trần, quần đùi chân đất, khăn rằn vắt vai, ngồi cò đậu trên mặt ghế ăn những cốc kem, que kem hơi bốc trắng. Anh đinh ninh món ăn còn bốc hơi này hẳn là nóng sốt. Trong lúc đợi cô hầu bàn đem kem đến, anh Ba hơi ngạc nhiên nhìn lên trần nhà, nói nhỏ:

– Cái máy gió quay tít quá anh Tư nhỉ?

Tư Lê cười:

– Quạt máy đó anh Ba. Còn gọi là quạt trần nữa.

– Ờ! Phải rồi. Tôi đọc sách Pháp thấy tả về những cái quạt trần, quạt bàn, nhưng bây giờ mới nhìn thấy nó. – Anh lại ngước nhìn

quạt trần, nói: -Thế này thì văn minh hơn các thứ quạt hầu ở chốn cung đình và ở các nhà quan.

Cô hầu bàn bưng khay kem cốc đến. Anh Ba cũng cảm thấy lạ mắt về bộ áo choàng trắng, mũ trắng, tất tay trắng của người con gái hầu bàn. Anh đưa mắt nhìn cách ăn của Tư Lê. Anh cầm thìa con xúc một miếng, hơi kem bốc lên thơm phức. Anh thụt lưỡi đặt thìa kem xuống, mắt chớp lia lịa.

– Chà! Lạnh cóng cả miệng, anh Tư ơi!

Tư Lê che miệng và cố nén cơn cười bất ngờ.

– Anh cứ ăn đi, chỉ lạnh một miếng đầu. – Tư Lê nói. ăn miếng đầu thì cảm thấy lạnh, còn sau nữa là cái mát thấu khắp người mà, anh Ba.

Anh Ba ăn nhón nhén. Anh gật gật đầu: “Á! Thì ra đây là cờ-rem (crème), một món ăn rất thông thường của người Pháp mà tôi đã gặp trong sách”.

Thưởng thức xong món kem, ra khỏi cửa hàng giải khát anh Ba nói với Tư Lê:

– Đúng là trăm nghe không bằng một thấy, anh Tư ạ. Học và đọc sách mà không được nhìn tận mắt, bắt tận tay thì chỉ mới là biết có một nửa thôi. Cho nên, một số ông quan đại thần đi sang Pháp về nói có thứ đèn chúc ngược xuống mà dầu không đổ ra, người ngồi trên xe hai bánh đạp, lái đi bon bon mà không ngã, vua Tự Đức cho là đi xa về nói láo, khép tội “khi quân” (dối vua) cũng là điều không đáng trách, phải không anh Tư?

– Đời là cái bể. – Tư Lê đáp. – Ai biết hết được mọi việc trên đời đâu, anh Ba.

Hai người lại im lặng đi và quan sát. Bàn chân chưa quen cọ xát với thứ dép lốp xe cao su, anh Ba thỉnh thoảng phải cúi xuống sửa lại dép. Tư Lê đưa anh Ba đến xem những công trình của người Pháp xây dựng. Anh Ba trầm ngâm nhìn tòa nhà thờ Đức Bà và đi qua đi lại khá lâu quanh khu tòa án đồ sộ. Anh Ba và Tư Lê rảo bước đến dinh thống đốc, qua tòa đô chính… Anh hỏi Tư Lê:

– Anh Tư ở Sài Gòn đã lâu, thường đi qua những tòa nhà đồ sộ này, có khi nào anh để bụng coi việc người Pháp họ xây dựng lên những thứ đó với mục đích gì không?

Tư Lê hơi bối rối. Anh ngước nhìn tòa nhà cao như tìm kiếm cái điều anh Ba hỏi nằm đâu trên đó. Anh nói như than vãn:

– Trời… đất… quỷ thần ơi! Anh Ba hỏi thằng em nầy cái điều tối hệ trọng ấy thì chết chớ trả lời sao nổi – Tư Lê chùng giọng: – Hồi tui mới vô Sài Gòn, cũng đi. xem kiểng phố với chú Út và thằng Sáu Đen. Sáu Đen là cái cha chưởi thề giữa bữa ăn đã bị chú Út rầy hắn một chập hồi mai đó anh Ba.

– Mình nhớ rồi. – Anh Ba nói.

– Anh biết không, – Tư Lê nói – lần đầu tiên Sáu Đen trông thấy tòa thống đốc, ngợp mắt đã thốt lên: “Cha trời! Người Tây họ cất nhà nguy nga vầy, Sài Gòn mình đẹp tuyệt trần rồi”. Chú Út ục luôn một quả đấm vào vai Sáu Đen và mắng liền: “Mầy nói gì mà ngu quá vậy Sáu, họ cất nhà, xây dinh thự là để họ ở mà cai trị, mà đè đầu cỡi cổ dân mình chứ đâu phải để làm đẹp cho thành phố mình”.

Anh Ba nắm chặt tay Tư Lê:

– Anh Tư ơi! Anh nói bấy nhiêu… mà cũng chỉ bấy nhiêu đã đủ. Nói như cụ Nguyễn Du: “Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri”. Chứng ta xem từng ấy công trình mở đầu của người Pháp tại Sài Gòn, ta thấy: Năm 1877 họ xây dựng nhà thờ Đức Bà. Năm 1881 họ xây dựng tòa án. Năm 1885 họ xây dựng dinh thống đốc. Năm 1900 họ xây dựng tòa đô chính. Rõ rằng, người Pháp đến xứ mình, việc xây dựng đầu tiên không phải là những công trình phúc lợi cho dân mà là nhà thờ, nơi gom phần linh hồn, thứ đến là xây tòa án để trừng phạt thể xác dân mình, và xây nơi đầu não của bộ máy cai trị.

– Ờ ờ… – Tư Lê đắc ý – Anh Ba chữ nhiều có khác. Với con mắt còn bỡ ngỡ, anh chỉ nhìn qua một lượt các công trình mà đã đọc thấu tận mưu đồ cửa chánh phủ đối với “xứ Nam Kỳ trực trị” nầy. Thực tình, biết bao người hằng ngày đi qua đi lại nhà thờ, tòa án… nhưng dễ mấy ai đã nhìn nhận ra được cái bề trong của nó, anh Ba?

Trời về chiều. Đường phố càng đông đúc. Các tiệm ăn hội tụ đủ những hạng người. Anh Ba vẫn chưa hết ngỡ ngàng với Sài Gòn: Người Hoa nhiều nhan nhản! Tiệm ăn, tiệm giải khát, hiệu thuốc bắc, hàng tấm, hàng xén, hàng vàng bạc, nhà thầu, khách sạn, nhà trọ và cả những thứ hàng rong đủ các tiếng rao nghe chẳng hiểu nổi. Anh Tư Lê cứ phải làm cái công việc “thông ngôn” lại cho anh Ba trên dọc lối đi qua.

Trên đường về qua đồn Tây, mà người Sài Gòn gọi là bót Ca-ti-na, anh Ba và Tư Lê bàng hoàng nhìn thấy những tên cảnh sát Tây, cảnh sát ta lôi về đồn hai người bị trói cánh khuỷu, máu bê bết từ đầu xuống chân, không còn đi nổi nữa. Anh Ba nghe những người qua đường hỏi nhau:

– Hai người có tội gì mà họ hành hạ ghê gớm vậy?

– Về tội ăn cắp, bị bắt ở chợ Bến Thành.

– Hổng biết có thiệt là ăn cắp không, chỉ nghe hô lên: “Kẻ cắp! Kẻ cắp…” là cả trăm người xúm lại đánh kẻ đó. Rồi mã tà ập tới lập công vậy đó.

Không dám nhìn hai nạn nhân, anh Ba kéo tay Tư Lê quay về xóm thợ. Anh nói nhỏ với Tư Lê, giọng nghẹn ngào: “Kẻ ăn cướp cả giang sơn mình, cướp cả nòi giống mình thì chẳng thấy ai hô hào đứng lên đánh đuổi?”

———

Chú thích:

(84) Đại từ nhân xưng của người lớn tuổi hơn

(85) Cách gọi thân mật: Anh Ba người Nghệ An

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 2

Từ những ngày đầu đến Sài Gòn, anh Ba luôn luôn tìm hướng đi ra một phương trời xa khác để thực hiện ước mơ lớn, nhưng anh vẫn canh cánh bên lòng việc đi tìm gặp cha. Anh đinh ninh cha mình đã rời huyện đường Bình Khê vào Sài Gòn từ ngày anh còn dạy học ở Phan Thiết.

Một ngày chủ nhật, anh tìm đến nhà Diệp Văn Kỳ, người bạn chí thân từ tuổi tóc trái đào ở Huế. Diệp Văn Kỳ bàng hoàng khi gặp lại Nguyễn Tất Thành và thốt lên:

– Ô! Ai như… anh Thành? Anh Nguyễn Tất Thành!

– Thành đây. Kỳ đã không nhận được ra mình kia à?

– Trời… đất! – Diệp Văn Kỳ dài giọng. – Nếu hổng có hai con mắt sáng như sao thì đã lầm anh là một cha cu li rồi! Chứ ai đày đọa anh mà dữ vầy?

– Mình. Mình tự nguyện đến với cuộc sống này.

– Không hiểu nổi! Thầy, một bậc đại khoa, bỏ quan trường làm ông lang đi lang thang ở các hiệu thuốc bắc. Anh, một cậu ấm con quan, một học trò của “Thiên đường trường học” Huế, một thầy giáo trường Dục Thanh, tự nguyện làm “cu li” để rồi đi đến đâu?

– Đi đến chân trời mơ ước. – Anh Ba vừa cười vừa nói.

Diệp Văn Kỳ cũng bật cười theo, nhưng vẫn chưa hết ngạc nhiên:

– Cái chân trời mơ ước! Mơ ước của anh để rồi làm một đức Chúa hay đức Phật của thời đại mới hay sao mà anh phải đổi giá tu luyện đắt dữ vậy?

– Làm người trung chính ở giữa cái thế gian này còn chưa ăn nhằm gì huống hồ mơ làm một thứ siêu nhân nào đó vô nghĩa anh ạ.

Qua cái phút bất ngờ, Diệp Văn Kỳ bình tâm lại:

– Anh Tất Thành à. Với tình bạn thiêng liêng, Kỳ hỏi thiệt, thâm tâm anh đã dứt việc học, quyết đi làm nghề thì tôi sẽ lo liệu được nơi làm đáng để anh đua tài chứ không thể chịu cái bề anh đi làm "cu li" vầy được. Nhất là thầy thầy mà biết anh tự đày đọa mình kiểu này, lòng thầy buồn phiền biết chừng nào…

– Không sao đâu, anh Kỳ ạ. Cha tôi đã từng dạy anh em tôi: "Ở đời nghề nào cũng tốt, không có nghề xấu mà có người xấu, có người tốt. Ông quan tham nhũng của dân là kẻ bất nhân. Người lặt phân bón ruộng, người đốt than trên ngàn kiếm sống đều là những người lương thiện". Tôi muốn được gặp cha, thăm sức khỏe và chuyện trò với cha ít phút, anh ạ.

– Được rồi. Ở đây dùng cơm trưa xong tôi đưa anh đến chỗ thầy ở. Giờ này thầy còn khá bận với đám khách đến xin thầy bắt mạch, cho toa (đơn thuốc).

– Tôi vừa ăn cơm xong. Hôm khác tụi mình sẽ vui "tẩy trần" một bữa với nhau mà.

Kỳ phủi phủi bụi trên vai áo cho anh Ba, giọng trìu mến:

– Hiện thời anh ở đâu vậy, anh Thành?

– Tôi ở xóm thợ, gần Bến Nhà Rồng. Ờ mà… vô đây tôi không còn gọi tên Thành nữa. Gọi là Ba, nghe thuận hơn.

– Phải rồi. Người trong này ưa gọi bằng thứ hơn là gọi tên lót ổ, anh Ba ạ. – Kỳ như chợt nhớ ra: – Ờ nầy, anh là con thứ ba của thầy thì phải gọi là Tư chứ?

– Tôi nhận kết nghĩa anh em với một anh thợ ở Bến Nhà Rồng. Anh là Tư, tôn tôi lên là Ba, anh Hai ạ. – Anh Ba gọi thân mật Diệp Văn Kỳ.

– Hì hì… – Kỳ cười giòn: – Ai đã gặp anh là dính như thép gần đá nam châm vậy. Ngay cái ngày còn chơi trong sân cỏ thành nội Huế, hễ vắng anh là cả buổi chơi ấy tẻ ngắt. Anh còn nhớ có dạo Công tôn nữ Huệ Minh đã ghen tị với tôi vì được anh kết thân hơn không?

Anh Ba cười:

– Cái thời trẻ con ấy sao nhiều thú vị và trôi qua mau ghê. Ngày chúng mình gặp nhau lần đầu, mới đó mà đã mười bốn, mười lăm năm rồi!

– Gần đây – Kỳ hỏi – anh Ba có gặp Công tôn nữ Huệ Minh không?

– Lúc còn nô đùa trên sân, cùng đuổi bắt chuồn chuồn, bắt bướm ngoài vườn nó khác với khi đã là cô gái có bao nhiêu bức tường ngăn cách! Hơn thế, Huệ Minh là hàng công tôn, chúng mình phải biết dừng bước trước những bậc thềm chênh lệch, anh Hai ạ.

Hai người im lặng, cùng hồi tưởng về một thời thơ ấu trong thành nội. Kỳ tâm sự.

– Ba má tôi đã muốn cột tôi vô cái "xiềng" gia thất, anh Ba ơi!

– Chắc hai bác… "nhắm" Hạnh cho anh, phải không?

– Trời đất! Anh Ba tài quá ta!

– Có gì là tài Ngày còn ở kinh đô Huế, mỗi lần tụi này đến chơi đằng nhà anh, hai bác khen Hạnh hết lời. Còn anh thì ba má của Hạnh cưng quá trời mà!

– Anh Ba nè, – Kỳ dè dặt – hoàn cảnh của tôi, việc lập gia đình sớm hay muộn cũng chỉ là theo lẽ thông thường. Còn anh… tôi rất xót xa mỗi bận trông thấy thầy sống vất vưởng một mình. Cha tôi đã nhiều lần mời thầy về dạy học, nhiều người đã nghe danh tiếng của thầy. Nhưng thầy chối từ. Thầy thích đi lang thang đến các hiệu thuốc Phúc Sinh Đường, Tam Thiên Đường, Thiện Phúc Đường… để coi mạch cho các con bệnh. Ai đưa cho thầy bao nhiêu tuỳ lòng. Mà thầy cũng chỉ lấy đủ tiền ăn của ngày hôm đó, còn ai đến sau thầy chỉ coi mạch giùm. Người ta đồn: "Quan Phó bảng Huy sống như chim, nay ăn trái cây ở rừng này, mai ăn ở rừng khác, không để dành của cải cho ngày sau…". Cảnh tình của thầy như vậy, thiết tưởng anh phải lập gia đình sớm để thầy…

– Chết chửa! Không ngờ, – anh Ba vẻ ngạc nhiên – không ngờ anh Hai mà cũng nghĩ rằng cha tôi đợi con cái lập gia đình để có nơi nương tựa?

-Nè anh Ba! – Kỳ siết chặt tay anh Ba. – Tôi hiểu nhơn cách của thầy, của anh lắm chớ. Địa vị, tiền tài, thầy coi các thứ đó là đồ bỏ

đi. Thầy đã từng dạy:

Nhân sinh nhược đại mộng

Thế sự như phù vân

Uy thế bất túc thị

Xảo hiểm đồ tự hại

Giới chi! Giới chi! (86)

– Sao anh còn khuyên tôi lập gia đình sớm?

– Tôi biết không có một thứ sức mạnh nào ngăn nổi chí hải hồ của anh. Cho nên tôi bàn với anh cái kế lấy vợ để có người thay anh săn sóc cha già thì anh mới yên cái bụng mà lo việc lớn được.

– Thiệt không ngờ… thiệt không ngờ – anh Ba ôm lấy vai Kỳ vừa cười nói, vừa lắc lay – anh xui dại tôi đi làm cái việc dã man ấy.

– Trời… đất… quỷ thần ơi! Sao lại coi việc lập gia đình là "làm cái việc dã man", anh Ba?

– Lấy vợ thì phải làm tròn cái nghĩa, cái tình chồng vợ chứ lại bắt người ta thay mình gánh vác mọi việc để mình rảnh chân bay nhảy! Làm như vậy là cột một người con gái vào cái cửa buồng nhà mình. Dã man quá chứ, anh Hai!

– Thì ông già bà già tôi cứ biểu tôi: "Muốn học lên các lớp trên hay đi du học đều được hết. Nhưng phải cưới vợ cho có đôi có lứa đã". Bà già tôi còn nói: "Con trai có vợ như con thuyền có bến". Tỉ như:

…Anh lấy em về lo liệu trăm đường

Để anh buôn bán trẩy trương tung hoành.

Cha mẹ già em săn sóc thay anh…

Anh Ba giọng nghiêm, buồn buồn:

– Quan nhiệm về đường hôn nhân của các cụ, ta coi trọng nó thuộc về thời đại của các cụ. Nhưng, chúng mình phải biết chọn lựa cái gì hay thì học, chứ không thể nào lại làm theo cái cũ kỹ của ngàn xưa ấy được.

– Anh Ba đã nói đến vậy, tôi càng chịu cái sự nhìn xa, trông rộng của anh. Vậy ra anh… – Kỳ chùng giọng – anh đi tìm gặp thầy là chỉ cốt để thăm sức khỏe của thầy…

– Cha tôi mong tôi đi xa, làm nên việc ích nước lợi nhà. Người không ưa con cái bằng lòng với cuộc sống nhỏ hẹp, Người càng ghét sự bịn rịn, sự yếu đuối trong tình cảm. Dù vậy, tôi còn ở đây ngày nào là còn tìm đến thăm cha, anh Hai ạ.

– Thầy không ở một chỗ nhất định. Nơi thầy thường lui tới nghỉ ngơi, là chùa và lữ quán (87) Nam Đồng Hương ở đường A-mi-ran Cuốc-bê. Anh đợi lúc chiều tối đến những nơi đó, đừng đến tiệm thuốc bắc gặp thầy, không tiện lắm.

– Tôi cũng nghĩ thế…

o0o

Thành phố lên đèn. Những người không gia đình đủ hạng tuổi, nằm, ngồi trên hè phố ngổn ngang, nhếch nhác. Một vài người giành

chỗ tốt đang cãi nhau om sòm. Có người nằm gối đầu lên một khúc gỗ thường kê hàng, chân gác vắt vẻo lên thùng hàng, ca một giọng ca buồn nẫu ruột…

Anh Ba rẽ vào con đường Cuốc-bê. Hai ba cô gái từ trong bóng tối, dưới mái hiên đi ra đón mời: “Em mời thầy Hai… mời thầy Hai vô chỗ em… Xài tốt mà hổng mắc tiền… Đi với em nghe thầy Hai…” Anh Ba ớn xương sống, suýt co chân chạy khỏi đám gái giang hồ. Nhưng thấy có nhiều người đi qua đi lại, anh trấn tĩnh được và lẳng lặng bước đến lữ quán Nam Đồng Hương.

Một ông lão ngồi coi hàng ngay trước cửa thấy anh Ba ăn mặc quần áo đặc sệt dân “cu-li”, liền xua tay:

– Quan Phó bảng tối nay không về đây nghỉ. Chắc chú mày đến mời quan đi coi mạch cho người bệnh hả?

– Dạ, không ạ. Cháu đến thăm sức khỏe của ông Phó bảng Huy thôi ạ.

– Chú mày quen quan Phó bảng à?

– Vâng ạ.

– Tối mai hãy đến nghe. Tao sẽ thưa trước với quan Phó bảng cho. A! Mà tên chú mày là gì?

– Tên cháu là Thành ạ.

– Làm thợ ở hãng nào đó?

– Dạ… cháu làm ở Bến Nhà Rồng ạ.

– Khá heng. Trông người như học trò mà chịu chơi cái nghề phu bốc vác là có chí anh hùng đó chớ.

– Cháu cảm ơn ông, cháu xin đi ạ.

– Rồi… Rồi. Tối mới đến đây gặp quan Phó bảng Huy, heng.

Cả đêm nhớ cha, anh Ba trằn trọc cho tới sáng hôm sau. Anh không đợi tối mới đến lữ quán Nam Đồng Hương tìm cha. Anh nghỉ việc buổi sáng, đi thẳng đến hiệu thuốc bắc Tam Thiên Đường, tại đường Đét-xpa- nhơ (d'Espagne). Anh đi đã khá sớm mà lúc tới nơi, người bệnh đợi xin đơn thuốc trước cửa hiệu thuốc đã đông rồi. Anh Ba đứng khuất trong đám người bệnh, ông Phó bảng Huy mải xem mạch, không thấy được người con trai thứ hiện đã có mặt ở bên ông. Hai mắt anh cứ muốn trào lệ khi nhìn thấy hình hài cha tiều tụy, chiếc áo năm thân sờn vai, vá hai miếng ở cùi chỏ, quần tai tượng (88) chỉ dài quá gối, chiếc khăn rằn cũ vắt qua vai. Ông ngồi ở cái ghế đẩu, bên cạnh là chiếc bàn độc nhỏ để nghiên mực, giấy bút. Ông xem mạch xong quay sang phía bàn viết đơn thuốc; bệnh nhân tự đưa đơn vào quầy hàng cân thuốc, thanh toán tiền với chủ hiệu Tam Thiên Đường.

Anh Ba đợi một lúc lâu lâu, nhân khi người đến khám bệnh đã vãn, anh bước đến bên cha. Ông Phó bảng Huy nhìn lên. Anh Ba xúc động:

– Cha! Cha!

– Thành… Thành đó à! – ông đứng dậy. – Con vô đây từ bao giờ?

-Thưa cha, con mới vô ạ.

Ông chỉ tay về chiếc ghế mà bệnh nhân thường ngồi để ông xem mạch:

– Con ngồi xuống đó!

Anh Ba nhấc ghế chếch sang bên cạnh cha và ngồi xuống. Anh vẫn còn chưa hết xúc động, giọng còn hơi run:

– Bấy lâu sức khỏe của cha… có được…

– Con đừng bận tâm về cha. Cha mong đợi ở con những điều khác chứ không phải mong đợi sự săn sóc của con. – ông hỏi đột ngột: – Hôm nay con đi đâu mà ghé lại đây?

Mắt anh Ba rơm rớm lệ:

– Con đi tìm cha ạ.

– Nước mất, con lo tìm đường cứu nước. Con tìm cha lúc này chẳng có nghĩa lý gì.

Anh Ba hai mắt lấp lánh nỗi đau nhìn mái đầu cha đã ngả màu tiêu muối:

– Thưa cha, con không bao giờ dám sao lãng lời cha dạy, cha ạ.

Anh Ba định nói thêm với cha về dự định những công việc của mình thì một ông già mặc bộ đồ lụa tơ tằm màu mỡ gà rộng thùng thình, chống gậy trúc bước đến, lễ độ thưa:

– Bẩm quan lớn!

Ông Phó bảng ngạc nhiên nói:

– Tôi còn đợi quan tài chứ có còn đâu cái quan lớn, quan bé nữa mà quý ông thưa với bẩm.

Anh Ba đứng lên nhường ghế cho ông khách. Ông Phó bảng chìa tay mời:

– Xin quý ông ngồi tạm. Ông già vẫn giữ lễ phép:

– Bẩm quan! Đã là quan thanh liêm thì dù chỉ ngồi ở ghế quan trường một ngày cũng để lại tiếng thơm trong lòng dân mãi mãi không hề phai. Kẻ tham nhũng thì dù dang ngồi trên nóc nhà quan, dân đã hạ xuống gót giày đi giữa thế gian. Với lòng kính mộ quan Phó bảng cho nên kẻ lẩn thẩn này mới dám nói những lời sỗ sàng ấy.

– Thưa quý ông, – quan Phó bảng Huy sửa lại cổ áo, nói – xin hẹn ông sáng hôm sau tới đây tôi sẽ xem lại mạch và trở đơn, giờ thì tôi đang có chút việc bàn với con trai tôi.

Ông già nhìn anh Ba:

– Ồ! Chào cậu ấm.

– Cháu không dám. Cháu đã chào cụ ban nãy ạ. – Anh Ba đáp lại.

Ông già nói khoan thai:

– Thưa quan Phó bảng, tôi đến yết kiến quan xin được biết nhà để đưa chút lễ bạc lòng thành đến tạ ơn quan đã chữa cho tôi, con gái tôi khỏi bệnh.

– Cảm ơn ông đã có tấm lòng nghĩ đến tôi. Nhưng, xin ông miễn cho kẻ hàn sĩ này cái việc lễ lạt ấy. Nước mất, tôi đâu còn nhà nữa! Cha con tôi sống nay đây mai đó, ông ạ.

Nghe cha nói với ông già, anh Ba hơi cúi đầu, bàn chân anh gí mũi dép xuống đất, hai mắt anh nhiễu lên những tia đom đóm muôn màu.

Ánh nắng xẻ dài đường phố. Bóng cây in xuống bên đường nơi anh Ba đứng.

———

Chú thích:

(86)Đời người như giấc mộng lớn

Việc đời tựa mây trôi

Uy thế không đủ để cậy

Gian trá là tự hại mình

Răn đấy! Răn đấy!

(87) Quán trọ

(88) Kiểu quần cạp rộng, có hai má như tai voi để thắt thay dây

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 3

Ba người ra khỏi ngõ hẻm, Út Huệ nói với cha:

– Xem chợ Tết, đừng để anh Ba đi bộ, cha ạ.

– Ừ. Tao cũng đã nghĩ cái việc đó. Con gọi xe tay đến, mau đi!

Anh Ba vẻ băn khoăn:

– Đừng gọi xe nữa, cô Út ạ. Ta đi bộ lên phố, đâu có xa là bao.

– Hừ, – ông già Huệ giục con gái – cứ gọi xe, Út! Lội bộ lên tới phố Sặc-nè, phố Mặc-má-hồng bở hơi tai rồi còn sức đâu mà đi coi kiểng Tết?

– Mình là dân thợ mà ngồi xe cho người khác kéo, coi bộ kỳ quá, chú Út ạ!

– Dề̀ề – ông già phát bàn tay lên vai anh Ba. – Gì mà câu nệ vậy Ba? Cả tháng, cả năm chúng mình đã làm tôi tớ. Lúc năm cùng, tháng tận này chúng mình lên ngôi ông chủ, bà chủ ngồi xe, dạo ta phố mới vui chớ! – ông già hạ giọng: – Có kẻ còn dám chơi “nhứt dạ đế vương” cơ mà.

Anh Ba đành cười trừ. Ba người cùng bước lên xe ngồi: ông già và anh Ba ngồi trong thùng xe, cô Út Huệ ngồi dưới sà, nơi để chân

của hai người ngồi trên. Lần đầu tiên ngồi trên xe kéo, anh Ba cảm thấy ngượng ngập. Ông già dặn:

– Lên tới chợ Bến Thành, Út đi sắm đồ rồi về trước. Còn cha với anh Ba mầy đi dạo xem bông (hoa), xem cây kiểng ở Sặc-nè (89), Mặc-má-hồng (90) đó nghe.

Út Huệ trước lúc nhập vào dòng người bên chợ Bến Thành còn dặn với cha:

– Đưa anh Ba đi coi bông Tết, ba nhớ về sớm kẻo ảnh mệt và con đợi cơm đó, nghe ba…

Anh rất đỗi ngạc nhiên giữa ngày giáp Tết mà nóng nực, mồ hôi như mỡ rán. Mắt anh ngợp trước những "núi" trái cây dọc chợ Bến Thành. Anh không ngờ về mùa đông, ngày Tết mà lại có nhiều dưa hấu như mùa hạ ngoài Bắc. Anh Ba tấm tắc:

– Chà… chà… trái cây cứ như củi lụt ấy. Vào đây cháu mới thấy được sự giàu có cửa đất Lục tỉnh, chú Út ạ.

– Sản vật của Lục tỉnh đưa về đây mới chỉ một phần thôi. Có dịp chú đưa cháu đi thăm miền châu thổ của Cửu Long Giang, cháu sẽ sướng cái mắt, mát cái bụng về một vùng đất đai giàu có của Tổ quốc mình. Tiếc là… tiếc là – ông già giọng bồi hồi – ở trên đời nầy hổng có được sự công bằng, nên chi giữa nơi của cải như núi vẫn có nhiều người phải chạy ăn từng bữa, cháu ạ.

– Dạ, – anh Ba giọng hồi tưởng – cha cháu thường nói cái điều chú vừa nói với các ông quan to mà cháu nghe lỏm hồi nhỏ: "Công bằng viễn lộ hà xứ thị".

– Quan Phó bảng thân sanh của cháu nói vậy là cháu còn tin ở trên đời còn có công bằng, nhưng đến đó đường quá xa không biết nơi nào mà tìm.

– Cháu cũng nghĩ thế. Dù có xa mấy, chúng ta cũng phải tìm, phải xây dựng nên một xã hội công bằng, chú Út ạ.

– Hì hì… – ông già cười và phát lên vai anh Ba âu yếm. – Những đầu óc nhiều chữ thường tưởng tượng ra các thứ thiên đàng mê hoặc lòng người, cháu ạ. Chú cứ gẫm cái điều càn cạn đã thấy là: Nước lớn nuốt nước bé. Kẻ mạnh ức hiếp người yếu. Giống như bầy cá dưới sông dưới biển, như bầy thú trên rừng trên núi ấy…

Anh Ba định trao đổi thêm với ông già Đờn, nhưng không khí đường phố ngày Tết đã choán lấy anh. Những chậu cảnh với hàng trăm loại cây có dáng điệu dị kỳ và các thứ hoa Tết hút tầm mắt anh không rời nổi chúng…

Ông già Đờn chưa rõ anh Ba thích chơi hoa gì trong dịp Tết. Ông ướm hỏi:

– Cháu có ưa cắm cành mai ở bàn thờ Tết không?

– Tết năm nào nhà cháu cũng có một cành đào phớt cắm lọ để trên bàn thờ và một cành mai để ở án thư, nơi cha cháu khai bút đầu năm, chú ạ.

– Trong nầy hổng có cành đào. Chú cháu mình rước một cành mai về cho vui nhà ngày Tết, nghe cháu.

– Cháu cũng đang cố tìm một cành mai mà đâu thấy, chú?

– Trời… đất… ơi! – ông già kéo dài giọng nói, chỉ tay về phía hàng hoa ngay trước mặt anh Ba. – Bông mai đây nè, kia kìa, vàng ngợp mắt mà cháu biểu hổng có.

– Cháu muốn tìm thứ mai khác, loại hoa mai vàng này cháu đâu còn lạ, thưa chú?

– Chứ từ nãy giờ cháu nói về loại bông mai nào?

– Dạ.. mai trắng. Ngoài quê cháu, hoa mai trắng chứ thứ mai vàng này thì ở Huế rất nhiều, chú ạ.

– Hóa ra chú cháu mình có lúc trò chuyện với nhau mà cứ như Tây nói với Tàu ấy hề. Hì… hì…

Cả hai người cùng cười. Ông già Đờn mua một cành mai chi chít những nụ chúm chím sắc vàng. Anh Ba đón cành mai từ trên tay ông già và nâng niu đưa về xóm thợ lúc thời gian chao đưa gấp gáp của ngày cuối năm…

Ba ngày Tết, những nỗi buồn về cuộc sống xóm thợ cứ đọng mãi trong tâm trí anh Ba: quanh năm họ ăn đói mặc rách, làm đầu tắt mặt tối dành dụm được đồng tiền, bát gạo thì dồn cả vào mâm cỗ ngày Tết. Làm mâm cỗ cốt để thi thố, còn ăn thì ít mà thiu thối đổ đi không thương tiếc. Thậm chí họ đi vay nợ, nhận khoán việc lĩnh tiền trước để có nhiều tiền chuốc rượu uống như uống nước. Và suốt ngày đêm họ đắm đuối vào canh bạc đỏ đen.

Sáu Đen, Chín Mập chỉ ăn cỗ tối ba mươi ở nhà ông già Đờn, còn suốt mấy ngày Tết, cả hai người vùi đầu trong sòng bạc. Anh Tư Lê thì ăn ít miếng, cùng anh Ba giúp Út Huệ dọn dẹp rồi ra cảng làm bốn tiếng, tiền công được gấp ba lần ngày thường, món tiền

anh Tư Lê sẽ gửi thêm về Huế giúp mẹ chống đói giêng hai. Ông già Đờn ghét cái tệ cờ bạc, ông vùi đầu vào ngón đàn để quên mọi đắng cay. Ông chỉ kiêng đàn đêm giao thừa và sáng mồng một. Ông đi mừng tuổi, chúc Tết những người thân buổi chiều mồng một, còn nữa là vừa uống rượu vừa đàn. Ngón đàn say bao nhiêu, ông uống rượu vào nhiều bấy nhiêu và nước mắt lại đổ dài thấm ướt ngực ông.

Cô Út Huệ suốt mấy ngày trong bếp. Mặc dầu cha và các anh thợ "không gia đình" nương náu trong nhà mình ăn chẳng là bao, cô vẫn phải làm cỗ ngày hai lượt cúng mẹ và gia tiên. Những lúc ông già vừa đàn vừa uống rượu vừa khóc, Út Huệ nước mắt hoen trên má, giọng khẩn khoản:

– Năm mới xin ba đừng đờn những buồn, ba đừng khóc mà xui cả năm, ba ơi!

– Cuộc đời này có gì vui mà con ngăn ba đờn bài buồn, đừng khóc, hả con gái cưng của ba?

– Thưa ba, đời đã nhiều khổ đau thì nên "bán buồn mua vui" như lời anh Ba nói hôm mới tới nhà mình ấy ba.

– Ừ ừ Con muốn vậy thì cha đờn và ca cho con nghe câu ví von của anh Ba mầy nói.

Ông vặn lại dây đàn. Lời ca và tiếng đàn dìu nhau theo gió sớm trong ngõ hẻm:Măng…. dang… nấu… cá… ngạnh… nguồn… Đến… đây ta… phải… bán… buồn… mua… vui…

Lời ca, táy đan dứt, ông già nâng ly rượu nhắp từng hớp nhỏ, mắt đẫm lệ nhìn ra ngõ hẻm tối thui. Út Huệ tay nhào bột làm bánh,

mắt đăm chiêu, má lúm đồng tiền như dấu chấm phẩy ẩn hiện, gợi dậy trên làn môi hồng một nụ bâng khuâng về câu ca dao của anh Ba mà cha mình đã thuộc làu và ca theo điệu hò Đồng Tháp.

Anh Ba ngồi bên cành mai sắc vàng rục rỡ. Anh xốn xang lòng về ngón đàn của ông già Đờn. Tay anh vẫn lục tìm trong chồng báo cũ, báo mới của Diệp Văn Kỳ đưa anh đọc dịp Tết. Anh hớn hở, mắt lấp lánh niềm vui đọc đi đọc lại mục quảng cáo trong báo: “Hãng tàu Nhà Rồng không chạy đường Sài Gòn – Ma-ni nữa mà chạy đường Sài Gòn – Tua-ran – Hải Phòng – Xanh-ga- po – Cô-lông-bô – Gi-bu-ti – Po Xa-ít – Mác-xây – Boóc- đô – Lơ Ha-vơ-rơ – Đoong-kéc”. Anh cuộn trang báo, cầm trong tay, mắt nhìn xa xăm. Ông già lại lên dây đàn ca tiếp:

Rồng chầu ngoài Huế… Ngựa tế Đồng Nai… Nước sông trong sao lại chảy hoài… Thương người nho sĩ... lạc loài… đến đây…

Anh Ba sững sờ về câu ca của ông già Đờn. Anh chạnh lòng bỗng nhớ về cố hương, nhớ ông già Xẩm mù hai mắt đã ca bài vè Đức ông trước mặt Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý lúc tiễn cha của anh vào Huế học thi đại khoa. Lời bài vè ấy lúc này cứ văng vẳng trong tâm trí anh cùng với lời ca của ông già Đờn.

o0o

Tiết xuân mà nắng như dội lửa khắp mặt đất. Bến cảng Nhà Rồng bụi bay la đà như làn khói mỏng. Hơi nóng bốc hầm hập. Người, hàng, xe cộ tấp nập trên bến, dưới tàu. Nhiều dòng người khuân vác hàng từ kho xuống tàu, dài như đàn kiến dời tổ chạy lụt.

Sáu Đen và Chín Mập tiếp tục vác món hàng bốc dở của ngày hôm trước ở sân kho Hai. Ở sân kho Bốn, ông già Đờn lưng trần,

đầu quấn khăn rằn, đứng thế chân chèo, một tay nắm đai, một tay đỡ giữa thân bao bì, ông nhún người về trước, lấy đà nâng gọn cả khối hàng nặng lên ngang tầm vai mình. Anh Tư Lê ghé vai đón lấy bao hàng nặng trĩu trên tay ông già, cõng đi xếp lên xe bò. Út Huệ ghé lưng tiếp vào đón lấy bao hàng ở tay cha. Anh Ba như bị tối mặt lại trước cái bao hàng quá lớn đè lên lưng Út Huệ mảnh mai! Anh rất mến phục Út Huệ; từ một cô bé con nhà giàu được cha mẹ nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, vì gia đình sa sút, thân phận Út Huệ đã trượt theo với số phận của mẹ cha, nhưng Út Huệ đã cùng cha đứng vững dáng Con Người giữa cuộc đời khổ ải.

Đến lượt anh Ba, khoác ngoài tấm bao bì cũ, anh ghé lưng dưới tầm tay của ông già Đờn. Tư Lê mỉm cười khích lệ nhưng không giấu hết vẻ ái ngại cho anh Ba. Ông già Đờn vác bao bì lên vai mình lại đặt xuống đất vỗ vỗ bàn tay lên lưng anh Ba:

– Thiệt tình chú… chú cám cảnh cho cái lưng học trò của cháu?

– Dẫu sao – anh Ba nói – cháu vẫn là con trai, sức dài vai rộng mà chú. Cháu làm tới tới rồi cũng quen “ăn no vác nặng” như anh Tư Lê, anh Sáu Đen, anh Chín Mập, chú Út ạ.

Ông già Đờn lại vác bao tải đầy đặt lên lưng anh Ba, nói:

– Thầy cháu tự làm khổ mình. Thà như cánh nầy, đứa bị cướp ruộng, đứa bị thất cơ lỡ bước phải bỏ quê nhà ra đây chịu cảnh đầu lem đít lọ nầy.

Anh Ba đi hơi liêu xiêu những bước ban đầu. Út Huệ toan chạy lại đỡ giúp anh một tay. Nhưng anh Ba đã giữ được thăng bằng và bước đi vững chãi. Ông già nhìn theo anh Ba, mỉm cười tin tưởng. Tư Lê thở phào nhẹ nhõm. Út Huệ lưng na một khối hàng to hơn

sức vóc của mình, đi bên cạnh anh Ba. Mắt cô ánh lên niềm xao xuyến, nhìn thấy những vệt mồ hôi đẫm ướt trán, tràn qua mặt, qua cổ và thấm ra lưng áo anh Ba. Cô càng xót xa thấy từng giọt mồ hôi trên trán nhỏ xuống mu bàn chân anh đang bị rộp lên vì đôi dép "cu-li".

Trời về chiều, mặt sông Sài Gòn loang loáng vàng. Bụi khói quánh quện nắng chiều màu tro. Đám người như bầy cá quẫy trong dòng nước đục lờ. Cha con ông già Đờn và Tư Lê nhoai người đun chiếc xe bò chất ngất hàng do anh Ba đang tập cầm càng lê lết trước cửa sông hướng ra đại dương mù mịt…

Đêm cuối xuân trôi nhanh qua cảng Nhà Rồng.

Nắng lại xối nóng xuống khắp mọi nơi. Con sông Sài Gòn khác nào giống quái vật đang trườn dưới nắng, mà cửa cảng là mồm của nó đang há hốc đợi nuốt mồi đưa tới.

Một nhóm thợ lực lưỡng, có cả Sáu Đen, Chín Mập đang ken tay vào quay tời trước bến. Mặt họ đanh lạnh và những bắp thịt cánh tay nổi lên như sóng cuộn.

Anh Ba người ướt mồ hôi, lưng cõng kiện hàng cao. Mỗi bước anh đi, bàn chân chòe các ngón ra ngoài đế dép cao su. Đằng sau anh là ông già Đờn, Tư Lê. Đi trước anh là Út Huệ. Nhưng mắt anh vẫn hướng về những con tàu sắp rời bến ra đại dương… Chẳng may cái quai dép móc vào ngón chân trỏ bị tuột, mũi dép gập trái xuống đường, anh bị ngã. Hú vía! Cái thùng hàng trên lưng anh văng ra một bên. Anh nằm sóng soài trên mặt đất. Ông già Đờn hốt hoảng:

– Trời đất! Ba… Ba…!

Tư Lê, út Huệ đặt vội kiện hàng xuống, chạy đến anh Ba. Tư Lê lại vấp ngã… Tóc Út Huệ sổ xuống, bay loả xoả ra đằng sau. Hai mắt như hai chiếc lá đào non sương đậu long lanh. Cô gọi líu cả lưỡi:

– Anh B… a sao vậy…. Anh Ba!

Ông già giọng bình tĩnh:

– Đừng rối lên Út.

Ông già bế anh Ba vào chỗ bóng mát. Mắt anh hoa đom đóm. Ông già và Tư Lê vội mở khuy áo anh, rồi xoa ngực, nắn bóp tay chân anh. Út Huệ dốc cả chai nước nguội vào tấm khăn rằn đắp lên trán anh Ba. Mái tóc dài từ đầu Út Huệ như dòng suối đổ xuống mặt anh Ba. Ông già cau mày rầy con gái:

– Mày vô ý quá vậy Út. Con gái phải gọn cái tóc cái khăn chớ.

Út Huệ bối rối, phân trần:

– Dà, con đâu còn khăn cột tóc nữa ba?

Anh Ba mở choàng mắt. Bất chợt anh có cảm giác gương mặt Út Huệ như một búp sen từ đầm sen quê nhà hiện đến.

Ông già bảo Huệ:

– Anh Ba mày đỡ đỡ rồi đó, con về trước lo cơm nước, còn mươi thùng hàng tụi tao ở lại hót gọn rồi về sau…

o0o

Sương chiều buông xuống từ bên Thủ Thiêm trắng đục mái rừng. Tiếng còi tàu rung rinh sông nước. Đứng lên, chưa hết choáng váng, anh Ba đi còn phải vịn vai Tư Lê trên đường về xóm thợ. Mắt anh vẫn ngoái nhìn đăm đăm về phía những con tàu viễn dương với bao hy vọng xa xăm…

Đêm xóm thợ ngột ngạt. Anh Ba đau người ê ẩm và nóng bức không ngủ được, trằn trọc…Tiếng trẻ con khóc thét khóc như khóc mớ… Tiếng người già ho khù khụ kéo dài từng hơi. Tiếng quạt muỗi phành phạch và giọng chửi đổng về cái nóng bức trời không gió phố không điện: “Nóng thấy mồ mà trời giữ gió để rồi làm bão tố hại người. Còn cái thằng chủ sở điện nó giữ điện để cung phụng cho bọn quan to, cho bọn đầu hói bụng bự rực mỡ ở trên các phố lớn chứ nó đâu có động lòng về cái cảnh sống của đám người ở cái xồm như ổ chuột này!…”.

Anh Ba cảm nhận lời chửi độc ấy không quá đáng. Cái bọn ở biệt thự có vườn cây râm mát, có sân cỏ rộng, không bụi bặm, không tiếng ồn lại còn quạt trần, quạt bàn… Còn đám dân nghèo thì chui rúc, nhận đủ các thứ bẩn thỉu tối tăm…

Anh Ba dậy sớm. Anh uống với ông già Đờn hết ấm trà. Anh Tư Lê, Sáu Đen và Chín Mập không thích uống trà – cả ngày làm ngoài cảng, tối về họ uống một chầu rượu say li bì, ngủ sớm. Những hôm lĩnh lương thì Sáu Đen, Chín Mập lại rủ nhau lăn vào sòng bạc.

Sáng nay, ông già Đờn, Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập tiếp tục ra cảng. Út Huệ nhận tiền của anh em thợ vừa lĩnh lương, cô ở nhà đong gạo và mua sắm một bữa ngon hơn thường ngày.

Anh Ba tranh thủ lúc trong người còn mệt, đi vào phố, tìm đến các ki-ốt (91) báo để đọc những quảng cáo, mục rao vặt và đến

những ngã ba, ngã tư, thường gọi là bùng binh, cũng để xem các quảng cáo… Anh sốt ruột, tìm cách đi ra nước ngoài càng sớm càng tốt.

Anh đi phố mà lòng rưng rưng về câu nói với cha của Út Huệ "Con đâu còn khăn cột tóc nữa ba?". Anh nhẩm lại món tiền dành dụm để lúc đi xa sẽ phải cần đến. Anh ghé vào cửa hiệu tạp hóa, mua một khăn rằn, một cặp khăn mùi soa. Anh thấy lòng mình hé lên một niềm vui nho nhỏ: Út Huệ sẽ có hai vuông khăn để thay đổi buộc tóc và tấm khăn rằn trùm đầu che nắng.

Anh còn mua thêm một bộ dây nhị và cái vĩ. Anh thương ông già Đờn mỗi lần lên dây nhị phải lừa lựa đoạn dây tơ không có nút nối và cái cần rung đã nứt dọc, ông phải lấy sợi đồng thau mảnh bó nén lại. Anh tự nhủ: Mình có quà cho cha con chú già Đờn mà chẳng có chút gì cho số anh em thợ ăn cùng mâm, ngủ cùng giường không đành lòng chút nào. Anh bước khoan thai đến quầy bán rượu mua hai chai Cô-nhắc. Anh cười thầm: Nói như chú Út Đờn cũng có lý: "Cả tháng, cả năm đã làm cu li, vậy thì chúng mình cũng có lúc xài sang như ông chủ, được lắm chứ".

Trên đường về, anh Ba đi qua nhà sở cảng. Nhiều công nhân đến lĩnh lương đứng rải rác dọc vỉa hè, trong các quán nước. Cha con ông già kéo xe bị rơi bao gạo mà anh gặp hôm mới đến đây cũng đang đứng thẫn thờ ở một góc đường. Người con gái hỏi cha, vẻ thất vọng:

– Họ cúp lương, ta sống bằng gì, hả cha?

Ông già lắc đầu:

– Mẹ chúng nó. Chúng nó cúp lương chứ chẳng cúp được cái đầu này đâu mà sợ. Ta còn đầu, còn tay thì ta không thể chết đói ở trên mảnh đất này đâu, con ạ.

Anh Ba bước đến bên ông già, đặt vào bàn tay ông món tiền:

– Bác cầm tiêu tạm trong lúc gặp khốn khó. Gọi là của ít lòng nhiều, bác ạ.

Ông già cầm lấy tay anh Ba. Người con gái của ông mắt rưng rưng lệ nhìn anh. Ông già bị xúc động mạnh, giọng hơi lạc đi:

– Cậu là ai? Tên gọi…? Ở miền nào đến đây mà tốt bụng vậy?

– Dạ, thưa bác, là dân thợ với nhau thì phải biết thương nhau…

– Ồ! – ông già gật đầu – Là… là dân thợ với nhau… Ồ! Cảm ơn cháu. Cháu đúng là người trẻ mặt mà không non dạ.

Anh cúi chào hai cha con ông già, bước đi vội vã. Cha con ông già đứng tần ngần nhìn theo anh.

Anh Ba đi vào đầu ngõ thì Sáu Đen đi làm về chạy tới ôm choàng lấy anh:

– Trời đất ơi! Anh Ba sắm lễ để tết ai mà sang quá ta?

– Đâu có chuyện đó. Mình mua chút quà biếu cha con chú Út gọi là cái tình bấy lâu nay mình ăn ở trong nhà. Còn đây, – anh giơ hai chai Cô-nhắc lên – chúng mình sẽ nhậu với nhau tối nay, được chứ?

Sáu Đen nét mặt trở nên nghiêm trang, giọng chân thành:

– Anh Ba nè… (anh Ba hơi nghiêng đầu, đón nghe) Thiệt tình từ từ cái ngày anh đến ở với cánh này, kể cả cha con chú Út Đờn đến tên đầu bò là tui đều… đều nể anh như nể ông nội vậy đó.

Anh Ba khoát tay:

– Ấy chết! Đâu có gì mà đẹp lời cho nhau quá. Chúng mình sống với nhau chưa được là bao, nhưng anh em đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong buổi đầu vào đời thợ…

Hai người đi khuất dần vào xóm.

Đêm yên tĩnh. Con đường ngõ hẻm mờ mờ ánh sáng từ ngoài cảng hắt vào. Bóng một vài người đi chậm rãi cất lên mấy tiếng rao rời rạc, nghe xa vắng: Lục… lục… tào… xaá… đêê.

Tẩm…tẩm… quất… tờ… rần… tẩm… quất… tờ rần…

Trong nhà, ông già Đờn đang vừa uống rượu, vừa thay dây đàn. Ngồi quây quần bên ông già là đám thợ trẻ, mỗi người có một kiểu ngồi không ai giống ai. Nhưng mặt người nào cũng có một nét vui giống nhau. Họ uống rượu của anh Ba mua về và nhắm với món thịt bò khô, cá lóc (cá quả) nướng trui quấn rau sống do bàn tay khéo léo của Út Huệ chăm chút.

Ông già Đờn thấm hương men ngà ngà say, ông sửa lại tư thế ngồi, cầm đàn so dây… Giọng ông ấm, trầm:

– Được. Thầy cháu đã lựa được bộ dây và bộ vĩ đàn vừa ý chú lắm. Được. Thầy cháu được đủ điều. – ông nâng ly rượu lên, mái tóc rung rung: – Nào, các bạn thợ trẻ, tụi mình cùng cạn ly rượu “lộc” của một người thợ mà ai cũng coi là bậc “hiền nhân ẩn sĩ”.

– Xin chú Út và anh em đừng bao giờ coi tôi là người ngoài giới thợ thuyền.

– Chúc mừng anh Ba. – Đám thợ trẻ và ông già Đờn cầm ly rượu cùng nói rộn ràng. – Chúc anh Ba của chúng ta vai vác nổi cả sơn hà, chân đi vững giữa đời không vấp ngã… Hề… Hề…

Không khí vui như ngày Tết.

Út Huệ ở trong buồng, ngồi trước ánh đèn, lật qua lật lại những vuông khăn, ngắm từng đường sọc, mép viền. Cô cột gọn tóc sau gáy, trùm tấm khăn rằn lên đầu ngắm vào gương, cười. Cô như bẽn lẽn với người trong gương, gí ngón tay trỏ vào lúm đồng tiền trên má mình nheo mắt tự “chê” mình. Phút chốc cô ấp cả tấm khăn lên ngực, mắt thẫn thờ lắng nghe tiếng tim mình hòa cùng tiếng đàn của cha: … Kéo neo… kéo… neo… tàu chạy… Gạt… nước… mắt… tiễn… đưa…Thương người… người… đi muôn… trùng… sóng… vỗ…

Tối hôm sau. Cơn mưa đầu mùa dữ dội mà mau tạnh. Con đường hẻm nước lênh láng. Bầu trời trong như gương lau bóng loáng khảm đầy ngọc, kim cương.

Ông già Đờn ngậm cái tẩu thuốc, khói ri rĩ nhả ra từng sợi trắng mỏng mảnh. Ông đang vót đũa bằng những thanh tre già.

Anh Ba ngồi đọc sách giọng đều đều cho Tư Lê nghe. Út Huệ ở trong bếp, dọn dẹp luôn tay, tai vẫn lắng đọng từng tiếng mới lạ từ anh Ba truyền đến. Thỉnh thoảng Út Huệ chau mày, khó chịu về cái âm thanh những đồng tiền va vào nhau trong bộ bát đĩa của nhóm đánh bạc ở góc nhà. Sáu Đen và Chín Mập ngồi chen chúc vào đám con bạc. Họ ngồi xổm như cò đậu lúc bị mưa. Mặt người nào cũng

chằm chằm hướng vào cái bát úp lên cái đĩa, trong đó có bốn đồng tiền được sơn một mặt trắng bằng vôi. Cứ mỗi lần người "cầm cái" của sòng bạc bưng đĩa bát xóc một chặp, đặt xuống chiếu thì mắt mọi người đều ánh lên sự tính toán, ăn thua, tay không yên: bứt tóc, sờ tai, gãi gáy. Họ móc tiền trong túi ra đặt xuống chiếu. Rồi những tiếng "chẵn", "lẻ" được xướng lên ỏm tỏi.

Anh Ba ngừng đọc, đang giảng cho Tư Lê nghe một câu trong sách. Bỗng một tiếng "choàng", bát đĩa bị ném xuống nền nhà vỡ tan làm nhiều mảnh, cả bốn đồng tiền văng đi đâu mất. Lão "cầm cái" văng tục: "Đù… mẹ vào chơi nữa. Đồ con heo! Đồ con heo ráo…".

Ông già Đờn ngừng tay vót, đảo mắt về phía chiếu bạc. Út Huệ dưới bếp chạy lên, vẻ mặt ngao ngán, quay trở vào. Đám con bạc nắm tay trợn mắt, sừng sộ đứng lên chực ẩu đả. Anh Tư Lê chạy đến giữ lấy tay Chín Mập. Sáu Đen chửi tục:

– Đồ chó! Đồ ăn gian! Đồ mặt nạc đóm dày!…

Ông già Đờn nặng giọng:

– Tụi bây hổng còn ra trò lối chi nữa. Đứng là cờ gian bạc lận, táng tận lương tâm…

Nghe tiếng ông già nói, đám con bạc đã khựng lại nhưng mắt họ còn như bốc lửa. Anh Ba đến ngồi vào giữa đám thợ, nói từ tốn:

– Chúng mình cùng cảnh người đói khát với nhau. – Bàn tay anh Ba vỗ vỗ trên vai áo vá Chín Mập. Mặt mọi người dịu xuống, có người gục đầu xuống vòng tay bó gối. Anh Ba vẫn giọng buồn buồn: – Còn có kiếp người nào khổ hơn kiếp đời thợ chúng mình? Ông chủ người Tây, ông chủ người Nam và các thầy đốc, thầy cai đè

nén, hành hạ chúng mình. Chúng mình làm việc gò xương sống, vẹo xương sườn, mà còn bị đòn roi, đá đít bạt tai chẳng khác gì thân trâu ngựa. Vậy mà miếng ăn, cái mặc, nơi ở của chúng mình thử hỏi có hơn kiếp con vật là bao nhiêu!

– Hơn con vật được đôi đũa lúc ăn. – Sáu Đen nói chen vào.

Anh Ba nhấn giọng rõ từng tiếng:

– Chúng mình khổ cực vậy đó. Sao lại không thương nhau, đùm bọc lấy nhau mà còn làm khổ lẫn nhau, lao vào nạn cờ bạc, cướp giật nốt của nhau đồng lương khốn nạn?

Một anh thợ đã đứng tuổi, mặt lầm lì:

– Không đánh bạc thì làm cóc gì cho hết những cái buổi tối nầy?

Mọi người quắc mắt giận dữ nhìn anh chàng văng tục. Sáu Đen đứng phắt dậy, giơ nắm đấm, nhưng anh Ba đã kéo tay anh ta ngồi xuống. Sáu Đen chưa hết nóng:

– Tống cổ cái đồ con heo ra khỏi nhà này.

– Sao các cậu cứ ưa nói cục súc với nhau như vậy. – Tư Lê gắt.

Út Huệ từ dưới bếp nhìn lên phía anh Ba, vẻ ngượng ngập. Ông già Đờn giọng khoan thai:

– Từ nãy tao hổng buồn nói với tụi bây vì tao nể anh Ba Nghệ đang ngồi ở đây. Mà tao có nói cũng bằng thừa. Một lời nói của anh Ba là một gói vàng mà tụi bây hổng hiểu chi trọi. Thiệt là “Cầm đờn mà gảy tai trâu. Gảy bao nhiêu lại thêm đau tiếng đờn”.

Anh Ba ôn tồn:

– Tôi nghe anh em nói: không có việc gì làm cho hết những buổi tối, ngày chủ nhật rảnh rỗi, do đó sinh ra đánh bạc, vùi đầu vào nhậu nhẹt. – Anh nhìn từng gương mặt nặng trĩu, lầm lì, nói: – Nếu anh em muốn những cái giờ vô vị ấy trở thành có ý nghĩa, tôi vui lòng dạy chữ cho anh em học.

– Thiệt vậy, anh Ba?.- Sáu Đen vui sướng đứng bật dậy.

Mọi người nhìn anh Ba với những cặp mắt lấp lánh niềm hy vọng, giọng xuýt xoa:

– Chà chà! Được anh Ba chia chữ cho bọn này thì còn gì quý hơn!…

Ông già Đờn cười:

– Phải vậy mới có ý nghĩa là được ở gần với người hiền sĩ chớ! “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” mà.

Út Huệ ngấp ngó trước cửa bếp, hai mắt ánh lên niềm vui thầm kín và hai lúm đồng tiền hiện rõ làm rạng rỡ thêm gương mặt búp sen…

———

Chú thích:

(89) Phố Nguyễn Huệ bây giờ

(90) Đường trước nhà thờ Đức Bà

(91) Quán (bán sách báo)

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 4

Thầy Thành với tên gọi giản dị – anh Ba – mở lớp học. Lớp học không có gì sang trọng cả, chỉ là căn nhà lụp xụp của ông già Đờn nép dưới bóng cây mận. Chính trong căn nhà này, trước đây trải chiếu làm nơi đánh bạc, nhậu nhẹt của anh em thợ thuyền, giờ đã đổi mới: cánh cửa kê làm bàn học, ở vách dựng lên một tấm ván thùng lượm ngoài cảng về làm bảng viết.

Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập… ngồi vào lớp học. Út Huệ ngồi riêng một bàn, gần tấm bảng đen. Ông già Đờn cũng nghỉ tay đàn lúc con em mình vào lớp. Ông già lắng nghe thầy giáo giảng bài.

Hôm khai giảng, anh Ba nói rất chân tình với những người học trò xóm thợ:

– Bọn cai trị dân bao giờ cũng đinh ninh cái điều: “Dân ngu dễ trị, dân trí khó chăn”. Cho nên, hễ ai quan tâm đến việc dân no cơm ấm áo, dân có chữ, dân hiểu biết là chúng triệt ngay. Vừa qua, trên khắp ba miền Trung, Nam, Bắc có các ông nghè, ông cử bị giết hại, bị đi đày Côn Lôn chỉ vì “tội” hô hào dân sinh, dân trí… Dĩ nhiên bọn thống trị phải duy trì cho dân có một mức sống chừng mực để tiếp tục làm ra của cải thì chúng mới đầy túi tham được. Và chúng phải mở trường học đào tạo những người có trình độ để làm tay sai cho chúng. Chúng ta là người thợ phải rõ cái điều ấy để có chí học, có chí làm những công việc ích nước, lợi nhà…

Được anh Ba khai tâm, anh chị em thợ thuyền học rất chóng biết mặt chữ. Anh chú trọng dạy cho anh em phát âm thật đúng từ lúc còn đang tập đánh vần. Và, anh nắn tay cho từng người tập viết chữ thẳng hàng, ngay lối, đủ nét, đều đặn và rõ rành. Anh cầm bàn tay từng người hướng dẫn cách cầm bút, đưa bút lên nhè nhẹ để nét chữ thoáng, kéo bút xuống nhấn tay để nét đậm, vạch tròn vành các chữ có "bụng" như a, d, đ, g, o, q… và cách đánh các dấu đúng vị trí của nó trong từng chữ. Lần đầu tiên anh cầm tay Út Huệ tập cho cô viết. Út Huệ xúc động, vạch nét nào nghều ngào nét ấy. Nhưng anh vẫn nhẫn nại giúp Út Huệ viết chữ đẹp.

Hằng ngày đi làm ngoài cảng, lúc sinh hoạt trong nhà giữa anh Ba và anh em thợ đều xưng hô thoải mái "mày mày", "tao tao". Nhưng lúc vào lớp học, ai cũng gọi anh Ba bằng thầy giáo. Tư Lê là trưởng lớp mà anh em gọi vui quen miệng: anh sếp lớp. Mỗi lần có bạn vắng mặt trong buổi học, Tư Lê đều đứng khoanh tay trước thầy nói rõ lý do. Ông già Đờn lòng như trẻ lại khi thấy lớp học ngày một nền nếp, ai cũng hứng thú học và kết quả ngoài cả sự tưởng tượng của ông. Ông vui nhất là đám thợ trẻ trong nhà ông không còn vùi đầu vào canh bạc và ẩu đả nhau vì sự được thua gian lận. Cả đến nhậu nhẹt trong mỗi kỳ lĩnh lương cũng đã giảm nhiều. Ông thấy căn nhà tồi tàn của mình và cả trong đầu óc mình như mở sáng ra mỗi khi tiếng anh em thợ tập đọc những trang sách chữ in mà anh Ba mua ở trên phố về. Anh Ba cũng mua cho ông cuốn truyện thơ "Lục Vân Tiên". Ông học hết các chữ cái và tập đánh vần. Anh Ba dạy ông tập đọc qua sách "Lục Vân Tiên" mà ông đã thuộc lòng cả hai ngàn hai trăm bốn mươi sáu câu thơ của cuốn truyện này.

Ông tâm sự với anh Ba:

– Chú bắt đầu nhận thấy hình như trong mắt mình có chữ thì có lòng tự tin hơn và nhìn kẻ có quyền thế mình đỡ sợ hãi. Chú nghĩ vậy, có đúng hông thầy cháu.

– Bọn thống trị, những kẻ sống trên lưng dân, chúng nó muốn độc quyền sự hiểu biết. Chúng nó rất sợ dân có nhiều người biết chữ. Có chữ, đầu óc họ được mở mang, họ nhìn ra sự bất công thì chúng sẽ không ngồi yên trên lưng dân được. Mà chú Út ơi, – anh Ba giọng thủ thỉ – khi con người ta đã có học thì cũng sẽ có lòng tự trọng cao và biết sống sao cho đáng sống, biết cư xử giữa người với người, đỡ phần tăm tối, chú Út ạ.

– Ừ. Có vậy thiệt. Nói đâu xa, ngay ở trong cái nhà trệt nầy, từ hôm thầy cháu chia chữ cho người “cùng hội cùng thuyền” thì đám Sáu Đen, Chín Mập khác hẳn với ngày chúng nó chưa biết chữ. Ông cha nói đúng thiệt: “ăn vóc học hay”. Hay thiệt! Cái chữ cho con mắt còn cần hơn cả miếng cơm cho cái miệng vậy.

Chẳng bao lâu lớp học của anh Ba dạy trong nhà ông già Đờn, anh em thợ đến xin học đông không còn chỗ để kê bàn ghế. Và từ trong xóm thợ Bến Nhà Rồng giữa đêm dài nô lệ đã sáng lên một tiếng nói mới: Chữ anh Ba. Chữ anh Ba thắp sáng lên trong trái tim những người thợ…Hoàng Nhật Minh

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 5

Tháng sáu 1911.

Hoa điệp thắp chói đỏ từng mảng trời thành phố Sài Gòn. Mặt đường lấm tấm những cánh hoa như xác pháo sau đêm giao thừa.

Anh Ba bước chầm chậm. Những cánh hoa điệp rơi lả tả xuống dấu chân anh. Anh bâng khuâng nghĩ về lời hẹn của ông chủ sự cảng Nhà Rồng: “Ngày mồng hai tháng sáu này, tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin từ Tua-ran vào sẽ cập Bến Nhà Rồng, ở lại vài ba ngày và có thể họ tuyển thêm bồi tàu.Tôi hứa sẽ giới thiệu anh với ông thuyền trưởng Lu-i Ê-du-a Mai-sen…”.

Anh Ba càng băn khoăn, nghĩ ngợi sẽ nói gì với cha lần gặp cuối cùng này. Liệu anh có cầm được nước mắt trước mặt cha lúc anh phải nói lên cái điều “dứt áo ra đi biệt xứ” không?

Đường phố yên tĩnh và êm ả. Anh Ba hơi tần ngần trước cửa lữ quán. Một người đàn ông đã luống tuổi ngồi ngay lối vào cửa quán. Anh vừa bước lên thềm, ông ta hỏi ngay:

– Anh hỏi gì?

– Thưa tôi xin gặp ông bảng Nguyễn Sinh Huy ạ.

Người coi quán nhìn anh Ba từ đầu xuống chân và hơi nhíu mày lúc nhác thấy anh đi dép “cu li”.

– Anh là ai mà dám gặp quan Phó bảng?

– Dà… tôi là con…

– Anh hổng đùa chứ?

– Đâu dám!

Người coi quán lại đảo mắt xuống đôi dép “cu li” dưới chân anh Ba, chưa hết ngờ vực. Nhưng lúc ông nhìn lên bắt gặp cặp mắt anh Ba sáng long lanh, ông đổi giọng:

– Mời cậu ấm lên lầu. – ông chỉ tay về lối cầu thang.

Anh Ba vừa đặt chân lên bậc thang gác, ông ta lại chạy tới, vồn vã:

– Cậu ấm lên khỏi thang gác này thì quẹo theo hành lang phía tay trái, đến phòng có chữ Cửu treo trên cửa ra vào, cậu kéo dây chuông, nghe cậu.

Anh Ba cúi đầu cảm tạ và nhẹ nhàng bước lên cầu thang gỗ đen màu sừng. Hành lang hẹp, gốc nhẵn bóng. Anh sáng lờ mờ, hành lang như can đường dưới đêm trăng lu. Anh hồi hộp dừng bước trước cửa phòng treo chữ Cửu (92). Cái dây chuông thòng lòng ngang tầm tay. Anh đưa ngón tay trỏ định kéo dây chuông nhưng thụt lại ngay và anh úp bàn tay hồng đỏ lên vầng trán nóng ran. Anh đứng dựa vào lan can một lát. Vuốt lại mái tóc, anh lại bước đến cửa, mạnh dạn kéo dây chuông rồi lại tới dựa lan can, đợi…

Cánh cửa hé mở. Một ông già bước ra. Hai người cùng quan sát lẫn nhau. Anh Ba lễ phép bước đến hỏi trước:

-Thưa bác, xin bác cho cháu được gặp ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy.

Ông già nhíu đôi lông mày trắng như hai múi bông, tóc ông xếp làn sóng đổ dài xuống quá ót và bạc phơ. Bộ râu ba chòm rung rinh theo nhịp miệng, ông nói:

– Anh là người có quan hệ chi với quan lớn? – Mắt ông già không ngừng xem xét diện mạo và đôi dép “cu li” dưới chân anh Ba.

Hiểu được thái độ ông già, anh Ba lễ phép thưa:

– Cháu là con quan Phó bảng Huy, thưa bác.

– Trời… đất! – ông già rướn cao đôi mày, ngạc nhiên chắp hai tay trước bụng. – Xin lỗi cậu ấm. Tôi đâu dè cậu là con quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy. – ông bước lại gần anh Ba: – Tôi hổng đeo kiếng nên đâu có nhìn rõ! – ông chìa hai tay: – Mời cậu ấm vô ạ.

Anh Ba bước vào phòng. ông già dẫn anh đến bên chiếc giường con:

– Đây là nơi quan lớn nghỉ. Cậu ấm ngồi tạm. Quan lớn hiện đang dùng trà với ông cử dưới Lục tỉnh lên chơi ngoài phòng khách.

Anh nhìn theo ông già, lắc đầu nói thầm:

– Cha mình đã bỏ cái ghế quan trường như bỏ cái tấm giẻ rách lau chân, nhưng mọi người lại trọng vọng nó ngợp cả mắt. Tội nghiệp!

Ông già trở ra, chìa tay:

– Quan lớn mời cậu vô.

Anh Ba cúi đầu đáp lễ và đi vào sau tấm bình phong. Phòng trà lữ quán mà ông Huy đang tiếp khách là một gian nhà vuông vức, sàn gỗ đen bóng. Bộ bàn trà kê sát cửa sổ lớn. Ngoài cửa sổ là vườn cây râm mát, bóng trúc ngoắt ngọn vào khung cửa. Hoa ngoài vườn đưa hương vào phòng trà. Ông Phó bảng Huy ngồi ở chiếc ghế kê sát cửa sổ. Màu xanh ngoài vườn trúc tỏa vào quanh nơi ông ngồi. Ông cử nhân miền Lục tỉnh ngồi đối diện. Hương chè quyện hương vườn xanh đưa vào ngọt cả không gian.

o0o

Anh Ba bước vào chắp tay đằng trước cúi chào cha và khách của cha. Anh đứng nghiêm trang, tay vẫn giữ trước ngực. Ông khách chìa tay ra phía trước:

– Mời cậu ấm an tọa.

Anh Ba cúi đầu đáp lễ. Nhưng anh chưa được cha cho phép nên vẫn đứng nguyên vị trí. Ông Phó bảng nhìn con, giọng nghiêm mà ấm:

– Quan bác đã cho phép, con ngồi vào ghế.

Anh Ba bưng chiếc ghế lùi xuống một chút, không dám ngồi ngang hàng với những.người bề trên mình. Vị khách cảm mến sự lễ phép mẫu mực gia phong của anh. Ông khách ân cần mời anh uống trà. Anh Ba đỡ lấy ly trà trên tay vị khách. Ông Phó bảng giới thiệu với bạn:

– Cháu là Tất Thành, con thứ ba của tôi.

Ông cử miền Lục tỉnh gật gù nhưng mắt vẫn ánh lên sự băn khoăn khó hiểu về bộ quần áo vải thô và đôi dép “cu li” nhuộm vẻ

phong trần của người thanh niên có khuôn mặt tuấn tú này. Anh Ba hơi bối rối. Ông khách vẫn nhìn anh Ba, và trong mắt ông lộ rõ niềm xúc động khó tả. Ông Phó bảng Huy giục con:

– Thành chuyên trà mời quan bác, con!

Anh Ba thay ấm trà cũ. Anh tráng ấm chén qua nước sôi và đang chuyên trà thì khách đã xin cáo lui:

– Xin phép quan bác, tôi còn ở Sài thành sẽ còn tới hầu chuyện quan bác. Giờ này để quan bác và cậu ấm bàn bạc việc nhà.

Ông Phó bảng đứng lên, tay chắp trước bụng. Ông cử nhân Lục tỉnh nhìn anh Ba, nói:

– Tôi đã kính mộ quan bác: một đại nhơn, đại đức. Nay tôi càng kính phục quan bác có một người con, đúng như cổ nhơn dạy: “Ty dĩ tự mục, khiêm nhi dũ quang, tiến đức tu nghiệp”. (93)

Ông Phó bảng chắp tay xá ông bạn và mỉm cười.

Anh Ba hơi bối rối về lời khen mình, anh lễ phép:

– Thưa bác, cháu cũng chỉ học hỏi theo người xưa là “Lập nghiệp thủy ư tu thân” thôi ạ. (94)

Ông cử đặt bàn tay lên vai anh Ba, nói giọng cảm phục:

– Cậu ấm ơi! Hậu sanh khả úy. Hậu sanh khả úy. Nhìn thấy cậu, tôi đã nói ngay với quan bác: một con người thành nhân trước khi thành nghiệp…

– Dà không dám, thưa bác, cháu chỉ là…

Anh Ba chưa nói hết điều định nói, ông cử đã chắp tay xá xá đi ra…

o0o

Không khí trong phòng lặng ngắt. Ông Phó bảng Huy vẻ băn khoăn hỏi:

– Sao con vẫn còn quanh quẩn ở đây?

– Thưa cha, con sắp đi xa Tổ quốc. Con gặp cha lần này có lẽ… có lẽ… – Anh Ba rưng rưng nước mắt.

Ông Huy sắc mặt biến đổi, giọng hơi dịu:

– Con đi xuất dương đến nước nào?

– Dạ, con sang Pháp và có thể còn đi nhiều nước khác nữa để học hỏi…

– Đế quốc Pháp là kẻ thù của Việt Nam mình, sao con lại sang Pháp để mưu việc cứu nước?

– Dạ, thưa cha, con đã giãi bày với cha cái điều ấy từ hồi còn ở kinh đô Huế ạ.

– Bấy giờ con hãy còn thơ, vừa qua tuổi vị thành niên. Nay cha muốn biết được điều suy nghĩ của con ở tuổi hai mươi.

– Từ ngày con ngồi trên ghế trường Quốc học Huế, con học lịch sử nước Pháp, con chú ý nhiều về cuộc cách mạng 1789. Họ đã lật đổ chế độ vua quan phong kiến. Rồi con đọc sách, tìm thấy ở nước Pháp có tự do, bình đẳng, bác ái. Đặc biệt là coi trọng nhân quyền. Có tổ chức bảo vệ nhân quyền, gọi là Hội Nhân Quyền. Con muốn

được nhìn thấy tận mắt cái nước Pháp có nhân quyền lại vừa là nước Pháp đi xâm lược các nước nhỏ yếu khác.

Ông Phó bảng chống tay xuống thành ghế, bước đến bên con trai. Anh Ba đứng lên, môi anh mím mím, sợ bật lên tiếng khóc. Ông Phó bảng đưa vòng tay khoác vào cổ anh Ba và đứng tựa bên khung cửa sổ rợp bóng trúc xanh. Ông nói:

– Thành à! Bây giờ cha mới thực tin con quyết chí ra đi. Con đi vì một mục đích lớn. Con có thể thực hiện được cái điều mà cha và lớp người như cha phải bó tay. Con ơi! (Anh Ba níu chặt cánh tay cha. Nước mắt của hai cha con nhỏ xuống khung cửa). – ông nói, giọng đằm thắm: – Xưa nay cha vốn ít nói. Với các con, cha càng ít nói nữa. Cha chỉ nói khi thấy không nói không được. Lần này là lần đầu mà cũng có lẽ là lần chót cha nói nhiều với con. Bởi cha con mình gặp nhau lần này, chưa biết rồi đây còn có dịp được gặp lại nữa không? Con đi xa nước, xa cha. Sinh ly có khác gì tử biệt, con! Có khi "nỗi đau tử biệt không bằng sinh ly". Nhưng cha khóc lần này không chỉ vì đau buồn mà còn có phần tự hào về con nữa.

– Con biết, con đi xa, cha ở lại đây một mình…

– Đừng, con đừng nghĩ về cuộc sống của cha! – ông khoát tay, nói cao giọng. – Cha đang tự hào về chí lớn của con. Con phải gạt bỏ những tính toán bé nhỏ, tầm thường. Cha rất vui trong lòng về mục đích con đi tìm độc lập cho nước, tự do cho dân. Nhất là nhân quyền… Con nói tới hai tiếng ấy, cha nghe mà nao nao lòng! Cũng như vừa rồi, ông Diệp Văn Cương nói với cha lúc cùng ông Hồ Tá Bang ngoài Phan Thiết vô thăm các bằng hữu là: Hội Nhân Quyền bên Pháp đòi trả tự do cho ông Phan Chu Trinh. Cha lấy làm lạ vì những tên Pháp ở trên đất chúng ta thật đáng nguyền rủa, sao bên Pháp lại có nhân quyền, có Hội Nhân Quyền bênh vực cho cả người

nước thuộc địa của họ. Con đi sang bên đó coi thực sự có nhân quyền không.

– Con cũng rất ngờ về những "nhân quyền", "tự do", "bình đẳng", "bác ái"… e là những cái nhãn đẹp thôi, cha ạ!

– Có thể là như vậy. Ông Mạnh Tử nói: "'Dân vi quý, quân vi khinh" (95) cũng chỉ nói để mà nói chứ chẳng là sự thật ở trên đời này. Nhưng con phải ra thiên hạ xem xem. Cha gẫm thấy từ thuở lập quốc tới giờ ở đất nước mình có rất nhiều vị anh hùng dân tộc chống giặc ngoại xâm, cả nước vô cùng oanh liệt, mà chưa từng có một vị anh hùng nào vừa cứu được nước thoát vòng nô lệ vừa đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân.

– Quyền lợi nhân dân có phần trong quyền lợi của Tổ quốc rồi cha?

– Tổ quốc, nhân dân tuy một mà là hai, con ạ. Nước độc lập mà chắc gì dân có hạnh phúc, có cơm no, áo ấm hả con. (96)

Anh Ba chớp chớp mắt để lắng vào tâm hồn mình lời cha tâm sự. Ông Phó bảng vẫn nhìn ra vườn xanh phất phơ bóng trúc, giọng trầm trầm:

– Cha nói với con về bát cơm manh manh áo và địa vị làm người của lương dân là điều mà cha đã nghĩ nhiều về nó…

Ông nén tiếng thở dài và bá vai con cùng đi quanh phòng. Anh Ba nén xúc động trước cử chỉ đặc biệt của cha mà suốt cả quãng đời niên thiếu anh chưa từng được thấy. Cho nên, anh đi sóng bước với cha mà lòng lâng lâng nghe cha nói như đang trong một giấc mơ:

– Nhân dân ta có một đặc tính quý vô giá, con ạ. Kẻ ngoại bang kéo đến dù là Hán, là Đường, là Tống, là Nguyên, là Minh, là Thanh… bất kể chúng nó mạnh, chúng nó đông mức nào, dân ta vẫn không biết sợ mà lo sao có một đấng minh quân biết đưa họ đi dẹp giặc cứu nước. Một khi giặc ngoại xâm bị quét sạch ra khỏi bờ cõi, các triều đại vua quan muốn đối xử với bất kể chính sách gì, dân mình đều nghe theo. Sống có trên, có dưới một lòng. Cả những khi nước nhà gặp phải ông vua bạo ngược, hoang dâm vô độ, dân mình cũng chỉ có than thầm, oán trộm. Cốt giữ sao đừng để sơ hở cho kẻ thù bên ngoài lợi dụng nhảy vào cướp nước. Tổ quốc là tài sản thiêng liêng nhất của mọi người dân. Nhân dân mình trung hậu vậy đó. Nhưng nước mình ít có ông vua thương dân, dành cho dân một quyền sống xứng đáng. Lê Lợi, từ một người bình thường ở xứ Thanh, trước cảnh nước mất nhà tan, ngài đã phất cờ tụ nghĩa ở chốn Lam Sơn. Sau ngài vào đứng chân ở đất Nghệ. Dân ta đã từng phò đấng minh quân, nuôi nghĩa quân, một lòng một dạ kháng chiến cứu nước. Nhưng lấy lại được độc lập, Lê Lợi lên ngôi làm Lê Thái Tổ, còn dân ta trước sau vẫn là:

Muôn dân một lũ cơ hàn,

Vua ngồi chễm chệ ngai vàng hiếp dân.

Nếu có được ông vua nhân từ, thỉnh thoảng đi vi hành, ghé thăm nhà dân là quý lắm rồi. Nhưng con ơi: Vua đến nhà dân vua được tiếng, dân mất buổi cày.

Anh Ba rót nước mời cha. ông Phó bảng uống ngụm trà nóng, mắt ông hướng về anh Ba. Ông nói, vẻ mệt mỏi:

– Cha luôn ngẫm nghĩ đến những gì bất công, nhưng cha, không thể làm được gì hơn. Cha chỉ còn có mong ở con, trút hết nỗi lòng

với con như mẹ con đã bóc cái bánh trao tay con vậy. Cha yên tâm thấy con đã biết nhìn vào lịch sử của dân tộc, con biết nghĩ đến sự giải phóng nhân dân trong khi đi tìm đường cứu nước. Cha dặn thêm: Dân Nam ta sống nặng với nghĩa nước tình nhà. Cả làng chung nghe một tiếng trống đình: tiếng trống họp làng, tiếng trống thu thuế, tiếng trống tế thần, tiếng trống hộ đê, tiếng trống có cướp… Cả nhà ăn chung một nồi, đầu đũa chấm chung một bát nước chấm mặn, ngọt, cay, chua. Khi đi xa đất nước, con hãy nhớ hãy nghĩ về những điều bình thường ấy, con sẽ thấy trong tâm hồn mình cả một quê hương, cả một dân tộc… Thôi. Cha nói đã có phần nhiều lời, – ông đứng lên – mà cũng chỉ nói được với con lần này thôi. Từ nay con đi… đi vào tương lai. Cha từ đây thuộc về dĩ vãng (Anh Ba ôm mặt khóc). Đừng khóc lúc này, con! Phút quyết định đừng nhỏ lệ. Con nhìn cha xem. Mắt cha chỉ còn lại niềm tin đợi chờ nước độc lập, dân hạnh phúc. Đây – ông lấy cái ví lận trong lưng quần tai tượng. Ông nói, giọng khỏe: – Cha đinh ninh sẽ có một ngày con ra đi. Cha dành số tiền này để góp vào số lộ phí cho con lên đường. Số tiền tuy ít, nhưng là tiền cha ra vốn cho con… Sống phải có “tiền lưng gạo bị”, con ạ.

Anh Ba lau nước mắt, đỡ lấy tay cha. Anh thốt lên:

– Cha!

Ông Phó bảng ngăn lại:

– Đừng! Con đừng gọi cha lúc này! Con phải gọi: Tổ quốc! Đồng bào! Đi… đi con!

Những ngọn trúc quân tử ngoài vườn xanh gục đầu vào cửa sổ chiêm ngưỡng hai trái tim thương nước thương dân.

———

Chú thích:

(92) Chữ Hán có nghĩa là số chín

(93) Ý: lấy cái khổ cực để chăn giữ mình, khiêm tốn thì vinh quang, đức độ cao ắt lập được nghiệp lớn.

(94) Việc xây dựng sự nghiệp phải bắt đầu bằng sự rèn luyện bản thân mình.

(95) Dân là quý, vua là thường.

(96) Trong thư gửi cho các Ủy ban nhân dân, Hồ Chủ tịch viết: “Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì”. – “Những năm tháng không thể nào quên” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trang 80.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 6

Cảng Nhà Rồng mờ mờ ánh đèn. Đêm hè trải dài theo gió. Gió va vào những boong tàu, dây buồm, phát ra những âm thanh hiu hắt hòa trong tiếng sóng vỗ bờ. Mấy con thuyền câu, bè vó như những chấm đen trôi lững đững trên sông loang loáng ánh đêm. Từ bên Thủ Thiêm, những ngôi sao lạc kẻ từng đường sáng giữa mênh mông. Anh Ba ngồi kề vai với anh Tư Lê bên bờ sông. Họ im lặng nhìn xuống dòng sông. Anh Ba vẻ thận trọng hỏi Tư Lê:

– Anh Tư này. (Tư Lê xoay người nhìn vào mặt anh Ba). Anh có dám nghĩ đến việc đuổi Tây ra khỏi nước mình không?

– Tôi là người thợ. Nhà tôi có thù với chúng mà, anh Ba!

Hai người lại im lặng. Trước mặt họ một chân trời đen kịt. Anh Ba dè dặt hỏi:

– Anh có giữ kín được không?

– Kín chớ. Ơn sâu nghĩa nặng từ kinh đô Huế. Rượu thề kết nghĩa trên sông Phan Thiết, quên làm sao được anh Ba.

Bóng tối như loãng ra quanh hai người. Anh Ba thì thầm:

– Nỗi khổ của người dân mất nước, chúng mình đã từng tâm sự nhiều lần. Bây giờ… bây giờ mình đã quyết định đi ra nước ngoài… Mình muốn anh cùng đi.

Tư Lê hơi bối rối. Anh cầm bàn tay anh Ba:

– Đi tới đâu hả anh Ba?

– Sang Pháp và… đi tới các nước văn minh khác. Sau khi xem xét họ làm ăn thế nào, chúng mình trở về giúp đồng bào đuổi hết thực dân Pháp ra khỏi đất nước, giành độc lập, tự do…

Tư Lê băn khoăn:

– Đuổi Tây, giành độc lập tự do, sao chúng mình lại sang Tây?

– Tôi đọc báo, đọc sách của những người Pháp viết, họ bàn nhiều đến quyền tự do, bình đẳng, bác ái. Tôi nghĩ, quyền lợi tối cao của một dân tộc là độc lập, tự chủ. Quyền cơ bản nhất của con người ở trong xã hội là quyền tự do, bình đẳng giữa người với người. Tôi muốn sang Pháp để được nhìn tận mắt người dân Pháp họ sống thế nào, đằng sau những cái chữ tự do, bình đẳng, bác ái ẩn náu những gì. (97)

Anh Tư Lê do dự.

– Lấy tiền đâu mà đi và sang tận bên Tây lạ nước lạ cái sống bằng cách chi được, anh Ba?

– Đây – anh Ba giọng cương quyết, chìa hai tay ra giữa bóng đêm – tiền đây. Chúng ta sống bằng bàn tay, bằng cái đầu của chúng ta.

Anh Tư Lê thở dài:

– Tìm đường cứu nước, cứu dân, việc quá lớn. Đầu óc tôi mới được vài chữ anh vừa chia sớt cho. Đi sang bên đó họ văn minh, tôi

lĩnh hội hổng nổi, anh Ba ạ.

Hai người lại im lặng. Tiếng sóng thầm thì và tiếng đàn cò của ông già Đờn vắt qua sông, lan dài trong đêm xa mịt: … Kéo neo… kéo… neo… tàu chạy… Gạt… nước… mắt… tiễn… đưa… Thương người…người… đi muôn… trùng… sóng… vỗ…

o0o

Ngày 2 tháng 6 năm 1911.

Anh Ba mặc quần áo trắng, toát lên màu thanh khiết tóc rẽ đường ngôi bên phải, chải mượt, chân đi dép xăng-đan. Anh đi khoan thai xuống tàu Đô đốc La- tu-sơ Tơ-rê-vin.

Được sự giới thiệu của ông chủ sự cảng Nhà Rồng, anh Ba gặp viên thuyền trưởng. Thuyền trưởng Lu-i Ê- đu-a Mai-sen trạc tuổi gần bốn mươi, tiếp anh Ba dưới buồng khách của con tàu. Ông ta quan sát diện mạo anh Ba với một thái độ trọng nể. Ngay từ phút đầu, ông Mai-sen đã để ý tới đôi mắt to, dài và sáng của anh Ba. Ông chìa hai bàn tay ra trước mặt, nói:

– Ô! Nhìn anh, tôi ưa lắm, tốt lắm. Tiếc là trên con tàu của tôi không còn có loại công việc hợp với anh – Mai-sen lật lật quyển sổ nhân sự để trước mặt. Ông lại nhìn anh Ba, hỏi: – Anh biết đọc chữ Pháp chứ?

– Thưa ông Mai-sen, tôi đọc được ạ.

– Ồ…! Tốt, tốt lắm. – Mai-sen chỉ vào trang sổ nhân sự và nói bằng tiếng Pháp: – Đây. Anh xem, vừa mới sáng nay, tôi đã nhận thêm bốn người An-nam. Danh sách bốn người đây. – Mai-sen đọc

tên từng người: – Đặng Quang Giao, Lê Quang Chi, Nguyễn Tuân, Nguyễn Văn Tri.

Anh Ba chau mày, những ngón tay gõ gõ trên mặt bàn. Hai mắt anh Ba như phủ một lớp sương chiều. ông Mai-sen đọc được những băn khoăn trong đôi mắt anh Ba: – Tôi biết những người như anh muốn làm cánh chim bay trên những miền đất lạ. Tiếc là, trên con tàu của tôi chỉ còn cần một chân phụ bếp.

Hai mắt anh Ba bừng sáng:

– Thưa ông Mai-sen, tôi đề nghị ông nhận tôi vào chân phụ bếp ấy.

– Ồ…! – Mai-sen nhìn anh Ba, hơi ngờ vực. – Một thư sinh như anh chịu không nổi đâu. Công việc làm bếp ở con tàu này rất nặng nhọc. Hằng ngày phải lo những bữa ăn cho cả trăm người với nhiều khẩu phần khác nhau; riêng hành khách có vé hạng nhất đã bốn mươi người.

Anh Ba chìa hai bàn tay ra trước ông Mai-sen:

– Ông xem những vết chai sạn trên bàn tay của tôi.

Mai-sen cầm lấy bàn tay anh Ba ngắm, mỉm cười:

– Người phương Tây chúng tôi rất tin khoa xem tướng bàn tay. Tôi không sành bói toán, nhưng bàn tay anh ngón thon dài thế này thì viết chữ đẹp, có năng khiếu mỹ thuật và âm nhạc. Anh được cả hai cái lớn: con mắt và bàn tay. Tôi biết một câu rất hay mà người An-nam hay dùng: “Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay”.

– Ông đã xem tướng tôi, ông có tin là tôi làm được phụ bếp không?

– Tôi muốn nhận anh vào một công việc hợp với khả năng của anh, ít ra cũng là một chân thư ký trên con tàu của tôi. Để anh giữ chân phụ bếp, phí quá – ông ta hạ giọng: – Thôi được, từ ngày mai – Ông ta nhìn lên tấm lịch – ngày mai là mồng 3 tháng 6, anh xuống tàu nhận việc. Tôi sẽ báo cho ông quản bếp để tiếp nhận anh đúng 8 giờ sáng mai. Tháng đầu tiên này tôi tạm cấp lương cho anh là 45 phơ-răng. Được chứ?

Anh Ba cười:

– Tôi sẽ làm việc xứng đáng với sự tin dùng của ông.

Ông Mai-sen còn đưa cho anh Ba một tấm thiếp in hình con tàu rẽ sóng đại dương, có chữ ký của ông, và một cuốn sách mỏng, cỡ bỏ túi, ngoài bìa cũng có hình con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin. Ông dặn cẩn thận:

– Anh giữ cái các (98) để tiện việc lúc lên bến, lúc xuống tàu. Cuốn sách nhỏ này giúp anh hiểu về hãng Sác-giơ Rê-uy-ni và con tàu của chúng tôi hoạt động như thế nào…

Rời con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin, trên đường về xóm, anh Ba vừa đi vừa xem tập sách nhỏ của ông Mai-sen đưa. Anh đọc nhẩm: Tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin thuộc hãng tàu Sác-giơ Rê-uy-ni. Con tàu này thuộc loại lớn nhất của hãng và cũng là tàu có cỡ của đầu thế kỷ 20. Chiều dài của con tàu: 120 mét 10, rộng 15 mét 20, trọng tải là 5.572 tấn, chạy bằng máy hơi nước với 2.800 sức ngựa. Tàu có thể chạy một mạch những 12.000 hải lý, không cần phải ghé bến. Trong lòng con tàu được thiết kế hiện đại, tiện nghi.

Đáy tàu là một bể chứa nước ngọt, tới 900 tấn. Có hầm chứa than: 150 tấn. Tầng trên của con tàu là các buồng làm việc, nghỉ ngơi, phòng giải trí vui chơi của các sĩ quan và thủy thủ. Tiếp đến là dãy phòng đủ cho bốn chục khách đi vé hạng nhất. Ở giữa khoang tàu, phần dưới cùng là ba nồi hơi lớn, các cỗ máy lớn và bếp nấu, nơi nghỉ của các người làm bếp, bồi bàn… Xem đến trang giới thiệu về khu vực nhà bếp, anh Ba mỉm cười: mình sẽ được làm bạn với Táo quân.

———

Chú thích:

(97) Trang 14, sách “Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp”, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, NXB Sự thật in: “…Vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái. Thế là tôi muốn làm quên với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy”.

(98) Tấm thiếp.

BÚP SEN XANH

Sơn Tùng
www.dtv-ebook.com

Chương III - Tuổi Hai Mươi - Phần 7

Ut Huệ ngồi bên bậc cửa vá áo, đầu nghiêng nghiêng. Một giọt nắng lọt qua mái nhà thủng, đậu trên tóc và chảy sáng xuống gò má. Hai lọn tóc mai dài xuống quá đuôi mắt. Hai con mắt to, dài, đen láy ấp ủ một nỗi buồn sâu kín, cặp môi tươi như một cánh hoa nở dưới cái mũi dọc dừa. Cả gương mặt Út Huệ như một hòn ngọc sáng.

Út Huệ tay lảy kim trên miếng vá của tấm áo anh Ba, lòng thẫn thờ, thầm nghĩ: Mấy hôm nay anh Ba hơi khang khác với mọi ngày. Anh trầm lặng, không còn vui tính khơi lên cho anh em trong nhà những trận cười phải ôm lấy bụng. Hằng ngày ảnh ăn rất ít, không còn giữ mức mỗi bữa ba bát nữa. Ảnh ăn không được, mình làm thêm món để ảnh ăn ngon miệng, ảnh lại gắp chia đều lên bát cho từng người. Đêm nào ảnh cũng thì thầm với ba, với anh Tư cho mãi tới khuya. Hình như ảnh không nói những chuyện gì đó với các anh Sáu Đen, Chín Mập. Ảnh cũng giữ kín cả với mình. Mà cũng phải thôi, mình là phận gái…

Đang mải nghĩ, nghe tiếng chân anh Ba ở ngoài cảng đi về, Út Huệ giật mình đặt vội tấm áo xuống đầu gối, ngước nhìn anh Ba, mỉm cười, đon đả:

– Anh đã về. Em ngỡ anh về muộn nên chưa soạn cơm nước chi cả.

– Nấu muộn một tí đợi anh em về đông đủ cùng ăn nóng, càng tốt, cô Út ạ.

Anh Ba vẻ mặt buồn buồn, ngồi xuống sập gỗ.

Bàn chân anh miết qua miết lại trên nền nhà, giọng nói không tự nhiên:

– Có một việc riêng, hôm nay tôi mới có dịp nói với cô Út.

Hai má Út Huệ ửng đỏ, mắt chớp chớp, môi mấp máy, hai lúm đồng tiền ẩn hiện trên má. Cô ngước nhìn thoáng anh Ba, cúi xuống liền, nói hơi run:

– Có điều chi anh Ba thấy cần dạy bảo em, em…

– Ấy chết! Chuyện riêng của tôi chứ đâu dám “dạy bảo” gì, hở cô Út?

Út Huệ đã bình tĩnh hơn:

– Anh đã tin em, anh cứ nói ra. Dù có quá sức em, em cũng ráng giúp anh.

Anh Ba nhìn ra xa, giọng trầm trầm:

– Tôi không ở đây nữa… Mai sớm, tôi… đi… xa…

Út Huệ rùng mình. Cái kim trên tay tuột xuống nền nhà. Cô bối rối, tay run run nhặt cây kim lên, môi mim mím. Hai người như bị hẫng, ngồi im lặng. Út Huệ nói, giọng nghèn nghẹn:

– Sao anh không ở đây nữa với ba em, với anh Tư…?… Mà anh đi mãi đâu, có vẻ hệ trọng vậy ạ?

– Tôi đi… xa lắm… đi khỏi nước mình, cô Út ạ. – Anh chùng giọng:- Ai mà chẳng muốn có một cuộc sống êm đềm bên cạnh những người thân yêu. Nhưng, tình cảnh nước mình, tôi không thể ngồi yên một chỗ, xây dựng cho riêng mình một tổ ấm được.

– Anh đi chừng bao lâu thì anh trở về đây?

– Cô Út! Ngày trở về, – anh Ba nói – cô Út hiểu thấu cho: ngày về của tôi xa mù mịt, tôi cũng chẳng định liệu trước được.

Út Huệ nắm chặt tấm áo vá trong tay mình, nén tiếng khóc từ trong cổ họng. Cô định nói thêm, nhưng tiếng ông già Đờn đã oang oang ngoài đầu ngõ hẻm. Chưa vào nhà, ông già đã hỏi con gái:

– Đã có đồ nhậu tối nay chưa, Út?

Út Huệ giấu mặt buồn, cúi xuống tấm áo vá, thưa:

– Dạ… Con chưa ra chợ, ba ạ.

Thấy anh Ba đã về đang ngồi trên sập giữa nhà, ông già vui vẻ:

– Ồ thầy cháu về rồi à?

– Cháu cũng vừa về được một lúc chú ạ. Mấy ảnh sao chưa về chú?

– Bọn nó biểu, mai sớm cháu đi, bọn nó ghé tiệm mua đồ nhậu, thức suốt đêm nay với cháu mà.

Ông già dặn nhỏ con gái, giọng bồi hồi:

– Út à. Anh Ba mầy hổng còn ở lại đây nữa. Ảnh đi vượt vời sang tận các nước Âu Mỹ kia. Mơi anh mầy đã đi sớm. Con ra chợ mua

cái ăn, mua những thứ ngon, mắc mấy cũng được, ăn với nhau bữa cơm cuối cùng mà…

Út Huệ mím mím môi, cắn vội sợi chỉ, trao cái áo đã vá lành cho anh Ba, nói lảng:

– Những đường kim về sau vì vội nên không được đều anh vui lòng, nghe.

– Trời đất, cô Út cẩn thận quá. Cảm ơn cô Út.

Út Huệ sập rèm mi ướt, giọng nói đượm chút dỗi:

– Vá miếng áo có là chi đâu mà anh Ba cảm ơn em.

Anh Ba cười. Ông già Đờn dặn thêm con gái:

– Con nhớ mua một miếng thịt heo nạc, rặt nạc, nghe hông. Rồi mua dừa lấy nước kho với thịt. Kho thiệt khô. Nhớ mua nước mắm hạng nhất kho thịt mới để được lâu. Con cũng đừng mua gạo thường, mua gạo nàng thơm nắm mới dẻo.

Ông ngồi bên cạnh anh Ba, ngậm cái tẩu thuốc, mắt ông mơ màng bóng khói:

– Bước chân xuống tàu có lẽ là phải ăn cơm Tây rồi. Cháu chịu khổ mang cơm nắm theo. Chú nghĩ chắc còn lâu lắm cháu mới được ăn cơm trên đất quê mình. Hạt gạo, củ khoai, con cá, lá rau, quả cà, trái ớt, chút nước mắm, tí dấm… những món ăn của quê mình bình thường vậy mà thiếu nó ta không chịu nổi!

– Cảm ơn chú. Chú và cô Út đã săn sóc cháu nhiều mà cháu chưa đền đáp được gì!

– Đừng, cháu đừng nghĩ vậy. Cháu sắp rời xứ sở, hãy nghĩ về chặng đường phía trước…

o0o

Bóng tối trùm xuống xóm thợ. Những tiếng rao đêm lang thang trong ngõ hẻm. Tiếng chửi rủa của bà già, tiếng khóc gào than vãn, tiếng quát tháo của người say rượu và bao nhiêu thứ tiếng ồn ào hỗn độn dấy lên trong đêm như biển động.

Không khí trong nhà ông già Đờn cũng đang như trước giờ cơn bão đến.

Hai chiếc chiếu trải rộng giữa nhà. Một mâm thức ăn đầy ngộn đặt giữa chiếu. Ông già Đờn ngồi sát anh Ba. Anh Tư Lê, Chín Mập, Sáu Đen ngồi vòng tròn quanh mâm. Người nào cũng đăm chiêu, ít nói. Họ uống rượu từng tợp đủ thấm môi, không như mọi ngày, tu một người hết cả chén. Chẳng mấy ai cầm đũa nhắm. Người nào cũng luôn luôn trăn trở thế ngồi. Không khí trầm lặng kéo dài. Anh Ba định kể một câu chuyện vui vui thì Tư Lê ca bài Nam ai, buồn xé ruột. Tiếp đến Chín Mập hát bài Lý chiều chiều, Sáu Đen hát tích Nguyệt Nga cống Hồ. Hát xong, Sáu Đen nài nỉ anh Ba hát giặm Nghệ Tĩnh. Anh Ba vẻ lúng túng. Ông già Đờn đỡ lời:

– Cuộc vui đêm nay tiễn thằng Ba đi, tụi bây và tao phải làm hết mọi chuyện, đừng để thằng Ba nó phải dính vô một việc chi, nghe hông. – ông già so dây đàn: – Bữa nay tiễn Ba nó đi Tây, tao cho tui bây nghe trọn cả bài “ca lòng” của tao.

Nước mắt ông già rơm rớm, giọng ông buồn buồn:

Một… mối… tình… câm

Tình câm… một.. mối

Chàng… đã… ra… đi…

Chẳng nói lời… chi

Ôi cảnh… biệt… ly…

Thiếp ngóng…. theo… chàng…

Sông nước… mênh… mang…

Kéo neo… tàu… chạy…

Nước… mắt… tiễn…đưa…

Chàng đi… chàng đi…

Muôn trùng… sóng vỗ…

Thiếp giữ… tình câm…

Tình câm… theo… chàng…

Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập đều ngồi xo ro gục trên cánh tay và mỗi người đuổi theo một kỷ niệm của riêng mình.

Anh Ba chống tay đỡ cằm, máng tóc dày đổ xuống trán, mắt anh hướng vào một điểm sáng tụ dưới chiếu, nhưng trong đầu anh hiện lên lớp lớp những gương mặt thân yêu mà anh đã ghi nhớ từ tuổi ấu thơ. Cả hình ảnh các ông già mù hát dạo ở quê hương, ở Huế, ở Phan Thiết cũng hiện lên trong đầu anh. Và bao nhiêu bài ca anh đã từng nghe cũng đang văng vẳng giữa tâm hồn anh: Nước Nam ta sao lại có Tây?…

Út Huệ một mình một đèn, nước mắt giọt ngắn giọt dài tại buồng trong. Hai bàn tay Huệ vắt, nắm, vỗ vỗ nắm cơm gạo nàng thơm dẻo quẹo. Đặt nắm cơm vào tấm bẹ cau trắng mịn như lụa, Huệ ngồi thừ nhìn không chớp mắt. Tiếng đàn ca phòng ngoài vọng vào, cô chẳng để vào tai mình. Cô mở hòm lấy quyển vở, lật lật từng trang, nói thầm: Chữ anh Ba dạy cho mình. Anh Ba đã cầm tay tập cho mình viết. Sao anh Ba không ở lại đây mãi mãi? Lúc nào anh Ba cũng nói "cứu nước, thương đồng bào mình sống cực"!

Tiếng còi tàu chở khách sang Thủ Thiêm kéo một hồi dài. Út Huệ giật mình và chợt nhớ đã sáng đêm. Út Huệ cầm tấm khăn rằn của anh Ba mua dạo nọ, lau nước mắt. Bỗng Huệ nhớ hồi nhỏ Huệ được nghe mẹ ru:

Khăn thương nhớ ai mà khăn rơi xuống đất,

Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt,

Mắt thương nhớ ai mà mắt không khô…

Út Huệ trùm khăn đi ra cửa. Trời còn nhá nhem. Sương mù giăng trên nóc nhà xóm thợ. Út Huệ lại quay vào buồng, nhìn ngọn đèn, nói: Mình thương thầm ảnh. Giờ ảnh đi xa. Đi sang Tây. Mình có nên nói với ảnh cái điều dớ dẩn của mình nghĩ không? Ôi! Ai lại ngược đời đời vậy bao giờ? Mình là con gái kia mà. Nhưng, ảnh ra đi liệu ảnh có đoán biết được cái điều mình nghĩ về ảnh không? Đèn ơi! Nếu anh Ba không biết điều ấy thì đèn chứng cho tấm lòng Út Huệ này nhé. Ôi! Một người mà ai cũng yêu mến…

o0o

Sáng ngày Năm, tháng Sáu, năm Một ngàn chín trăm mười một. Sương sớm phủ nóc Nhà Rồng. Dòng sông Sài Gòn cong vòng như lưng người già đã trải qua nhiều khúc đường đời khổ ải.

Trời ngả màu chì.

Cơn mưa đen tháng sáu dấy lên.

Từ trong ngõ hẻm, anh Ba bước từng bước ung dung, mắt nhìn thẳng phía trước. Đi bên anh là ông già Đờn. Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập đi sát phía sau. Út Huệ đi sau cùng.

Con đường hẻm dài hun hút. Họ im lặng đi. Sắp đến lối rẽ vào bến cảng, họ đi chậm bước, mắt hướng ra phía những con tàu đang xả khói đen đục. Và trong mắt họ có cái ảo giác cả đất trời tròng trành, thành phố Sài Gòn chao đưa.

Anh Ba khựng bước. Anh ôm chầm lấy người ông già Đờn:

– Chú Út ơi! Các anh ơi! Út Huệ ạ – Anh nhìn vào mắt những người thợ thuyền trao gửi niềm tin. – Nước mình, dân mình sẽ không cam chịu cảnh ngựa trâu nầy mãi được. Phải xóa bỏ kiếp nô lệ và nhất định đời thợ chúng ta sẽ đổi khác… Chúng ta tin ở tương lai, tin vào tiền đồ dân tộc…

Ông già Đờn ôm chặt lấy hai vai anh Ba, lắc mạnh:

– Ba! Chú tin… rất tin ở lời cháu vừa nói và càng tin sự quyết chí ra đi vì nước vì dân của cháu. Chúc cháu đi được trơn bọt lọt lạch, chân cứng đá mềm!

Ông ôm chặt anh Ba vào ngực mình, bộ tóc muối tiêu của ông xõa rộng xuống vai anh. Rời ông già Đờn, anh Ba bước đến với ba

người thợ trẻ. Tư Lê cầm chặt tay anh Ba, giọng nghẹn ngào:

– Tôi không cùng đi với anh được, nhưng cái bụng của tôi mãi mãi ở bên anh. Ở lại bến cảng này, tôi sẽ làm việc và sống theo như anh đã bày biểu, căn dặn.

Sáu Đen, Chín Mập, hai người cầm hai tay anh Ba nhìn nhau. Và lần đầu tiên anh Ba thấy ở mắt hai người thợ "có đá trong đầu" này rơm rớm lệ. Hai người cùng nói một lúc:

– Anh Ba ơi! Anh đi, để lại trong mắt chúng tôi cái chữ…

Anh Ba chợt nhìn sang út Huệ thì ông già Đờn giục con gái:

– Út! Con đi với anh Ba một quãng đường nữa…

Gió cửa sông thổi giục từng cơn. Anh Bạ chắp tay giơ cao xá xá ông già Đờn và các bạn đang quay bước trên đường về.

Anh Ba im lặng đi bên Út Huệ. Mắt Út Huệ luôn luôn nhìn về hướng con tàu rồi liếc nhìn anh Ba. Chưa bao giờ Út Huệ thấy anh Ba đẹp trai như lúc này. Cô lâng lâng như đang ở trong mơ và thấy anh Ba là chàng hoàng tử trong truyện cổ tích…

Anh Ba bất chợt nhìn Út Huệ, nhìn con tàu. Anh rùng mình. Một luồng giá lạnh từ đỉnh đâu xuống gan bàn chân như phân chia con người anh làm hai. Anh dừng lại:

– Sắp hết giờ lên tàu rồi. Út… đi với tôi, đến đây là… Út về kẻo…

Út Huệ vẫn ôm trên tay mình cái gói nho nhỏ, mắt chớp chớp nhìn vào mắt anh Ba. Tiếng Út Huệ nhẹ như gió thoảng:

– Em muốn nói với anh… chỉ sợ… anh cười em!

– Ấy! Đến giờ này mà Út còn chưa thiệt tin tôi?

Út Huệ bối rối. Cái gói cầm trên tay cứ trao qua trao lại, nhưng Huệ vẫn hết nhìn con tàu đang xả khói lại nhìn anh Ba.

Giọng út Huệ bồi hồi:

– Anh nói đi anh!

Anh Ba lúng túng:

– Điều nói được, tôi đã nói với Huệ từ hôm qua rồi.

– Lúc này khác với ngày hôm qua. Em muốn được nghe anh nói với em một tiếng giữa phút giây nầy, anh Ba ạ!

– Hôm qua, hôm nay và mãi mãi tôi nhớ tấm lòng của Huệ cũng như bao nhiêu tấm lòng vàng khác đã cứu giúp tôi trong những phen hoạn nạn, lúc sẩy nhà ra thất nghiệp.

– Anh Ba luôn luôn nhớ đến những người có lòng tốt với mình, nhưng anh có biết người khác nhớ anh đến cháy ruột cháy gan không? – Út Huệ nghẹn ngào nói.

Anh Ba sững sờ… Út Huệ biết mình đã buột miệng lỡ lời vội nói khỏa lấp:

– Em biết anh là con chim bằng, chiếc lồng son không thể nào nhốt được.

Anh Ba nhấn từng tiếng chắc và ấm:

– Phải có tự do! Huệ ạ, Tổ quốc ta, nhân dân ta phải có độc lập tự do chứ không thể nô lệ mãi được!

– Ước mơ ấy, khát vọng ấy liệu có thành sự thật ở quê mình không anh?

– Vì mất nước mà phải lìa nhà. Nếu không tìm ra phương kế giành lại độc lập cho nước, hạnh phúc cho dân thì tôi không về mà cũng chẳng ai mong đợi làm gì!

Út Huệ run run, cái gói trên tay như muốn rơi xuống, nước mắt giàn giụa:

– Anh! Cơm nắm. Em nấu cho anh bữa cơm cuối cùng nầy. Cầm lấy anh! Đi đi… anh!

Anh Ba đỡ gói cơm trên tay Huệ. Một tiếng gọi lẫn trong tiếng khóc bật ra từ trái tim người con gái Sài Gòn:

– Anh Ba! Em…

Út Huệ ôm mặt chạy trở về. Anh Ba cầm nắm cơm trong tay. Âm thanh thành phố Sài Gòn đổ dồn xuống cửa sông như trùm lấy anh. Anh nghe tiếng còi tàu nhọn hoắt khoan vào không gian nhức nhối. Anh bước sải dài, vội vã xuống tàu. Gương mặt người con gái Sài Gòn chập chờn trước mắt anh như một búp sen quê hương. Và cả khuôn mặt Việt Nam choán lấy trái tim anh!

Út Huệ lại quay lại chạy theo xuống bến tàu.

Con tàu chở anh Ba mờ mờ phía chân trời. Lê Thị Huệ chắp tay trên ngực nhìn theo, khấn trước đất trời:

Sông ơi!

Đừng mọc đá ngầm…

Biển ơi!

Đừng dựng sóng dữ…

Anh đi thuận gió xuôi buồm…

Hỡi những phương trời xa lạ…

Hãy đón lấy Anh…

Một chàng trai nước Việt…

Anh là của Nước của Dân…

Tất cả đợi Anh về…

Ngõ Văn, ngày 23 tháng 8 năm 1981